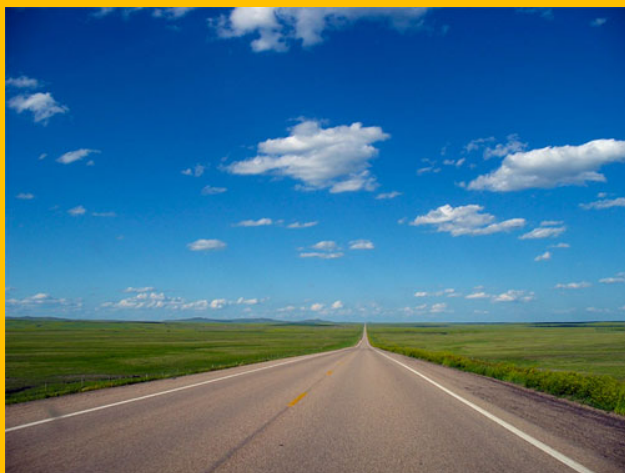


KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

GIẢNG GIẢI

TẬP 10



HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ

KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

Hán dịch : Sa môn Thật Xoa Nan Đà
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tập 10

Hòa Thượng **TUYÊN HOÁ**

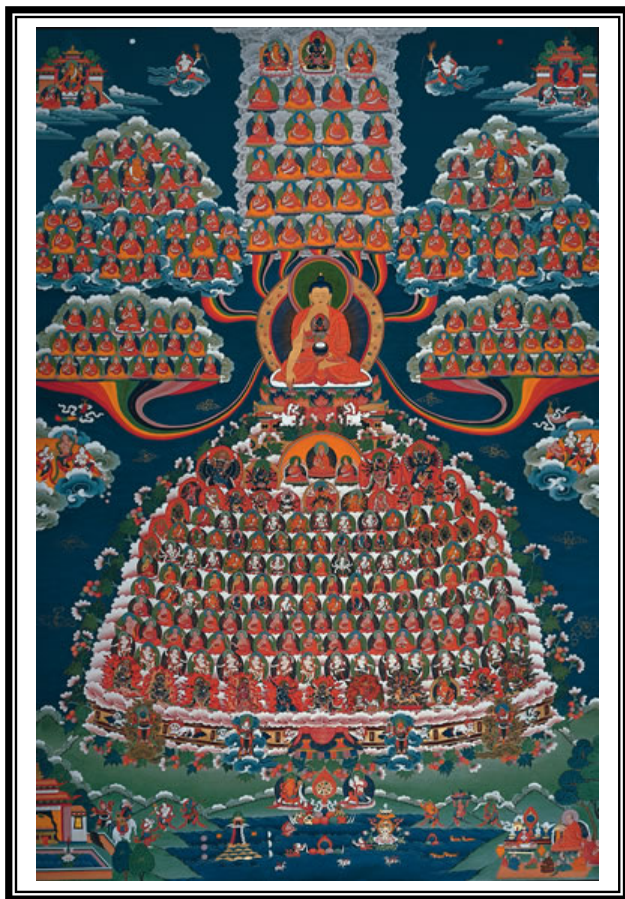
Giảng giải



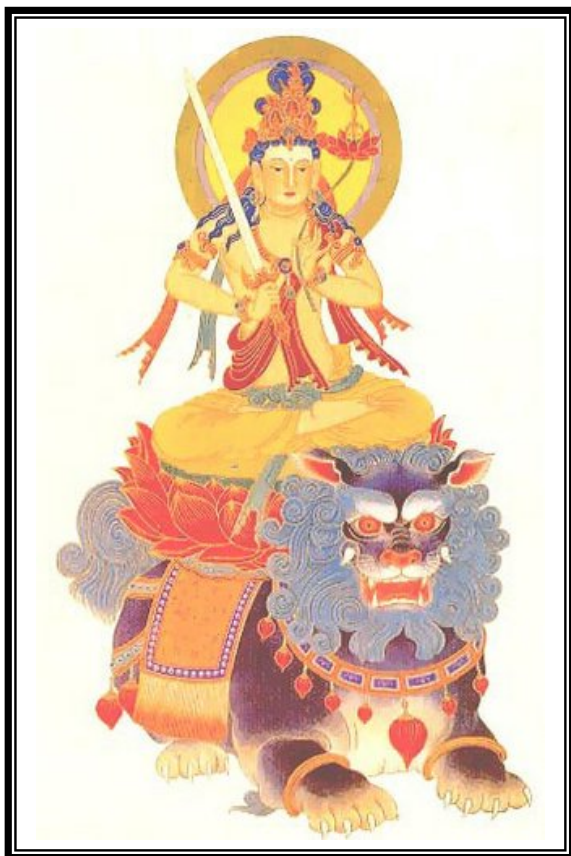
Chùa/Pagode Kim Quang
75 Allée Circulaire
93600 Aulnay Sous Bois-France
Tel./Fax : 01.48.69.01.24
e-mail : kimquangtu@hotmail.com
website: chuakimquang.com



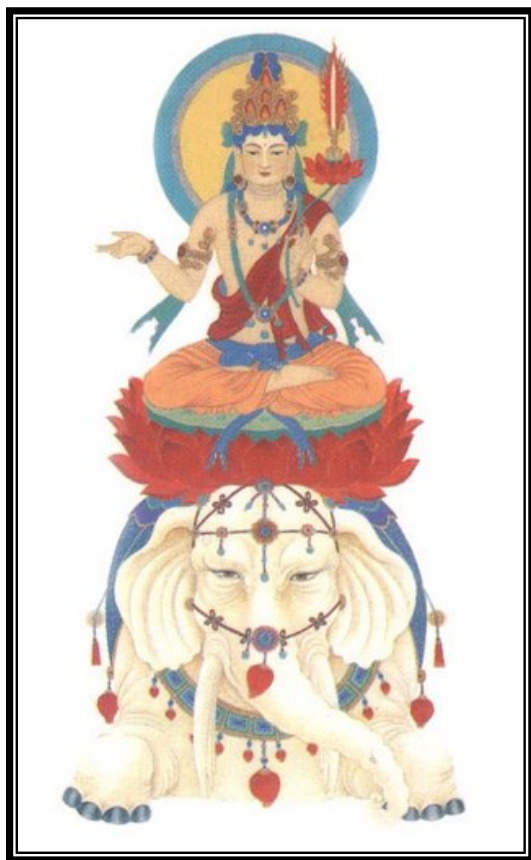
NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT



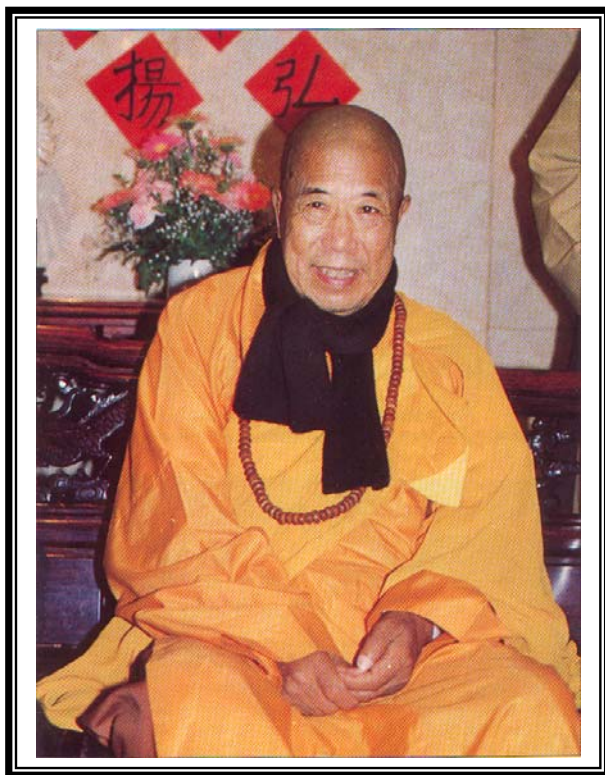
NAM MÔ THANH TỊNH ĐẠI HẢI CHÚNG
HỘI THƯỢNG PHẬT BỒ TÁT



NAM MÔ ĐẠI TRÍ VĂN THÙ SƯ LỢI BÒ TÁT



NAM MÔ ĐẠI HẠNH PHỔ HIỀN BỒ TÁT



HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ

Nội dung

QUYỀN MƯỜI TÁM

Phẩm Minh Pháp thứ mười tám.....	9
Phẩm thăng lên cung trời Dạ Ma thứ mười chín.....	111

QUYỀN MƯỜI CHÍN

Phẩm kệ khen ngợi trong cung Dạ Ma thứ hai mươi.....	124
Phẩm Thập Hạnh thứ hai mươi một.....	186



KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

Hán dịch : Sa môn Thật Xoa Nan Đà
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định
Hoà thượng Tuyên Hoá giảng giải

QUYÊN MƯỜI TÁM

PHẨM MINH PHÁP THỨ MƯỜI TÁM

Minh pháp là gì ? Minh tức là minh bạch, pháp tức là Phật pháp. Muốn minh bạch chân lý của Phật pháp. Minh có đủ thứ minh, pháp có đủ thứ pháp. Minh bạch một pháp, mà chẳng minh bạch nhiều pháp, thì chẳng thể gọi là minh. Phải minh bạch tất cả pháp, thì mới gọi là minh. Phật pháp có tám vạn bốn ngàn pháp môn, đều phải thông đạt vô ngại, phải minh bạch bản thể của pháp cứu kính là gì ? Tức cũng là vào sâu tạng kinh, trí huệ như biển. Cho nên gọi là Phẩm Minh Pháp. Phẩm này là phẩm thứ mười tám của kinh Hoa Nghiêm.

Nghĩa lý của kinh Hoa Nghiêm, một phẩm so với một phẩm tinh hơn, một phẩm so với một phẩm thâm áo hơn, một phẩm so với một phẩm thù thắng hơn, thật là diệu không thể tả. Chúng ta nghiên cứu kinh Hoa Nghiêm, thì phải minh bạch đạo lý thật tướng của các pháp. Phải thấu hiểu nghĩa lý nhất chân pháp giới.

Bấy giờ, Bồ Tát Tinh Tấn Huệ bạch Bồ Tát Pháp Huệ rằng: Phật tử ! Đại Bồ Tát ban đầu phát tâm cầu nhất thiết trí, thành tựu vô lượng công đức như vậy.

Lúc đó, có vị đại Bồ Tát Tinh Tấn Huệ, Ngài siêng tu tinh tấn, chẳng có lúc nào mà không tinh tấn, Do đó : "Ngày đêm sáu thời siêng tinh tấn." Ngài siêng tu giới định huệ, đây là thân tinh tấn; diệt trừ tham sân si, đây là tâm tinh tấn. Vị đại Bồ Tát này nói với đại Bồ Tát Pháp Huệ rằng: "Phật tử ! Đại Bồ Tát trong Bồ Tát, lúc ban đầu phát tâm cầu nhất thiết trí huệ, hành đạo Bồ Tát, tâm đó hay thành tựu vô lượng công đức như đã nói ở trước."

Đủ đầy trang nghiêm. Thăng lên tất cả trí thừa. Nhập vào chánh vị Bồ Tát. Xả bỏ các pháp thế gian. Đắc được pháp xuất thế của Phật. Quá khứ vị lai hiện tại chư Phật nhiếp thọ. Quyết định đạt đến nơi cứu kính vô thượng bồ đề.

Ngài đầy đủ trang nghiêm rộng lớn. Thăng đến tất cả thừa môn trí huệ. Nhập vào quả vị chân chánh Bồ Tát. Xả bỏ pháp hữu vi thế gian, chẳng tham danh thế gian, cũng chẳng chấp trước lợi thế gian. Tức là "Tài sắc danh thực thù," sự vui năm dục này đều chẳng tham cầu; "Sắc thanh hương vị xúc," năm trần cảnh này đều xả lìa được. Lại đắc được pháp xuất thế của Phật, tức cũng là pháp môn

ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Gì là ba mươi bảy phẩm trợ đạo ?

1). Bốn niệm xứ: Quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã.

2). Bốn chánh cần: Chưa sinh thiện thì khiến cho sinh; đã sinh thiện thì khiến cho tăng trưởng; chưa sinh ác thì đừng sinh, đã sinh ác thì khiến cho dứt trừ.

3). Bốn như ý túc: Dục, niệm, tấn, huệ.

4). Năm căn: Tin, tấn, niệm, định, huệ.

5). Năm lực: Năm căn sinh ra năm lực.

6). Bảy giác phần: Chọn pháp, tinh tấn, hỷ, trừ, xả, định, niệm.

7). Tám chánh đạo: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh mạng, chánh nghiệp, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Bảy hạng này hợp lại là ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

Còn có pháp bốn đế của hàng Thanh Văn tu, tức là: Khổ, tập, diệt, đạo. Mười hai nhân duyên của hàng Duyên Giác tu, tức là: Vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử. Pháp lục độ của Bồ Tát tu hành, tức là: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ. Đây tức là pháp hữu vi. Quá khứ, vi lai, hiện tại, ba đời tất cả chư Phật đều dùng trí huệ quang minh để nhiếp thọ đại Bồ Tát ban đầu phát tâm bồ đề, quyết định sẽ đạt được quả vị cứu kính Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Các Bồ Tát đó ở trong Phật giáo tu tập như thế nào ? Khiến cho các Như Lai đều sinh hoan hỷ. Nhập vào nơi trụ xứ của

các Bồ Tát. Tất cả đại hạnh đều được thanh tịnh. Hết thảy đại nguyện đều khiến cho đầy đủ. Đắc được tạng rộng lớn của các Bồ Tát. Tùy chúng sinh đáng giáo hóa được, thường vì họ nói pháp. Luôn luôn chẳng bỏ hạnh Ba La Mật. Sở niệm chúng sinh đều khiến cho được độ. Tiếp nối giống Tam Bảo khiến cho chẳng đoạn tuyệt. Căn lành phương tiện thảy đều chẳng hư.

Bồ Tát Tinh Tấn Huệ lại hỏi Bồ Tát Pháp Huệ mười vấn đề: Đại Bồ Tát ban đầu phát tâm bồ đề, ở trong sự giáo hóa của Phật, làm thế nào để tu tập ?

1). Làm thế nào khiến cho mười phương chư Phật đều sinh đại hoan hỷ ?

2). Làm thế nào nhập vào được địa vị của Bồ Tát trụ?

3). Làm thế nào tu tất cả đại hạnh môn đều được thanh tịnh ?

4). Làm thế nào khiến cho đại nguyện phát ra đều được đầy đủ ?

5). Làm thế nào đắc được tạng công đức rộng lớn của Bồ Tát thành tựu ?

6). Làm thế nào để tùy thuận chúng sinh đáng được giáo hóa để vì họ nói pháp ? Do đó: “Vì người thí giáo, theo bệnh cho thuốc.”

7). Làm thế nào luôn luôn tu hành hạnh Ba La Mật ?

8). Làm thế nào khiến cho sở niệm tất cả chúng sinh đều được độ thoát ?

9). Làm thế nào tiếp nối hạt giống Tam Bảo liên tục chẳng đoạn tuyệt ?

10). Làm thế nào khiến cho chúng sinh đắc được căn lành và pháp môn phương tiện đều hợp với chỗ tốt mà chẳng hư.

Phật tử ! Các Bồ Tát đó dùng phương tiện gì, mà khiến cho pháp này sẽ được viên mãn? Xin thương xót, vì tôi mà nói. Đại chúng trong hội này thấy đều muốn nghe.

Bồ Tát Tinh Tấn Huệ lại gọi một tiếng Phật tử ! Bồ Tát ban đầu phát tâm bồ đề, dùng pháp môn phương tiện gì để tu hành ? Hay khiến cho đủ thứ pháp lập tức đắc được viên mãn thành tựu ? Hy vọng Ngài (Bồ Tát Pháp Huệ) từ bi thương xót, vì tôi (Bồ Tát Tinh Tấn Huệ) diễn nói làm thế nào mà tu hành ? Chẳng những tôi muốn nghe pháp, mà hết thấy đại chúng trong pháp hội Hoa Nghiêm, đều hoan hỷ lắng nghe diệu pháp của Ngài nói, chẳng có vị nào mà không muốn nghe, đều đang rửa tai lắng nghe.

Lại nữa, như các đại Bồ Tát thường siêng năng tu tập, thì diệt trừ tất cả vô minh đen tối. Hàng phục ma oán, chế ngự các ngoại đạo. Vĩnh viễn quét sạch tất cả

phiền não tâm do bản. Tất sẽ thành tựu tất cả căn lành. Vĩnh viễn thoát khỏi tất cả đường ác các nạn. Tịnh trị tất cả cảnh giới đại trí. Thành tựu tất cả các bậc của Bồ Tát, các Ba La Mật, tổng trì, tam muội, sáu thông, ba minh, bốn vô sở úy, công đức thanh tịnh.

Và kế tiếp, giống như đại Bồ Tát trong Bồ Tát phát tâm bồ đề, các Ngài luôn luôn siêng năng tu tập. Hay diệt trừ tất cả vô minh đen tối, đắc được trí huệ quang minh. Hay hàng phục tất cả thiên ma chướng đạo và oan gia cừu hận. Hay chế ngự tất cả tà luận ngoại đạo. Hay vĩnh viễn rửa sạch phiền não do bản trong tâm. Hay thành tựu tất cả căn lành. Hay vĩnh viễn thoát khỏi ba đường ác và các tai nạn. Hay thanh tịnh tu trị tất cả đại trí huệ, khiến cho hiện tiền. Hay thành tựu mười bậc của của Bồ Tát, tức là: Bậc hoan hỷ, bậc ly cấu, bậc phát quang, bậc diệm huệ, bậc nan thắng, bậc hiện tiền, bậc viên hành, bậc bất động, bậc thiện huệ, bậc pháp vân. Hay thành tựu mười pháp môn Ba La Mật, tức cũng là đến bờ kia. Tức là: Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, phương tiện, nguyện, lực, trí. Hay thành tựu tổng trì (đà la ni), tức là tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa. Hay thành tựu tam muội, tức là chánh định chánh thọ. Hay thành tựu sáu thần thông. Hay thành tựu ba minh, tức là: Thiên nhãn minh, túc mạng minh, lậu tận minh. Hay thành tựu bốn vô úy, trì căn vô sở úy, đáp nạn vô sở úy. Đây là bốn vô sở úy của Bồ Tát chứ chẳng

phải bốn vô sở úy của Phật. Bồ Tát hay thành tựu bảy thứ công đức thanh tịnh này.

Trang nghiêm tất cả cõi nước chư Phật, và các tướng tốt. Thân, lời nói, tâm hành, thành tựu đầy đủ. Khéo biết sức vô sở úy của tất cả chư Phật Như Lai, Phật pháp bất cộng. Nhất thiết trí sở hành cảnh giới. Vì muốn thành thực tất cả chúng sinh, tùy theo tâm ưa thích của chúng sinh mà thành tựu cõi Phật. Tùy căn tùy thời, như pháp đáng nói, đủ thứ vô lượng Phật sự rộng lớn.

Bồ Tát hay trang nghiêm tất cả cõi nước chư Phật. Lại hay trang nghiêm ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp. Lại hay khiến cho thân, lời nói, ý, ba nghiệp đều thanh tịnh. Thành tựu tất cả đạo bồ đề. Lại hay khéo biết mười lực của tất cả chư Phật.

Lại hay khéo biết bốn vô sở úy của tất cả chư Phật, tức là:

1. Nhất thiết trí vô sở úy.
2. Lậu tận vô sở úy.
3. Nói chướng đạo vô sở úy.
4. Nói tận khổ đạo vô sở úy.

Lại hay khéo biết mười tám pháp bất cộng của tất cả chư Phật, tức là :

1. Thân không lỗi.

2. Miệng không lỗi.
3. Niệm không lỗi.
4. Chẳng nghĩ khác.
5. Tâm định.
6. Biết mình xả.
7. Dục chẳng diệt.
8. Tinh tấn chẳng diệt.
9. Niệm chẳng diệt.
10. Huệ chẳng diệt.
11. Giải thoát chẳng diệt.
12. Giải thoát tri kiến chẳng diệt.
13. Tất cả thân nghiệp theo trí huệ hành.
14. Tất cả khẩu nghiệp theo trí huệ hành.
15. Tất cả ý nghiệp theo trí huệ hành.
16. Trí huệ biết đời quá khứ vô ngại.
17. Trí huệ biết đời vi lai vô ngại.
18. Trí huệ biết đời hiện tại vô ngại.

Nhất thiết trí và nhất thiết chủng trí, đủ thứ cảnh giới trí huệ tu hành. Bồ Tát vì muốn thành thực nguyện của tất cả chúng sinh, cho nên tùy thuận sự hoan hỷ trong tâm chúng sinh, mà thành tựu cõi Phật của mình. Tùy theo căn tánh của tất cả chúng sinh, thuận theo thời cơ của tất cả chúng sinh, để nói pháp đáng nói. Tức cũng là đáng dùng pháp nào độ được ? Thì nói pháp đó để độ. Dùng đủ thứ vô lượng vô biên Phật sự rộng lớn, để giáo hóa chúng sinh, để thành tựu chúng sinh.

**Và vô lượng các pháp công đức khác.
Các hạnh, các đạo và các cảnh giới thấy**

đều viên mãn. Sớm bình đẳng với công đức của Như Lai.

Bồ Tát tu vô lượng tất cả pháp công đức, tu tất cả hạnh môn, tu tất cả đạo, tu tất cả cảnh giới. Những vấn đề đó đều đầy đủ viên mãn, sớm sẽ bình đẳng với công đức của Phật, chẳng có gì khác biệt.

Nơi các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, trong trăm ngàn A tăng kỳ kiếp, tu hạnh Bồ Tát, thì tập tụ pháp tạng, thấy đều thủ hộ, khai thị diễn nói. Các ma ngoại đạo không thể trở ngại phá hoại được. Nhiếp trì chánh pháp chẳng cùng tận. Nơi tất cả thế giới diễn nói pháp, thì Thiên Vương, Long Vương, Dạ Xoa Vương, Càn Thát Bà Vương, A Tu La Vương, Khẩn Na La Vương, Ca Lô La Vương, Ma Hầu La Già Vương, nhân vương, Phạm Thiên Vương, Như Lai Pháp Vương, thấy đều thủ hộ.

Nơi mười phương chư Phật ứng thành chánh đẳng chánh giác, trải qua trăm ngàn A tăng kỳ kiếp thời gian, để tu hạnh Bồ Tát, lợi ích tất cả chúng sinh, tu tập tất cả pháp tạng công đức, hoàn toàn có thể thủ hộ mà chẳng phá hoại. Hay khai thị diễn nói tất cả Phật pháp, tất cả Thiên ma ngoại đạo, chẳng cách chi trở ngại, phá hoại được.

Ma có nhiều thứ, ma lợi hại nhất là tâm ma. Nó hay khiến cho bạn chẳng tu hành. Bạn muốn tu hành, thì nó lại nhiễu loạn, khiến cho bạn sinh vọng tưởng. Nó hay nói với bạn như vậy: “Đừng tu hành ! Tu hành là một việc khổ sở. Bạn phải ăn nhiều một chút, phải mặc nhiều một chút, phải ngủ nhiều một chút, nuôi dưỡng thân thể cho tốt. Đó mới là đúng, đừng quá ngu si” ! Tâm ma của mình thường hay phá hoại tâm tu đạo của mình.

Ngoại đạo là gì ? Tức là người tu hành tâm cầu pháp bên ngoài, chẳng minh bạch tất cả pháp không lia tự tâm, tâm chạy tìm pháp bên ngoài. Ngoại đạo có ba ngàn bàng môn, chín mươi sáu thứ ngoại đạo (đương thời ở Ấn Độ có sáu đại luận sư, chủ trương lý luận đều bác vô nhân quả. Mỗi người có mười lăm đệ tử, thành là chín mươi. Ngoài ra còn lục sư, cộng thành chín mươi sáu, cho nên có chín mươi sáu thứ ngoại đạo).

Bồ Tát tu hành chánh pháp, nhiếp trì chánh pháp, bảo hộ chánh pháp, Thiên ma ngoại đạo chẳng cách chi cản trở chướng ngại. Bồ Tát làm những sự việc đó chẳng cùng tận. Khi ở tất cả thế giới diễn nói diệu pháp, thì sẽ có trời rồng tám bộ và mười vua đến bảo hộ. Mười vua tức là: Thiên Vương, có bốn Thiên vương: Phương đông Trì Quốc Thiên Vương, phương nam Tăng Trưởng Thiên Vương, phương tây Quảng Mục Thiên Vương, phương bắc Đa Văn Thiên Vương. Long Vương có tám Long Vương: Nan Đà Long Vương, Bạt Nan Đà Long Vương, Ca Lô La Long Vương, Tu Cát Long Vương, Đúc Xoa Tôn Long Vương, A Na Bà Đạt Đa Long Vương, Ma Na Tư Long Vương, Ưu Bát La Long Vương. Dạ Xoa Vương: Tức là Tiệp Tật Quỷ Vương. Càn Thát Bà Vương: Tức là hương thần Vương. A

tu la vương: Tức là vua vô đoan chánh. Ca Lô La Vương: Tức là kim xí điều vương. Khẩn na la vương: Tức là vua thần nhạc. Nhân vương tức là hoàng đế, chúa của nhân gian. Phạm Thiên Vương: Tức là Đại Phạm Thiên, vua ở trên trời. Như Lai Pháp Vương: Tức là Phật. Mười vị vua này đều đến thủ hộ Bồ Tát phát tâm bồ đề.

Tất cả thế gian đều cung kính cúng dường. Đều quán đánh, thường được chư Phật hộ niệm. Tất cả Bồ Tát, cũng đều ái kính. Được sức căn lành, trắng trẻo bạch pháp. Khai diễn pháp tạng thâm sâu của Như Lai. Nhiếp trì chánh pháp để tự trang nghiêm. Tất cả Bồ Tát tu hành thứ lớp, nguyện đều diễn nói.

Bồ Tát phát tâm bồ đề, nên được tất cả chúng sinh thế gian cung kính cúng dường. Mười phương ba đời tất cả chư Phật, đến quán đánh để hộ niệm. Tất cả Bồ Tát cũng đều ái hộ kính ngưỡng. Bồ Tát phát tâm bồ đề đắc được đủ thứ sức lực căn lành, Tăng trưởng pháp thanh tịnh, tức cũng là chẳng có vô minh. Có đại trí huệ rồi, thì sẽ khai diễn nói các tạng pháp thâm sâu của Phật nói. Nhiếp trì chánh pháp để trang nghiêm ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp của mình. Tất cả Bồ Tát tu hành hạnh môn thứ lớp đều nguyện diễn nói.

Bấy giờ, Bồ Tát Tinh Tấn Huệ muốn tuyên lại nghĩa trên, bèn nói kệ rằng :

Lúc đó, vị Bồ Tát Tinh Tấn Huệ, muốn dùng kệ để diễn nói lại đạo lý trường hàng ở trên, khiến cho đại chúng trong pháp hội Hoa Nghiêm nhận thức sâu xa về nghĩa lý này. Bồ Tát đều có tâm hoàn toàn từ bi, cho nên Bồ Tát là Thánh nhân lợi mình lợi người, giác mình giác người, độ mình độ người.

**Bậc Đại Danh Xưng khéo diễn nói
Pháp công đức Bồ Tát tu thành
Vào sâu vô biên hạnh rộng lớn
Đầy đủ thanh tịnh trí vô sư.**

Bậc đại danh xưng khéo diễn nói diệu nghĩa của các pháp. Bồ Tát tu thành đủ thứ pháp công đức, hay vào sâu vô lượng vô biên hạnh môn rộng lớn, đầy đủ trí huệ thanh tịnh. Do đó, trí huệ “không thầy mà tự thông.” Tức cũng là sinh ra đã biết, chẳng cần thiên tri thức đến chỉ dạy, tự nhiên minh bạch.

**Nếu có Bồ Tát sơ phát tâm
Thành tựu bậc phước đức trí huệ
Vào vị lìa sinh vượt thế gian
Khắp được chánh đẳng pháp bồ đề.**

Nếu như có Bồ Tát, lúc ban đầu phát tâm, thành tựu phước đức và trí huệ không thể nghĩ bàn, đã chứng nhập

địa vị thoát khỏi sinh tử. Đã vượt khỏi hết thảy công đức của người thế gian, khắp đắc được pháp bồ đề chánh đẳng chánh giác.

**Vị đó thế nào trong Phật giáo
Kiên cố siêng tu càng tăng thắng
Khiến các Như Lai đều hoan hỷ
Sớm sẽ nhập vào nơi Phật trụ.**

Vị Bồ Tát ban đầu phát tâm đó, Ngài ở trong Phật giáo như thế nào ? Tâm bồ đề của Ngài, càng ngày càng kiên cố. Siêng tu tất cả hạnh môn mà đắc được thân thông thù thắng. Hay khiến cho mười phương chư Phật đều đại hoan hỷ, đến khen ngợi, đến thủ hộ. Nơi Phật trụ, Bồ Tát ban đầu phát tâm, sớm sẽ nhập vào quả vị Phật.

**Tu hành thanh tịnh nguyện đều mãn
Và được tạng trí huệ rộng lớn
Thường hay nói pháp độ chúng sinh
Mà tâm chẳng nương chẳng chỗ chấp.**

Bồ Tát ban đầu phát tâm bồ đề, tu hành thanh tịnh nguyện, sớm sẽ viên mãn. Lại đắc được tạng trí huệ rộng lớn, thường hay nói pháp để giáo hóa chúng sinh, mà chẳng chấp trước độ thoát chúng sinh. Vì tâm lìa tất cả chấp trước, cho nên chẳng chỗ nương tựa.

**Bồ Tát tất cả Ba La Mật
Đều khéo tu hành chẳng khuyết giảm**

Sở niệm chúng sinh đều cứu độ Luôn giữ giống Phật khiến chẳng dứt.

Bồ Tát tu hành tất cả Ba La Mật, trước hết từ một pháp môn Ba La Mật mà bắt đầu tu hành. Nếu một pháp môn Ba La Mật tu hành thành tựu, thì tất cả pháp môn Ba La Mật đều sẽ thành tựu. Tại sao ? Vì tu một thì tu tất cả, thành tựu một thì thành tựu tất cả. Bồ Tát tu hành pháp Ba La Mật, chỉ có tăng thêm, chứ chẳng có khuyết giảm. Phàm là có sự nghĩ nhớ của chúng sinh, thì đều cứu thoát biển khổ, độ đến bờ kia. Do đó : “Nếu còn một chúng sinh chưa thành Phật, thì chẳng thủ Nê Hoàn.” Trách nhiệm của Bồ Tát là tiếp nối dòng giống Phật, dòng giống Pháp, dòng giống Tăng, khiến cho Tam Bảo thường trụ ở đời, chẳng khiến cho Tam Bảo đoạn tuyệt. Đây cũng là nhiệm vụ của người xuất gia, tức cũng là nghĩa vụ của người tại gia. Tóm lại, phàm là Phật giáo đồ đều có trách nhiệm này, nối tiếp Tam Bảo, dòng giống Phật.

Sở tác kiên cố chẳng tổn hại Tất cả công thành được thoát khỏi Như các bậc thắng sở tu hành Đạo thanh tịnh đó nguyện tuyên nói.

Hiện tại Chùa Kim Sơn lại đã thiên thất (tháng 1 năm 1976), phàm là người tham gia thiên thất, tức là Bồ Tát ban đầu phát tâm bồ đề. Các bạn mọi người đang ngồi ở Thiên Đường, tức là tu Ba La Mật. Nếu chẳng trộm cắp, giết hại, dâm dục tức là thân thanh tịnh. Không nói chuyện là miệng thanh tịnh. Chẳng khởi vọng tưởng, tức là ý thanh

tịnh. Thân khẩu ý ba nghiệp thanh tịnh, tức là tu pháp Ba La Mật. Đây là pháp môn căn bản của Bồ Tát ban đầu phát tâm. Hiện tại nói với đại chúng pháp môn tối trọng yếu, đó là phải tu thiền Ba La Mật. Tại sao chúng ta xuất gia tu đạo ? Tức là vì cầu trí huệ, dứt sinh tử. Trí huệ là từ trong thiền định mà đắc được. Có trí huệ rồi thì sẽ dứt sinh tử. Tu như thế nào ? Mọi người hãy chú ý nghe ! Tư thế ngồi thiền, phải hợp với tiêu chuẩn, bằng không thì sẽ chẳng có sự thành tựu. Khi ngồi thiền thì thân phải ngay thẳng, không thể ngã về trước, không thể ưỡn về sau, không thể nghiêng bên trái, bên phải, càng không thể nhập định ngủ. Nếu ngồi ngay ngắn, thì thân chẳng phạm giết hại, trộm cắp, dâm dục ba điều ác. Miệng chẳng phạm nói dối, thêu dệt, hai lưỡi, chưởi mắng, bốn điều ác. Ý không phạm tham, sân, si ba điều ác. Ba nghiệp này thanh tịnh rồi, thì sẽ xả bỏ tâm phan duyên, đây là bố thí; hay giữ quy cụ của thiền đường, đây là trì giới; hay nhẫn thọ sự khổ chân đau lưng ê, đây là nhẫn nhục; có trước có sau, chẳng sinh tâm thôi chuyển, tinh tấn chẳng giải đãi, đây là tinh tấn; ngồi yên tâm chẳng động, một niệm không sinh tức là thiền định; công phu đến lúc hỏa lò thuần thành, thì trí huệ sẽ tự nhiên hiện tiền. Sáu Ba La Mật này có sự quan hệ với nhau.

Các vị phải chú ý ! Tham thiền đả tọa phải chân thật, đừng có cầu thả, không thể tùy tiện. Phải cước đạp thật địa, đừng nghĩ muốn tìm đường tắt. Cảm thấy pháp môn này tốt, thì tu pháp môn này ! Kỳ thật, chẳng có pháp môn nào là đường tắt, cũng chẳng có pháp môn nào chẳng phải đường tắt, đều là bình đẳng. Chỉ cần chân thật mà tu, tức là đường tắt; không chân thật tu thì chẳng phải đường tắt. Do đó :

“Trông trọn một phần thì thu hoạch một phần.”

Tu hành không thể tham đồ phương tiện, không thể xí đồ cầu may. Tu hành tức nói về công phu chân thật, nghĩa là dùng một phần công, thì sẽ có một phần quả thật; dùng mười phần công thì sẽ có mười phần quả thật. Đây là định luật thiên cổ bất biến. Bất cứ tu pháp môn gì, càng khổ thì càng tốt, càng cực nhọc càng tốt, càng phí sức càng tốt. Từ xưa tới nay, cảnh giới khai ngộ đều từ trong sự khổ mà đắc được. Bốn phần của tôi thì nên tu hành như vậy (ngồi thiền), cho đến thành hay chẳng thành đạo, đừng màng nó. Nên có tư tưởng như thế. Có người nói: “Tôi một ngày niệm một trăm linh tám (108) biến Chú Đại Bi, lại tụng một bộ kinh Pháp Hoa, đó có thật tu hành chăng ?” “Đó thì chẳng cho là tu hành. Hãy nhìn quá khứ chư Phật Bồ Tát, các Ngài vì tu hành mà xả thân mạng; vì cầu Phật đạo phân thân nát cốt, mà chẳng tiếc. Phải có tinh thần hy sinh như thế, mới là đệ tử Phật chân chính, mới có thể đắc được định chân chính kiên cố.

Phải trông nhân kiên cố, thì mới có thể kết quả kiên cố. Có quả kiên cố rồi, thì sẽ thoát khỏi ba cõi, dứt sinh tử. Muốn thoát khỏi cõi dục chẳng ? Vậy, trước hết phải đoạn dục, tức là đoạn: Tài, sắc, danh, thực, thù, năm dục. Hoặc đoạn: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, năm cảnh. Đoạn được thì sẽ thanh tịnh, chẳng đoạn được thì ô nhiễm. Thanh tịnh thì thoát khỏi cõi dục, ô nhiễm thì sẽ đoạ sáu nẻo. Dục đoạn thì thoát khỏi cõi dục, đoạn sắc thì thoát khỏi cõi sắc, như nếu chẳng chấp tướng, Do đó :

“Quét tất cả pháp, lia tất cả tướng.”

Hoặc là :

“Thấy việc tỉnh việc thoát khỏi thế gian
Thấy việc mê việc đọa trầm luân.”

Hoặc là :

“Mắt thấy hình sắc trong chẳng biết
Tai nghe chuyện đời tâm chẳng hay.”

Hoặc là:

“Bên trong chẳng có tâm
Bên ngoài chẳng có hình
Xa xa chẳng có vật.”

Nếu đến được những cảnh giới này thì sẽ vượt khỏi cõi sắc. Đến được chẳng có cảnh giới, chẳng những chẳng có hình sắc, mà cho đến tâm thức cũng chẳng còn. Lúc đó, liền thoát khỏi ba cõi.

Bồ Tát tu hành, làm các công đức rất kiên cố, không thể phá hoại được. Cho nên nói sở tác kiên cố chẳng tổn hại. Tức cũng là sở hành sở tác nhất định sẽ thành tựu, không thể lãng phí công phu. Giống như tất cả Bồ Tát tu hạnh thù thắng (lục độ vạn hạnh), chứng được công đức, chẳng cách chi hình dung được. Bồ Tát tu hành đạo thanh tịnh (chẳng có dục niệm), nguyện vì chúng sinh để tuyên nói, khiến cho chúng sinh cũng tu đạo thanh tịnh. Tóm lại, tức là đoạn dục khứ ái. Nhìn thủng thân thể, buông bỏ chấp trước. Bằng không thì chấp cái này, chấp cái kia, chẳng phải là đạo thanh tịnh mà là đạo ô nhiễm. Đạo thanh tịnh tức là bản lai diện mục, tức cũng là cảnh giới như như chẳng động, rõ ràng sáng suốt.

Vĩnh phá tất cả vô minh tối

Hàng phục chúng ma và ngoại đạo Hết tẩy cấu uế đều tẩy sạch Được gần Như Lai đại trí huệ.

Mỗi người đều có đủ thứ vô minh. Vì có đủ thứ vô minh, cho nên có đủ thứ phiền não. Có đủ thứ phiền não thì sẽ sinh ra đủ thứ khổ. Đây là đạo lý tự nhiên. Vô minh tức là gặp cảnh giới xảy đến, thì nhận thức chẳng rõ ràng. Bất luận là cảnh thuận hay cảnh nghịch, đều bị cảnh giới chuyển biến, hoặc là giao động. Một khi giao động thì sinh ra phiền não. Có phiền não thì sẽ có thông khổ. Thanh tịnh đạo là vĩnh viễn phá tan vô minh đến tối. Phá tan tất cả vô minh phiền não thì sẽ sinh ra trí huệ. Có trí huệ thì sẽ phóng quang minh. Quang minh này hàng phục được các ma. Ma có bốn thứ, tức là ma ngũ âm, ma phiền não, Thiên ma và tử ma. Lại có thể nói có thiên ma, địa ma, thần ma, quỷ ma, nhân ma (ma người), tâm ma, bệnh ma .v.v... Tóm lại, đều gọi là yêu ma. Tất cả ma hàng phục được rồi, thì biến thành thiện thần hộ pháp. Ví như Thiên long bát bộ, tức là trước thì là ma, sau là thần hộ pháp.

Trí huệ quang thanh tịnh lại hay hàng phục tất cả ngoại đạo. Ngoại đạo không nhất định muốn tu pháp ngoại đạo, mà là tìm chẳng được chánh đạo, cho nên mới nhận pháp ngoại đạo là đúng. Giống như tôn giả Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, ban đầu làm đệ tử của ngoại đạo, về sau nhân duyên thành thực, mới quy y với đức Phật, trở thành trí huệ đệ nhất và thần thông đệ nhất. Cho nên dùng chánh pháp để giáo hóa ngoại đạo, khiến cho họ cải tà quy chánh, bỏ tối về sáng. Phải tẩy sạch tư tưởng dơ bẩn cấu uế. Thanh tịnh không nhiễm thì trí huệ hiện tiền, sẽ gần với trí

huệ của Phật, tức cũng là đại quang minh tạng, nghĩa là đại viên cảnh trí.

**Vĩnh lià đường ác các hiểm nạn
Tịnh trí đại trí cảnh thù thắng
Được sức diệu đạo gần Như Lai
Tất cả công đức đều thanh tịnh.**

Vĩnh viễn lià khỏi A tu la, súc sinh, ngã quý, địa ngục, bốn đường ác. Trong bốn đường ác này, có rất nhiều hiểm nạn. Nếu đọa lạc vào địa ngục thì vạn kiếp khó được sanh trở lại. Nếu đọa vào trong ngã quý, thì luôn bị lửa đốt thiêu đốt. Nếu đọa lạc vào trong súc sinh, thì bị vô minh che đậy, thường ngu si. Nếu đọa lạc vào trong A tu la, thì ưa thích đấu tranh. Tu hành tức là muốn lià khỏi tất cả hiểm nạn, song phải dùng phương pháp đối trị. Phương pháp gì ? Tức là dùng giới định huệ ba học vô lậu, để đối trị tham sân si mạn nghi năm độc. Tiêu diệt năm độc rồi, thì sẽ đắc được đại trí huệ. Có đại trí huệ thì đắc được tất cả cảnh giới thân thông thù thắng. Đắc được sức thần thông diệu dụng không thể nghĩ bàn, thì sẽ ở gần với chư Phật, công đức tu hành đều có sự thành tựu.

**Chứng được trí Như Lai tối thắng
Trụ nơi vô lượng các cõi nước
Tùy tâm chúng sinh mà nói pháp
Và làm các Phật sự rộng lớn.**

Bồ Tát chứng được trí huệ tối thù thắng của Phật, trụ ở trong vô lượng vô biên các cõi nước chư Phật, tám tướng thành đạo, trăm kiếp làm Phật để giáo hóa chúng sinh. Tùy thuận tâm niệm của chúng sinh để vì họ nói pháp, khiến cho chúng sinh bỏ mê về giác, lìa khổ được vui, mà làm tất cả Phật sự rộng lớn.

**Thế nào mà được các diệu đạo
Khai diễn chánh pháp tạng Như Lai
Thường hay thọ trì các Phật pháp
Không ai hơn được không gì bằng.**

Làm thế nào mới có thể đắc được tất cả đạo quả không thể nghĩ bàn ? Thì phải luôn luôn giảng kinh thuyết pháp, khai diễn chánh pháp tạng của Phật, mà đắc được tất cả các diệu đạo. Nếu thường y chiếu pháp của Phật nói mà tu hành, thì sẽ đắc được tất cả các diệu đạo. Như vậy thì chẳng có gì hơn được Phật pháp.

**Thế nào không sợ như sư tử
Sở hành thanh tịnh như trăng rằm
Thế nào tu tập công đức Phật
Giống như hoa sen chẳng dính nước.**

Làm thế nào tu được cảnh giới bốn vô sở úy ? Giống như sư tử hồng, trăm thú nghe đều kinh hãi. Sở hành phải thanh tịnh, trì giới phải thanh tịnh, giống như trăng ngày rằm, vừa tròn vừa sáng. Làm thế nào tu tập công đức của chư Phật ? Giống như hoa sen tuy sinh ra ở trong bùn, nhưng thanh tịnh chẳng nhiễm, chẳng dính bùn, cũng

chẳng dính nước, chẳng nhiễm một bụi trần, vạn niệm đều không. Đạt được cảnh giới này, thì chúng được công đức của chư Phật.

Bấy giờ, Bồ Tát Pháp Huệ nói với Bồ Tát Tinh Tấn Huệ rằng: Lành thay! Phật tử ! Nay Ngài vì muốn nhiều lợi ích, nhiều an lạc, nhiều huệ lợi. Thương xót thế gian chư Thiên và loài người, mà hỏi hạnh tu hành thanh tịnh của Bồ Tát như vậy.

Bồ Tát Tinh Tấn Huệ nói xong các pháp bằng kệ xong rồi, thì Bồ Tát Pháp Huệ lại nói với Bồ Tát Tinh Tấn Huệ rằng: Lành thay ! Lành thay ! Phật tử ! Hiện tại Ngài hỏi công đức ban đầu phát tâm bồ đề, chẳng phải vì mình mà hỏi, mà là vì chúng sinh mà hỏi. Ngài muốn cho pháp giới hết thảy chúng sinh đều đắc được lợi ích, lại đắc được an lạc vĩnh viễn, lại đắc được huệ lợi. Ngài có tâm từ bi, thương xót thế gian chư Thiên và loài người. Đại biểu họ để hỏi pháp môn thanh tịnh của Bồ Tát tu, khiến cho chúng sinh trở về nguồn cội, khôi phục lại bản nhiên thanh tịnh.

Phật tử ! Ngài trụ thật pháp, phát đại tinh tấn, tăng trưởng chẳng thối lùi. Đã được giải thoát, có thể hỏi như thế, sẽ đồng với Như Lai.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng đệ tử của Phật ! Ngài đã trụ ở trong pháp thật tướng, phát tâm tinh tấn, thân

cũng tinh tấn, tâm cũng tinh tấn; ngày cũng tinh tấn, đêm cũng tinh tấn. Ngài đã đắc được vị không thối, niệm không thối, hạnh không thối. Ngài đã chứng được giải thoát chân chánh, đã đắc được cảnh giới vô cầu vô thức, vô quái vô ngại. Ngài hỏi những pháp này, thì chẳng bao lâu tương lai sẽ đồng với cảnh giới của Phật.

Hãy lắng nghe ! Hãy lắng nghe ! Khéo suy gẫm! Nay tôi nương sức oai thần của đức Phật, vì Ngài mà nói ít phần trong vấn đề đó.

Bồ Tát Pháp Huệ lại nói: Xin Ngài hãy lắng nghe ! Hãy chú ý nghe ! Xin Ngài nhớ cho, suy gẫm cho. Hiện tại tôi nương đại oai thần lực của mười phương chư Phật, vì ông mà nói pháp này. Bất quá, chỉ có thể nói ít phần trong vô lượng vô biên mà thôi.

Phật tử ! Đại Bồ Tát đã phát tâm nhất thiết trí, thì nên là ngu si đen tối, tinh tấn giữ gìn, đừng có phóng dật.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát trong Bồ Tát, đã phát tâm bồ đề nhất thiết trí tuệ. Nên xa lìa tất cả sự ngu si đen tối (vô minh). Làm thế nào để lìa khỏi ngu si đen tối ? Thì phải tu pháp môn thiền định Ba La Mật. Có trí tuệ quang minh rồi, thì sẽ phá tan vô minh. Còn phải tu pháp môn tinh tấn Ba La Mật, ở nơi vi tế nhất cũng phải cẩn thận coi chừng, siêng năng giữ gìn

giới luật, đừng có phóng dật. Phóng dật tức là chẳng giữ quy cụ, nghĩa là phá hoại đạo tràng.

Người xuất gia chẳng giữ giới luật của người xuất gia, người tại gia chẳng giữ giới luật của người tại gia, thì thành thể thống gì ? Làm mất đi địa vị vốn có. Tức nhiên quy y Tam Bảo thì phải cung kính Tam Bảo, cúng dường Tam Bảo, không được phỉ báng Tam Bảo, không được phá hoại Tam Bảo. Ở trong đạo tràng phải giữ quy cụ, không được làm cho kẻ khác sinh phiền não. Nghĩa là cử chỉ hành động, lời nói việc làm, đều phải hợp với giới luật, không được phóng dật.

Phật tử ! Đại Bồ Tát trụ ở mười pháp, gọi là không phóng dật. Những gì là mười? Một là giữ gìn các giới luật. Hai là xa lìa ngu si, thanh tịnh tâm bồ đề. Ba là tâm ưa ngay thẳng, lìa các xiểm nịnh. Bốn là siêng tu căn lành, chẳng có thói chuyển. Năm là luôn khéo suy gẫm tâm của mình đã phát. Sáu là không ưa gần gũi tại gia, xuất gia, tất cả phàm phu. Bảy là tu các nghiệp lành, mà chẳng muôn cầu quả báo thế gian. Tám là vĩnh viễn lìa hàng nhị thừa, hành Bồ Tát đạo. Chín là thích tu các việc lành, khiến chẳng dứt trừ. Mười là luôn khéo quán sát sức liên tục của mình.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát trong Bồ Tát, nên thường tu tập mười pháp này. Tức là dần dần chú ý mười pháp này, luôn luôn đừng quên nó. Đây nghĩa là trụ nơi mười pháp thì gọi là không phóng dật.

Những gì là mười pháp:

1). Giữ gìn các giới luật: Giới của Phật nói ra đều phải giữ gìn cẩn thận, giữ gìn thanh tịnh, không được to hào vi phạm, không được tùy ý phóng túng. Cũng giống như giữ gìn con mắt của mình.

2). Xa lìa ngu si, thanh tịnh tâm bồ đề: Nếu có vô minh phiền não, tức là ngu si. Do đó, phải vĩnh viễn lìa khỏi ngu si thì sẽ có trí huệ. Lại phải thanh tịnh tâm bồ đề, trên cầu vô thượng đạo của chư Phật, dưới độ chúng sinh thoát biển khổ.

3). Tâm ưa ngay thẳng, lìa các xiêm nịnh: Tâm của Bồ Tát là ngay thẳng, Do đó : “Tâm thẳng là đạo tràng.” Tâm của chúng sinh thì quanh co, thấy người có tiền, có thế lực, bèn tỏ ra cung kính, nói những lời lẽ xiêm nịnh trái với lương tâm. Còn có một hạng người chuyên nói lời lẽ dối trá gạt người, bất cứ đối với ai cũng chẳng nói lời chân thật. Hành vi như thế là hành vi ngu si nhất. Nhưng Bồ Tát thì xa lìa tất cả xiêm nịnh dối trá.

4). Siêng tu căn lành, chẳng có thói chuyển: Căn lành phải siêng tu thì mới tăng trưởng, bằng không thì sẽ khô héo. Phát tâm bồ đề tức là tăng trưởng căn lành, giống như dùng nước tưới lên, khiến cho tươi mát phát triển. Phát tâm bồ đề chỉ có tinh tấn mà chẳng thói chuyển. Dù có chết cũng không thói chuyển, phải có ý chí kiên nhẫn bất khuất như thế.

5). Luôn khéo suy gẫm tâm của mình đã phát: Phải luôn luôn suy gẫm tâm bồ đề mà mình đã phát, tinh tấn hay là thoái chuyển ? Phải kiểm tra lại, nếu tinh tấn thì thôi; còn nếu thoái chuyển thì phải sửa đổi. Phản tỉnh một phen, tại sao mình phải tạo nghiệp ? Tại sao phải phóng dật ? Tại sao muốn phá hoại đạo tràng ? Những vấn đề này là trái ngược với tâm bồ đề của mình đã phát lúc ban đầu.

6). Không ưa thích gần gũi tại gia, xuất gia, tất cả phàm phu: Bồ Tát đã là bậc Thánh nhân, cho nên chẳng ưa gần gũi kẻ phàm phu tại gia, hoặc xuất gia. Phàm phu là gì ? Tức là người bình thường, người chẳng có trí huệ, chẳng phải là người phi phàm xuất chúng. Phàm là người có phiền não, người tư tưởng chẳng thanh tịnh, thì đều là phàm phu.

7). Tu các nghiệp lành mà chẳng muốn cầu quả báo thế gian: Bồ Tát muốn làm đủ thứ nghiệp lành, nhưng chẳng cầu quả báo trời người. Nghĩa là chẳng muốn làm người giàu sang phú quý, cũng chẳng hy vọng làm chư Thiên hưởng phước.

8). Vĩnh viễn lìa hàng nhị thừa, hành Bồ Tát đạo: Bồ Tát có tâm từ bi, làm gì cũng đều vì lợi ích chúng sinh, cho nên vĩnh viễn lìa khỏi pháp nhị thừa, chuyên tu pháp lục độ vạn hạnh, lấy hạnh Bồ Tát làm tông chỉ, đó là tinh thần của Bồ Tát.

9). Ưa thích tu các việc lành, khiến chẳng dứt trừ: Bồ Tát thường làm việc lành là vì lợi ích chúng sinh, chẳng nghĩ riêng mình. Tư tưởng này vĩnh viễn chẳng đoạn tuyệt.

10). Luôn khéo quán sát sức liên tục của mình: Bồ Tát luôn luôn hồi quang phản chiếu, kiểm thảo mình có nổi lửa vô minh chẳng ? Có nhận chân tu hành chẳng ? Có

hành Bồ Tát đạo chẳng ? Có gieo trồng căn lành chẳng ? Những vấn đề đó, mỗi ngày đều phải phản tỉnh một lần. Mỗi ngày phải quán sát thân miệng ý ba nghiệp của mình có tạo tội lỗi chẳng ? Nếu không thì đến thuở vị lai cũng tu chẳng thành công.

Người tu hành phải hành đạo Bồ Tát, đối tốt với người, chứ chẳng phải dạy người đối tốt với mình. Tôi thường nói với các vị rằng: Phải làm lợi ích cho kẻ khác, dù có bị mắng cũng tốt. Không thể lợi ích kẻ khác, thì dù có người đánh lẽ bạn cũng chẳng có ý nghĩa gì. Do đó : người tu hành, nhất định phải lợi người thì mới hợp với mục đích ban đầu Đức Phật nói pháp. Do đó, phải luôn luôn quán sát sức hành Bồ Tát đạo của mình có liên tục chẳng ?

Phật tử ! Nếu các Bồ Tát hành mười pháp này, thì gọi là trụ không phóng dật.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng đệ tử của Phật ! Hết thấy tất cả Bồ Tát, nếu chân thật tu hành mười pháp này, thì trụ nơi cảnh giới không phóng dật, cho nên gọi là trụ không phóng dật.

Phật tử ! Đại Bồ Tát trụ không phóng dật, đắc được mười thứ thanh tịnh. Những gì là mười ? Một là làm đúng như lời nói. Hai là niệm trí thành tựu. Ba là trụ nơi định sâu, chẳng hôn trầm chẳng trạo cử. Bốn là ưa cầu Phật pháp, chẳng có giải đãi

ngừng nghỉ. Năm là theo pháp đã nghe, như lý quán sát, đầy đủ sinh ra trí huệ xảo diệu. Sáu là vào sâu thiền định, được thần thông của Phật. Bảy là tâm được bình đẳng, chẳng có cao thấp. Tám là nơi các chúng sinh, thượng trung hạ, tâm chẳng chướng ngại, như đại địa, lợi ích hết thảy. Chín là nếu thấy chúng sinh, cho đến một khi phát tâm bồ đề, thì tôn trọng thừa sự, như là hòa thượng. Mười là đối với thọ giới hòa thượng, A xà lê, tất cả Bồ Tát, các thiện trí thức và pháp sư, thường sinh tâm tôn trọng, thừa sự cúng dường.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát trong Bồ Tát, tu hành trụ nơi chẳng phóng dật rồi, sẽ đắc được mười pháp thanh tịnh. Những gì là mười ?

1). Làm theo lời nói: Bồ Tát bất cứ tu pháp môn gì, cũng đều y pháp tu hành, chẳng đi ngược lại với đạo, tức cũng là tuyệt đối chẳng phóng dật, chẳng đi ngược lại giáo pháp.

2). Niệm trí thành tựu: Một niệm phát tâm bồ đề ban đầu, sẽ thành tựu nhất thiết chủng trí.

3). Trụ nơi định sâu, chẳng hôn trầm chẳng trạo cử: Thanh tịnh không nhiễm thì thường ở trong định. Do đó : “Na Già thường tại định, chẳng lúc nào mà không định.” Nếu thường hay ở trong định thì cũng chẳng hôn trầm,

cũng chẳng tạo cử. Cũng chẳng tham chấp trước, cũng chẳng khởi vọng tưởng. Rõ ràng sáng suốt, tâm trong như nước, sáng suốt như gương. Đây tức là cảnh giới định sâu. Pháp giới tức là ta, ta tức là pháp giới, hợp mà làm một, đây là vào định sâu. Khi đến được trình độ này thì sự việc gì trong pháp giới đều tự nhiên biết được.

4). Ưu câu Phật pháp, chẳng có giải đãi ngừng nghỉ: Bồ Tát hoan hỷ cầu tất cả Phật pháp, tinh tấn lại tinh tấn, học tập lại học tập, vĩnh viễn chẳng giải đãi, chẳng ngừng nghỉ.

5). Theo pháp đã nghe, như lý quán sát, đầy đủ sinh ra trí huệ xảo diệu: Bồ Tát bất luận nghe pháp ở đâu, đều dùng lý trí để quán sát để phân tích. Lý trí giống như gương, bất cứ là vật gì đều chiếu hiện ra rõ ràng. Do đó : “Vật đến bóng hiện, vật đi bóng lặn.” Có thể hoàn toàn đầy đủ sinh ra diệu trí huệ không thể nghĩ bàn.

6). Vào sâu thiền định, đắc được thần thông của Phật: Tĩnh tọa đến cực điểm thì trí huệ quang minh sẽ thông đạt. Tức cũng là vào sâu thiền định. Lúc đó, mạch máu của hành giả ngừng lại (chứng được cảnh giới đệ nhất thiền). Hoặc hơi thở ngừng lại (chứng được cảnh giới đệ nhị thiền). Hoặc niệm lực ngừng lại (chứng được cảnh giới đệ tam thiền), hoặc tâm thức ngừng lại (chứng được cảnh giới đệ tứ thiền). Đây là hiện tượng vào sâu thiền định. Ở trong cảnh giới này, giống như là người chết, song chẳng phải chết. Chứng được cảnh giới tứ thiền, vẫn còn là phàm phu, chứ chẳng phải Thánh nhân chứng quả. Điểm này mọi người phải chú ý, không thể hiểu lầm. Phải dũng mãnh tinh tấn, tiếp tục vào định sâu. Ngoại đạo thì nhập vào trời Vô Tướng. Chứng đạo thì nhập vào trời Ngũ Bất Hoàn. Lúc

này mới là sơ quả A la hán, hoặc Thập trụ Bồ Tát. Đến được cảnh giới này sẽ đắc được thần thông của Phật.

7). Tâm bình đẳng chẳng có cao thấp: Tâm thanh tịnh của Bồ Tát, rất bình đẳng, tất cả tất cả cũng chẳng phân biệt cao thấp.

8). Nơi các chúng sinh, thượng trung hạ, tâm chẳng chướng ngại. Như đại địa, lợi ích hết thảy: Bồ Tát đối với chúng sinh dù là thượng căn lợi trí, hoặc là trung căn phổ trí, hoặc là hạ căn độn trí, ba căn đều bình đẳng, chẳng có tâm chướng ngại. Giống như đại địa, hay sinh vạn vật, lợi ích bình đẳng.

9). Nếu thấy chúng sinh, cho đến một khi phát tâm bồ đề, thì tôn trọng thừa sự như hòa thượng: Nếu thấy được chúng sinh phát tâm bồ đề, thì nên tôn kính họ, thừa sự họ. Giống như tôn trọng thừa sự hòa thượng. Hòa thượng là người xuất gia tối cao thượng, tối tôn kính.

10). Nơi thọ giới hòa thượng và A xà lê, tất cả Bồ Tát, các thiện tri thức, chỗ pháp sư, thường sinh tâm tôn trọng, thừa sự cúng dường: Đối với thọ giới hòa thượng, thầy quy phạm, tất cả Bồ Tát, tất cả thiện tri thức, tất cả pháp sư, phải thường đến chỗ của họ để gần gũi, tôn trọng thừa sự, cúng dường. Không được giải đãi, không được ngã mạn. Phải báo ân thầy, ân thầy đồng như ân cha mẹ.

Phật tử ! Đó là mười pháp thanh tịnh của Bồ Tát trụ không phóng dật.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng đệ tử của Phật ! Bồ Tát ban đầu phát tâm bồ đề, trụ nơi cảnh giới không phóng dật, đắc được mười pháp thanh tịnh.

Phật tử ! Đại Bồ Tát trụ không phóng dật, phát tâm đại tinh tấn, khởi chánh niệm. Sinh dục lạc thù thắng, tu hành chẳng thôi nghỉ. Nơi tất cả pháp, tâm chẳng chỗ nương tựa. Nơi pháp thâm sâu, siêng năng tu tập. Nhập vào môn vô tránh, sẽ tăng thêm tâm rộng lớn. Phật pháp vô biên, hay tùy thuận biết rõ, khiến các Như Lai thấy đều hoan hỷ.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát trong hàng Bồ Tát thường chẳng phóng dật. Phát tâm đại tinh tấn, chỉ hướng về trước, chẳng lùi về sau. Thường khởi chánh niệm, chẳng sinh tà niệm. Thường sinh dục lạc thù thắng, tức là cầu đạo bồ đề, viên mãn quả giác. Thường tu hành chẳng thôi nghỉ. Đối với tất cả Phật pháp, tâm chẳng chấp trước. Đối với tất cả pháp môn Bát Nhã siêng năng tu tập mà chẳng giải đãi. Hay nhập vào môn vô tránh, chẳng tranh luận với người, có tu dưỡng nhẫn nại. Hay tăng thêm tâm bồ đề rộng lớn. Phật pháp vô biên, Bồ Tát hay tùy thuận đạo lý của Phật pháp để nghiên cứu, thấu rõ tất cả lý luận. Hay khiến cho tất cả chư Phật đều sinh hoan hỷ mà đến khen ngợi.

Phật tử ! Đại Bồ Tát, lại có mười pháp, hay khiến cho tất cả chư Phật đều hoan hỷ. Những gì là mười ? Một là tinh

tấn chẳng thối lùi. Hai là chẳng tiếc thân mạng. Ba là nơi các lợi dưỡng chẳng có mong cầu. Bốn là biết tất cả pháp đều như hư không. Năm là khéo hay quán sát, khắp vào pháp giới. Sáu là biết các pháp ẩn, tâm chẳng ỷ lại chấp trước. Bảy là thường phát nguyện lớn. Tám là thành tựu thanh tịnh, nhãn trí quang minh. Chín là quán pháp lành của mình, tâm chẳng tăng giảm. Mười là nương môn vô tác, tu các tịnh hạnh.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát trong hàng Bồ Tát, lại có mười pháp, hay cảm động đến mười phương chư Phật mà hoan hỷ khen ngợi. Những gì là mười pháp ? Tức là:

1). Tinh tấn chẳng thối lùi: Bồ Tát tu hành thì ngày đêm sáu thời luôn tinh tấn, vĩnh viễn chẳng thối lùi.

2). Chẳng tiếc thân mạng: Vì pháp quên mình đây là tinh thần của Bồ Tát.

3). Nơi các lợi dưỡng chẳng có mong cầu: Bồ Tát đối với bốn thứ cúng dường (thức ăn uống, quần áo, chăn mềm, thuốc thang), tất cả đồ đạc dưỡng thân thể chẳng mong cầu, tùy duyên ứng cúng, chẳng khởi tâm phân biệt.

4). Biết tất cả pháp, đều như hư không: Bồ Tát minh bạch tất cả pháp đều do nhân duyên mà sinh, do nhân duyên mà diệt, tất cả đều không, như hư không, chẳng có thể thật tại, cho nên chẳng chấp trước cái ta, chẳng chấp trước pháp. Do đó : “Ta và pháp đều không.”

5). Khéo hay quán sát, khắp vào pháp giới: Bồ Tát khéo hay quán sát tất cả pháp, khắp vào pháp giới tất cả môn.

6). Biết các pháp ấn, tâm chẳng ý lại chấp trước: Bồ Tát biết pháp dùng tâm ấn tâm. Tuy nhiên biết các pháp ấn, ấn chứng pháp này là thật. Song, tâm chẳng ý lại pháp ấn, chẳng chấp trước pháp ấn.

7). Thường phát nguyện lớn: Bồ Tát thường phát đại trí đại hạnh, đại nguyện đại bi, Do đó : “Đại Trí Văn Thù Bồ Tát, Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát, Đại Nguyện Địa Tạng Bồ Tát, Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát.” Bốn vị đại Bồ Tát này, đại biểu cho bốn đại hạnh nguyện. Do đó, người tu hành đều phải phát đại nguyện, nguyện tức là pháp thuyền. Muốn từ bờ sinh tử bên này, qua dòng phiền não và đạt đến bờ Niết Bàn bên kia. Phải ngồi thuyền pháp lớn, đi qua biển sinh tử, mới bình an đạt đến cảnh Phật. Tu hành chẳng phát nguyện, cũng giống như cây nở hoa mà chẳng kết trái, chẳng ích gì.

8). Thành tựu thanh tịnh, nhãn trí quang minh: Phải thành tựu tâm thanh tịnh, tu hành pháp môn nhãn nhục. Tức là nhãn đói nhãn khát, chịu lạnh chịu nóng, chịu gió chịu mưa. Tóm lại, tất cả đều phải nhãn chịu. Do đó : “Hay nhãn thì an.” Nhãn được thì có trí huệ, có trí huệ thì có quang minh.

9). Quán pháp lành của mình, tâm chẳng tăng giảm: Phải quán sát pháp lành của mình tu, nơi tâm chẳng tăng chẳng giảm. Đối với pháp lành, hoặc pháp ác, tâm đều chẳng chấp trước, cũng chẳng tăng giảm.

10). Nương môn vô tác, tu các tịnh hạnh: Nương tựa môn vô tác, để tu tất cả hạnh thanh tịnh.

Gì là môn vô tác ? Tức là cảnh giới làm mà chẳng làm, chẳng làm mà làm. Tóm lại, bất cứ tu hạnh môn nào, đừng chấp trước hạnh môn đó. Chẳng chấp trước thì tự tại, đây nghĩa là đạo lý tu mà không tu, không tu mà tu. Chẳng phải tạo tác, một chút miễn cưỡng đều chẳng tồn tại, hoàn toàn đều tự nhiên.

Tu hành tức là tu hành. Đừng có tư tưởng này: “Tại sao tôi phải tu hành?” Gì cũng chẳng làm ! Tức là tu hành. Không nghĩ cầu gì mà tu hành thì chẳng có sở cầu. Cũng chẳng cần khai ngộ, cũng chẳng cầu chứng quả, tức là tu hành. Đây tức là tu hành vô cầu. Phải vì vô cầu mà tu hành, phải vì vô tác mà tu hành, phải vì vô tham mà tu hành. Chẳng phải nói: “Tôi tu hành vì thành Phật.” Nếu có tư tưởng như thế thì là có tác.

Vô tác tức là nói, tôi phải tu hành, gì tôi cũng chẳng cầu. Do đó :

“Đến chỗ vô cầu sẽ hết lo.”

Đến được chỗ chẳng cầu gì nữa, thì chẳng còn lo lắng gì cả. Tại sao lại có sự lo lắng ? Vì còn có sự mong cầu ? Vì chẳng biết đủ. Nếu đầy đủ thì còn cầu gì nữa ? Ví như, muốn tu Bồ Tát đạo, lúc chưa hành Bồ Tát đạo thì cảm thấy muốn hành Bồ Tát đạo. Đã hành Bồ Tát đạo thì càng gọi là môn vô tác.

Trách nhiệm của Phật giáo đồ chúng ta là giáo hóa chúng sinh, lợi ích chúng sinh, bảo hộ chúng sinh. Trách nhiệm của chúng ta là giảng kinh thuyết pháp. Trách nhiệm của chúng ta là nghe kinh nghe pháp. Vì chúng ta chẳng minh bạch đạo lý Phật pháp, cho nên phải đến nghe kinh, chẳng màng minh bạch hay chẳng minh bạch, đều đến

nghe kinh, đây là nghe pháp vô tác. Nghe kinh phải tự nhiên, chẳng có tham cầu. Minh bạch tôi cũng nghe kinh, chẳng minh bạch tôi cũng nghe kinh, đây tức là vô tác, chẳng miễn cưỡng, rất tự nhiên, phải tu hành tất cả hạnh môn thanh tịnh.

Phật tử ! Đó là Bồ Tát trụ mười pháp, hay khiến cho tất cả Như Lai đều hoan hỷ.

Đệ tử của Phật ! Đó là mười pháp trụ của Bồ Tát. Khiến cho mười phương chư Phật sinh tâm đại hoan hỷ, mà đến khen ngợi: Lành thay ! Lành thay ! Thiện nam tử ! Ông thật là Phật tử !

Phật tử ! Lại có mười pháp, hay khiến cho tất cả chư Phật hoan hỷ. Những gì là mười ? Đó là: An trụ không phóng dật. An trụ vô sinh nhẫn. An trụ đại từ. An trụ đại bi. An trụ đầy đủ các Ba La Mật. An trụ các hạnh. An trụ đại nguyện. An trụ phương tiện khéo léo. An trụ sức dũng mãnh. An trụ trí huệ, quán tất cả pháp, đều chẳng có chỗ trụ, như hư không.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng đệ tử của Phật ! Bồ Tát ban đầu phát tâm bồ đề, lại có mười pháp thanh tịnh, có thể khiến cho mười phương chư Phật sinh tâm hoan hỷ ? Những gì là mười pháp ? Tức là:

1). An trụ chẳng phóng dật: Tức là an trụ ở vô sinh pháp nhẫn.

2). Gì gọi là vô sinh pháp nhẫn ? Tức là chẳng thấy có chút pháp sinh, chẳng thấy có chút pháp diệt. Nhẫn nơi tâm.

3). An trụ đại từ: Từ hay ban sự an vui cho tất cả chúng sinh, Do đó : “ Vô duyên đại từ.”

4). An trụ đại bi: Hay cứu khổ tất cả chúng sinh, Do đó : “Đồng thể đại bi.”

5). An trụ đầy đủ các Ba La Mật: Tu lục độ, hoặc thập độ, đều đầy đủ chẳng thiếu.

6). An trụ các hạnh: Bồ Tát tu lục độ vạn hạnh đều thành tựu.

7). An trụ đại nguyện: Bồ Tát giữ gìn đại nguyện của mình đã phát.

8). An trụ phương tiện khéo léo: Tức là pháp môn phương tiện khéo léo.

9). An trụ sức dũng mãnh: Tức là sức dũng mãnh tinh tấn.

10). An trụ trí huệ: An trụ ở trong tất cả trí huệ, quán sát tất cả pháp, chẳng dính mắc nơi các pháp, như hư không, chẳng chỗ có.

Phật tử ! Nếu các Bồ Tát trụ mười pháp này, thì khiến cho tất cả chư Phật đều hoan hỷ.

Đệ tử của Phật ! Nếu tất cả Bồ Tát, an trụ vào mười pháp này, thì khiến cho mười phương chư Phật đều sinh

đại hoan hỷ, đến khen ngợi, đến quán đánh, trở thành Pháp Vương tử.

Phật tử ! Có mười pháp, khiến cho các Bồ Tát sớm nhập vào các địa vị. Những gì là mười ? Một là khéo léo viên mãn phước trí hai hạnh. Hai là hay đại trang nghiêm đạo Ba La Mật. Ba là trí huệ sáng suốt thông đạt, chẳng tùy theo lời của người khác. Bốn là thừa sự bạn lành, luôn không bỏ lìa. Năm là thường hành tinh tấn, chẳng có giải đãi. Sáu là khéo an trụ nơi thần lực của Như Lai. Bảy là tu các căn lành, chẳng sinh tâm nhàm mỏi. Tám là thâm tâm lợi trí, dùng pháp đại thừa để tự trang nghiêm. Chín là nơi pháp môn các địa, tâm chẳng chỗ trụ. Mười là căn lành phương tiện đồng một thể tánh với ba đời chư Phật.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng đệ tử của Phật ! Lại có mười pháp, có thể khiến cho Bồ Tát sớm nhập vào mười địa vị. Những gì là mười pháp ? Tức là:

1). Khéo léo viên mãn phước trí hai hạnh: Tức là phước huệ song tu, phước cũng viên mãn, trí cũng viên mãn. Phước huệ đều đủ tức là Phật Do đó gọi là “Luỡng Túc Tôn.”

2). Hay đại trang nghiêm đạo Ba La Mật: Tức là cung hành thật tiến, thân thể lục hành, tu đến pháp môn bờ bên kia.

3). Trí huệ sáng suốt thông đạt, chẳng tùy theo lời của người khác: Hay tu pháp môn Bát Nhã, thì sẽ đắc được trí huệ quang minh, thông đạt vô ngại. Có trí huệ rồi thì chẳng tùy thuận lời lẽ bất chánh của kẻ khác mà giao động. Do đó : ‘‘Tám gió thổi không lay.’’

4). Thừa sự bạn lành, luôn chẳng bỏ lia: Phải thừa sự thiện tri thức, gần gũi thiện tri thức, cúng dường thiện tri thức. Không được công cao ngã mạn, không được đố kỵ chướng ngại. Đủ thứ tập khí không tốt, đủ thứ mao bệnh xấu, đều phải quét cho sạch sẽ. Khai quật gốc rễ thì vĩnh viễn chẳng sinh ra nữa. Phải luôn luôn đừng bỏ lia thiện tri thức, thiện tri thức là đạo sư, có thể chỉ dạy làm thế nào để lia khỏi tham sân si, y pháp tu hành như thế nào.

5). Thường hành tinh tấn chẳng có giải đãi: Nghiên cứu Phật pháp thì thường phải tinh tấn, không được giải đãi, chỉ có hướng về trước, chẳng thối lùi về sau.

6). Khéo hay an trụ nơi thần lực của Như Lai: Hay nghe lời thiện tri thức giáo hóa, thì mới tinh tấn chẳng giải đãi, mới an trụ nơi thần thông lực của chư Phật.

7). Tu các căn lành chẳng sinh tâm nhàm mỏi: Tu hành tất cả căn lành, quán triệt thủy chung, chẳng sinh tâm nhàm mỏi, chẳng sinh tâm lười biếng.

8). Thâm tâm lợi trí, dùng pháp đại thừa mà tự trang nghiêm: Dùng pháp đại thừa Bát Nhã thâm sâu để trang nghiêm chính mình. Nghĩa là dùng sự trang nghiêm của Phật để tự trang nghiêm chính mình.

9). Nơi pháp môn các địa, tâm chẳng chỗ trụ: Mỗi pháp môn trong mười địa, tâm chẳng trụ nơi pháp.

10). Căn lành phương tiện đồng một thể tánh với ba đời chư Phật: Căn lành phương tiện của mười phương ba đời tất cả chư Phật đều cùng một thể tánh.

Phật tử ! Mười pháp này khiến cho các Bồ Tát sớm nhập vào các địa vị.

Đệ tử của Phật ! Mười pháp đã nói ở trên hay khiến cho tất cả các Bồ Tát sớm nhập vào địa vị thập địa, cho đến quả vị Đẳng Giác và Diệu Giác.

Lại nữa, Phật tử ! Lúc các Bồ Tát ban đầu trụ địa, thì nên khéo quán sát. Tùy thuận hết thấy tất cả pháp môn. Tùy thuận hết thấy trí huệ thâm sâu. Tùy thuận nhân tu hành. Tùy thuận sự đắc quả. Tùy thuận cảnh giới. Tùy thuận lực dụng. Tùy thuận sự thị hiện. Tùy thuận sự phân biệt. Tùy thuận sở đắc. Đều khéo quán sát. Biết tất cả pháp, đều là tự tâm mà chẳng chấp trước. Biết như vậy rồi, nhập vào địa vị Bồ Tát mà khéo an trụ.

Lại nói tiếp. Đệ tử của Phật ! Tất cả Bồ Tát lúc ban đầu trụ Thập Địa thì nên khéo quán sát tất cả cảnh giới. Phải tùy thuận hết thấy tám vạn bốn ngàn pháp môn. Lại

phải tùy thuận hết thấy trí huệ thâm sâu của mười phương chư Phật. Lại phải tùy thuận nhân tu hành của mười phương chư Phật. Lại phải tùy thuận sự chứng quả của mười phương chư Phật. Lại phải tùy thuận cảnh giới đắc được của mười phương chư Phật. Lại phải tùy thuận lực dụng đắc được của mười phương chư Phật. Lại phải tùy thuận sự thị hiện của mười phương chư Phật. Lại phải tùy thuận sự phân biệt của mười phương chư Phật. Lại phải tùy thuận sở đắc của mười phương chư Phật. Hoàn toàn khéo quán sát, biết hết thấy tất cả các pháp, chẳng lìa tự tâm. Vì chẳng lìa tự tâm, cho nên chẳng có chấp trước. Bồ Tát biết các pháp thật tướng như vậy rồi, thì sẽ đắc được thập địa, có thể an trụ vào địa vị của thập địa.

Phật tử ! Các Bồ Tát đó suy gẫm như vậy: Chúng ta hãy mau nhập vào các địa. Tại sao ? Vì nếu chúng ta trụ ở trong các địa, thì sẽ thành tựu công đức rộng lớn như vậy. Đây đủ công đức rồi, dần dần sẽ nhập vào Phật địa. Trụ ở Phật địa rồi, sẽ làm vô biên Phật sự rộng lớn. Do đó phải nên thường siêng tu tập, chẳng có ngừng nghỉ, chẳng có mỗi nhàm. Dùng đại công đức để tự trang nghiêm, nhập vào địa vị Bồ Tát.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng đệ tử của Phật ! Những vị đại Bồ Tát đó đều hay suy gẫm như vậy: “Chúng ta hãy mau chứng nhập vào địa vị Thập Địa. Tại sao ? Vì

nếu chúng ta trụ ở trong các địa, thì sẽ thành tựu công đức rộng lớn của chư Phật. Đầy đủ công đức rồi, thì dần dần sẽ nhập vào quả vị Phật địa. Trụ nơi Phật địa rồi, thì sẽ làm vô biên Phật sự rộng lớn. Do nguyên nhân đó, cho nên chúng ta phải nên thường siêng tu tập. Không được nghỉ ngơi, không được mệt mỏi. Dùng đại công đức của chư Phật để làm trang nghiêm cho mình, thì sẽ nhập vào địa vị của Bồ Tát.’’

Phật tử ! Có mười pháp khiến cho các Bồ Tát sở hành thanh tịnh. Những gì là mười ? Một là xả bỏ tiền tài vật chất, mãn nguyện ý chúng sinh. Hai là trì giới thanh tịnh, chẳng có hủy phạm. Ba là nhu hòa nhẫn nhục chẳng cùng tận. Bốn là siêng tu các hạnh, vĩnh viễn chẳng thối chuyển. Năm là dùng sức chánh niệm, tâm chẳng mê loạn. Sáu là phân biệt biết rõ vô lượng các pháp. Bảy là tu tất cả các hạnh mà chẳng chấp trước. Tám là tâm chẳng lay động giống như núi chúa. Chín là rộng độ chúng sinh, giống như cây cầu. Mười là biết tất cả chúng sinh đồng một thể tánh với các Như Lai.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng đệ tử của Phật ! Lại có mười pháp, hay khiến cho tất cả Bồ Tát hạnh môn tu hành đều được thanh tịnh. Những gì là mười pháp:

1). Xả bỏ tài vật, mãn nguyện ý chúng sinh: Bồ Tát đem tất cả tài sản bố thí cho chúng sinh, thậm chí nội tài đầu mắt tủy não hoặc ngoại tài đất nước vợ con đều đem bố thí hết. Hành Bồ Tát đạo là hy sinh tất cả, mãn nguyện ý của chúng sinh, được như thế thì sẽ được thanh tịnh.

2). Trì giới thanh tịnh, chẳng có hủy phạm: Bồ Tát đã thọ giới rồi, thì nhất định phải giữ gìn, vĩnh viễn chẳng hủy phạm. Y giới tu hành thì mới được ba nghiệp thanh tịnh.

3). Nhu hòa nhẫn nhục, chẳng có cùng tận: Bồ Tát tu pháp môn nhẫn nhục, hay nhẫn nhục thì nhu hòa, chẳng nóng giận với chúng sinh. Tu nhu hòa nhẫn nhục thì chẳng có lúc nào hết được. Nhu là nhu nhuyễn, hòa là hòa khí. Do đó :

“Nhu hay thắng cương
Nhược hay thắng cường.”

Dùng từ bi nhu hòa để cảm hóa chúng sinh cương cường, khiến cho chúng sinh bỏ mê về giác. Nhẫn là nhẫn nại, nhục là nhịn nhục. Phải nhịn nhục nhẫn nại, giống như có người mắng bạn, hoặc đánh bạn thì đều phải nhẫn chịu, Do đó : “Nghịch đến thuận thọ.” Thậm chí có người đến phỉ báng bạn, hoặc phá hoại danh dự của bạn, đều phải tu nhẫn nhục Ba La Mật, phải xem họ là thiện tri thức.

4). Siêng tu các hạnh, vĩnh viễn chẳng thôi chuyển: Bồ Tát siêng tu giới định huệ, diệt trừ tham sân si. Siêng

năng tu tập đủ thứ hạnh môn, tinh tấn lại tinh tấn, vĩnh viễn chẳng thối chuyển.

5). Dùng sức chánh niệm, tâm chẳng mê loạn: Bồ Tát tu pháp môn thiền định (sức chánh niệm). Có định lực rồi thì tâm chẳng điên đảo, cũng chẳng mê loạn. Gặp cảnh giới thì phân tích rõ ràng, chẳng bị cảnh giới chuyển, mà chuyển được cảnh giới, đây tức là công năng của sức chánh niệm.

6). Phân biệt biết rõ vô lượng các pháp: Bồ Tát tu pháp môn Bát Nhã. Dùng trí huệ Bát Nhã để phân biệt, để biết rõ đạo lý tất cả các pháp thật tướng. Ở trên là pháp môn lục độ, tu hành thanh tịnh thì đắc được cảnh giới Ba La Mật (đến bờ kia).

7). Tu tất cả hạnh mà chẳng chấp trước: Bồ Tát tu hành tất cả hạnh môn, cũng chẳng chấp trước nơi tất cả hạnh môn. Nếu trong tâm nghĩ ta tu pháp môn gì ? Thì đó là có chỗ chấp trước. Có chỗ chấp trước thì chẳng được giải thoát.

8). Tâm chẳng lay động, giống như núi chúa: Bồ Tát là như như bất động, liễu liễu thường minh. Giống như núi chúa Tu Di, tâm chẳng bị cảnh giới làm lay động.

9). Rộng độ chúng sinh, giống như kiền lương: Bồ Tát tu hành pháp thanh tịnh, tức là muốn độ khắp chúng sinh, lìa khổ được vui. Giống như cây cầu, lợi ích chúng sinh, từ bờ sinh tử bên này, đi đến bờ Niết Bàn bên kia.

10). Biết tất cả chúng sinh, đồng một thể tánh với các đức Như Lai: Bồ Tát biết chúng sinh và chư Phật là một thể. Do đó :

“Tâm, Phật, chúng sinh, cả ba chẳng khác nhau.”

Vì chúng sinh một niệm vô minh liền mê hoặc, luân chuyển ở trong luân hồi mà chẳng dừng lại. Phật là bậc Thánh nhân chẳng mê hoặc, cho nên thoát khỏi ba cõi, chẳng sinh chẳng diệt, pháp thân vĩnh viễn tồn tại. Do đó :

“Ngộ là Phật, mê là chúng sinh.”

Mười pháp này người tu hành phải tu, người người tu thành công thì người người cũng đều thành Phật.

Phật tử ! Đó là mười pháp, khiến cho các Bồ Tát sở hành thanh tịnh.

Đệ tử của Phật ! Mười pháp này hay khiến cho tất cả Bồ Tát sở tu hành đều đắc được thanh tịnh.

Bồ Tát đắc được hạnh thanh tịnh rồi, lại đắc được mười pháp tăng thêm thù thắng. Những gì là mười ? Một là chư Phật phương khác thấy đều hộ niệm. Hai là căn lành tăng trưởng thù thắng, vượt qua các bậc khác. Ba là khéo hay lãnh thọ, lực giá trị của Phật. Bốn là thường được thiện nhân làm chỗ nương tựa. Năm là an trụ tinh tấn, luôn chẳng phóng dật. Sáu là biết tất cả pháp, bình đẳng không khác. Bảy là tâm luôn an trụ, vô thượng đại bi. Tám là như thật quán pháp, sinh ra trí huệ vi diệu.

Chín là hay khéo tu hành, phương tiện khéo léo. Mười là biết được sức phương tiện của Như Lai.

Bồ Tát phát tâm bồ đề, tức nhiên đắc được hạnh thanh tịnh rồi, lại đắc được mười pháp tăng thêm thù thắng. Những gì là mười pháp tăng thêm thù thắng ?

1). Chư Phật phương khác, thấy đều hộ niệm: Mười phương chư Phật, đều hộ niệm gia trì vị Bồ Tát phát tâm bồ đề đó.

2). Căn lành tăng trưởng thù thắng, vượt qua các bậc khác: Bồ Tát ban đầu phát tâm bồ đề đắc được thanh tịnh rồi, thì căn lành sẽ tăng trưởng. Chẳng những tăng trưởng mà còn thù thắng, cho đến vượt qua hết thầy địa vị của Bồ Tát khác. Do đó : “Ban đầu phát tâm bồ đề, liền thành chánh giác.”

3). Khéo hay lãnh thọ sức gia trì của Phật: Bồ Tát đắc được pháp tăng thắng, thì khéo hay lãnh thọ sức gia trì của chư Phật. Nghĩa là trong tâm chẳng lay động, chẳng hoan hỷ chẳng bi ai, dùng định lực tam muội để tiếp thọ thần lực gia trì của chư Phật.

Chúng ta người học Phật, hoặc ngồi thiền, hoặc niệm Phật, hoặc tụng kinh, hoặc trì chú ? Lúc đó cảm thấy đầu tóc của mình giống như bị gió thổi động. Hoặc cảm giác trên đầu có con gì bò, nếu có sự cảm giác như thế, thì đó là chư Phật dùng tay để rờ đầu của bạn, khiến cho bạn thoát khỏi được ba cõi. Tóm lại, công phu tu hành đến cực điểm thì sẽ được chư Phật Bồ Tát đến gia trì, ban cho một sức lực mà đắc được trí huệ hơn người.

4). Thường được thiện nhân làm chỗ nương tựa: Bồ Tát luôn luôn được thiện trí thức làm chỗ nương tựa, làm chỗ cậy nhờ. Giống như trẻ con nương tựa cha mẹ bảo hộ thì được sự an toàn.

5). An trụ tinh tấn luôn chẳng phóng dật: Bồ Tát thì giữ giới luật, tuyệt đối chẳng phạm quy cụ. Ngài an trụ trong sự tinh tấn, thân tinh tấn, tâm tinh tấn, chẳng giải đãi phóng dật.

6). Biết tất cả pháp, bình đẳng không khác: Bồ Tát biết tất cả pháp, tuy nhiên chẳng giống, nhưng bản thể bình đẳng, chẳng có hai dạng.

7). Tâm luôn an trụ vô thượng đại bi: Tâm của Bồ Tát, thường an trụ ở vô thượng đại bi để cứu khổ tất cả chúng sinh. Do đó : “Đồng thể đại bi.” Bồ Tát có tư tưởng như vậy, chúng sinh thọ khổ, giống như chính mình đang thọ khổ.

8). Như thật quán sát, sinh ra trí huệ vi diệu: Bồ Tát thường suy gẫm thường quán sát đạo lý thật tướng của các pháp, cho nên hay sinh ra trí huệ vi diệu.

9). Hay khéo tu hành phương tiện khéo léo: Bồ Tát có đủ thứ sức lực tăng thêm thù thắng, lại hay khéo tu hành, tu hành diệu pháp phương tiện khéo léo.

10). Hay biết sức phương tiện của Như Lai: Bồ Tát hay biết hết thấy sức phương tiện của chư Phật.

Phật tử ! Đó là mười pháp tăng thêm thù thắng của Bồ Tát.

Đệ tử của Phật ! Đó là mười pháp tăng thắng của Bồ Tát. Có nhân hạnh thanh tịnh thì sẽ được quả thắng pháp.

Tức là: Tha lực thắng, tự thiện thắng, thâm định thắng, đồng hạnh thắng, trợ đạo thắng, chân trí thắng, ý lạc thắng, quán huệ thắng, tu hành thắng, tăng tấn thắng, mười thứ pháp tăng thắng.

Phật tử ! Bồ Tát có mười nguyện thanh tịnh. Những gì là mười ? Một là nguyện thành thực chúng sinh, chẳng có mỗi nhàm. Hai là nguyện làm đầy đủ các điều thiện, để thanh tịnh các thế giới. Ba là nguyện thừa sự Như Lai, thường sinh tôn trọng. Bốn là nguyện hộ trì chánh pháp, chẳng tiếc thân mạng. Năm là nguyện dùng trí quán sát, nhập vào các cõi nước chư Phật. Sáu là nguyện đồng một thể tánh với các Bồ Tát. Bảy là nguyện vào nhà Như Lai, thấu rõ tất cả pháp. Tám là kẻ thấy liền sinh niềm tin, đắc được lợi ích. Chín là nguyện thần lực trụ thế hết kiếp vị lai. Mười là nguyện đầy đủ hạnh Phổ Hiền, tịnh trị môn nhất thiết chủng trí.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng đệ tử của Phật ! Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, nên phát mười đại nguyện thanh tịnh này. Mười đại nguyện thanh tịnh này, chẳng những Bồ Tát phải phát, mà chúng ta cũng phải phát. Nếu viên mãn

mười đại nguyện thanh tịnh này, tức là thành tựu quả vị Bồ Tát.

Hết thấy chúng sinh, phải phát mười nguyện thanh tịnh này, cảm thấy đúng tâm ý thì có thể phát nguyện. Vì nguyên nhân này, cho nên phải giảng kinh, phải nghe kinh, phải tụng kinh. Nếu chỉ phát nguyện mà chẳng tu hành, thì chẳng ích gì. Đừng nghĩ như vậy: Đây là nguyện của Bồ Tát phát, chẳng có quan hệ gì với chúng ta. Vậy chúng ta đại khái không cần giảng kinh, không cần nghe kinh, không cần tụng kinh. Tại sao ? Ngược lại kinh điển chẳng có quan hệ gì với chúng ta. Tư tưởng này sai lầm lại càng sai lầm ! Vì nguyện của Bồ Tát, ai ai cũng nên phát, ai ai cũng nên hành, cho nên chúng ta phải giảng kinh, phải nghe kinh, phải tụng kinh điển, phải nghiên cứu kinh điển, sau đó y theo pháp tu hành, mới đắc được tự tại giải thoát. Do đó, chúng ta cũng phải phát mười điều nguyện thanh tịnh này, thì mới trở thành Bồ Tát lỗi lạc phi phạm xuất chúng. Những gì là mười điều nguyện thanh tịnh ? Tức là:

1). Nguyện thành thực chúng sinh, chẳng có mỗi nhàm: Phát nguyện độ thoát chúng sinh, Do đó : “Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ.” Khiến cho chúng sinh căn lành thành thực, thì thành tựu vô thượng bồ đề. Công tác này tuy là khó khăn, nhưng Bồ Tát cũng chẳng mỗi nhàm. Do đó : “Chịu nhọc chịu oán,” chẳng cảm thấy là việc khổ nhọc.

2). Nguyện làm đầy đủ các việc thiện, thanh tịnh các thế giới: Phát nguyện làm đủ thứ việc lành, dùng công đức lành để trang nghiêm các thế giới, khiến cho tất cả thế giới cũng thanh tịnh.

3). Nguyên thừa sự Như Lai, thường sinh tôn trọng: Phát nguyện thừa sự chư Phật. Lúc nào cũng sinh tâm tôn trọng chư Phật.

4). Nguyên hộ trì chánh pháp chẳng tiếc thân mạng: Phát nguyện muốn hộ trì tất cả chánh pháp, phàm là có người hoằng dương Phật pháp, thì chúng ta đều nên hộ trì. Vì hộ trì chánh pháp, dù hy sinh thân mạng cũng chẳng tiếc. Do đó : “Vì pháp quên mình,” tinh thần như thế thật là vĩ đại !

5). Nguyên dùng trí quán sát, nhập vào cõi nước chư Phật: Phát nguyện dùng trí huệ để quán sát mười phương cõi nước chư Phật. Quán sát nên đi đến cõi nước nào để giúp Phật giáo hóa chúng sinh ? Thì đi đến cõi đó.

6). Nguyên đồng một thể tánh với các Bồ Tát: Phát nguyện đồng một nguyện, đồng một tâm, đồng một thể, đồng một tánh, với mười phương các Bồ Tát. Tức cũng là đồng một pháp thân.

7). Nguyên vào nhà Như Lai, biết rõ tất cả pháp: Phát nguyện vào nhà của Như Lai, mặc y Như Lai, ngồi tòa Như Lai, thấu rõ pháp của Như Lai, tu hành đạo của Như Lai.

8). Nguyên kẻ thấy bèn sinh niềm tin, được lợi ích: Phát nguyện phàm là chúng sinh thấy được Bồ Tát, đều sinh tín ngưỡng, phát tâm bồ đề. Chẳng có một chúng sinh nào mà chẳng đắc được lợi ích. Lợi ích gì ? Tức là lợi ích dứt trừ phiền não chúng bồ đề.

9). Nguyên thân lực trụ thế, hết kiếp vị lai: Phát nguyện muốn có sức thần thông, thường trụ thế gian, giáo hóa chúng sinh. Hết thưở vị lai để bảo hộ chúng sinh. Dùng

sức thần thông khiến cho chúng sinh bỏ trần hợp giác, thoát khỏi biển khổ, đắc được an lạc.

10). Nguyên đầy đủ hạnh Phổ Hiền, tịnh trị môn nhất thiết chủng trí: Phát nguyện đầy đủ mười đại nguyện vương của Phổ Hiền:

- Một là lễ kính chư Phật.
- Hai là xưng tán Như Lai.
- Ba là rộng tu cúng dường.
- Bốn là sám hối nghiệp chướng.
- Năm là tùy hỷ công đức.
- Sáu là thỉnh chuyển pháp luân.
- Bảy là thỉnh Phật trụ thế.
- Tám là thường tùy Phật học.
- Chín là hằng thuận chúng sinh.
- Mười là phổ giai hồi hướng.

Tu hành hạnh thanh tịnh để đối trị tất cả phiền não, thành tựu môn nhất thiết chủng trí.

Phật tử ! Đó là mười điều nguyện thanh tịnh của Bồ Tát.

Đệ tử của Phật ! Mười điều nguyện vừa nói ở trước:

- Một là vì thành thực nguyện của chúng sinh.
- Hai là vì thanh tịnh cõi nước chư Phật.
- Ba là nguyện cúng dường chư Phật.
- Bốn là nguyện hộ trì chánh pháp.
- Năm là nguyện thừa sự chư Phật.
- Sáu là nguyện đồng căn lành với Bồ Tát.
- Bảy là nguyện nhiếp pháp là thượng thủ.
- Tám là nguyện ba nghiệp chẳng không.

- Chín là nguyện tu đầy đủ vạn hạnh.
- Mười là nguyện thành Chánh Giác.

Đó là mười điều nguyện thanh tịnh của Bồ Tát pháp. Chúng ta hiện tại nghe được mười điều nguyện này cũng phải phát mười điều nguyện này. Do đó : “Nguyện ra sao thì quả như vậy.” Bồ Tát tu hạnh thanh tịnh, phát nguyện thanh tịnh, thành tựu quả thanh tịnh. Chúng ta phải hướng về Bồ Tát nhìn cho bằng Bồ Tát, do đó : “Thấy bậc hiền thì nghĩ làm cho bằng họ,” chuyên tâm học tập tinh thần của Bồ Tát.

Phật tử ! Bồ Tát trụ mười pháp, khiến cho các đại nguyện đều được viên mãn. Những gì là mười ? Một là tâm chẳng nhàm mỏi. Hai là đủ đại trang nghiêm. Ba là niệm nguyện lực thù thắng của các Bồ Tát. Bốn là nghe cõi nước chư Phật thì nguyện vãng sinh. Năm là thâm tâm lâu dài hết kiếp vị lai. Sáu là nguyện tất thành tựu tất cả chúng sinh. Bảy là trụ tất cả kiếp, chẳng cho rằng nhọc. Tám là thọ tất cả khổ, chẳng sinh nhàm lìa. Chín là nơi tất cả vui sướng, tâm chẳng chấp trước. Mười là thường siêng thủ hộ pháp môn vô thượng.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng đệ tử của Phật ! Bồ Tát phát tâm bồ đề, phải thường trụ ở mười pháp này, thì mới khiến cho nguyện đã phát ra đều được viên mãn. Những gì là mười pháp ? Tức là:

1). Tâm chẳng nhàm mỏi: Tâm của Bồ Tát dũng mãnh tinh tấn, đối với tất cả pháp chẳng sinh nhàm mỏi, chẳng sinh phiền não. Phật pháp tuy rộng như biển cả, nhưng lần lượt tu hành tiến dần tiến dần, thì công đạo tự nhiên thành. Không thể một ngày nóng mười ngày lạnh, không thể thấy khác nghĩ lệch. Hai thứ tư tưởng này là đá cột chân người tu hành, nếu có những tư tưởng này thì vĩnh viễn cũng không thể thành tựu.

Hiện tại có người khởi vọng tưởng: Phật pháp có tám vạn bốn ngàn pháp môn, lúc nào mới có thể tu hết ? Khi ý niệm này sinh ra thì sẽ sinh nhàm chán đối với Phật pháp. Người học Phật phải vào sâu tạng kinh, trí huệ như biển. Có trí huệ rồi thì một thông tất cả đều thông. Không thể cho rằng Phật pháp như biển cả mà sinh tâm thôi chuyễn, đó chẳng phải là hành vi của người tu hành. Đừng có tư tưởng như vậy: “Tôi học Phật nhiều năm, ngày ngày nghiên cứu Phật pháp, hằng ngày nghe kinh nghe pháp, song chẳng đắc được lợi ích.” Bạn đã đắc được năm sự lợi ích mà chính bạn vẫn không biết.

- Lợi ích thứ nhất là bạn ở chùa Kim Sơn học tập Phật pháp, chẳng thể đi ra ngoài giết người phóng lửa. Ở trong danh sách phạm tội chẳng có tên của bạn, đây chẳng phải là điều lợi ích chẳng ?

- Lợi ích thứ hai là bạn ở chùa Kim Sơn nghiên cứu Phật pháp, chẳng thể đi ra ngoài trộm cắp, ở trong danh

sách tội phạm chẳng có tên của bạn, đây chẳng phải là điều lợi ích chăng ?

- Điều lợi thứ ba là bạn ở chùa Kim Sơn tham thiền đả tọa, chẳng thể đi ra ngoài hành dâm dục, hoặc cưỡng hiếp, trong danh sách tội phạm chẳng có tên của bạn, đây chẳng phải là lợi ích chăng ?

- Điều lợi thứ tư là bạn ở chùa Kim Sơn niệm Phật lay Phật, chẳng thể đi ra ngoài nói dối lường gạt người, trong danh sách tội phạm chẳng có tên của bạn, đây chẳng phải là lợi ích chăng ?

- Điều lợi thứ năm là bạn ở chùa Kim Sơn phiên dịch kinh điển, hoặc duyệt lại kinh điển, chẳng thể đi ra ngoài uống rượu hoặc hút độc, trong danh sách tội phạm chẳng có tên của bạn, đây chẳng phải là lợi ích chăng ?

Thân nghiệp của bạn cũng thanh tịnh, khẩu nghiệp của bạn cũng thanh tịnh. Nếu chẳng tham, chẳng sân, chẳng si, thì ý nghiệp cũng thanh tịnh. Ba nghiệp thanh tịnh, đây chẳng phải là ích lợi của sự học Phật pháp chăng ? Song, nếu chẳng học tập Phật pháp thì thân dễ phạm sát sinh, trộm cắp, tà dâm, ba điều ác; miệng dễ phạm nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, nói chửi mắng, bốn điều ác; ý thì dễ phạm tham, sân, si, ba điều ác. Ba nghiệp nếu chẳng thanh tịnh, nhẹ thì gia đình chẳng hòa thuận, nặng thì xã hội chẳng an ninh, phạm mười điều tội ác thì bị tòa án phạt hoặc bắt bỏ vào tù, thọ khổ vô tận. Lúc đó sám hối cũng chẳng kịp nữa. Học tập Phật pháp, giữ gìn năm giới thì những tai nạn đó đều chẳng có, đây chẳng phải là ích lợi chăng ?

2). Đủ đại trang nghiêm: Người học Phật pháp, lấy sự trang nghiêm của chư Phật để tự trang nghiêm, lấy sự

trang nghiêm của Bồ Tát để tự trang nghiêm, lấy sự trang nghiêm của A la hán để tự trang nghiêm. Chúng ta trang nghiêm và Thánh nhân trang nghiêm, lâu dần trở thành giống nhau không khác, cho nên nói đầy đủ sự trang nghiêm rộng lớn.

3). Niệm nguyện lực thù thắng của các Bồ Tát: Đừng quên niệm nguyện lực thù thắng của các Bồ Tát đã phát ra. Như vậy thì nguyện lực của bạn cũng sẽ viên mãn. Nguyện của Bồ Tát phát, là nguyện độ tất cả chúng sinh, nguyện thành Phật đạo. Nguyện vì chúng sinh thọ khổ, nguyện thọ nhận sự chưởi mắng của chúng sinh, nguyện tiếp thọ sự phỉ báng của chúng sinh, đó là nguyện lực thù thắng của Bồ Tát. Bồ Tát là chúng sinh trong quá khứ phát tâm bồ đề. Chúng ta là Bồ Tát hiện tại phát tâm bồ đề. Chúng sinh vị lai phát tâm bồ đề thì đều là Bồ Tát. Tóm lại, chúng sinh quá khứ phát tâm bồ đề là Bồ Tát, chúng sinh hiện tại phát tâm bồ đề là Bồ Tát, chúng sinh vị lai phát tâm bồ đề là Bồ Tát, cho nên ai ai cũng đều có thể làm Bồ Tát. Việc của Bồ Tát muốn làm thì phạm phu đều chẳng muốn làm. Tại sao ? Vì tư tưởng của Bồ Tát là lợi tha, tư tưởng của phạm phu là lợi mình, cho nên tương phản với nhau. Phạm phu thì tham, Bồ Tát thì chẳng tham; phạm phu thì sân, Bồ Tát thì chẳng sân; phạm phu thì si, Bồ Tát thì chẳng si. Bồ Tát tiêu trừ tham sân si, tu hành viên mãn thành tựu giới định huệ, cho nên đây là nguyện lực thù thắng của Bồ Tát. Nguyện lực của Bồ Tát là muốn thọ khổ thay thế cho chúng sinh. Chúng ta chúng sinh có chịu vì chúng sinh thọ khổ như thế chẳng ? Ai có tinh thần hy sinh như thế, có thể nói là “đuôi phụng sừng lân,” hiếm lại càng hiếm. Bồ Tát là chúng sinh gốc nhất. Tại sao lại nói như thế ? Vì Bồ Tát có tinh thần

vì người mà chẳng vì mình, nơi nơi đều chịu thiệt thòi, chẳng muốn chiếm tiện nghi. Đây là biểu hiện chẳng ích kỷ lợi mình. Bồ Tát muốn xả mình vì người, chẳng vì mình mà tính toán. Vì kẻ khác mà quên đi chính mình, ai làm được trình độ như thế, thì người đó là Bồ Tát. Người tu hành chẳng phát tâm bồ đề, thì vĩnh viễn là chúng sinh. Do đó, có thể thấy đây là sự khác biệt giữa chúng sinh và Bồ Tát, tức là quan hệ giữa sự phát tâm bồ đề. Nói tóm lại, phát tâm bồ đề là Bồ Tát, phát nghiệp tâm là chúng sinh.

4). Nghe cõi nước của chư Phật thì đều nguyện vãng sinh: Nếu muốn viên mãn tất cả nguyện, khi nghe được cõi nước của mười phương chư Phật, thì hoàn toàn nguyện vãng sinh. Tại sao ? Vì Bồ Tát muốn gởi gắm chư Phật, học tập pháp của chư Phật nói, tăng trưởng trí huệ, tương lai vì giáo hoá chúng sinh, làm thức ăn tinh thần.

5). Thâm tâm lâu dài, hết kiếp vị lai: Phải phát tâm tin Phật pháp sâu xa, trải qua thời gian lâu dài, hết kiếp vị lai cũng chẳng thoái tâm. Dùng tâm tin sâu và đại nguyện để học tập Phật pháp.

6). Nguyện đều thành tựu tất cả chúng sinh: Chúng sinh có mong cầu gì, thì Bồ Tát đều làm cho họ mãn nguyện. Chúng sinh cầu phú quý thì được phú quý, cầu sống lâu thì được sống lâu, cầu con cái thì được con cái, phàm là tất cả chúng sinh có sở cầu, thì Bồ Tát nhất định làm cho họ mãn nguyện. Đây tức là tâm từ bi của Bồ Tát.

7). Trụ tất cả kiếp, chẳng cho rằng nhọc: Bồ Tát vì làm cho chúng sinh được mãn nguyện, mà trụ ở trong tất cả kiếp, trải qua thời gian lâu dài vô số kiếp, Ngài cũng chẳng cho rằng khổ nhọc. Do đó, “chịu nhọc chịu oán.” Khiến

cho chúng sinh đắc được an lạc, dù có nhảy vào dầu sôi lửa bỏng, Bồ Tát cũng cam tâm tình nguyện, chẳng khước từ.

8). Thọ tất cả khổ, chẳng sinh nhàm lia: Bồ Tát nguyện thọ khổ thay thế cho chúng sinh. Tại sao ? Vì:

“Thọ khổ thì hết khổ
Hưởng phước thì hết phước.”

Khô phải thọ thì mới hết, nếu chẳng thọ khổ thì vĩnh viễn tồn tại. Nếu có phước báo mà cứ hưởng thọ, thì phước báo sẽ tiêu hao. Khi hưởng thọ hết phước báo, thì phải thọ khổ. Cho nên tư tưởng của Bồ Tát và chúng sinh trái ngược nhau. Bồ Tát thọ khổ thế cho chúng sinh, giống như chính mình thọ khổ, cho nên chẳng sinh tâm nhàm lia.

9). Nơi tất cả vui, tâm chẳng tham trước: Bồ Tát phát tâm bồ đề, đối với hết thấy tất cả cảnh giới an vui, trong tâm chẳng tham trước, đem tất cả sự an vui hồi hướng cho pháp giới tất cả chúng sinh.

Các vị hãy xem ! Bồ Tát phát tâm đều vì trợ giúp chúng sinh, quên đi chính mình. Tuy trợ giúp kẻ khác mà chẳng có tâm xí đồ. Các vị ! Ai chịu đi trợ giúp chúng sinh mà quên đi chính mình, đây tức là tâm từ bi của Bồ Tát. Nếu quên mình đi chẳng được, chẳng chịu đi trợ giúp chúng sinh, đây tức là chúng sinh ích kỷ. Mình hãy tự hỏi mình, là Bồ Tát chẳng ? Hay là chúng sinh ? Tự mình phản tỉnh mình sẽ biết. Tóm lại, đối với tất cả sự việc chẳng tham trước, đối với tất cả khổ chẳng nhàm lia thì gọi là Bồ Tát.

10). Thường siêng thủ hộ, pháp môn vô thượng: Trách nhiệm của Bồ Tát là hộ trì Phật Pháp Tăng Tam Bảo, thường thường siêng năng thủ hộ pháp môn vô thượng.

Phật tử ! Khi Bồ Tát đầy đủ nguyện như vậy, thì liền đắc được mười tạng vô tận. Những gì là mười ? Đó là: Tạng vô tận khắp thấy chư Phật. Tạng vô tận tổng trì chẳng quên. Tạng vô tận quyết rõ các pháp. Tạng vô tận đại bi cứu hộ. Tạng vô tận đủ thứ tam muội. Tạng vô tận mãn tâm chúng sinh phước đức rộng lớn. Tạng vô tận diễn nói tất cả pháp trí huệ thâm sâu. Tạng vô tận báo được thần thông. Tạng vô tận trụ vô lượng kiếp. Tạng vô tận vào vô biên thế giới.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng đệ tử của Phật ! Khi Bồ Tát trụ ở mười pháp, hay đầy đủ mười đại nguyện thanh tịnh đã phát ra, thì liền được mười thứ tạng vô tận, tức là bảo tạng chẳng có cùng tận. Do đó : ‘Đức rộng lớn vô cùng là vô tận, đức bao hàm vô tận là tạng - Trí huệ rộng lớn, bao hàm các pháp là tạng.’ Tóm lại, kinh điển bao hàm uẩn tích văn nghĩa là tạng. Những gì là mười tạng vô tận ?

1). Tạng vô tận thấy khắp chư Phật: Thấy được khắp hết thấy chư Phật, thấy xong vị Phật này, lại thấy vị Phật kia, luôn luôn thấy Phật, luôn luôn nghe pháp mà chẳng cùng tận.

2). Tạng vô tận tổng trì chẳng quên: Đà la ni dịch là tổng trì, tức cũng là chân ngôn (thần chú). Tổng trì tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa, đây là pháp tổng trì. Do đó :

“Tổng thân miệng ý ba nghiệp thanh tịnh
Trì giới định huệ ba học viên minh.”

Chẳng quên tức là học tập tất cả Phật pháp, hay thọ trì, hay đọc tụng thì vĩnh viễn chẳng quên vô lượng tạng pháp của chư Phật nói.

3). Tạng vô tận quyết rõ các pháp: Quyết định hiểu rõ tất cả các pháp, bất cứ có bao nhiêu pháp môn, đều minh bạch hết.

4). Vô tận tạng đại bi cứu hộ: Minh bạch tất cả các pháp, phải có tâm đại bi cứu hộ tất cả chúng sinh lìa khổ được vui, khiến cho chúng sinh chấm dứt sinh tử.

5). Tạng vô tận đủ thứ tam muội: Tam muội tức là định. Định có chín định thứ lớp, tức là tứ thiền, tứ không, diệt thọ tưởng định (diệt hết hai uẩn thọ tưởng). Tam muội có nhiều vô lượng vô biên, cho nên nói là tạng vô tận.

6). Tạng vô tận mãn tâm chúng sinh, phước đức rộng lớn: Tâm của chúng sinh rất khó mãn túc, vì tham chẳng biết chán. Do đó : “Chư Phật và Bồ Tát khó làm mãn nguyện chúng sinh.” Bồ Tát dùng phước đức rộng lớn để thỏa mãn tâm chúng sinh, khiến cho chúng sinh toại tâm mãn nguyện, đầy đủ tất cả sự việc mong cầu.

7). Tạng vô tận diễn nói tất cả pháp, trí huệ thâm sâu: Diễn nói pháp của mười phương chư Phật nói, có thể một nghĩa lý diễn nói thành vô lượng nghĩa lý; và vô lượng nghĩa lý quy về một nghĩa lý. Có trí huệ thâm sâu, thì mới có biện tài vô ngại.

8). Tạng vô tận báo được thần thông: Thần thông mà có là do đời này tu mà đắc được, cũng có khi đời trước tu hành mà được. Tu đắc được thần thông tức là đời này tinh tấn tu hành, lâu dần thì sẽ đắc được thần thông. Báo đắc được thần thông, tức là sự tu hành của đời trước vẫn chưa quên mất, đời này nhân duyên chín mùi nên đắc được thần thông. Hai thứ thần thông này vô cùng vô tận. Hết thấy chúng ta phải thật tâm mà tu hành (tham thiền), thì đều sẽ đắc được thần thông, khai mở đại trí huệ. Tại sao chúng ta chẳng có thần thông ? Vì vọng tưởng quá nhiều, tâm chẳng chuyên nhất, cho nên tu chẳng có thần thông.

9). Tạng vô tận trụ vô lượng kiếp: Bồ Tát trong vô lượng kiếp, trụ ở trên thế gian để giáo hóa chúng sinh, độ thoát chúng sinh, chẳng cảm thấy thời gian quá dài, cho nên đắc được tạng vô tận này.

10). Tạng vô tận nhập vào vô biên thế giới: Bồ Tát phát đại nguyện, nguyện đi đến hết thấy thế giới để cúng dường chư Phật, giáo hóa chúng sinh. Chỉ cần nơi nào có chúng sinh, thì Bồ Tát đều đi đến độ thoát họ thoát khỏi ba cõi. Vì chúng sinh trôi nổi ở trong biển khổ, cần chư Phật Bồ Tát từ bi đến cứu độ, cho nên Bồ Tát Quán Thế Âm nương thuyền từ bi trở lại thế giới Ta Bà, để cứu chúng sinh thọ khổ thọ nạn.

Phật tử ! Đó là mười tạng vô tận của Bồ Tát.

Đệ tử của Phật ! Đó là mười tạng vô tận của Bồ Tát. Trong bốn Kinh phẩm thứ hai mươi hai, Bồ Tát Công Đức Lâm nói mười tạng vô tận là: Tín tạng, giới tạng, tâm tạng,

quý tạng, văn tạng, thí tạng, huê tạng, niêm tạng, trì tạng, biện tạng, chẳng giống với mười tạng vô tận này.

Bồ Tát được mười tạng này rồi, thì phước đức đầy đủ, trí huệ thanh tịnh. Đối với các chúng sinh tùy thuận chúng sinh, đáng được giáo hóa mà vì họ nói pháp.

Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, đắc được mười tạng vô tận này rồi, thì phước và đức đều đầy đủ trang nghiêm, đắc được trí huệ tối thượng thanh tịnh. Đối với tất cả chúng sinh, tùy theo chúng sinh đáng được giáo hóa, mà vì họ nói pháp. Nghĩa là đáng dùng thân Phật độ được, liền hiện ra thân Phật để vì họ nói pháp, đáng dùng thân Bồ Tát độ được, liền hiện ra thân Bồ Tát để vì họ nói pháp; đáng dùng thân A La Hán độ được, liền hiện ra thân A La Hán để vì họ nói pháp; đáng dùng thân Tỳ Kheo, hoặc Tỳ Kheo Ni độ được, liền hiện ra thân Tỳ Kheo, hoặc Tỳ Kheo Ni để vì họ nói pháp; đáng dùng thân Ưu bà tắc (cư sĩ nam) hoặc Ưu bà di (cư sĩ nữ) độ được, liền hiện ra thân Ưu bà tắc, hoặc Ưu bà di để vì họ nói pháp.

Phật tử ! Đối với các chúng sinh, Bồ Tát làm thế nào mà tùy thuận chúng sinh đáng được độ, để vì họ nói pháp ? Đó là: Biết việc của họ làm. Biết nhân duyên của họ. Biết tâm suy nghĩ của họ. Biết sự ưa thích của họ.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng đệ tử của Phật ! Đối với tất cả chúng sinh, Bồ Tát làm thế nào mà tùy chúng sinh đáng được giáo hóa để vì họ nói pháp ? Bồ Tát phải biết nghiệp của chúng sinh tạo, phải thọ quả báo gì? Sau đó đối cơ của chúng sinh mà vì chúng sinh nói pháp. Bồ Tát phải biết tiền nhân hậu quả của chúng sinh, tất cả nhân duyên thành thực, hoặc chưa thành thực ? Phải biết sự suy nghĩ và sự hành động ở trong tâm của chúng sinh như thế nào ? Phải biết sự hoan hỷ và ưa thích ở trong tâm của chúng sinh là gì ? Minh bạch bốn tình hình này rồi đối với chúng sinh nói pháp mới có hiệu quả. Tức cũng là thấu rõ tâm lý của chúng sinh, mới dễ dẫn đến sự tín tâm. Do đó : “Quán cơ đầu giáo,” tức cũng là vì người nói pháp. Tùy thời tùy lúc đều là cơ hội nói pháp. Bất quá phải có trí huệ chọn lựa, đối với kẻ lợi căn thì nói pháp Bát Nhã; đối với kẻ độ căn thì nói pháp nhân duyên.

Bồ Tát đối với người nhiều tham dục, thì vì họ nói pháp bất tịnh. Người nhiều sân hận, thì vì họ nói pháp đại bi. Người nhiều ngu si, thì vì họ dạy siêng tu quán sát. Người ba độc bằng nhau, thì vì họ nói pháp môn thành tựu trí huệ thù thắng. Người ưa sinh tử, thì vì họ nói ba thứ khổ. Nếu người chấp trước xứ sở, thì nói pháp hư không tịch. Người tâm giải đãi, thì nói pháp đại tinh tấn. Người ngã mạn thì nói pháp

bình đẳng. Người nhiều dua nịnh dối trá, thì vì họ nói tâm Bồ Tát ngay thẳng. Người ưa vắng lặng thì rộng vì họ nói pháp, khiến cho họ thành tựu. Bồ Tát tùy theo người đáng độ được, mà vì họ nói pháp như vậy.

Bồ Tát tùy thuận sự thời cơ của chúng sinh mà nói ra mười pháp dưới đây:

1). Đối với chúng sinh nhiều tham dục, thì vì họ nói pháp quán bất tịnh. Quán thân mình bất tịnh:

- Một là nghĩ về sự chết
- Hai là quán sinh lên.
- Ba là nghĩ về máu đọng ứ.
- Bốn là nghĩ về mũ hôi hám.
- Năm là nghĩ về hủy hoại.
- Sáu là nghĩ về máu chảy.
- Bảy là nghĩ về dòi, trùng ăn.
- Tám là nghĩ về cốt xương.
- Chín là nghĩ về tan hoại.

Đây là chín sự quán tưởng bất tịnh. Hoặc là thường quán chín lỗ thường chảy ra đồ dơ dáy.

Lại quán thân bất tịnh là:

- Một là chủng tử bất tịnh.
- Hai là trụ xứ bất tịnh.
- Ba là tự tướng bất tịnh.
- Bốn là tự thể bất tịnh.
- Năm là cứu kính bất tịnh.

Hay tu quán như vậy thì chẳng còn tâm tham dục nữa. Đây là một trong ngũ đình tâm quán. Ngũ đình tâm quán tức là:

- Một là quán bất tịnh.
- Hai là quán từ bi.
- Ba là quán nhân duyên.
- Bốn là quán giới phân biệt.
- Năm là quán sở tức.

Quán bất tịnh đối trị bệnh tham dục. Quán từ bi đối trị bệnh nhiều sân hận. Quán nhân duyên đối trị bệnh ngu si. Quán giới phân biệt đối trị bệnh nhiều ngã kiến. Quán sở tức đối trị bệnh nhiều tán loạn.

2). Đối với chúng sinh nhiều sân hận, thì vì họ nói pháp quán từ bi. Thấy chúng sinh đáng thương mà ngừng lại tâm sân hận, phát khởi tâm đại bi, sẽ chẳng còn tâm sân hận.

3). Đối với chúng sinh nhiều ngu si, thì vì họ nói pháp nhân duyên. Quán mười hai nhân duyên, tu hành pháp môn nhân quả báo ứng. Dứt vô minh thì sẽ hết sinh tử.

4). Đối với chúng sinh tham sân si đồng đều, thì vì họ nói pháp thành tựu thắng trí, tức là làm thế nào để tu pháp môn trí huệ thù thắng.

5). Đối với chúng sinh tham ưa sinh tử, thì vì họ nói pháp ba thứ khổ. Ba khổ là:

- Khổ khổ.
- Hoại khổ.
- Hành khổ.

Khổ khổ là khổ của người nghèo, hoại khổ là khổ của kẻ giàu, hành khổ là khổ của mọi người.

6). Đối với chúng sinh chấp trước xứ sở, thì vì họ nói pháp hư không tịch. Xứ sở vốn là không, đừng chấp trước.

7). Đối với chúng sinh tâm giải đãi, thì vì họ nói pháp đại tinh tấn. Khiến cho họ dụng công tu hành.

8). Đối với chúng sinh cống cao ngã mạn thì vì họ nói pháp bình đẳng. Do đó :

“Pháp thì bình đẳng
Chẳng có cao thấp.”

Không nên có tư tưởng và hành vi ngã mạn.

9). Đối với chúng sinh đua nịnh dối trá, thì vì họ nói pháp về tâm Bồ Tát, là ngay thẳng, chẳng có cong vạy.

10). Đối với chúng sinh hoan hỷ vắng lặng, thì vì họ rộng nói tất cả pháp, khiến cho họ thành tựu tam muội. Bồ Tát nên vì chúng sinh nói pháp như vậy.

Vì lúc nói pháp vẫn liên thuộc với nhau, nghĩa chẳng trái ngược. Quán sát pháp trước sau, dùng trí phân biệt. Thẩm định phải quấy, chẳng trái pháp ấn. Kiến lập thứ tự, vô biên hạnh môn. Khiến cho các chúng sinh dứt trừ tất cả nghi. Khéo biết các căn, nhập vào giáo lý của Như Lai. Chúng được chân thật tế, biết pháp bình đẳng. Dứt các pháp ái, trừ tất cả chấp. Thường niệm chư Phật, tâm chẳng tạm lìa. Biết rõ âm thanh thể tánh bình đẳng. Nơi

các chân ngôn, tâm chẳng chấp trước. Khéo nói ví dụ, chẳng trái ngược nhau. Điều khiến cho được ngộ, tất cả chư Phật, tùy nghi khắp hiện trí thân bình đẳng.

Bồ Tát vì chúng sinh nói pháp, thì kinh văn trước sau phải quán thông với nhau, chẳng trái ngược. Đạo lý nói ra chẳng có sai trái. Quán sát pháp trước sau, dùng trí huệ để phân biệt. Hoặc đúng hoặc chẳng đúng phải thâm định, không thể trái với các pháp ấn thật tướng. Từng bước từng bước kiến lập vô biên pháp môn tu hành, khiến cho tất cả chúng sinh dứt trừ nghi hoặc từng chút từng chút. Khéo biết các căn của chúng sinh. Dùng pháp môn phương tiện khéo léo để giáo hóa, khiến cho nhập vào biển giáo lý của Như Lai, chứng được lý thể chân chánh thật tế. Biết tất cả pháp là bình đẳng, không nên phân biệt cao thấp. Dứt trừ tất cả pháp ái, tiêu trừ tất cả chấp trước. Phải luôn nhớ niệm tất cả chư Phật, trong tâm thời khắc chẳng quên chư Phật. Thấu rõ tất cả âm thanh, thể tánh của nó cũng là bình đẳng. Đối với tất cả lời nói, tâm chẳng chấp trước. Khéo nói đủ thứ ví dụ, mà chẳng trái với nghĩa lý kinh văn. Hoàn toàn khiến cho tất cả chúng sinh, đều ngộ được nhân duyên tùy thuận chúng sinh của tất cả chư Phật, mà khắp thị hiện thân trí huệ bình đẳng.

Bồ Tát vì các chúng sinh mà diễn nói pháp như vậy. Tức tự mình tu tập, tăng trưởng nghĩa lý lợi ích. Chẳng xả bỏ các

lục độ. Đầy đủ trang nghiêm đạo Ba La Mật.

Bồ Tát phát tâm bồ đề, thì vì chúng sinh nói pháp đáng nói, nghĩa là đối với chúng sinh tham dục nhiều, thì dạy họ tu quán bất tịnh. Đối với chúng sinh sân hận nhiều, thì dạy họ quán từ bi. Đối với chúng sinh ngu si nhiều, thì dạy họ quán nhân duyên. Dùng đủ thứ pháp môn phương tiện khéo léo, để vì chúng sinh nói pháp, dùng đủ thứ ví dụ để vì chúng sinh nói pháp. Khiến cho chúng sinh minh bạch đạo lý của pháp, y pháp tu hành. Do đó, Bồ Tát vì chúng sinh diễn nói diệu pháp. Bồ Tát là độ mình độ người, chẳng những vì chúng sinh nói pháp mà chính mình cũng tu tập, mới tăng trưởng nghĩa lý, đắc được trí huệ và lợi ích. Bồ Tát chẳng phải là khẩu đầu thiền, dạy người tu hành mà mình chẳng tu hành. Bồ Tát chẳng xả bỏ pháp môn lục độ vạn hạnh. Chẳng phải dạy người tu lục độ, còn mình thì chẳng tu lục độ. Dạy người bố thí cho mình, nhưng mình thì chẳng bố thí cho người. Bồ Tát tự mình tu bố thí, cũng dạy người khác tu bố thí, cho đến tự mình tu Bát Nhã, cũng dạy người tu Bát Nhã. Như vậy phước huệ đầy đủ, phước huệ trang nghiêm mà thành Phật đáng Lưỡng Túc. Bồ Tát cung hành thật tiến, thân thể lục hành để tu Ba La Mật, tức cũng là pháp môn đến bờ kia.

Bấy giờ, Bồ Tát vì khiến cho tâm chúng sinh được đầy đủ, trong ngoài đều xả bỏ mà chẳng chấp trước, đó là thanh tịnh được bố thí Ba La Mật.

Lúc đó, vị Bồ Tát phát tâm hành Bồ Tát đạo, vì khiến cho tâm chúng sinh được đầy đủ. Nguyên của chúng sinh là mình được đầy đủ, nguyện của Bồ Tát là lợi ích chúng sinh. Chúng sinh có tư tưởng ích kỷ lợi mình, Bồ Tát thì có tư tưởng đại công vô tư. Chỗ khác nhau giữa Bồ Tát và chúng sinh là tại chỗ này. Bồ Tát minh bạch tâm lý của chúng sinh, do đó :

“Muốn khiến vào trí Phật
Trước dùng câu đục móc.”

Ví như, chúng sinh chẳng có cơm ăn, thì mang bát cơm đến cho họ. Chúng sinh chẳng có đồ mặc, thì mang đồ mặc đến cho họ. Chúng sinh đó cảm kích ân đức của bạn, mà sinh hảo cảm đối với bạn, làm người bạn tốt với bạn, trở thành ân nhân. Bạn đến chùa Kim Sơn nghe kinh Hoa Nghiêm, họ sẽ thọ ảnh hưởng của bạn, cũng sẽ đến chùa Kim Sơn nghe kinh Hoa Nghiêm. Nghe tới nghe lui, thì sẽ có cảm giác Phật pháp là pháp cứu đời, là đèn sáng của đêm tối, là con đường chân chánh mà phát tâm bồ đề, quy y Tam Bảo, trở thành Phật tử.

Đây cũng là một bộ phận mãn tâm nguyện của chúng sinh. Bồ Tát có thể bên trong thì xả bỏ đầu mắt tủy não, bên ngoài thì xả bỏ đất nước vợ con. Trong ngoài đều xả được, một chút chấp trước cũng chẳng còn. Do đó :

“Xả được mới đắc được
Không xả không đắc được.”

Cho nên không xả được cũng phải xả, tu hành như vậy thì sẽ thanh tịnh pháp môn bố thí Ba La Mật (đến bờ kia).

Tu trì đầy đủ các giới mà chẳng chấp trước. Vĩnh viễn lìa khỏi ngã mạn. Đó là thanh tịnh trì giới Ba La Mật.

Bồ Tát hay tu trì đầy đủ tất cả các giới mà chẳng chấp trước. Do đó : “Trì mà chẳng trì, giới mà chẳng giới.” Hành sở vô sự, vô vi mà vô bất vi. Phải vĩnh viễn lìa khỏi tư tưởng và hành vi cống cao ngã mạn, không thể giải đãi, không thể phóng dật. Phải giữ gìn giới luật, hợp với uy nghi, mới có thể tu hành thành tựu thanh tịnh viên mãn pháp môn trì giới đến bờ kia.

Hay nhẫn thọ tất cả các việc ác. Nơi các chúng sinh, tâm đều bình đẳng, chẳng có giao động. Ví như đại địa hay giữ gìn tất cả. Đó là thanh tịnh được nhẫn nhục Ba La Mật.

Nhẫn nhục Ba La Mật, tức là dạy bạn nhẫn không được cũng phải nhẫn. Giống như đá thiên thất, nghĩa là phải chịu đựng mọi sự đau đớn khổ sở, lưng ê cũng phải nhẫn chịu, chân đau cũng phải nhẫn, tuyệt đối không chịu đầu hàng. Phải đấu tranh triệt để thì cuối cùng thắng lợi sẽ thuộc về bạn, như thế tức là nhẫn thọ tất cả các việc ác. Đối với tất cả chúng sinh, tâm phải bình đẳng. Bất cứ là thuận hay nghịch, đều không bị cảnh giới làm lay động. Giống như đại địa, hay giữ gìn tất cả vạn vật. Như vậy thì sẽ tu thành thanh tịnh viên mãn pháp môn nhẫn nhục đến bờ kia.

Khấp phát khởi các việc thiện, thường tu chẳng giải đãi. Làm các việc thiện, luôn không thôi chuyển. Dũng mãnh thế lực, không gì có thể điều phục. Nơi các công đức, chẳng lấy chẳng bỏ, mà hay đầy đủ tất cả trí môn. Đó là hay thanh tịnh tinh tấn Ba La Mật.

Khấp phát khởi tất cả các nghiệp lành. Thường tu hành phước huệ mà chẳng giải đãi. Làm tất cả nghiệp lành chỉ có tinh tấn, chẳng có thôi lùi. Dũng mãnh tinh tấn thế lực, chẳng cách chi có thể chế ngự hàng phục. Đối với hết thảy công đức, chẳng lấy làm của mình, cũng chẳng xả bỏ, mà hay đầy đủ tất cả môn trí huệ. Như vậy sẽ tu thành thanh tịnh viên mãn pháp môn tinh tấn đến bờ kia.

Nơi cảnh giới năm dục, chẳng có tham trước. Các định thứ lớp thấy đều thành tựu. Thường sinh tâm suy gẫm, chẳng trụ chẳng xuất. Mà có thể tiêu diệt tất cả phiền não. Sinh ra vô lượng các môn tam muội. Thành tựu vô biên sức đại thần thông. Nghịch thuận thứ tự, nhập vào các tam muội. Nơi một môn tam muội, nhập vào vô lượng môn tam muội. Đều biết tất cả cảnh giới tam muội, với tất cả tam muội tam ma

bát đề. Trí ấn chẳng trái ngược nhau. Có thể mau nhập vào nơi tất cả trí địa. Đó là thanh tịnh thiền Ba La Mật.

Bồ Tát đối với cảnh giới năm dục (tài sắc danh thực thùy, hoặc sắc thanh hương vị xúc), chẳng sinh tâm tham trước. Nếu sinh tâm tham trước thì sẽ có phiền não. Tham sắc là truy đuổi sắc đẹp, dính mắc nơi cảnh giới sắc trần. Tham thanh: Theo đuổi tiếng hay, dính mắc nơi cảnh giới thanh trần. Tham hương: Theo đuổi hương thơm, dính mắc nơi cảnh giới hương trần. Tham vị: Theo đuổi vị ngon, dính mắc nơi cảnh giới vị trần. Tham xúc: Theo đuổi xúc đẹp, dính mắc nơi cảnh giới xúc trần. Bồ Tát tu chín định thứ lớp, tức là bốn thiền định, bốn không định, diệt thọ tưởng định. Nếu chẳng tham vui năm dục, thì đều có thể tu tập thành tựu. Bồ Tát thường tư duy tu (tham thiền), phải có chánh tư duy, không thể có tà tư duy. Ở trong định chẳng có nhập định, cũng chẳng có xuất định. Tức cũng là thường ở trong định tư duy tu, nên có thể tiêu diệt tất cả phiền não. Chúng ta ngồi thiền không thể nhập định, là vì có phiền não, cho nên có vô minh phiền não chướng ngại cửa trí huệ. Chẳng có vô minh, chẳng có phiền não, thì trí huệ sẽ khai mở, trí huệ sẽ hiện tiền. Tự tánh của chúng ta, giống như một bồn nước trong, phiền não giống như cặn bã bụi bặm. Nếu trong nước có bụi bặm, thì nước sẽ đục, bèn sinh ra nhiễm ô. Chẳng có phiền não thì từ tánh sẽ thanh tịnh, trí huệ hiện tiền. Nếu đoạn sạch được phiền não, thì sẽ sinh ra vô lượng môn tam muội, ở trong định sẽ thành tựu vô biên đại thần thông. Sức thần thông đó, thiên ma ngoại đạo không thể nào phá hoại được. Hoặc nương vào thứ tự

mà nhập vào, hoặc chẳng nương tựa thứ tự mà nhập vào tam muội. Ở trong một môn tam muội, có thể nhập vào vô lượng môn tam muội. Do đó :

“Nhập vào một môn tam muội,
Tức nhập vào tất cả tam muội
Nhập vào tất cả tam muội,
Chẳng lìa một tam muội.”

Cảnh giới này diệu không thể tả. Bồ Tát hoàn toàn biết tất cả cảnh giới tam muội, và hết thầy định, cùng với tam ma bát đề (một thứ thiên định dịch là đẳng chí), và trí huệ quán chiếu chẳng trái ngược, có thể mau nhập vào tất cả trí địa. Sự tu hành này sẽ thành tựu thanh tịnh viên mãn pháp môn thiên na đến bờ kia.

Ở chỗ chư Phật, nghe pháp thọ trì. Gần gũi thiện tri thức, thừa sự chẳng mỗi một. Thường ưa nghe pháp, tâm chẳng nhàm đủ. Tùy thuận pháp đã được nghe lãnh thọ, như lý mà tư duy. Nhập vào chân tam muội, lìa các kiến giải chẳng chánh đáng. Khéo quán sát các pháp, đắc được ấn tướng. Biết rõ Như Lai, vô công dụng đạo. Thừa phổ môn huệ, nhập vào môn trí huệ nhất thiết chủng trí. Vĩnh viễn được nghỉ ngơi. Đó là thanh tịnh Bát Nhã Ba La Mật.

Ở trong đạo tràng của mười phương ba đời tất cả chư Phật, nghe được pháp của tất cả chư Phật nói, thì sẽ y pháp tu hành, cung hành thật tiễn, thọ trì chẳng quên. Hay thường gån gũ, cúng dường, thừa sự thiện tri thức, vĩnh viễn chẳng nhàm mỏi. Thường ưa thích nghe pháp của chư Phật nói mà chẳng có phiền não và tri túc. Tùy thời tùy lúc đã nghe pháp của Phật nói, lãnh thọ đạo lý, nương lý suy gẫm, đắc được định huệ chân chánh. Nhờ định sinh huệ, nhờ huệ trợ định, định huệ viên minh. Đây là nhập chân tam muội. Lại có thể lia khỏi tất cả kiến giải chẳng chánh đáng. Hay khéo quán sát tất cả các pháp, đắc được ấn thật tướng. Tất cả các pháp dùng thật tướng làm ấn. Hay thấu rõ đạo lý thật tướng vô tướng, vô sở bất tướng, thì sẽ thấu suốt vô công dụng đạo của chư Phật. Vô công dụng đạo tức là chẳng thêm tạo tác, rất tự nhiên tác dụng, tức cũng rất tự nhiên khế hợp với chân tánh. Thừa trí huệ phổ môn (một trong một môn nhiếp tất cả pháp), nhập vào môn trí huệ nhất thiết trí. Lúc đó, những gì là đã làm xong, chẳng thọ thân sau nữa. Có thể nói là vô vi mà vô bất vi, vĩnh viễn được nghỉ ngơi. Như vậy thì sẽ tu thành thanh tịnh viên mãn pháp môn Bát Nhã đến bờ kia.

Bồ Tát thị hiện nghiệp tạo ra của tất cả thế gian. Giáo hóa chúng sinh mà chẳng nhàm mỏi. Tùy theo tâm ưa thích của họ mà hiện thân. Tất cả sự tu hành đều chẳng nhiếp trước. Hoặc hiện phàm phu, hoặc hiện Thánh nhân, hoặc hiện sinh tử, hoặc

hiện Niết Bàn, khéo quán sát tất cả việc làm. Thị hiện tất cả các sự trang nghiêm mà chẳng tham trước. Khấp vào các cõi, độ thoát chúng sinh. Đó là thanh tịnh phương tiện Ba La Mật.

Bồ Tát thị hiện hết thấy nghiệp làm của tất cả thế gian, giáo hóa chín pháp giới tất cả chúng sinh, chẳng có tư tưởng nhằm mỗi. Tùy tâm ưa thích của chúng sinh, mà vì họ hiện thân nói pháp. Bồ Tát tu tất cả hạnh môn, đều lìa khỏi pháp nhiễm ô, mà chẳng có sự chấp trước. Hoặc thị hiện thân phàm phu để giáo hóa chúng sinh, hoặc thị hiện thân Thánh nhân để giáo hóa chúng sinh. Dùng việc phàm phu làm và việc Thánh nhân làm, để ảnh hưởng đến chúng sinh phát tâm bồ đề. Có lúc thị hiện sinh tử để giáo hóa chúng sinh, có lúc thị hiện Niết Bàn để giáo hóa chúng sinh. Bồ Tát khéo quán sát việc làm của tất cả chúng sinh, hay thị hiện việc trang nghiêm đạo tràng của tất cả cõi nước chư Phật. Tuy hay trang nghiêm mà chẳng tham trước. Lại hay vào khắp các cõi để độ thoát tất cả chúng sinh, khiến cho họ lìa khổ được vui. Như vậy sẽ thành tựu thanh tịnh viên mãn pháp môn phương tiện đến bờ kia.

Bồ Tát thành tựu hết tất cả chúng sinh, trang nghiêm hết tất cả thế giới. Cúng dường hết tất cả chư Phật. Thông đạt hết các pháp chẳng chướng ngại. Tu hành hết các hạnh khắp pháp giới. Thân luôn trụ

hết kiếp thuở vị lai. Trí biết hết tất cả tâm niệm. Giác ngộ hết pháp lưu chuyển hoàn diệt. Thị hiện hết tất cả cõi nước. Chứng được hết trí huệ của Như Lai. Đó là thanh tịnh được nguyên Ba La Mật.

Bồ Tát có thể thành tựu hết tất cả chúng sinh đắc được giải thoát. Lại trang nghiêm hết tất cả thế giới được thanh tịnh viên mãn. Lại cúng dường hết mười phương chư Phật. Lại thông đạt hết tất cả tạng pháp chẳng chướng ngại. Lại tu hành hết hạnh môn khắp pháp giới. Lại thường trụ vô lượng kiếp cho đến thuở vị lai để giáo hóa chúng sinh. Trí huệ của Bồ Tát rộng lớn, biết hết tâm niệm của tất cả chúng sinh nghĩ gì ? Lại giác ngộ hết môn lưu chuyển sinh tử và môn hoàn diệt Niết Bàn.

Môn lưu chuyển tức là: Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử. Đây là pháp tắc sinh tử mười hai nhân duyên.

Môn hoàn diệt là: Vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt là thức diệt, thức diệt là danh sắc diệt, danh sắc diệt là lục nhập diệt, lục nhập diệt là xúc diệt, xúc diệt là thọ diệt, thọ diệt là ái diệt, ái diệt là thủ diệt, thủ diệt là hữu diệt, hữu diệt là lão tử diệt.

Cho nên người tu đạo phải diệt trừ vô minh. Nếu chẳng có vô minh thì chẳng có sinh tử, sẽ thoát khỏi ba cõi. Bồ Tát thị hiện hết tất cả cõi nước chư Phật. Lại chứng

được hết trí huệ của Phật. Như vậy sẽ tu thành thanh tịnh viên mãn pháp môn nguyên đến bờ kia.

Bồ Tát đầy đủ sức tâm sâu, vì chẳng có tạp nhiễm. Đầy đủ sức tin sâu, vì không thể thối phục. Đầy đủ sức đại bi, vì không sinh nhàm mỏi. Đầy đủ sức đại từ, vì sở hành đều bình đẳng. Đầy đủ sức tổng trì, vì dùng phương tiện trì tất cả nghĩa. Đầy đủ sức biện tài, vì khiến cho tất cả chúng sinh hoan hỷ mãn túc. Đầy đủ sức Ba La Mật, vì trang nghiêm đại thừa. Đầy đủ sức đại nguyện, vì vĩnh viễn chẳng đoạn tuyệt. Đầy đủ sức thần thông, vì sinh ra vô lượng. Đầy đủ sức gia trì, vì khiến cho tin hiểu lãnh thọ. Đó là thanh tịnh được định lực Ba La Mật.

Bồ Tát tu hành, đầy đủ tâm thanh tịnh, chẳng có tâm nhiễm ô. Tâm thanh tịnh thì có trí huệ, tâm nhiễm ô thì có ngu si, ngu si là từ vô minh mà ra. Phạm là đầy đủ sức thâm tâm, thì chẳng có mọi tư tưởng tạp nhiễm. Lại đầy đủ sức tin sâu, bất cứ gặp ai đến phỉ báng Phật pháp, hoặc phá hoại Phật pháp, cũng chẳng bị họ thối phục. Lại đầy đủ sức tâm đại bi, giáo hóa chúng sinh, chẳng sinh tâm mỏi nhàm. Lại đầy đủ sức tâm đại từ, đối với chúng sinh sở hành sở tác, một luật bình đẳng. Lại đầy đủ sức tổng trì, tổng tất cả

pháp, trì vô lượng nghĩa, hay dùng phương tiện nói đạo lý tất cả các pháp. Lại đầy đủ sức biện tài, hay khiến cho tất cả chúng sinh đều đại hoan hỷ mà mãn túc. Lại đầy đủ sức mùi Ba La Mật, hay trang nghiêm đại thừa tất cả Phật pháp. Lại đầy đủ sức đại nguyện, vĩnh viễn chẳng đoạn tuyệt đại nguyện mình đã phát ra. Lại đầy đủ sức thần thông, sinh ra vô lượng thần thông. Lại đầy đủ sức gia trì, khiến cho tất cả chúng sinh đều tin hiểu mà lãnh thọ nghĩa lý Phật pháp. Như vậy sẽ tu thành thanh tịnh viên mãn pháp môn lục đến bờ kia.

Bồ Tát biết hành giả tham dục. Biết hành giả sân hận. Biết hành giả ngu si. Biết hành giả đẳng phần. Biết hành giả bậc tu học. Trong một niệm, biết vô lượng hạnh của chúng sinh. Biết vô lượng tâm của chúng sinh. Biết tất cả pháp chân thật. Biết tất cả lực của Như Lai. Khắp giác ngộ môn pháp giới. Đó là thanh tịnh được trí Ba La Mật.

Bồ Tát biết sự tham muốn dâm dục của chúng sinh, đáng dùng pháp môn quán bất tịnh để giáo hóa họ, khiến cho họ tâm được thanh tịnh. Đối với chúng sinh có tâm sân hận, thì khiến cho họ sinh tâm từ bi, đối với người chẳng nổi giận, thì tu pháp môn nhẫn nhục, sẽ thành tựu có hàm dưỡng công phu. Đối với chúng sinh ngu si, thì nên dùng pháp môn nhân duyên để giáo hóa họ. Vì chúng sinh làm

việc sai lầm mà chẳng biết, cho nên phải nhờ thiện tri thức chỉ dẫn, mới có thể sửa lỗi làm mới, y pháp tu hành. Đối với chúng sinh đặng phần (tham sân si ba độc đầy đủ), thì phải dùng pháp môn phương tiện khéo léo để giáo hóa họ. Khiến cho họ biết tham sẽ bị đọa địa ngục, sân có thể làm nga quý, si sẽ đọa làm súc sinh. Biết chúng sinh bậc tu học pháp môn nào ? Căn tánh ra sao ? Phải có trí huệ mới tùy cơ nói pháp, để giáo hóa chúng sinh, hành Bồ Tát đạo, có thể trong một niệm biết được vô biên chúng sinh làm gì ? Thực hành những gì ? Lại biết được trong tâm của chúng sinh nghĩ gì ? Lại biết được bản thể của tất cả pháp là chân thật. Lại biết được mười lực của Phật. Khấp giác ngộ hết thấy pháp của pháp giới. Như vậy sẽ tu thành thanh tịnh viên mãn pháp môn trí huệ đến bờ kia.

Mười pháp môn Ba La Mật này mà tu viên mãn, thì sẽ chứng nhập địa vị Thập Địa. Thành tựu (đàn) bố thí Ba La Mật, thì chứng nhập Hoan hỷ địa. Thành tựu trì giới Ba La Mật, thì chứng nhập Ly cấu địa. Thành tựu nhẫn nhục Ba La Mật, thì chứng nhập Phát quang địa. Thành tựu tinh tấn Ba La Mật, thì chứng nhập Diệm huệ địa. Thành tựu thiền Ba La Mật, thì chứng nhập Nan thắng địa. Thành tựu Bát Nhã Ba La Mật, thì chứng nhập Hiện tiền địa. Thành tựu phương tiện Ba La Mật, thì chứng nhập Viễn hành địa. Thành tựu lực Ba La Mật, thì chứng nhập Thiện huệ địa. Thành tựu trí Ba La Mật, thì chứng nhập Pháp vân địa.

Phật tử ! Khi Bồ Tát thanh tịnh các Ba La Mật như vậy. Khi viên mãn các Ba La Mật. Khi chẳng xả bỏ các Ba La Mật, thì

trụ ở trong Bồ Tát thừa đại trang nghiêm, tùy theo sở niệm của tất cả chúng sinh, đều vì họ nói pháp, khiến cho tăng trưởng nghiệp thanh tịnh mà được độ thoát.

Bồ Tát Pháp Huệ đối với Bồ Tát Tinh Tấn Huệ, lại gọi một tiếng đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, khi tu hành thành tựu thanh tịnh mười pháp Ba La Mật này, khi viên mãn mười pháp Ba La Mật này, khi chẳng xả bỏ mười pháp Ba La Mật này, thì trụ ở trong Bồ Tát thừa đại trang nghiêm, tùy theo sở niệm của tất cả chúng sinh, đều vì họ nói pháp. Khiến cho chúng sinh tăng thêm nghiệp thanh tịnh, viên mãn tâm bồ đề mà được thoát khỏi khổ trong ba cõi.

Kẻ đọa vào đường ác, thì khiến cho họ phát tâm. Kẻ ở trong hoạn nạn, thì khiến cho họ siêng tinh tấn. Chúng sinh nhiều tham lam, thì chỉ bày pháp không tham. Chúng sinh nhiều sân hận, thì khiến cho họ hành pháp bình đẳng. Chúng sinh chấp trước tà kiến, thì vì họ nói pháp duyên khởi. Chúng sinh cõi dục, thì dạy họ pháp lìa dục sân hận các điều ác không thiện. Chúng sinh cõi sắc, thì vì họ tuyên nói pháp từ bát xá na. Chúng sinh cõi vô sắc,

thì vì họ tuyên nói trí huệ vi diệu. Hàng nhị thừa thì dạy họ hạnh vắng lặng. Người ưa đại thừa, thì vì họ nói mười lực trang nghiêm rộng lớn.

Bất cứ là ai ? Nếu chẳng tu hành, thì sẽ đọa vào ba đường ác. Phạm là chúng sinh đọa lạc vào ba đường ác, thì khiến cho họ phát tâm Bồ đề, mới có thể thoát khỏi. Gì là ba đường ác ? Tức là súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục. Chúng sinh trong tất cả tai nạn, thì khiến cho họ tu pháp tinh tấn Ba La Mật, dụng công tu tập, sẽ có trí huệ, có thể sẽ tiêu tai hoạn nạn. Đối với chúng sinh nhiều tham lam, thì chỉ bày pháp không tham lam. Không tham tài, đó là thanh liêm. Không tham sắc đó là thanh tịnh. Không tham danh đó là thanh cao. Cũng chẳng tham ăn, cũng chẳng tham ngủ. Bồ Tát dùng thân làm khuôn phép, làm mô phạm cho họ. Đối với chúng sinh nhiều sân, thì khiến cho họ tu quán từ bi, hành pháp bình đẳng, ta, người cùng một thể. Đối với chúng sinh chấp trước tà kiến, thì vì họ nói đủ thứ pháp môn nhân duyên sinh khởi. Đối với chúng sinh cõi dục, thì dạy họ xa lìa tâm dâm dục, tâm sân hận, tất cả các điều ác không thiện. Đối với chúng sinh cõi sắc, thì vì họ nói pháp môn chỉ quán, khiến cho họ lìa khỏi điên đảo. Đối với chúng sinh cõi vô sắc, thì vì họ nói pháp môn trí huệ vi diệu. Đối với hàng nhị thừa Thanh Văn, Duyên Giác, thì dạy họ hạnh môn vắng lặng. Đối với đại thừa Bồ Tát, thì vì họ nói pháp mười lực rộng lớn trang nghiêm của Phật.

Như Bồ Tát thuở xưa phát tâm, thấy vô lượng chúng sinh, đọa vào các đường ác, bèn làm sư tử hống, nói như vậy: Ta sẽ dùng đủ thứ pháp môn, tùy nghi để độ thoát họ. Bồ Tát đầy đủ trí huệ như vậy, hay độ thoát tất cả chúng sinh.

Giống như Bồ Tát thuở xưa lúc phát tâm bồ đề, thấy vô lượng vô biên chúng sinh, đọa vào trong ba đường ác, đã từng làm đại sư tử hống nói như vậy: “Hiện tại ta đã phát tâm bồ đề, nên dùng đủ thứ pháp môn, tùy thuận nhân duyên của chúng sinh, mà độ thoát chúng sinh thoát khỏi ba đường ác.” Bồ Tát đầy đủ trí huệ như vậy, khắp rộng độ chúng sinh thọ khổ, khiến cho được giải thoát.

Phật tử ! Bồ Tát đầy đủ trí huệ như vậy, khiến cho hạt giống Tam Bảo vĩnh viễn chẳng đoạn tuyệt.

Đệ tử của Phật ! Bồ Tát đầy đủ đại trí huệ, hay khiến cho hạt giống Tam Bảo Phật Pháp Tăng, vĩnh viễn liên tục mà chẳng đoạn tuyệt.

Tại sao ? Vì đại Bồ Tát giáo hóa các chúng sinh phát tâm bồ đề, khiến cho hạt giống Phật không dứt. Thường vì chúng sinh khai xiển pháp tạng, cho nên khiến cho hạt giống pháp không dứt. Khéo giữ

giáo pháp không trái nghịch, cho nên khiến cho hạt giống Tăng không dứt.

Làm thế nào để khiến cho hạt giống Tam Bảo không đoạn tuyệt ? Đại Bồ Tát trong Bồ Tát, thường giáo hóa tất cả chúng sinh phát tâm bồ đề. Do đó, cho nên khiến cho hạt giống Phật chẳng dứt. Bồ Tát thường vì tất cả chúng sinh khai diễn xiển minh đạo lý tất cả tạng pháp. Vì vậy, cho nên khiến cho tất cả hạt giống pháp chẳng dứt. Bồ Tát khéo giáo hóa tất cả chúng sinh chẳng trái nghịch với Phật pháp, do đó, cho nên khiến cho hạt giống Tăng chẳng dứt.

Lại nữa, hay khen ngợi tất cả đại nguyện, cho nên hay khiến cho hạt giống Phật chẳng dứt. Phân biệt diễn nói pháp nhân duyên, cho nên hay khiến cho hạt giống pháp chẳng dứt. Thường siêng tu tập pháp lục hòa kính, cho nên hay khiến cho hạt giống Tăng chẳng dứt.

Lại nữa, Bồ Tát hay khen ngợi tán thán đại nguyện của tất cả chư Phật đã phát ra. Vì vậy, cho nên hay khiến cho hạt giống Phật chẳng dứt. Bồ Tát hay phân biệt diễn nói đạo lý pháp nhân duyên. Vì vậy, cho nên hay khiến cho hạt giống pháp chẳng dứt. Bồ Tát thường tu tập pháp lục hòa kính, tức là: Giới hòa đồng tu, kiến hòa đồng giải, thân hòa đồng trụ, khẩu hòa vô tránh, ý hòa đồng duyệt, lợi hòa đồng quân. Vì vậy, cho nên khiến cho hạt giống Tăng chẳng dứt.

Lại nữa, ở trong ruộng chúng sinh gieo hạt giống Phật, cho nên hay khiến cho hạt giống Phật chẳng dứt. Hộ trì chánh pháp chẳng tiếc thân mạng, cho nên hay khiến cho hạt giống pháp chẳng dứt. Thống lý đại chúng chẳng mệt mỏi, cho nên hay khiến cho hạt giống Tăng chẳng dứt.

Lại nữa, Phật là từ trong ruộng chúng sinh sanh ra. Ở trong ruộng đất chúng sinh gieo xuống hạt giống Phật (phát tâm bồ đề), vì vậy, cho nên hay khiến cho hạt giống Phật chẳng dứt. Bồ Tát dùng trí huệ và thần thông để hộ trì chánh pháp, thậm chí hy sinh thân mạng cũng chẳng tiếc. Vì vậy, cho nên hay khiến cho hạt giống Pháp chẳng dứt. Trong Tăng đoàn phải có người trụ trì, thì mới có quy cụ, mới trật tự, bằng không thì sẽ tạp loạn. Bồ Tát thống lý đại chúng chẳng mệt mỏi. Vì vậy cho nên khiến cho hạt giống Tăng chẳng dứt.

Lại nữa, trong quá khứ, vị lai, hiện tại, pháp của Phật nói, giới của Phật chế ra, thấy đều phụng trì, tâm chẳng xả lìa. Cho nên hay khiến cho hạt giống Phật Pháp Tăng, vĩnh viễn chẳng đoạn tuyệt.

Lại nữa, trong quá khứ, vị lai, hiện tại ba đời, tất cả pháp của chư Phật nói, giới luật của chư Phật chế ra, Bồ Tát thấy đều phụng trì, tâm chẳng xả bỏ, chẳng lìa khỏi. Vì vậy cho nên hay khiến cho hạt giống Phật, Pháp, Tăng, vĩnh viễn liên tục chẳng đoạn tuyệt.

Bồ Tát thiêu long Tam Bảo như vậy. Tất cả sở hành chẳng có lỗi. Tùy theo các việc làm, đều hồi hướng môn nhất thiết trí. Cho nên ba nghiệp đều chẳng có tỳ vết. Vì chẳng có tỳ vết, nên làm các việc lành, thực hành các hạnh, giáo hóa chúng sinh, tùy nghi nói pháp, cho đến một niệm đều không sai lầm. Điều tương ứng với phương tiện trí huệ. Thấy đều hồi hướng về nhất thiết trí, không thể lường qua.

Bồ Tát phát tâm bồ đề như vậy, thiêu long Tam Bảo, khiến cho hạt giống Phật Pháp Tăng liên tục chẳng đoạn tuyệt. Sở hành sở tác của Bồ Tát chẳng có lỗi lầm. Tùy các việc làm, thấy đều hồi hướng về môn nhất thiết trí huệ. Vì vậy cho nên thân miệng ý ba nghiệp đều thanh tịnh, chẳng có tỳ vết, Do đó, làm các việc lành, tu hành các hạnh, giáo hóa tất cả chúng sinh, tùy nghi mà nói pháp. Cho đến trong một tâm niệm cũng chẳng sai lầm. Sở hành sở tác của Bồ Tát đều hợp với Phật pháp. Cho nên tương ứng với môn phương tiện trí huệ. Thấy đều hồi hướng về nhất thiết trí và nhất thiết chủng trí, chẳng trôi qua lãng phí.

Bồ Tát tu tập pháp lành như vậy, niệm niệm đầy đủ mười thứ trang nghiêm. Những gì là mười ? Đó là: Thân trang nghiêm, tùy theo các chúng sinh đáng được điều phục, mà vì họ thị hiện. Lời trang nghiêm, dứt tất cả nghi, đều khiến cho hoan hỷ. Tâm trang nghiêm, ở trong một niệm, nhập vào các tam muội. Cõi Phật trang nghiêm, vì tất cả đều thanh tịnh, lia các phiền não. Quang minh trang nghiêm, vì phóng vô biên quang, chiếu khắp chúng sinh. Chúng hội trang nghiêm, vì nhiếp khắp chúng hội, đều khiến cho hoan hỷ. Thần thông trang nghiêm, vì tùy theo tâm chúng sinh mà thị hiện tự tại. Chánh giáo trang nghiêm, vì hay nhiếp tất cả người thông minh trí huệ. Niết Bàn địa trang nghiêm, vì tại một nơi thành đạo, khắp cùng mười phương không thừa sót. Khéo nói trang nghiêm, vì tùy nơi tùy thời, tùy căn cơ của họ, mà vì họ nói pháp.

Bồ Tát tu tập tất cả pháp lành như vậy, ở trong niệm niệm, đều đầy đủ mười pháp môn trang nghiêm. Những gì là mười thứ trang nghiêm ? Đó là:

1). Thân trang nghiêm: Bồ Tát dùng thân trang nghiêm, tùy theo cơ duyên của tất cả chúng sinh, đáng dùng thân gì độ được, thì thị hiện thân đó để điều phục.

2). Lời trang nghiêm: Lời lẽ của Bồ Tát nói ra cũng trang nghiêm. Hay dứt trừ hoài nghi của tất cả chúng sinh. Dùng bốn pháp nhiếp (bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự) để khiến cho tất cả chúng sinh đều sinh tâm hoan hỷ.

3). Tâm trang nghiêm: Bồ Tát ở trong một niệm, nhập vào tất cả tam muội.

4). Quang minh trang nghiêm: Vì Bồ Tát phóng ra vô lượng quang minh trí huệ, chiếu khắp tất cả chúng sinh, khiến cho họ đắc được quang minh.

5). Cõi Phật trang nghiêm: Vì Bồ Tát hay khiến cho tất cả cõi nước chư Phật thanh tịnh, hay khiến cho tất cả chúng sinh lìa khỏi phiền não.

6). Chúng hội trang nghiêm: Bồ Tát tham gia tất cả pháp hội, khiến cho các pháp hội trang nghiêm, khắp nhiếp trì chúng sinh trong pháp hội, khiến cho họ được hoan hỷ.

7). Thần thông trang nghiêm: Bồ Tát lại dùng thần thông diệu dụng để giáo hóa chúng sinh, tùy theo tâm ý của chúng sinh mà thị hiện tự tại.

8). Chánh giáo trang nghiêm: Bồ Tát đầy đủ chánh giáo trang nghiêm, hay độ thoát tất cả mọi người có trí huệ thông minh.

9). Niết Bàn địa trang nghiêm: Bồ Tát đầy đủ không sinh không diệt sự trang nghiêm này. Tại một nơi thành tựu đạo nghiệp mà có thể ở khắp mọi nơi thành tựu đạo nghiệp. Do đó :

‘‘Một nơi thành, nơi nơi đều thành.’’

Cho nên khắp cùng mười phương, chẳng một nơi nào chẳng thành đạo nghiệp.

10). Khéo nói trang nghiêm: Bồ Tát đầy đủ phương tiện khéo léo nói pháp trang nghiêm, tùy thời tùy nơi, tùy căn cơ chúng sinh mà vì họ nói pháp.

Bồ Tát thành tựu trang nghiêm như vậy, ở trong niệm niệm, thân lời ý nghiệp đều chẳng luống qua. Thấy đều hồi hướng về môn nhất thiết trí.

Bồ Tát thành tựu mười thứ trang nghiêm này, ở trong niệm niệm, thân, lời, ý, ba nghiệp đều chẳng luống qua. Bồ Tát đem mười thứ trang nghiêm này, hồi hướng về môn nhất thiết trí huệ.

Nếu có chúng sinh thấy Bồ Tát đó, thì nên biết cũng chẳng luống qua. Vì tất sẽ thành tựu A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Nếu nghe danh, hoặc cúng dường, hoặc ở chung, hoặc nghĩ nhớ, hoặc theo xuất gia, hoặc nghe nói pháp, hoặc tùy hỷ căn lành, hoặc ở xa sinh tâm khâm phục cung kính, cho đến tán thán khen ngợi danh hiệu, đều sẽ đắc được A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Nếu chư có chúng sinh thấy được vị Bồ Tát đó, thì nên biết chúng sinh đó cũng chẳng lường qua, nhất định sẽ đắc được công đức đáng đắc được. Tất sẽ thành tựu Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Hoặc nghe được danh hiệu của vị Bồ Tát đó, hoặc cúng dường, hoặc ở chung, hoặc nghĩ nhớ, hoặc theo xuất gia tu hành, hoặc nghe giảng kinh thuyết pháp, hoặc tùy hỷ căn lành đã gieo trồng, hoặc ở xa xa mà sinh tâm khâm phục cung kính, cho đến tán thán khen ngợi danh hiệu của Bồ Tát đó, đều đắc được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Phật tử ! Ví như có thuốc tên là Thiện Kiến. Chúng sinh thấy được, thì các độc đều tiêu trừ. Bồ Tát thành tựu pháp này cũng như vậy. Chúng sinh thấy được thì các độc phiền não đều được trừ diệt, pháp lành tăng trưởng.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng đệ tử của Phật ! Ví như có một thứ thuốc hay, tên là Thiện Kiến. Hết thấy chúng sinh thấy được cây thuốc đó, thì hết thấy bệnh độc đều hoàn toàn tiêu trừ. Bồ Tát tu hành mười thứ trang nghiêm mà thành tựu pháp này. Đồng lý ấy, nếu có chúng sinh nào thấy được vị Bồ Tát đó, thì tham sân si mạn nghi năm thứ bệnh độc, đều sẽ tiêu trừ. Các pháp lành đã tu đều sẽ tăng trưởng, thành thực giải thoát.

Phật tử ! Đại Bồ Tát trụ ở trong pháp này, siêng năng tu tập. Dùng trí huệ quang

minh diệt trừ các ngu si đen tối. Dùng sức từ bi phá tan quân ma. Dùng đại trí huệ và sức phước đức chế ngự các ngoại đạo. Dùng định kim cương diệt trừ tất cả tâm dơ bẩn phiền não. Dùng sức tinh tấn tu tập các căn lành. Dùng sức các căn lành tịnh cõi Phật, xa lìa tất cả đường ác các nạn. Dùng sức không chấp trước tịnh cảnh giới trí huệ. Dùng sức phương tiện trí huệ, sinh ra tất cả các địa của Bồ Tát, các Ba La Mật, và các tam muội, sáu thông, ba minh, bốn vô sở úy, đều khiến cho thanh tịnh.

Bồ Tát Pháp Huệ đối với Bồ Tát Tinh Tấn Huệ lại gọi một tiếng đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát trong Bồ Tát, trụ ở trong thiện pháp này, siêng năng nỗ lực mà tu tập. Dùng trí huệ quang minh để tiêu diệt ngu si đen tối. Dùng sức đại từ đại bi để phá tan mười đại ma quân, tức là ma năm uẩn, ma phiền não, ma nghiệp, ma tâm, ma chết, ma thiện căn (chấp trước thân mình đắc được căn lành), ma tam muội (chấp trước thân mình đắc được thiền định), ma thiện tri thức (keo kiệt pháp chẳng chịu giáo hóa người), ma bồ đề pháp trí (đối với pháp bồ đề mà khởi trí huệ chấp trước). Tóm lại, tất cả việc ác chướng ngại Phật pháp, che đậy chánh đạo, xâm hại huệ mạng, đều gọi là ma quân. Bồ Tát dùng sức đại trí huệ, dùng sức đại phước đức để điều phục tất cả ngoại đạo. Ngoại đạo có mười một tông: Số luận sư,

kế minh để sinh. Vệ thế sư, kế lục câu sinh. Đồ hôi ngoại đạo, kế tự tại trời sinh vạn vật. Vi Đà luận sư, kế na ca diên, trời sinh bốn tánh. An trà luận sư, kế bốn tế sinh. Thời tán ngoại đạo, kế vật từ thời sinh. Phương luận sư, kế phương sinh người, người sinh trời đất. Thuận thế ngoại đạo, kế sắc tâm pháp, đều cực vi tác. Khẩu lực luận sư, kế hư không là nhân vạn vật. Túc tác luận sư, kế khổ tùy nghiệp. Vô nhân luận sư, kế tự nhiên sinh. (Mười một ngoại đạo này trong Hoa Nghiêm số sao có giải thích rõ). Nhưng Bồ Tát dùng định Kim Cang kiên cố, để tiêu diệt trừ sạch tất cả trần cấu và phiền não ở trong tâm. Dùng sức tinh tấn để tu tập tất cả căn lành. Dùng sức tất cả căn lành và thanh tịnh các cõi Phật, để xa lìa tất cả đường ác và tất cả tai nạn. Dùng sức chẳng chấp trước để thanh tịnh cảnh giới trí huệ. Dùng sức phương tiện trí huệ khéo léo, để sinh ra tất cả các địa của Bồ Tát, tức là Thập Địa. Sinh ra các Ba La Mật: Tức là pháp môn thập độ đến bờ kia. Sinh ra các tam muội: Tức là chánh định chánh thọ. Sinh ra sáu thần thông, sáu thứ thần thông này, từ trong thiền định mà sinh ra. Sinh ra ba minh, tức là Thiên nhãn minh: Biết được thân mình và thân kẻ khác sinh tử ba đời. Túc mạng minh: Biết được nhân duyên thọ xưa của thân mình và thân kẻ khác. Lậu tận minh: Minh bạch tất cả tướng khổ, hay đoạn tuyệt tất cả phiền não. Sinh ra bốn vô sở úy mà hoàn toàn khiến cho họ thanh tịnh.

Bồ Tát dùng sức tất cả pháp lành thành tựu viên mãn tất cả cõi nước chư Phật, vô biên tướng tốt, thân lời và tâm đều

đầy đủ trang nghiêm. Dùng sức trí huệ tự tại quán sát, biết tất cả lực Như Lai vô sở úy Phật pháp bất cộng, thấy đều bình đẳng. Dùng sức trí huệ rộng lớn, biết rõ cảnh giới nhất thiết trí. Dùng sức thệ nguyện thuở xưa, tùy thời giáo hóa, hiện cõi nước Phật, chuyển bánh xe pháp, độ thoát vô lượng vô biên chúng sinh.

Bồ Tát dùng sức lực của tất cả pháp lành, để thành tựu tất cả cõi nước chư Phật. Thành tựu viên mãn vô biên tướng tốt, tức là ba mươi hai tướng đại nhân, tám mươi vẻ đẹp. Thành tựu viên mãn thân miệng ý ba nghiệp thanh tịnh, đều đầy đủ và trang nghiêm. Dùng sức trí huệ tự tại tại quán sát (diệu quán sát trí), biết mười lực của chư Phật, bốn vô sở úy, mười tám pháp bất cộng, tất cả pháp vốn đều bình đẳng. Trong kinh Kim Cang có nói:

“Là pháp bình đẳng
Chẳng có cao thấp.”

Dùng sức trí huệ rộng lớn, biết được cảnh giới của nhất thiết trí và nhất thiết chủng trí. Dùng sức thệ nguyện đã phát ra trong quá khứ, tùy thời tùy lúc vì chúng sinh đáng được giáo hóa mà thị hiện các cõi nước chư Phật, chuyển bánh xe pháp, rộng độ giải thoát vô lượng vô biên chúng sinh, khiến cho họ lìa khổ được vui.

Phật tử ! Đại Bồ Tát, siêng tu pháp này, lần lượt thành tựu các hạnh Bồ Tát, cho đến được sự bình đẳng với chư Phật. Ở trong vô biên thế giới, làm đại pháp sư, hộ trì chánh pháp, được tất cả chư Phật hộ niệm.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát trong Bồ Tát, siêng năng tu tập pháp như đã nói ở trước, từng bước từng bước mà thành tựu hạnh Bồ Tát, cho đến đạt được bình đẳng giống như chư Phật. Có thể ở trong vô lượng vô biên thế giới làm đại pháp sư, hộ trì tất cả chánh pháp, được sự gia trì và hộ niệm của chư Phật.

Bồ Tát thủ hộ thọ trì tạng pháp rộng lớn. Đắc được biện tài vô ngại. Thâm nhập pháp môn. Ở trong đại chúng của vô biên thế giới, tùy loại khác nhau, khắp hiện đủ loại thân, sắc tướng đầy đủ, tối thắng không gì bằng. Dùng vô ngại biện tài, khéo nói pháp thâm sâu. Âm thanh viên mãn, vì khéo phân bố, khiến cho người nghe được nhập vào môn trí huệ vô tận.

Bồ Tát hay thủ hộ và thọ trì tạng pháp rộng lớn vô biên, cho nên đắc được pháp vô ngại biện, từ vô ngại biện, nghĩa vô ngại biện, lạc thuyết vô ngại biện. Có thể nhập

vào tất cả pháp môn, ở trong vô lượng vô biên thế giới, tùy thuận các loài chúng sinh khác nhau, khắp thị hiện các loại thân, mà vì họ nói pháp. Tóm lại, gặp loại chúng sinh nào độ được, thì thị hiện thân đó để độ họ. Song, sắc tướng thị hiện đều đủ đại oai đức, đức tướng thù thắng, chẳng gì sánh bằng. Dùng trí huệ biện tài vô ngại, phương tiện khéo léo để diễn nói diệu pháp thâm sâu vô thượng, âm thanh đó viên mãn chẳng chướng ngại. Bất cứ loại chúng sinh nào, nghe được âm thanh đó, thì sẽ tự động phát tâm đại Bồ đề. Vì khéo phân bố, hay khiến cho chúng sinh nghe được diệu âm đó, đều nhập vào môn trí huệ vô tận.

Bồ Tát biết tâm hành phiền não của các chúng sinh, mà vì họ nói pháp. Vì lời lẽ nói ra đều đầy đủ thanh tịnh. Một lời diễn xướng, hay khiến cho tất cả đều sinh tâm hoan hỷ. Thân hình đoan chánh, vì có đại oai lực, ở trong chúng hội chẳng ai hơn được.

Bồ Tát vì có trí huệ vô tận, cho nên biết được trong tâm chúng sinh nghĩ gì ? Thân thể làm gì ? Có phiền não gì ? Có vọng tưởng gì ? Thì chiếu theo nhân duyên đó mà vì họ nói pháp. Âm thanh của Bồ Tát nói pháp rất rộng lớn và thanh tịnh, có thể khiến cho chúng sinh xa gần đều nghe được, mà sinh tâm đại hoan hỷ. Tại sao có người nói lời thanh tịnh ? Có người nói lời chẳng thanh tịnh ? Vì giữ giới thanh tịnh, hoặc chẳng thanh tịnh. Nếu muốn nói lời thanh tịnh thì phải giữ gìn giới luật, không được phóng dật. Bồ

Tát dùng âm thanh để diễn xướng nói pháp, thì tất cả chúng sinh, theo loài đều được hiểu, đều được lợi ích. Thân hình của Bồ Tát rất đoan chánh trang nghiêm. Vì có đại oai lực, cho nên ở trong đại chúng pháp hội, chẳng có ai hơn được. Do đó, thọ người cung kính, gọi là đại Bồ Tát.

Vì Bồ Tát khéo biết tâm chúng sinh, nên khắp hiện thân. Vì nói pháp khéo léo, nên âm thanh vô ngại. Vì được tâm tự tại, nên khéo nói pháp lớn, không bị trở ngại phá hoại. Vì được vô sở úy, nên tâm không khiếm nhược. Vì nơi pháp tự tại, nên không ai hơn được. Vì Bát Nhã Ba La Mật tự tại, nên pháp tướng nói ra, chẳng trái nghịch. Vì biện tài tự tại, nên tùy thích thuyết pháp liên tục chẳng dứt. Vì Đà La Ni tự tại, nên tùy sự diễn nói, khai mở đủ thứ môn ví dụ. Vì đại bi tự tại, nên siêng dạy chúng sinh, tâm chẳng giải đãi ngừng nghỉ. Vì đại từ tự tại, nên phóng lưới quang minh, vui lòng đại chúng.

Vì Bồ Tát khéo biết tâm của tất cả chúng sinh, cho nên khắp thị hiện thân để vì họ nói pháp. Vì Bồ Tát khéo nói pháp, cho nên âm thanh chẳng có chướng ngại, rất thanh tịnh. Vì Bồ Tát đắc được tâm tự tại, cho nên phương tiện khéo léo nói tất cả pháp lớn, tất cả ma vương chẳng

cách chi phá hoại được, chẳng cách chi cản trở. Vì Bồ Tát đắc được bốn vô sở úy (tổng trì vô sở úy, tri căn vô sở úy, quyết nghị vô sở úy, đáp nạn vô sở úy), cho nên tâm chẳng khiếp nhược, cũng chẳng sợ hãi. Vì Bồ Tát đối với các pháp đắc được tự tại, cho nên chẳng có ai hơn được. Vì Bồ Tát đối với trí huệ đắc được tự tại, cho nên chẳng có ai thắng hơn được. Vì Bồ Tát đối với Bát Nhã Ba La Mật đắc được tự tại, cho nên nói pháp tướng, chẳng trái nghịch nhau. Nói ngang nói dọc, nói sao cũng có đạo lý. Vì Bồ Tát đắc được biện tài tự tại, cho nên hay tùy theo tâm ưa thích, mà vì họ nói pháp, liên tục chẳng dứt. Vì Bồ Tát đối với Đà la ni được tự tại, hay quyết định khai thị pháp ấn các pháp thật tướng. Vì Bồ Tát đối với biện tài được tự tại, lúc nào ở đâu cũng có thể nói diệu pháp, khai mở đủ thứ môn ví dụ, để giải thích nói nghĩa lý của các pháp thật tướng. Vì Bồ Tát có tâm đại bi tự tại, hay siêng năng giáo hóa chúng sinh nên trong tâm chẳng có giải đãi và nghỉ ngơi. Vì Bồ Tát có tâm đại từ tự tại, nên phóng ra lưới quang minh trí huệ, để chiếu khắp chúng sinh, khiến cho sinh tâm hoan hỷ. Bồ Tát dùng mười lực tự tại này để khiến cho chúng sinh gieo trồng căn lành, tăng trưởng pháp thanh tịnh.

Bồ Tát ngồi trên tòa sư tử cao rộng như vậy, để diễn nói pháp lớn. Trừ Như Lai và các đại Bồ Tát thắng nguyện trí ra, các chúng sinh khác không ai thắng hơn được, không ai thấy đánh được, không ai

chói sáng hơn được. Có ai muốn vấn nạn, khiến cho bị thua, không thể nào có được.

Bồ Tát ngồi trên tòa sư tử cao rộng như vậy, diễn nói pháp lớn thật tướng. Pháp của Ngài nói ra, ngoại trừ chư Phật và các đại Bồ Tát nguyện thù thắng, trí thù thắng ra, các chúng sinh khác, không ai thắng hơn được. Cũng chẳng có chúng sinh nào cao hơn Ngài được, không ai phóng quang minh chói sáng hơn được. Nếu như có chúng sinh muốn đến vấn nạn, khiến cho Bồ Tát chẳng có cách chi đáp được, khiến cho Bồ Tát bị thua. Đây là chuyện không bao giờ có, chẳng bao giờ xảy ra.

Phật tử ! Đại Bồ Tát được sức tự tại như vậy rồi. Nếu như có lượng thế giới bất khả thuyết đạo tràng rộng lớn đầy đầy chúng sinh. Mỗi mỗi chúng sinh oai đức sắc tướng, đều như chủ ba ngàn đại thiên thế giới. Bồ Tát ở nơi đó, vừa hiện thân thì chiếu sáng che lấp đại chúng trên đây. Dùng đại từ bi an ủi chúng sinh khiếp nhược. Dùng trí huệ thâm sâu quán sát sự ưa muốn của họ. Dùng biện tài vô úy vì họ nói pháp, hay khiến cho tất cả đều sinh tâm hoan hỷ. Tại sao ?

Bồ Tát Pháp Huệ đối với Bồ Tát Tinh Tấn Huệ lại gọi một tiếng đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát trong Bồ Tát, đặc được mười lực tự tại rồi, nếu như có lượng thế giới nhiều bất khả thuyết, hết thấy chúng sinh ở trong đạo tràng rộng lớn, mỗi chúng sinh đều đầy đủ ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân, sắc tướng oai đức như chủ ba ngàn đại thiên thế giới. Bồ Tát ở trong đó, nếu hiện thân thì quang minh chiếu soi đại chúng ba ngàn đại thiên thế giới. Bồ Tát dùng tâm đại từ đại bi để an ủi chúng sinh khiếp nhược, khiến cho họ đừng sinh tâm sợ hãi. Bồ Tát dùng Bát Nhã trí huệ thâm sâu, để quán sát sự ưa muốn trong tâm của chúng sinh. Bồ Tát dùng biện tài vô úy, để vì chúng sinh nói pháp. Khiến cho tất cả chúng sinh, sinh tâm hoan hỷ, tiếp thọ Phật pháp, y pháp tu hành. Tại sao Bồ Tát có oai đức thế lực lớn như thế ?

Phật tử ! Vì đại Bồ Tát thành tựu vô lượng trí huệ luân. Vì thành tựu vô lượng phân biệt khéo léo. Vì thành tựu sức chánh niệm rộng lớn. Vì thành tựu vô tận trí huệ khéo léo. Vì thành tựu quyết định thấu rõ các pháp thật tướng đà la ni. Vì thành tựu vô biên tế bồ đề tâm. Vì thành tựu diệu biện tài không sai lầm. Vì thành tựu được tất cả Phật gia trì tin hiểu thâm sâu. Vì thành tựu khắp nhập vào sức trí huệ đạo tràng chúng hội của chư Phật ba đời. Vì

thành tựu biết chư Phật ba đời đồng một thể tánh tâm thanh tịnh. Vì thành tựu ba đời tất cả trí huệ Như Lai, tất cả Bồ Tát đại nguyện trí, hay làm đại pháp sư, khai thị xiển dương tạng chánh pháp của chư Phật và hộ trì.

Bồ Tát Pháp Huệ lại gọi một tiếng đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát trong Bồ Tát, vì phát tâm bồ đề, cho nên thành tựu vô lượng trí huệ luân. Vì thành tựu vô lượng phân biệt khéo léo. Vì thành tựu sức chánh niệm chánh tri chánh kiến rộng lớn. Vì thành tựu vô tận trí huệ khéo léo. Vì thành tựu quyết định thấu rõ đạo lý các pháp thật tướng, chứng được tổng trì tam muội. Vì thành tựu tâm bồ đề vô biên tế. Vì thành tựu tam muội diệu biện tài không sai lầm. Vì thành tựu đắc được tất cả chư Phật đến gia trì, tức là dùng nước cam lồ để quán đánh, hoặc chư Phật dùng tay sờ đầu, hoặc chư Phật phóng quang minh để gia bị, khiến cho sinh tâm tin hiểu sâu xa. Vì thành tựu khắp nhập vào sức đại trí huệ trong đạo tràng chúng hội của chư Phật ba đời, cho nên tiếp thọ được pháp của chư Phật nói. Vì thành tựu biết được chư Phật ba đời đồng một thể tánh, tức cũng là cùng một pháp thân, là bình đẳng, vì tâm thanh tịnh. Vì thành tựu trí huệ của chư Phật ba đời, thành tựu đại nguyện đại trí của tất cả Bồ Tát, hay làm đại pháp sư, khai xiển chánh pháp nhãn tạng của tất cả chư Phật, và còn hộ trì chánh pháp nhãn tạng của chư Phật.

Bấy giờ, Bồ Tát Pháp Huệ muốn thuật lại nghĩa trên, bèn nương thần lực của Phật mà nói kệ rằng.

Lúc đó, Bồ Tát Pháp Huệ rất từ bi, sợ rằng đại chúng trong pháp hội Hoa Nghiêm, nghe đạo lý kinh trường hàng vẫn chưa thấu hiểu cho lắm, cho nên muốn thuật lại tỉ mỉ hơn. Bèn nương đại oai thần lực, sự gia trì của mười phương chư Phật. Dùng kệ để nói rõ đạo lý ở trên, hy vọng mọi người hãy chú ý lắng nghe, đừng ngủ, đây là cơ hội ngàn năm khó gặp được, đừng để bỏ lỡ cơ hội. Nếu không chú ý nghe thì nhất định sẽ hối hận !

Tâm trụ bồ đề tu các phước Thường chẳng phóng dật trồng kiên huệ

Chánh niệm tâm ý luôn không quên Mười phương chư Phật đều hoan hỷ.

Bồ Tát phát tâm bồ đề, tu tập hạnh bồ đề. Tu hành mới có thể phước huệ đều đầy đủ. Phước đủ thì mới có đại oai đức, huệ đủ thì mới có đại quang minh, cho nên nói tâm trụ bồ đề, tụ tập tất cả các phước. Bồ Tát nhận chân tu hành, thời khắc chẳng phóng dật, nghiêm trì giới luật, gieo trồng tài bồi huệ lực kiên cố. Bồ Tát chánh niệm, tức là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, thời khắc chẳng quên công đức Tam Bảo. Vì vừa tu huệ, vừa tu phước, lại gìn giữ Tam Bảo, lại cúng dường Tam Bảo, cho nên mười phương chư Phật đều đại hoan hỷ.

**Chí nguyện kiên cố tự siêng gắng
Nơi đời không nương không thối
khiếp**

**Dùng hạnh vô tranh vào pháp sâu
Mười phương chư Phật đều hoan hỷ.**

Bồ Tát tu hành tâm niệm và chí nguyện rất kiên cố. Siêng năng tu tập, tự cố gắng cố lệ chính mình. Ở trên thế gian này, chẳng chỗ nương tựa, cũng chẳng sinh tâm thối lùi khiếp nhược. Dùng hạnh môn vô tranh luận, nhập vào tạng pháp của Phật. Nếu tu hành như vậy, thì mười phương chư Phật nhất định sẽ đại hoan hỷ.

**Phật hoan hỷ rồi kiên tinh tấn
Tu hành phước trí trợ đạo pháp
Nhập vào các địa tịnh các hạnh
Mãn túc nguyện của Như Lai nói.**

Chư Phật tức nhiên hoan hỷ, Bồ Tát càng phải dùng tâm kiên cố để dũng mãnh tinh tấn tu đạo bồ đề. Tu phước tu huệ, đây là pháp trợ đạo. Tu ba mươi bảy đạo phẩm, tu bốn đế, mười hai nhân duyên, tu lục độ vạn hạnh. Nhập vào các địa thanh tịnh, sẽ đầy đủ tất cả đại nguyện của chư Phật nói.

**Như vậy mà tu được diệu pháp
Tức được pháp rồi thí quần sinh
Tùy tâm hộ thích và căn tánh**

Đề thuận cơ nghi vì khai diễn.

Tu đủ thứ pháp môn như vậy, sẽ đắc được tất cả diệu pháp. Tức nhiên đắc được diệu pháp rồi, lại đem bố thí cho tất cả chúng sinh, khiến cho họ cũng đắc được diệu pháp. Đó là tinh thân của Bồ Tát. Đừng học tôn giả Châu Lợi Bàn Đà, là đệ tử của Phật, một trong mười sáu đại A la hán.

Thuở xưa Ngài là đại thiện tri thức, có năm trăm vị đệ tử. Song, ông ta rất bòn xén pháp, chẳng chịu nói pháp cho đệ tử, cho nên đầu thai làm tôn giả Châu Lợi Bàn Đà thì rất ngu si. Nếu ai đắc được pháp mà chẳng nói pháp, thì tương lai nhất định là người ngu si nhất, tại sao ? Vì chẳng tu huệ ! Cho nên phải tùy thuận tâm ưa thích và căn tánh của chúng sinh, hoàn toàn thuận cơ nghi với chúng sinh, để vì họ khai xiển diễn nói diệu pháp.

Bồ Tát vì họ diễn nói pháp Chẳng xả hạnh các độ của mình Đạo Ba La Mật đã thành tựu Thường trong các cõi cứu quần sinh.

Bồ Tát tự đắc được diệu pháp, sau đó vì chúng sinh diễn nói diệu pháp. Bồ Tát vẫn tiếp tục nỗ lực tinh tấn, chẳng xả bỏ pháp môn tu hành lục độ vạn hạnh của mình. Tuy nhiên đến được pháp bờ bên kia, Ngài tu đã thành công, nhưng thường ở trong tam giới các cõi, cứu tế tất cả chúng sinh thọ khổ, khiến cho họ cũng lìa khổ được vui. Do đó :

"Biển khổ vô biên, hồi đầu là bờ."

Chúng ta chúng sinh là chạy ngược lại với đạo, đi lầm vào đường tà, càng đi càng xa nhà. Nếu quay trở lại thì nhất định sẽ trở về ngôi nhà của mình vốn có, đó là các cõi Phật.

**Ngày đêm siêng tu chẳng giải đãi
Khiến giống Tam Bảo chẳng đoạn
tuyệt**

**Tu hành tất cả pháp thanh tịnh
Đều hồi hướng về cõi Như Lai.**

Bồ Tát ngày đêm sáu thời, siêng năng tu tập các pháp, chẳng có giải đãi, chẳng có mỏi mệt. Khiến cho hạt giống Phật Pháp Tăng vĩnh viễn chẳng đoạn tuyệt. Tu hành tất cả pháp thanh tịnh, thấy đều hồi hướng về cõi nước chư Phật thanh tịnh trang nghiêm.

**Bồ Tát tu hành các hạnh lành
Khấp vì thành tựu các quần sinh
Khiến họ phá tối diệt phiền não
Hàng phục ma quân thành chánh giác.**

Bồ Tát thành tựu tất cả hạnh môn, khấp vì thành tựu tất cả chúng sinh, khiến cho họ phá tan vô minh đen tối, tiêu diệt phiền não chấp trước, phải hàng phục ma quân, chế ngự ngoại đạo, sau đó thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Như vậy tu hành được Phật trí

**Vào sâu chánh pháp tạng Như Lai
Làm đại pháp sư diễn diệu pháp
Ví như cam lồ đều thấm nhuần.**

Bồ Tát tu hành như vậy, mới viên mãn thành tựu trí huệ của mười phương chư Phật, vào sâu chánh pháp nhãn tạng của chư Phật. Hay ở trong mười phương thế giới làm đại pháp sư, diễn nói tất cả diệu pháp. Ví như cam lồ vì chúng sinh quán đảnh, khiến cho họ được thấm nhuần.

**Từ bi thương xót khắp tất cả
Tâm hạnh chúng sinh đều biết hết
Theo chỗ họ thích vì khai triển
Vô lượng vô biên các Phật pháp.**

Bồ Tát có nguyện lực từ bi, thương xót tất cả chúng sinh, cho nên chẳng ngại gian khổ, mà khắp cùng mười phương tất cả thế giới để giáo hóa chúng sinh. Hết thấy tâm niệm và hành vi của chúng sinh, Bồ Tát đều biết rõ ràng. Bồ Tát tùy thuận tâm ưa thích của chúng sinh, mà vì họ khai triển diễn nói vô lượng vô biên diệu pháp của chư Phật nói.

**Tiến dừng an chậm như voi chúa
Dững mãnh chẳng sợ đường sư tử
Bất động như núi trí như biển
Cũng như mưa lớn trừ nóng bức.**

Hành động của Bồ Tát hoặc tiến tới, hoặc dừng lại, hoặc an ổn bộ hành, hoặc đi bộ chậm chậm, giống như voi chúa lớn. Lúc tiến về trước thì đi về trước. Lúc lùi về sau thì lùi về sau. Tại sao ? Vì thời khắc phải chiều cứ bầy voi an toàn. Bồ Tát tu hành lục độ vạn hạnh, chẳng phát sinh khó khăn. Giống như sự dũng mãnh của sư tử. Sư tử là vua của loài thú, cho nên chẳng sợ hãi. Bồ Tát như như bất động, giống như núi Tu Di. Trí huệ rộng lớn như biển cả, giống như mưa lớn, tiêu trừ phiền não nóng bức của tất cả chúng sinh, khiến cho họ được mát mẻ.

Bấy giờ, Bồ Tát Pháp Huệ nói bài kệ đó rồi. Như Lai hoan hỷ, đại chúng phụng hành.

Lúc đó, vị Bồ Tát Pháp Huệ nói bài kệ này xong rồi, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nghe Bồ Tát Pháp Huệ nói xong rồi, sinh đại hoan hỷ. Đại chúng ở trong pháp hội Hoa Nghiêm cũng đều đại hoan hỷ, tin thọ phụng hành.



KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

PHẨM THĂNG LÊN CUNG TRỜI DẠ MA THỨ MƯỜI CHÍN

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không lìa khỏi dưới cội bồ đề, mà thăng lên cung trời Dạ Ma điện Bảo Trang Nghiêm, vì chư Thiên mà nói pháp thập hạnh. Chẳng những Phật đến cung trời Dạ Ma ở thế giới Ta Bà này, mà còn đến khắp các cung trời Dạ Ma trong mười phương hết thảy thế giới. Do đó:

“Chẳng động nơi bốn tòa
Mà thăng khắp mọi nơi.”

Cảnh giới này không thể nghĩ bàn, là một nhiều vô ngại, một tức là nhiều, nhiều tức là một, một nhiều viên dung vô ngại, tức cũng là cảnh giới tuy thăng lên khắp cả mọi nơi, mà vẫn ở tại một nơi.

Trời Dạ Ma dịch là “Thời phân,” tức là phân biệt thời giờ. Tầng trời này là tầng trời thứ ba của dục giới, vì lìa khỏi núi Tu Di, cho nên gọi là không cư Thiên (cõi trời ở trên không). Cõi trời này chẳng có ánh sáng mặt trời mặt trăng, dùng hoa sen nở làm ngày, hoa sen khép lại làm đêm. Chư Thiên ở cõi này trên thân phóng ra ánh sáng, chiếu trời chiếu đất. Hơn nữa, vì ánh sáng này thường tồn, nên chẳng phân ngày đêm. Lại có giả thuyết nói, cõi trời này dùng đèn hoa sen đỏ nở ra làm ngày, dùng hoa sen trắng nở

ra làm đêm. Tóm lại, cõi trời này mãi mãi phóng quang minh. Phẩm này là phẩm thứ mười chín trong kinh Hoa Nghiêm, cho nên gọi là Phẩm Thăng Lên Cung Trời Dạ Ma Thứ Mười Chín.

Bấy giờ, nhờ oai thần lực của Như Lai, nên mười phương tất cả thế giới, mỗi mỗi bốn thiên hạ nam Diêm Phù Đề và trên đỉnh núi Tu Di, đều thấy đức Như Lai ở trong chúng hội. Các Bồ Tát đó đều nhờ thần lực của Phật mà diễn nói pháp, chẳng ai mà không cho rằng mình luôn ở trước đức Phật.

Sau khi Phật nói xong phẩm Minh Pháp. Lúc đó, Phật dùng đại oai thần lực. Ở trong mười phương tất cả thế giới, hết thấy mỗi mỗi bốn thiên hạ (bốn đại bộ châu: Đông Thắng Thần Châu, Nam Thiệm Bộ Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Bắc Câu Lưu Châu. Bốn Đại Bộ Châu này bao bọc núi Tu Di. Một núi Tu Di, một bốn đại châu, gọi là một bốn Thiên hạ). Tức là vô lượng núi Tu Di và vô lượng bốn đại bộ châu. Ở mỗi một tứ thiên hạ của cõi Diêm Phù Đề (Nam Thiệm Bộ Châu) và trên đỉnh núi Tu Di, đều thấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở trong chúng hội. Tóm lại, ở dưới cội bồ đề và trên đỉnh núi Tu Di, đều có pháp hội rộng lớn. Ở trong chúng hội có ảnh hưởng chúng (các đại Bồ Tát). Các vị đại Bồ Tát đó, vì nương đại oai thần lực của Phật Thích Ca Mâu Ni, cho nên đối với đại chúng pháp hội Hoa nghiêm diễn nói diệu pháp. Đối với mỗi vị Bồ Tát,

mỗi chúng sinh, họ đều nói như vậy: “Mình luôn luôn thấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở trước mặt mình.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn chẳng lìa khỏi dưới tất cả cõi bồ đề và đỉnh núi Tu Di, mà hướng về cung trời Dạ Ma điện Bảo Trang Nghiêm.

Lúc đó, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không lìa khỏi dưới tất cả cõi bồ đề, cũng chẳng lìa khỏi tất cả đỉnh núi Tu Di, mà dùng sức thần thông, thăng lên cung trời Dạ Ma điện Bảo Trang Nghiêm, để vì Thiên chúng nói diệu pháp diệu hạnh.

Lúc đó, Thiên chủ trời Dạ Ma, từ xa thấy đức Phật đến, bèn dùng thần lực hóa làm tòa sư tử Bảo liên hoa tạng ở trong cung điện.

Lúc đó, Thiên chủ trời Dạ Ma, trông thấy Đức Phật từ xa đến, bèn lập tức dùng sức thần thông, hóa làm pháp tòa sư tử Bảo Liên Hoa Tạng ở trong Điện Bảo Trang Nghiêm.

Trăm vạn tầng cấp dùng làm trang nghiêm, trăm vạn lưới vàng, trăm vạn màn hoa, trăm vạn màn tràng hoa, trăm vạn

màn hương, trăm vạn màn báu giảng che phía trên tòa sư tử.

Tòa sư tử Bảo liên hoa tạng, có trăm vạn tầng cấp bực làm trang nghiêm. Lại có lưới vàng giảng bủa xen nhau ở phía trên tòa sư tử. Lại có trăm vạn màn hoa, màn tràng hoa, màn hương, màn báu .v.v... giảng che phủ ở phía trên tòa sư tử rất mỹ lệ trang nghiêm.

Lọng hoa, lọng tràng, lọng hương, lọng báu, mỗi thứ cũng trăm vạn bày bố la liệt chung quanh. Trăm vạn quang minh chiếu sáng khắp nơi.

Lại có trăm vạn lọng hoa, lọng tràng, lọng hương, lọng báu .v.v... mỗi thứ đủ loại giảng bày la liệt ở trong hư không, để trang nghiêm đạo tràng. Lại có trăm vạn quang minh chiếu sáng đạo tràng. Cảnh giới này diệu không thể tả.

Trăm vạn Thiên chủ Dạ Ma cung kính đánh lễ, trăm vạn Phạm Vương vui mừng hớn hở, trăm vạn Bồ Tát khen ngợi tán thán. Trăm vạn nhạc trời diễn tấu trăm vạn thứ pháp âm, liên tục không ngừng. Trăm vạn thứ mây hoa. Trăm vạn thứ mây tràng. Trăm vạn thứ mây đồ trang nghiêm. Trăm vạn thứ mây y phục, giảng phủ khắp

noi. Trăm vạn thứ mây ma ni, ánh sáng chiếu soi.

Lại có trăm vạn Thiên Vương Dạ Ma, cung kính đánh lễ Đức Phật. Lại có trăm vạn Đại Phạm Thiên Vương hớn hở đến tham gia pháp hội, vui mừng lắng nghe Phật nói diệu pháp thập hạnh. Lại có trăm vạn vị đại Bồ Tát đến đạo tràng làm ảnh hưởng chúng, khen ngợi Phật, tán thán Phật, ca tụng Phật. Lại có trăm vạn nhạc trời, diễn tấu trăm vạn thứ pháp âm liên tục không ngừng, khiến cho người nghe sinh tâm niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng. Lại có trăm vạn thứ mây hoa, mây tràng, mây đồ trang nghiêm, mây y phục .v.v... Ở trong hư không giảng bày che phủ. Lại có trăm vạn mây ma ni, ánh sáng chiếu soi khắp đạo tràng pháp hội Hoa Nghiêm.

Từ trăm vạn thứ căn lành sinh ra. Có trăm vạn chư Phật hộ trì. Trăm vạn thứ phước đức tăng trưởng. Trăm vạn thứ thâm tâm. Trăm vạn thứ thệ nguyện nghiêm tịnh. Trăm vạn thứ hạnh sinh ra. Trăm vạn thứ pháp kiến lập. Trăm vạn thứ thần thông biến hiện, luôn vang ra trăm vạn thứ lời tiếng, hiển bày các pháp.

Từ trăm vạn thứ căn lành sinh ra. Có trăm vạn chư Phật đến hộ trì đạo tràng. Lại có trăm vạn thứ phước đức tăng trưởng. Lại có trăm vạn thứ thâm tâm; thâm tâm hay

khế lý. Lại có trăm vạn thệ nguyện để trang nghiêm thanh tịnh cung trời Dạ Ma. Lại có trăm vạn thứ hạnh môn sinh ra. Lại có trăm vạn thứ pháp kiến lập. Đó là trăm vạn thứ thần thông biến hiện ra cảnh giới. Luôn luôn vang ra trăm vạn thứ lời tiếng, hiển bày cảnh giới các pháp không thể nghĩ bàn.

Lúc đó, Thiên Vương Dạ Ma bố trí tòa rồi, bèn hướng về đức Phật Thế Tôn cúi mình chấp tay, cung kính tôn trọng mà bạch Phật rằng: Lành thay đức Thế Tôn ! Lành thay đáng Thiện Thệ ! Lành thay đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác! Xin nguyện thương xót vào nơi cung điện này.

Lúc đó, Thiên Vương Dạ Ma bố trí an bày tòa sư tử Bảo Liên Hoa Tạng xong rồi, bèn đối với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cúi mình chấp tay, biểu thị thân cung kính. Cung kính tôn trọng là biểu thị ý cung kính, mà bạch Phật rằng, đây là biểu thị miệng cung kính. Thiên chủ Dạ Ma dùng ba nghiệp cung kính mà nói với Phật rằng: “Đức Thế Tôn ! Ngài đến thật là đúng thời, khéo đến khéo đi. Thật là đúng lúc, đức Thế Tôn Ngài đến cung trời Dạ Ma, Ứng Chánh Đẳng Giác. Con xin cung thỉnh Phật từ bi, thương xót tất cả Thiên chúng và tất cả chúng sinh, ngự ở Điện Bảo Trang Nghiêm để nói pháp.”

Bấy giờ, đức Phật nhận lời thỉnh cầu, bèn thăng lên bảo điện. Tất cả mười phương cũng lại như thế.

Sau khi Thiên chủ Dạ Ma thỉnh pháp rồi, thì lúc đó Đức Phật nhận lời thỉnh pháp ân cần mà chấp nhận. Bèn lập tức thăng lên ngôi trên tòa sư tử Bảo Liên Hoa Tạng. Ở trong hết thấy mười phương thế giới, cũng đều như vậy, đều có Thiên chủ Dạ Ma thỉnh pháp, cũng có Phật đang ở đó nói pháp. Cảnh giới này diệu không thể tả. Chẳng phải một số phạm phu tục tử thấu hiểu được.

Bấy giờ, Thiên Vương Dạ Ma liền tự nhớ lại ở chỗ chư Phật quá khứ, gieo trồng căn lành, bèn nương oai lực của đức Phật, mà nói kệ rằng:

Lúc đó, Thiên vương Dạ Ma, nhớ lại thuở xưa lúc ở chỗ chư Phật, gieo trồng tất cả căn lành. Nương đại oai thần lực của Đức Phật, mà dùng kệ để biểu đạt nhân duyên trong quá khứ.

Danh Xưng Như Lai nghe mười phương

**Trong sự cát tường vô thượng nhất
Ngài từng vào điện ma ni này
Thế nên nơi này cát tường nhất.**

Thiên vương Dạ Ma nói: “Con nhớ lại trong quá khứ đã từng có mười vị Phật (đại biểu vô lượng số) đến điện Bảo Trang Nghiêm này, vì Thiên chúng nói pháp.” Có vị Phật hiệu là Danh Xung Như Lai. Danh hiệu của Ngài trong mười phương thế giới tất cả chúng sinh, nếu nghe được, thì sẽ tiêu tai sống lâu, đắc được cát tường vô thượng nhất. Vị Phật Danh Xung đó là bậc cát tường vô thượng nhất trong tất cả sự cát tường, Ngài đã từng đến điện Ma Ni Bảo này. Do đó, cho nên điện Ma Ni Bảo Trang Nghiêm này, là đạo tràng nói pháp cát tường nhất.

**Bảo Vương Như Lai đèn thế gian
Trong sự cát tường vô thượng nhất
Ngài từng vào điện thanh tịnh này
Thế nên nơi này cát tường nhất.**

Lại có vị Phật hiệu là Bảo Vương Như Lai. Ngài như đèn sáng của thế gian, hay chiếu sáng phá tan sự ngu si đen tối của chúng sinh. Vị Phật Bảo Vương đó, là bậc cát tường vô thượng nhất trong tất cả sự cát tường, Ngài đã từng vào điện thanh tịnh này. Bởi thế, cho nên điện Thanh Tịnh Bảo Trang Nghiêm này, là đạo tràng nói pháp cát tường nhất.

**Hỷ Mục Như Lai thấy vô ngại
Trong sự cát tường vô thượng nhất
Ngài từng vào điện trang nghiêm này
Thế nên nơi này cát tường nhất.**

Lại có vị Phật, hiệu là Hỷ Mục Như Lai. Ai thấy được Ngài, thì sẽ đắc được tất cả vui mừng vô ngại, vị Phật Hỷ Mục đó, là bậc cát tường vô thượng nhất trong tất cả sự cát tường. Ngài cũng đã từng vào Điện Trang Nghiêm này. Cho nên Điện Bảo Trang Nghiêm là đạo tràng nói pháp cát tường nhất.

**Nhiên Đẳng Như Lai chiếu thế gian
Trong sự cát tường vô thượng nhất
Ngài từng vào điện thù thắng này
Thế nên nơi này cát tường nhất.**

Lại có vị Phật hiệu là Nhiên Đẳng Như Lai. Trí huệ quang minh của Ngài, chiếu khắp tất cả thế gian, hay khiến cho chúng sinh bỏ mê về với giác ngộ, quay lưng với trần lao hợp với giác ngộ. Vị Phật Nhiên Đẳng đó, là bậc cát tường vô thượng nhất trong tất cả sự cát tường. Ngài cũng đã từng vào điện thù thắng này. Do đó, Điện Thù Thắng Bảo Trang Nghiêm là đạo tràng nói pháp cát tường nhất.

**Nhiêu Ích Như Lai lợi thế gian
Trong sự cát tường vô thượng nhất
Ngài từng vào điện vô cấu này
Thế nên nơi này cát tường nhất.**

Lại có vị Phật hiệu là Nhiêu Ích Như Lai, Ngài hay lợi ích tất cả chúng sinh thế gian, khiến cho chúng sinh lìa khổ được vui, chứng được Niết Bàn. Vị Phật Nhiêu Ích đó, là bậc cát tường vô thượng nhất trong tất cả sự cát tường. Ngài cũng đã từng vào điện vô cấu này, vì vậy cho nên

điện vô cầu Bảo Trang Nghiêm này, là đạo tràng nói pháp cát tường nhất.

**Thiện Giác Như Lai chẳng có thầy
Trong sự cát tường vô thượng nhất
Ngài từng vào điện bảo hương này
Thế nên chốn này cát tường nhất.**

Lại có vị Phật hiệu là Thiện Giác Như Lai. Ngài khéo về giác ngộ, đó là không có thầy mà tự ngộ. Vị Phật Thiện Giác đó, Ngài là bậc cát tường vô thượng nhất trong tất cả sự cát tường. Nếu tất cả chúng sinh nghe được âm thanh danh hiệu của vị Phật đó, thì cũng đắc được cát tường. Ngài cũng đã từng vào điện bảo hương này, cho nên điện Bảo Hương Trang nghiêm là đạo tràng nói pháp cát tường nhất.

**Thắng Thiên Như Lai đèn trong đời
Trong sự cát tường vô thượng nhất
Ngài từng vào điện diệu hương này
Thế nên nơi này cát tường nhất.**

Lại có vị Phật, danh hiệu là Thắng Thiên Như Lai. Ngài là đèn sáng của thế gian. Ánh sáng của đèn báu hay chiếu phá tất cả đen tối, khiến cho chúng sinh đắc được ánh sáng trí huệ, thoát khỏi ba cõi, vĩnh viễn được giải thoát. Vị Phật Thắng Thiên đó, Ngài là bậc cát tường vô thượng nhất trong tất cả sự cát tường. Ngài cũng đã từng vào điện Diệu

Hương này, vì vậy cho nên điện Diệu Hương Bảo Trang Nghiêm này là đạo tràng nói pháp cát tường nhất.

**Vô Khứ Như Lai hùng biện nhất
Trong sự cát tường vô thượng nhất
Ngài từng vào điện Phổ Nhãn này
Thế nên nơi này cát tường nhất.**

Lại có vị Phật hiệu là Vô Khứ Như Lai. Ngài có biện tài vô ngại, là đại anh hùng trong sự biện luận. Vị Phật Vô Khứ này, Ngài là bậc cát tường vô thượng nhất trong tất cả sự cát tường, Ngài cũng đã từng vào điện Phổ Nhãn này. Do đó cho nên, điện Phổ Nhãn Bảo Trang Nghiêm này, là đạo tràng nói pháp cát tường nhất.

**Vô Thắng Như Lai đủ các đức
Trong sự cát tường vô thượng nhất
Ngài từng vào điện Thiện Nghiêm này
Thế nên nơi này cát tường nhất.**

Lại có vị Phật hiệu là Vô Thắng Như Lai. Ngài đầy đủ tất cả đức hạnh, vị Phật Vô Thắng đó, Ngài là bậc cát tường vô thượng nhất trong tất cả sự cát tường. Ngài cũng đã từng vào điện Thiện Nghiêm này. Vì vậy cho nên điện Thiện Nghiêm Bảo Trang nghiêm này, là đạo tràng nói pháp cát tường nhất.

**Khổ Hạnh Như Lai lợi thế gian
Trong sự cát tường vô thượng nhất**

Ngài từng vào điện phổ nghiêm này Thế nên nơi này cát tường nhất.

Lại có vị Phật hiệu là Khổ Hạnh Như Lai. Lúc thuở xưa Ngài chuyên tu khổ hạnh, lợi ích tất cả chúng sinh thế gian. Vị Phật Khổ hạnh đó, Ngài là bậc cát tường vô thượng nhất trong tất cả sự cát tường, Ngài cũng đã từng vào điện Phổ Nghiêm này, Vì vậy cho nên, điện Phổ Nghiêm Bảo Trang Nghiêm này là đạo tràng nói pháp cát tường nhất.

Như trong thế giới này, Thiên Vương Dạ Ma nương thần lực của Phật, nhớ lại công đức thuở xưa của chư Phật, tán thán khen ngợi. Mười phương thế giới, Thiên Vương Dạ Ma cũng đều khen ngợi công đức của Phật như vậy.

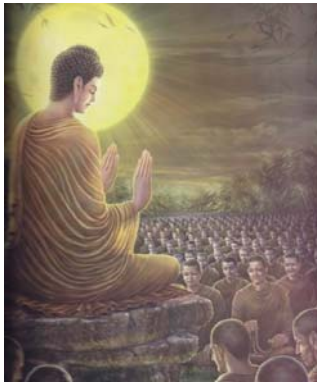
Giống như trong thế giới Ta Bà này, Thiên vương Dạ Ma nương đại oai thần lực gia bị của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nên nhớ lại công đức của tất cả chư Phật, cho nên tán thán chư Phật, khen ngợi chư Phật. Trong mười phương thế giới, hết thấy Thiên Vương Dạ Ma cũng lại như vậy, tán thán khen ngợi công đức của chư Phật.

Bấy giờ, đức Thế Tôn vào điện Ma Ni Trang Nghiêm, ngồi kiết già trên tòa sư tử Bảo liên hoa tạng.

Lúc đó, Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni vào điện Bảo Trang Nghiêm, ngồi kiết già trên tòa sư tử Bảo Liên Hoa Tạng, mà vì Thiên chúng diễn nói diệu pháp thập hạnh của kinh Hoa Nghiêm.

Điện đó hốt nhiên rộng lớn vô cùng, như chỗ ở của các Thiên chúng. Mười phương thế giới cũng đều như thế.

Điện Ma Ni Trang Nghiêm đó, hốt nhiên rộng lớn ra, diện tích rộng lớn vô cùng, có thể dung nạp hết thấy các Thiên chúng Dạ Ma, và tất cả chỗ ở. Điện Ma Ni Trang Nghiêm trong cung trời Dạ Ma trong mười phương thế giới cũng đều như vậy.



KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT QUYÊN MƯỜI CHÍN

PHẨM KỆ KHEN NGỌI TRONG CUNG DẠ MA THỨ HAI MƯỜI

Trong điện Bảo Trang Nghiêm cung trời Dạ Ma, có mười vị đại Bồ Tát, dùng kệ để tán thán khen ngợi công đức của Phật Thích Ca Mâu Ni. Phẩm này là phẩm thứ hai mươi trong bốn kinh. Cho nên gọi là Phẩm Kệ Tán Trong Cung Dạ Ma Thứ Hai Mươi.

Bấy giờ, nhờ thần lực của đức Phật, nên mỗi phương trong mười phương, có một vị đại Bồ Tát, cùng với các Bồ Tát số nhiều như hạt bụi cõi Phật tụ hội lại, từ những thế giới ngoài cõi nước mười vạn số hạt bụi cõi Phật mà đến.

Lúc đó, do đại oai thần lực của Phật Thích Ca Mâu Ni. Mỗi thế giới trong mười phương thế giới, có một vị Bồ Tát xuất lãnh các Bồ Tát nhiều như số hạt bụi cõi Phật, cùng nhau đến thế giới Ta Bà tại Điện Bảo Trang Nghiêm ở cung trời Dạ Ma, để nghe Phật nói Hoa Nghiêm pháp

lớn. Họ đều từ những thế giới ngoài cõi nước mười vạn số hạt bụi cõi Phật mà đến.

Danh hiệu của các Ngài là : Bồ Tát Công Đức Lâm, Bồ Tát Huệ Lâm, Bồ Tát Thắng Lâm, Bồ Tát Vô Úy Lâm, Bồ Tát Tàm Quý Lâm, Bồ Tát Tinh Tấn Lâm, Bồ Tát Lực Lâm, Bồ Tát Hạnh Lâm, Bồ Tát Giác Lâm, Bồ Tát Trí Lâm.

Danh hiệu của mười vị đại Bồ Tát này, đều có chữ Lâm làm đại biểu, vì trí huệ và công đức của các Ngài nhiều giống như rừng lâm, cho nên dùng chữ Lâm, để hình dung sự đặc biệt.

Vị thứ nhất là Bồ Tát Công Đức Lâm, Ngài là chủ thuyết pháp hội thứ tư, Ngài nhập vào tam muội Bồ Tát thiện tư duy, để diễn nói pháp môn thập hạnh. Vị thứ hai là Bồ Tát Huệ Lâm, trí huệ của Ngài như rừng lâm. Vị thứ ba là Bồ Tát Thắng Lâm, sự hiểu ngộ của Ngài rất thù thắng. Vị Bồ Tát thứ tư là Bồ Tát Vô Úy Lâm, Ngài nghe pháp vô úy, khéo hiểu lý khó. Vị thứ năm là Bồ Tát Tàm Quý Lâm, Ngài thường hồi quang phản chiếu, cầu nơi chính mình. Vị thứ sáu là Bồ Tát Tinh Tấn Lâm, Ngài dũng mãnh tinh tấn, tuyệt đối chẳng giải đãi. Vị thứ bảy là Bồ Tát Lực Lâm, Ngài tu sức lực lực độ, thẳng đến bờ kia. Vị thứ tám là Bồ Tát Hạnh Lâm, Ngài chiếu lý để quán sát Phật mà sinh khởi chánh tu. Vị thứ chín là Bồ Tát Giác Lâm, Ngài giác ngộ tự tâm, minh tâm thấy tánh. Vị thứ mười là Bồ Tát Trí

Lâm, Ngài có đại viên cảnh trí, chiếu rõ các pháp thật tướng.

**Các Bồ Tát đó, đến từ cõi nước đó là :
Thế giới Thân Huệ. Thế giới Tràng Huệ.
Thế giới Bảo Huệ. Thế giới Thắng Huệ.
Thế giới Đăng Huệ. Thế giới Kim Cang Huệ.
Thế giới An Lạc Huệ. Thế giới Nhật Huệ.
Thế giới Tịnh Huệ. Thế giới Phạm Huệ.**

Mười vị đại Bồ Tát đó, các Ngài đến từ thế giới nào ? Bồ Tát Công Đức Lâm đến từ thế giới Thân Huệ. Bồ Tát Huệ Lâm đến từ thế giới Tràng Huệ. Bồ Tát Thắng Lâm đến từ thế giới Bảo Huệ. Bồ Tát Vô Úy Lâm đến từ thế giới Thắng Huệ. Bồ Tát Tàm Quý Lâm đến từ thế giới Đăng Huệ. Bồ Tát Tinh Tấn Lâm đến từ thế giới Kim Cang Huệ. Bồ Tát Lực Lâm đến từ thế giới An Lạc Huệ. Bồ Tát Hạnh Lâm đến từ thế giới Nhật Huệ. Bồ Tát Giác Lâm đến từ thế giới Tịnh Huệ. Bồ Tát Trí Lâm đến từ thế giới Phạm Huệ.

Các Bồ Tát đó, ở chỗ các đức Phật tịnh tu phạm hạnh đó là : Phật Thường Trụ Nhãn, Phật Vô Thắng Nhãn, Phật Vô Trụ Nhãn, Phật Bất Động Nhãn, Phật Thiên Nhãn, Phật Giải Thoát Nhãn, Phật Thâm Đế Nhãn, Phật Minh Tướng Nhãn,

Phật Tối Thượng Nhân, Phật Cấm Thanh Nhân.

Mười vị đại Bồ Tát đó, từ thế giới trí huệ mà đến. Mỗi vị đại Bồ Tát đều ở tại đạo tràng của Phật tu hành phạm hạnh thanh tịnh. Có vị Phật hiệu là Phật Thường Trụ Nhân, vì tích hạnh tại thân, công đức viên mãn. Lại có vị Phật hiệu là Phật Vô Thắng Nhân, vì huệ tối thắng. Lại có vị Phật hiệu là Phật Vô Trụ Nhân, vì ngộ thắng nghĩa đế. Lại có vị Phật hiệu là Phật Bất Động Nhân, vì nghe sâu không sợ sệt. Lại có vị Phật hiệu là Phật Thiên Nhân, vì tông chân cự mê, thành đại quang tịnh. Lại có vị Phật hiệu là Phật Giải Thoát Nhân, vì sự lý chẳng khác, lìa tướng thân tâm. Lại có vị Phật hiệu là Phật Thâm Đế Nhân, vì tướng chẳng động. Lại có vị Phật hiệu là Phật Minh Tướng Nhân, vì chiếu lý chánh tu. Lại có vị Phật hiệu là Phật Tối Thượng Nhân, vì chiếu cố nguồn gốc tâm, thành quả vô thượng. Lại có vị Phật hiệu là Phật Cấm Thanh Nhân, vì giám đạt chư Phật, hồi siêu sắc thanh, đường tâm lời bật, đắc quả diệu minh.

Các vị Bồ Tát đó, đều đến chỗ đức Phật rồi, đánh lễ chân Phật, theo phương hướng của mình đến, ai nấy đều hóa làm tòa sư tử Ma ni tạng, ngồi kiết già trên tòa đó.

Những vị đại Bồ Tát đó, đến thế giới Ta Bà cung trời Dạ Ma Điện Bảo Trang Nghiêm rồi, hướng về Đức Phật

Thích Ca Mâu Ni đánh lễ chân Phật. Theo hướng của mình tới, ai nấy đều hóa làm tòa sư tử Ma ni tạng, ngồi kiết già trên tòa đó, tu đủ thứ tam muội, điều thân điều tâm, chuẩn bị lắng nghe Phật nói diệu pháp.

Như trong thế giới này, các Bồ Tát tụ tập đến cung trời Dạ Ma. Tất cả thế giới cũng đều như thế. Các Bồ Tát, thế giới, Như Lai, hết thấy danh hiệu, cũng đều giống nhau không khác.

Cung trời Dạ Ma ở thế giới Ta Bà, các Bồ Tát đều vân tập đến. Cung trời Dạ Ma trong mười phương thế giới cũng như vậy. Hết thấy Bồ Tát, hết thấy thế giới, hết thấy Như Lai, hết thấy danh hiệu, cũng đều giống nhau, chẳng có gì khác biệt.

Bấy giờ, từ hai bàn chân của đức Thế Tôn, phóng ra trăm ngàn ức quang minh sắc đẹp, chiếu khắp mười phương tất cả thế giới. Trong cung trời Dạ Ma, Phật và đại chúng thấy đều hiện ra.

Lúc đó, từ dưới hai bàn chân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, phóng ra trăm ngàn ức quang minh sắc đẹp, Do đó : “Năm quang mười sắc, rực sáng chói lòa.” Lại có thể nói: Vạn luồng hào quang, tận hư không khắp pháp giới. Quang đó chiếu khắp mười phương thế giới, trong cung

trời Dạ Ma của mười phương thế giới, đều có Phật Thích Ca Mâu Ni và đại chúng đều hiện ra cảnh giới ở trong đó.

Bấy giờ, Bồ Tát Công Đức Lâm nương oai lực của đức Phật, quán sát khắp mười phương mà nói kệ rằng:

Lúc đó, đại Bồ Tát Công Đức Lâm, nương đại oai thần lực của Đức Phật, quán sát khắp mười phương tất cả chúng sinh, mà dùng hai mươi bài kệ để nói rõ cảnh giới của Phật.

**Phật phóng đại quang minh
Chiếu khắp trong mười phương
Đều thấy Thiên Nhân Tôn
Thông đạt chẳng chướng ngại.**

Phật Thích Ca Mâu Ni thường nói pháp ở trong quang minh, thường phóng đại quang minh, chiếu khắp mười phương. Do đó : “Phật quang phổ chiếu.” Nhưng người tự tánh thanh tịnh, mới đắc được Phật quang gia bị mà có đại trí huệ. Phật quang tuy chiếu khắp, nhưng chẳng chiếu chúng sinh có tâm đồ kỹ, tâm chướng ngại, tâm ích kỷ, tâm cống cao ngã mạn. Nếu quét sạch hết những tâm đen tối đó, thì mới thấy được Thiên Nhân Tôn (Phật), và hợp với Phật quang mà làm một, quang minh chiếu với nhau, thông đạt chẳng chướng ngại.

**Phật ngồi cung Dạ Ma
Khắp cùng mười phương cõi**

Việc này rất kỳ đặc Thế gian rất ít có.

Phật chẳng động bốn xứ (bồ đề đạo tràng) mà thăng lên cung trời Dạ Ma điện Bảo Trang Trang Nghiêm, ngồi trên tòa sư tử Bảo Liên Hoa Tạng, vì đại chúng nói pháp mười hạnh. Chẳng những ở thế giới Ta Bà là như thế, mà cung trời Dạ Ma trong mười phương thế giới, cũng đều như vậy. Phật đang nói pháp, đại chúng đang nghe pháp. Cảnh giới đó rất kỳ đặc. Do đó, cảnh giới :

“Một nơi tức tất cả nơi
Tất cả nơi tức một nơi.”

Tức cũng là cảnh giới một nhiều vô ngại, cùng nhau viên dung vô ngại. Cảnh giới đó là hiện tượng lạ lùng ít có, một số phạm phu tục tử nhìn chẳng thấy được.

Trời Dạ Ma Thiên vương Kệ khen mười Như Lai Như hội này đã thấy Tất cả nơi cũng vậy.

Thiên Vương Dạ Ma dùng kệ để khen ngợi tán thán mười vị Phật. Trong pháp hội Hoa Nghiêm Điện Bảo Trang Trang Nghiêm, đã thấy Phật Thích Ca Mâu Ni phóng quang minh từ hai bàn chân. Hết thấy cung Dạ Ma trong mười phương thế giới cũng đều như vậy. Quang minh của Phật chiếu khắp đại chúng. Phật đều đang nói pháp mười hạnh, đại chúng đều đang lắng nghe pháp mười hạnh.

**Các chúng Bồ Tát đó
Hiệu đồng với chúng tôi
Mười phương tất cả nơi
Diễn nói pháp vô thượng.**

Trong pháp hội Hoa Nghiêm cung trời Dạ Ma trong mười phương thế giới, có vô số đại Bồ Tát, giúp Phật hoằng pháp, làm ảnh hưởng chúng. Danh hiệu của các Ngài đều giống chúng tôi (Bồ Tát Công Đức Lâm cho đến Bồ Tát Trí Lâm). Hết thấy tất cả đạo tràng trong mười phương thế giới, đều đang diễn nói diệu pháp thâm sâu vô thượng.

**Đến từ các thế giới
Danh từ cũng không khác
Đều ở chỗ đức Phật
Tu phạm hạnh thanh tịnh.**

Các vị đại Bồ Tát đó, đến từ các thế giới, tên gọi đều giống nhau, không khác. Mỗi vị Bồ Tát ở chỗ Đức Phật đều tu hạnh thanh tịnh. Phạm hạnh thanh tịnh tức là chẳng có tâm tham, tâm sân, tâm đố kỵ, tâm chướng ngại, tâm ngu si, tâm cống cao, tâm ngã mạn, tâm ích kỷ.

**Các đức Như Lai đó
Danh hiệu cũng giống nhau
Cõi nước đều giàu vui
Thần lực đều tự tại.**

Danh hiệu của hết thầy tất cả chư Phật trong mười phương thế giới, đều hoàn toàn giống nhau. Tất cả cõi nước đều giàu có vui sướng. Sức thần thông của chư Phật đều tự tại vô ngại.

**Mười phương tất cả nơi
Đều nói Phật ở đó
Hoặc thấy tại nhân gian
Hoặc thấy ở cung trời.**

Mười phương hết thầy tất cả trong đạo tràng, tất cả Bồ Tát và chúng sinh đều nói như vậy: “Đức Phật ở trong đạo tràng chúng ta, diễn nói diệu pháp.” Hoặc thấy Phật thị hiện ở nhân gian, vì chúng sinh nói pháp. Hoặc thấy Phật trụ ở cung trời, vì chúng trời nói pháp.

**Như Lai khắp an trụ
Tất cả các cõi nước
Chúng ta nay thấy Phật
Nơi điện cung trời này.**

Đức Phật Thích Ca an tọa khắp mười phương thế giới, mười phương thế giới các cõi nước, đều có Phật đang nói pháp. Chúng ta (Bồ Tát Công Đức Lâm và các Bồ Tát khác) nay thấy Phật ở tại điện Bảo Trang Nghiêm diễn nói diệu pháp.

**Xưa phát nguyện bồ đề
Khắp cùng mười phương cõi**

Thế nên oai lực Phật Khấp hết không nghĩ bàn.

Phật Thích Ca Mâu Ni thuở xưa đã từng phát đại nguyện bồ đề, nguyện nguyện vì lợi ích chúng sinh. Đại nguyện đó khấp cùng mười phương thế giới. Vì vậy cho nên đại oai thần lực của Phật sung mãn khắp mười phương thế giới, thật là cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Lìa sự tham ở đời Đầy đủ vô biên đức Nên được sức thần thông Chúng sinh thấy đều thấy.

Tại sao Phật có sức thần thông đại oai đức ? Vì Ngài xả bỏ tất cả danh lợi của thế gian, lại chẳng tham vui năm dục, cho nên mới đầy đủ vô biên đức hạnh. Có đức hạnh thì sẽ đắc được sức thần thông diệu dụng. Chúng sinh có duyên đều thấy được Phật đang nói pháp.

Năm dục có hai lối nói:

- 1). Tài sắc danh thực thù.
- 2). Sắc thanh hương vị xúc.

Đây là năm trần. Phật pháp chủ yếu nhất là dạy người đừng tham năm dục. Do đó :

“Tài sắc danh thực thù,
Địa ngục ngũ điều căn.”

Xa lìa năm dục thì sẽ thoát khỏi sinh tử.

Du hành mười phương cõi

Như không chẳng chướng ngại Một thân vô lượng thân Tướng thân bất khả đắc.

Tuy Phật thường du hành mười phương thế giới, song bản thể chẳng động, vẫn ngồi dưới cội bồ đề, (đây là cảnh giới diễn nói kinh Hoa Nghiêm pháp lớn) đi đến mười phương thế giới giáo hóa chúng sinh, giống như hư không, đến đi chẳng chướng ngại. Một báo thân Phật có thể hóa trăm ngàn ức ứng thân. Tóm lại, có bao nhiêu thế giới, thì Phật hóa bấy nhiêu thân. Chúng sinh trong mỗi thế giới, đều thấy Phật đang nói pháp. Song, tướng thân bất khả đắc, không thể chỉ định vị nào là Phật Thích Ca Mâu Ni. Dùng tướng để cầu Phật, đây là hành đạo tà. Trong kinh Kim Cang có nói:

“Nếu dùng sắc thấy ta
Dùng âm thanh cầu ta
Người đó hành tà đạo
Chẳng thấy được Như Lai.”

Đây là đạo lý chẳng minh bạch Phật pháp. Vì Phật là vô tướng, vô tướng vô bất tướng.

Công đức Phật vô biên Làm sao dò biết được Chẳng trụ cũng chẳng đi Vào khắp nơi pháp giới.

Thuở xưa Phật làm nhiều công đức. Ngài chẳng làm các điều ác, cho nên chẳng có tội nghiệp; Ngài làm các điều

lành, cho nên có vô biên công đức, không thể nào dò biết được công đức của Phật có bao nhiêu ? Trong phẩm Vào Pháp Giới có nói:

“Sát trăm tâm niệm khả số tri
Đại hải trung thủy khả ẩm tận
Hư không khả lượng phong khả kể
Vô năng tận thuyết Phật công đức.”

Nghĩa là:

Tâm niệm bụi cỗi đếm biết được
Nước trong biển lớn uống hết được
Hư không lường được gió buộc được
Không thể nói hết công đức Phật.

Phật chẳng đến, cũng chẳng có đi. Do đó :

“ Không đến không đi, gọi là Như Lai.”

Pháp thân của Phật vào khắp trong pháp giới. Phật là dùng pháp giới làm thể. Pháp giới phân làm bốn pháp giới của bậc Thánh và sáu pháp giới của phàm phu. Do đó :

“Mười pháp giới chẳng lìa một tâm niệm,
Một tâm niệm đầy đủ mười pháp giới.”

Phật và chúng sinh đều ở trong mười pháp giới, tâm đó đây thông đạt với nhau, cho nên gọi :

“Tâm, Phật, chúng sinh,
Cả ba chẳng khác nhau.”

Tâm của chúng ta có thể thông với pháp giới của Phật, pháp giới của Bồ Tát, pháp giới của Thanh Văn, pháp giới của Duyên Giác (bốn pháp giới của bậc Thánh). Lại có

thể thông với pháp giới của trời, pháp giới của loài người, pháp giới của A tu la, pháp giới của súc sinh, pháp giới của ngạ quỷ, pháp giới của địa ngục (sáu pháp giới phàm phu). Hết thấy pháp giới thông đạt với nhau. Thân Phật là pháp giới, có thể vào khắp pháp giới. Nếu chúng ta chúng sinh tu hành, thì cũng có thể thấy, ai ai cũng có Phật tánh, ai ai cũng có thể thành Phật. Song, ai ai cũng chẳng biết tu hành, cho nên ai ai cũng chẳng thành Phật.

Bấy giờ, Bồ Tát Huệ Lâm nương oai lực của đức Phật, quán sát khắp mười phương mà nói kệ rằng.

Lúc đó, vị đại Bồ Tát Huệ Lâm, nương đại oai thân lực của Phật Thích Ca Mâu Ni, quán khắp tất cả chúng sinh trong mười phương, dùng kệ để nói rõ cảnh giới của Phật.

Đại Đạo Sư thế gian Đẳng lia cấu vô thượng Kiếp không thể nghĩ bàn Khó có thể gặp được.

Thế gian phân làm ba thứ:

1). Hữu tình thế gian: Tức là chúng sinh thế gian. Tất cả chúng sinh có sự chấp trước ngã chấp và pháp chấp. Thế gian này chẳng bình đẳng, có sự khác nhau trí ngu, giàu nghèo, quý tiện, yếu thọ, đủ thứ.

2). Khí thế gian: Tức là quốc độ thế gian. Tất cả sự vật đều ở tại thế gian như núi sông đất đai, nhà cửa phòng

ốc .v.v... Thế gian này cũng chẳng bình đẳng, có nhà đẹp ruộng tốt, cũng có nhà dột đất xấu.

3). Trí chánh giác thế gian, tức là Phật thế gian. Chân chánh giác ngộ chân lý vũ trụ vạn hữu, cũng giác ngộ tâm thanh tịnh của mình, tức cũng là giác ngộ tất cả pháp thế gian và xuất thế gian. Thế gian này bình đẳng nhất, chẳng có gì phân biệt. Pháp môn có y, chánh, hai báo. Y báo tức là sông núi đất đai, nhà cửa phòng ốc, chỗ chúng ta nương tựa để ở. Chánh báo là thân thể của chúng ta, đời trước tạo nghiệp thiện, thì đời này chỗ ở tốt đẹp; đời trước tạo nghiệp ác, thì đời này chỗ ở thấp kém. Đây là luật nhân quả, tơ hào chẳng sai.

Phật là đại đạo sư tiếp dẫn tất cả mọi người thế gian và xuất thế gian. Phật đã lìa khỏi tất cả trần cấu (nhiễm ô), nên đắc được bản thể thanh tịnh.

Cầu là gì ? Nói đơn giản là vô minh, ngu si. Tham danh tham lợi đều là cầu. Người tham danh muốn làm nhân vật nổi tiếng của thế giới, lưu danh thiên cổ, tức là lưu truyền đời đời, lại như thế nào ? Đây là pháp nhiễm ô. Người tham lợi thì muốn được của cải cho nhiều, để lại cho con cháu, song, dù có trở thành phú ông giàu có, khi hai mắt nhắm lại, hai chân duỗi ra, thì tay không đi châu Diêm Vương, gì cũng chẳng mang theo được, chỉ có nghiệp chướng theo mình mà đi.

Đức Phật nhìn thủng giả danh, giả lợi, hư vọng không thật, buông xả hết, cho nên đắc được tự tại, trở thành đáng chí tôn vô thượng. Thời gian dài không thể nghĩ bàn, rất khó gặp được Phật. Do đó : :

‘Pháp vi diệu thâm sâu vô thượng
Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được

Nay con nghe thấy được thọ trì
Nguyện hiểu nghĩa chân thật của Như Lai.”

Đây là nói pháp khó nghe được. Lại có thể nói như
vậy:

“Phật vi diệu chí tôn vô thượng
Trăm nghìn vạn kiếp khó gặp được
Nay con nghe thấy được đánh lễ
Nguyện được Như Lai thương gia bị.”

Chúng ta gặp nạn sau Phật (một trong tám nạn), hôm nay vẫn còn nghe được Phật pháp, đây có thể nói là nhờ đại quang minh của Phật chiếu soi.

**Phật phóng đại quang minh
Thế gian thấy đều thấy
Vì chúng rộng diễn nói
Lợi ích các quần sinh.**

Phật phóng đại quang minh, chiếu khắp mười phương tất cả chúng sinh. Hết thấy chúng sinh thấy đều gặp Phật. Phật vì tất cả chúng sinh rộng diễn nói pháp vi diệu thâm sâu vô thượng. Phật vì lợi ích tất cả chúng sinh mà nói pháp, khiến cho họ lìa khổ được vui.

**Như Lai hiện thế gian
Vì đời trừ si tối
Như Lai đèn thế gian
Ít có khó gặp được.**

Tại sao Phật xuất hiện ra đời ? Ở cõi Thường Tịch Quang ngồi thiền nhập định chẳng tốt lắm sao ! Bất tất phải đến thế gian, đó chẳng phải không có việc tìm việc làm chẳng ? Chẳng phải ! Phật có tâm từ bi, thương xót chúng sinh, cho nên nương thuyền từ bi trở lại thế gian, để diệt trừ ngu si đen tối của chúng sinh. Phật là đèn sáng của thế gian, hay chiếu phá tất cả đen tối. Phật là trăm ngàn kiếp khó gặp được, chẳng dễ gì gặp được Phật. Các vị muốn gặp được Phật chẳng ? Vậy thì phải nỗ lực tham thiền đả tọa, đến được hỏa lò trừng thanh, thì chúng được ngũ nhãn, mới thấy được pháp thân của chư Phật và tất cả Bồ Tát.

Đã tu bố thí nhẫn Tinh tấn và thiền định Bát Nhã Ba La Mật Nhờ đây chiếu thế gian.

Phật đã tu hành viên mãn bố thí, Do đó : “Đầu mắt tùy não nội tài), đất nước vợ con (ngoại tài),” đều đem bố thí cho người cần. Lúc bố thí thì tâm bố thí đều chẳng có. Do đó : “Tam luân thể không.” chẳng có kẻ bố thí, cũng chẳng có người nhận, cũng chẳng có vật thí. Có tư tưởng như thế mới thật là bố thí.

Phật đã tu trì giới viên mãn, chẳng những chẳng giết hại, chẳng trộm cắp, chẳng dâm, chẳng nói dối, chẳng uống rượu. Và còn giữ Bát Quan giới, giới Bồ Tát, ở trên là giới luật của người tại gia thọ. Lại giữ giới Sa Di mười giới, giới Tỳ Kheo hai trăm năm mươi giới.

Phật đã tu hành nhẫn nhục viên mãn. Nhẫn tức là nhẫn thọ không được cũng phải nhẫn. Gặp cảnh giới không

như ý cũng phải nhẫn, có người mắng bạn, đánh bạn, cũng phải nhẫn. Do đó :

“Nhẫn là báu vô giá
Người người xử không tốt
Nếu hay dùng được nó
Mọi việc đều tốt đẹp.”

Nhẫn có sinh nhẫn, pháp nhẫn, vô sinh pháp nhẫn. Phật đã tu hành tinh tấn viên mãn. Chỉ có tinh tấn, chẳng thối lùi. Dũng mãnh tinh tấn, tuyệt đối chẳng giải đãi. Chẳng những ngày tinh tấn, đêm tinh tấn; mà thân cũng tinh tấn, tâm cũng tinh tấn. Tóm lại, thời khắc tinh tấn. Do đó :

“Vào sâu tạng kinh, trí huệ như biển.”

Phật đã tu hành thiền định viên mãn. Thường ở trong định, cảnh giới gì đến cũng chẳng động tâm. Bộ kinh Hoa Nghiêm này, là Phật ở trong định đến bảy nơi nói chín hội.

Phật đã tu hành Bát Nhã viên mãn. Bát Nhã dịch là trí huệ, tu viên mãn năm pháp Ba La Mật ở trên, thì mới đắc được đại trí huệ, có trí huệ hiện tiền thì sẽ đến được bờ kia.

Tu hành lục độ được viên mãn, thì trí huệ đại quang minh sẽ chiếu khắp tất cả thế gian. Lục độ là hạnh môn tu hành của Bồ Tát, tức cũng là pháp đại thừa, tự giác giác tha, tự lợi lợi tha. Chẳng phải là tự liễu hán "độc thiện kỳ thân", mà là tư tưởng "kiêm thiện Thiên hạ". Tức cũng là tinh thần hy sinh tiêu ngã để hoàn thành đại ngã. Bồ Tát vì chúng sinh an vui, mà tự mình cam tâm tình nguyện chịu khổ.

**Như Lai chẳng ai bằng
Muốn sánh không thể được
Chẳng rõ pháp chân thật
Không thể thấy được Phật.**

Ai cũng không thể so sánh với Phật được, muốn tìm cũng tìm chẳng được. Tại sao ? Vì trí huệ của Phật là vô thượng nhất, tướng tốt trang nghiêm của Phật, thần thông rộng lớn vô biên của Phật, pháp thân tận hư không biến pháp giới của Phật, trên thế gian có người nào chí tôn như vậy chẳng ?

Nếu chẳng minh bạch tánh chân thật của Pháp, đạo lý các pháp thật tướng, thì không thể nào thấy được Phật. Nếu thấu rõ được tánh chân thật của pháp, thì mới thấy được Phật.

**Thân Phật và thần thông
Tự tại khó nghĩ bàn
Chẳng đến cũng chẳng đi
Thuyết pháp độ chúng sinh.**

Pháp thân và thần thông của Phật tự tại vô ngại, biến hóa vô cùng, có cảnh giới không thể nghĩ bàn. Pháp thân Phật là chẳng đến cũng chẳng đi, song Ngài luôn luôn nói pháp để giáo hóa tất cả chúng sinh.

**Nếu ai được thấy nghe
Thanh tịnh Thiên Nhân Sư
Mãi thoát các đường ác**

Xả lìa tất cả khổ.

Nếu như có người được thấy nghe đấng Thanh Tịnh Thiên Nhân Sư (Phật), thì mãi mãi thoát khỏi bốn đường ác, xả lìa ba khổ, tám khổ, vô lượng khổ. Bốn đường ác tức là: A tu la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục. Ba khổ là: Khô khổ, hoại khổ, hành khổ. Tám khổ là: Sinh, già, bệnh, chết, ái biệt ly, oán tăng hội, cầu bất đắc, ngũ âm sí thành. Vô lượng khổ tức là tất cả sự khổ não, có tám vạn bốn ngàn thứ khổ.

**Vô lượng vô số kiếp
Tu tập hạnh bồ đề
Không biết được nghĩa này
Không thể thành Phật được.**

Phải trải qua vô lượng vô số đại kiếp thời gian, chuyên tâm tu tập hạnh bồ đề, thì mới thấu rõ nghĩa chân thật của Phật pháp. Bằng không thì không thể nào minh bạch được đạo lý Phật pháp, không thể nào được thành quả vị Phật.

**Kiếp không thể nghĩ bàn
Cúng dường vô lượng Phật
Nếu biết được nghĩa này
Công đức hơn người đó.**

Trải qua thời gian kiếp số không thể nghĩ bàn, để cúng dường vô lượng vô số chư Phật. Công đức này rất lớn. Song, nếu biết được nghĩa lý giảng trong Phẩm Thập

Hạnh này, thì vượt hơn công đức cúng dường vô lượng Phật bội phần.

**Châu báu vô lượng cõi
Đem cúng dường đức Phật
Không biết được nghĩa này
Trọn không thành bồ đề.**

Dùng châu báu vô lượng cõi Phật, để cúng dường bố thí cho Phật, công đức này có thể nói là vô lượng. Song chẳng minh bạch nghĩa chân thật của Phẩm Thập Hạnh này, thì dù bố thí tu hành bao lâu, cũng không thể thành tựu Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Bấy giờ, Bồ Tát Thắng Lâm nương oai lực của đức Phật, quán sát khắp mười phương mà nói kệ rằng:

Lúc đó, đại Bồ Tát Thắng Lâm, nương đại oai thần lực của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, quán sát khắp tất cả chúng sinh trong mười phương, mà dùng kệ để nói rõ cảnh giới của Phật.

**Ví như tháng mùa hạ
Trời xanh không mây mù
Mặt trời tỏa chiếu khắp
Sung mãn khắp mười phương.**

Giống như lúc mùa hạ, bầu trời trong xanh, chẳng có bợn mây nào. Ánh sáng của mặt trời chiếu khắp mười phương. Trong mười phương đều sung mãn ánh sáng mặt trời.

**Ánh sáng vô hạn lượng
Không ai dò biết được
Có mắt còn như thế
Hà huống kẻ mù lòa.**

Nhiệt độ của ánh sáng mặt trời chẳng có hạn lượng, chẳng có ai dò lường được nhiệt độ của ánh sáng mặt trời, cứu kính có bao nhiêu độ. Có thể nói là không ai biết được. Hà huống là kẻ mù lòa, họ làm sao biết được. Đương nhiên họ chẳng biết được.

**Chư Phật cũng như vậy
Công đức không bờ mé
Kiếp không thể nghĩ bàn
Không thể phân biệt biết.**

Công đức của mười phương chư Phật, giống như độ nóng của ánh sáng mặt trời, chẳng có bờ mé. Dù trải qua thời gian đại kiếp không thể nghĩ bàn, cũng chẳng có ai phân biệt được cứu kính là bao nhiêu ? Biết số lượng tí mủi.

**Các pháp chẳng chỗ đến
Cũng chẳng có tác giả
Chẳng có chỗ sinh ra**

Không thể phân biệt được.

Tất cả pháp chẳng có chỗ đến, cũng chẳng có người làm ra pháp. Bản thể của pháp như hư không, chẳng phải từ nơi nào sinh ra, cho nên bản thể của pháp không thể phân biệt được. Gốc rễ của pháp chẳng có một bản thể nào cả. Do đó :

“Các pháp chẳng tự sinh
Cũng chẳng từ nó sinh
Chẳng cùng chẳng không nhân
Cho nên biết không sinh.”

**Tất cả pháp chẳng đến
Cho nên chẳng có sinh
Do vì không có sinh
Nên diệt bất khả đắc.**

Các pháp tức nhiên chẳng đến, thì nó làm sao sinh ? Vì nó không thể tự sinh, thì sao lại có diệt ? Pháp là không sinh không diệt, cho nên sinh bất khả đắc, diệt cũng bất khả đắc.

**Tất cả pháp không sinh
Cũng lại không có diệt
Nếu hiểu được như vậy
Người đó thấy Như Lai.**

Vì tất cả pháp chẳng có sinh, cho nên cũng chẳng có diệt. Tức cũng chẳng có tướng sinh, cũng chẳng có tướng

diệt. Nếu minh bạch đạo lý các pháp không sinh không diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm, thì người đó thấy được Như Lai.

**Vì các pháp không sinh
Tự tánh không chỗ có
Phân biệt biết như vậy
Người đó đạt nghĩa sâu.**

Tất cả pháp chẳng có sinh, sao lại có tự tánh ? Nếu có tự tánh, thì sẽ có sinh. Nếu phân biệt được như vậy, biết chân lý của tất cả pháp, thì người đó sẽ được như như chẳng động, thông đạt được nghĩa lý thâm sâu.

**Vì nhờ pháp không tánh
Chẳng ai biết rõ được
Thấu hiểu pháp như vậy
Rốt ráo chẳng chỗ hiểu.**

Vì các pháp chẳng có thể tánh, cho nên chẳng có ai thấu hiểu biết được. Thấu hiểu được tất cả pháp không tánh, thì rốt ráo đạt đến cực điểm, tức là gì cũng chẳng có, đều chẳng chỗ hiểu.

**Nói rằng có sự sinh
Hiện ra các cõi nước
Biết được tánh cõi nước
Người đó chẳng mê hoặc.**

Nói rằng có chúng sinh, hoặc có pháp sinh, hiện ra nơi các cõi Phật. Nếu mình bạch được tánh của tất cả cõi nước như hư không, thì tâm của người đó, chẳng bị cảnh giới hư vọng không thật làm mê hoặc.

**Tánh cõi nước thế gian
Quán sát đều như thật
Nếu biết được như vậy
Khéo nói tất cả nghĩa.**

Hết thấy tánh cõi nước chư Phật thế gian, quán sát tất cả đều là cảnh giới chân như thật tướng. Nếu mình bạch được chân lý như vậy, biết tất cả đều là không sinh, không diệt, thì mới khéo léo diễn nói tất cả nghĩa chân thật của Phật pháp.

Bấy giờ, Bồ Tát Vô Úy Lâm nương oai lực của đức Phật, quán sát khắp mười phương, mà nói kệ rằng.

Lúc đó, vị đại Bồ Tát Vô Úy Lâm, nương đại oai thần lực của Đức Phật. Quán sát khắp mười phương tất cả chúng sinh, dùng kệ để nói rõ cảnh giới của Phật.

**Thân Như Lai rộng lớn
Rốt ráo nơi pháp giới
Chẳng lìa khỏi tòa này
Mà khắp hết mọi nơi.**

Pháp thân của Như Lai là tận hư không biến pháp giới, cho nên chẳng đến chẳng đi. Trong kinh Kim Cang có nói:

“Chẳng từ đâu đến
Cũng chẳng về đâu
Gọi là Như Lai.”

Thân rộng lớn của Như Lai, dùng pháp giới làm thể, thân trí huệ của Như Lai chứng được cực giới. Cho nên ứng thân của Như Lai, chẳng lìa khỏi tòa ngời mà đầy khắp tất cả mọi nơi. Tức cũng là chẳng lìa khỏi tòa Kim Cang dưới cội bồ đề ở thế giới Ta Bà, chẳng lìa khỏi tòa sư tử Bảo Liên Hoa Tạng cung điện bảo Trang Nghiêm cung trời Dạ Ma, mà đầy khắp tất cả dưới cội bồ đề và tất cả cung trời Dạ Ma trong mười phương.

**Nếu nghe pháp như vậy
Cung kính tin mừng vui
Mãi thoát ba đường ác
Tất cả các khổ nạn.**

Nếu nghe được pháp viên dung vô ngại trùng trùng vô tận của kinh Hoa Nghiêm, mà sinh tâm cung kính, sinh tâm tín ngưỡng, sinh tâm hoan hỷ vui mừng, thì người đó nhất định vĩnh viễn thoát khỏi ba đường ác, thoát khỏi tất cả khổ nạn chẳng cát tường.

**Như qua các thế giới
Vô lượng không thể đếm
Chuyên tâm muốn lắng nghe**

Sức tự tại Như Lai.

Nếu như muốn đi qua tất cả thế giới, gần gũi Phật, cúng dường Phật. Qua vô lượng vô biên thế giới nhiều không thể đếm, đều muốn chuyên tâm để lắng nghe Phật pháp, đó là nhờ sức thần thông tự tại của Như Lai, mới có được cảnh giới như vậy.

**Các Phật pháp như vậy
Là vô thượng bồ đề
Giả sử muốn tạm nghe
Không ai có thể được.**

Các Phật pháp như vậy, đều là phương pháp thành tựu Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Giả sử muốn tạm thời nghe pháp, thì không thể nào nghe được diệu pháp. Chẳng phát tâm bồ đề lâu dài, phải ngày ngày nghe kinh nghe pháp, thì mới đắc được lợi ích Phật pháp.

**Nếu ở trong quá khứ
Tín Phật pháp như vậy
Đã thành đấng Lương Túc
Mà làm đèn thế gian.**

Nếu như trong quá khứ, tín ngưỡng kinh Hoa Nghiêm pháp vi diệu thâm sâu vô thượng, hoặc đã thành đấng Lương Túc (phước cũng đầy đủ, huệ cũng đầy đủ). Đấng Lương Túc tức là Phật, mà làm đèn sáng cho thế gian, hay chiếu phá tất cả đen tối thế gian, tức cũng là chẳng có tất cả thống khổ.

**Nếu có ai được nghe
Sức tự tại Như Lai
Nghe rồi sinh niềm tin
Họ cũng sẽ thành Phật.**

Nếu có ai sẽ nghe được diệu pháp kinh Hoa Nghiêm, đó là nhờ sức thần thông tự tại của chư Phật gia bị. Đó là nhờ thưở xưa đã trồng căn lành, cho nên hôm nay mới có nhân duyên nghe kinh Hoa Nghiêm. Nghe pháp rồi, sinh tâm tin, thì mới có thể thành Phật được. Bằng không, nghe pháp rồi như gió thoảng qua tai, chẳng lưu lại, thì trong ruộng thức thứ tám, chẳng trồng xuống hạt giống căn lành. Đây là nghe mà chưa nghe, chẳng có ích gì.

**Nếu ai trong hiện tại
Nghe được Phật pháp này
Cũng sẽ thành Chánh Giác
Nói pháp chẳng sợ hãi.**

Nếu như trong hiện tại, tin sâu diệu pháp kinh Hoa Nghiêm, mà chẳng sinh tâm hoài nghi, thì cũng sẽ được thành Phật. Lúc vì chúng sinh nói pháp oai đức đầy đủ, to hào chẳng sợ hãi. Tóm lại, chẳng bị uy của đại chúng nhiếp phục mà bị chướng ngại.

**Vô lượng vô số kiếp
Pháp này rất khó gặp
Nếu có ai được nghe**

Nên biết nhờ nguyện xưa.

Trong vô lượng vô số đại kiếp, phải phát đại nguyện bồ đề, thì mới nghe được Phật pháp. Hôm nay chúng ta nghe được pháp lớn Hoa Nghiêm, chẳng những ở tại một vị Phật, hoặc hai vị Phật, gieo trồng căn lành. Diệu pháp Hoa Nghiêm này, thật là trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được. Nếu như có người nghe được pháp này, đó là nhờ thủa xưa phát nguyện lực bồ đề.

Nếu ai hay thọ trì Các Phật pháp như vậy Trì rồi rộng tuyên nói Người này sẽ thành Phật.

Nếu như có người hay thọ trì diệu pháp của kinh Hoa Nghiêm, người đó hay đọc tụng, giải nói, rộng vì mọi người tuyên nói, thì người đó sẽ thành Phật. Chúng ta nghe được diệu lý của kinh Hoa Nghiêm rồi, phải nghiên cứu, mới minh bạch được. Minh bạch rồi, phải y pháp tu hành, thì mới chứng được quả vị Diệu Giác.

Huống lại siêng tinh tấn Tâm kiên cố chẳng bỏ Nên biết người như vậy Quyết định thành bồ đề.

Huống là người đó lại hay thân tinh tấn, tâm tinh tấn, ngày đêm sáu thời luôn tinh tấn. Có tâm kiên cố, tâm kiên thành, tâm hằng thường tinh tấn, mà chẳng giải đãi. Dùng

tâm kiên, thành, hằng, ba tâm để tu lục độ vạn hạnh, vĩnh viễn chẳng xả bỏ. Nên biết người như vậy, quyết định sẽ thành tựu Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Giống như Bồ Tát Dược Vương, đốt thân cúng dường Phật, đó là thật tinh tấn. Tinh thần đó, thật là vĩ đại, khiến cho người kính phục.

Bấy giờ, Bồ Tát Tàm Quý Lâm nương oai lực của đức Phật, quán sát khắp mười phương mà nói kệ rằng.

Lúc đó, vị đại Bồ Tát Tàm Quý Lâm nương đại oai thần lực của Phật Thích Ca Mâu Ni, quán sát khắp mười phương tất cả chúng sinh, dùng kệ để nói rõ cảnh giới của Phật.

Tàm quý là gì ? Tàm quý là biết hổ thẹn. Cảm thấy hành động của mình chẳng đối xử tốt với người, lại chẳng tốt đối với chính mình. Tức cũng là chẳng có lợi ích đối với người, cũng chẳng có lợi ích đối với mình. Phải sinh tâm tàm quý, cải ác tự tâm. Nếu làm việc quấy thì nên đến trước Phật để sám hối. Do đó :

“Tội nhiều như núi
Sám hối tiêu tan.”

Nếu chẳng sinh tâm sám hối, thì tội nghiệp vĩnh viễn tồn tại.

Tôi thường nói với các vị:

“Hãy nhận thật lỗi mình
Đừng luận bàn lỗi người
Lỗi người tức lỗi mình

Đồng thể gọi đại bi.”

Phàm là người có tâm đại bi, thì tuyệt đối chẳng nói lỗi thị phi của người khác, chẳng bình luận thiện ác của người. Nên nhớ ! Nên nhớ ! Bất cứ là người xuất gia, hoặc tại gia, đừng nói dối, đừng tạo thị phi, nên lấy từ bi làm gốc, dùng phương tiện làm cửa. Nơi nơi vì người phương tiện, đừng tìm phiền não của người. Bằng không thì, tu đến thưở vị lai, vẫn là chúng sinh, vĩnh viễn chẳng thành công.

**Nếu ai được nghe pháp
Hy hữu tự tại này
Hay sinh tâm hoan hỷ
Sớm dứt lưới nghi hoặc.**

Nếu có người nào nghe được bộ kinh Hoa Nghiêm pháp kỳ diệu ít có này, thì nhất định hay sinh tâm hoan hỷ. Vì đạo lý của Bộ kinh này vừa viên dung vừa tự tại. Cảnh giới của bộ kinh này, trùng trùng vô tận, vô tận trùng trùng. Nghe được pháp này, thì sẽ mau chóng dứt trừ lưới nghi hoặc.

Tại sao chúng ta có tâm tham, tâm sân, tâm si ? Vì không được nghe Phật pháp. Muốn chẳng còn tâm ba độc, thì hãy mau buông xả tất cả, chân thật đến học Phật pháp. Cho dù không mặc y áo, không ăn cơm, không ngủ nghỉ, cũng phải học Phật pháp. Tại sao ? Vì y áo, cơm, ngủ nghỉ, là sự hưởng thụ tạm thời. Nhưng học Phật pháp, có thể đắc được an vui vĩnh viễn, đó mới là an vui chân chánh.

Tất cả người tri kiến

**Tự nói lời như vậy
Như Lai biết tất cả
Cho nên khó nghĩ bàn.**

Tất cả người có chánh tri chánh kiến, tự nói như vậy:

“Phật là bậc Thánh nhân đại trí huệ
Chẳng gì mà không biết,
Chẳng gì mà không thấy.”

Do đó cho nên không thể nghĩ bàn. Tư tưởng của phàm phu không thể minh bạch lời lẽ ở trên.

**Không có từ vô trí
Mà sinh ra trí huệ
Thế gian thường tối tăm
Cho nên không thể sinh.**

Bỏ đi chẳng có trí huệ, thì không thể sinh ra trí huệ, phải học pháp môn Bát Nhã, mới có thể sinh ra trí huệ. Do đó: “Vào sâu tạng kinh, trí huệ như biển.” Vì thế gian luôn luôn là đen tối, cho nên không thể sinh ra trí huệ.

**Như sắc và phi sắc
đây hai chẳng phải một
Trí vô trí cũng vậy
Thế đó đều khác biệt.**

Đạo lý có trí huệ và không có trí huệ, giống như vàng và màu vàng. Tuy là một, nhưng vàng là vàng, màu là

màu. Vàng và màu trên danh từ là hai, cho nên nói đây hai chẳng phải một. Có trí huệ và chẳng có trí huệ cũng đạo lý ấy, thể của nó khác nhau.

Như tướng và vô tướng Sinh tử và Niết Bàn Phân biệt đều khác nhau Trí vô trí cũng vậy.

Lại giống như có tướng và không có tướng, có hình tướng là tướng, không hình tướng vẫn là tướng. Nhưng tướng và vô tướng khác nhau, một là có, một là không có. Sinh tử và Niết Bàn, phân biệt đều có sự khác nhau. Sinh tử phải thọ luân hồi, Niết Bàn thì chấm dứt sinh tử. Nhưng, Niết Bàn thì chẳng còn sinh tử, sinh tử chẳng phải là Niết Bàn, mỗi cái có danh từ khác nhau. Đạo lý có trí huệ và chẳng có trí huệ cũng như vậy.

Thế giới mới thành lập Chẳng có tướng bại hoại Trí vô trí cũng vậy Hai tướng chẳng một thời.

Thế giới là do thành, trụ, hoại, không, bốn trung kiếp thành lập. Trong mỗi kiếp có hai mươi tiểu kiếp. Thời kỳ thành lập thì chẳng có tướng bại hoại hiện ra. Có trí huệ và chẳng có trí huệ cũng như vậy. Hai tướng này không thể đồng thời cùng có.

Như Bồ Tát sơ tâm

**Chẳng cùng với hậu tâm
Trí vô trí cũng vậy
Hai tâm chẳng cùng thời.**

Giống như Bồ Tát ban đầu phát tâm bồ đề, chẳng cùng với tâm kim cang cuối cùng. Có trí huệ và chẳng có trí huệ cũng như vậy. Hai thứ tâm đó không thể đồng thời cùng có.

**Ví như các thức thân
Mỗi mỗi chẳng hòa hợp
Trí vô trí cũng vậy
Rốt ráo chẳng hòa hợp.**

Các thức tâm tức là sáu căn đối với cảnh giới sáu trần, cho nên sinh ra sáu thứ tâm phân biệt, gọi là sáu thức. Nhãn thức và nhĩ thức, tĩ thức và thiệt thức, thân thức và ý thức, đều có tướng của nó, đều có công dụng của nó, không thể hòa hợp. Có trí huệ và chẳng có trí huệ cũng như vậy, hoàn toàn không thể hòa hợp, vì chẳng cùng một dạng, cho nên chẳng hòa hợp với nhau.

**Như thuốc A già đà
Hay giải tất cả độc
Có trí cũng như vậy
Hay tiêu diệt vô trí.**

A già đà dịch là phổ khử. Nó hay khử trừ hết tất cả bệnh độc, còn gọi là thuốc bất tử, hay tiêu trừ tất cả độc,

cho nên không thể chết. Thuốc A già đà hay giải trừ tất cả độc. Có trí huệ cũng như vậy, hay trừ khử tất cả độc. Độc gì ? Đó là độc tham sân si, độc tà kiến, độc đồ kỵ, độc phiền não, độc ngu si. Có trí huệ quang minh, thì sẽ phá tan tất cả ngu si đen tối.

**Như Lai chẳng ai hơn
Cũng chẳng ai bằng được
Tất cả không thể sánh
Cho nên khó gặp được.**

Phật là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chẳng có ai cao hơn Phật, cho nên Phật gọi là Vô Thượng Sĩ. Cũng chẳng có ai bằng Phật. Tất cả, tất cả không thể nào sánh với tướng tốt của Phật. Do đó, cho nên trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được pháp thân của Phật.

**Bấy giờ, Bồ Tát Tinh Tấn Lâm nương
oai lực của đức Phật, quán sát khắp mười
phương mà nói kệ rằng.**

Lúc đó, vị đại Bồ Tát Tinh Tấn Lâm nương đại oai thần lực của Phật Thích Ca Mâu Ni, quán sát khắp mười phương tất cả chúng sinh, dùng kệ để nói rõ cảnh giới của Phật.

**Các pháp không khác biệt
Chẳng có ai biết được
Chỉ Phật với Phật biết**

Vì trí huệ rất ráo.

Các pháp chẳng có tánh khác biệt. Một pháp tức là tất cả pháp, tất cả pháp trở về một pháp. Đến nơi rất ráo thì một pháp chẳng lập, vạn pháp đều không. Phật pháp như hư không, chẳng ai thấu hiểu Phật pháp. Chỉ có Phật mới biết rõ nghĩa vi diệu của tất cả pháp. Phật Phật đạo đồng, Phật Phật một thể. Do đó :

“Mười phương Phật ba đời
Đều cùng một pháp thân.”

Tại sao Phật với Phật biết nghĩa chân thật của pháp ? Vì trí huệ của Phật đã đạt đến cảnh giới rất ráo.

Như vàng và màu vàng Tánh đó chẳng khác biệt Pháp phi pháp cũng vậy Thể tánh chẳng gì khác.

Pháp và phi pháp giống như vàng và màu vàng, tánh đó chẳng có gì phân biệt. Vì thể và tánh đều là không, chẳng có gì khác biệt.

Pháp là pháp lành, phi pháp là pháp ác. Trong bách luận có nói:

“Pháp còn phải xả bỏ,
Hà huống là phi pháp.”

Trong kinh Kim Cang có nói: “Pháp còn phải xả bỏ, hà huống là phi pháp.” Đây là dạy người đừng chấp trước vào tất cả pháp.

**Chúng sinh phi chúng sinh
Hai đều chẳng chân thật
Các pháp tánh như vậy
Thật nghĩa đều chẳng có.**

Chúng sinh là chúng duyên hòa hợp mà sinh, chúng sinh phân tán mà diệt, đều là hư vọng không thật. Cho nên nói “Chúng sinh phi chúng sinh, hai đều chẳng chân thật.” Giống như ở trước có nói về thể tánh đủ thứ pháp, nhưng có lời nói, đều chẳng thật nghĩa. Phạm là pháp nói ra được, thì thật nghĩa đều chẳng có.

**Ví như đời vị lai
Chẳng có tướng quá khứ
Các pháp cũng như vậy
Chẳng có tất cả tướng.**

Ví như đời vị lai chưa đến. Tức nhiên chưa đến thì chẳng có tướng quá khứ, cũng chẳng có tướng hiện tại. Quá khứ đã qua rồi, vị lai thì chưa đến, hiện tại vẫn không ngừng, cho nên chẳng có hình tướng quá khứ. Các pháp và đạo lý ba đời là như nhau, chẳng có tất cả tướng.

**Ví như tướng sinh diệt
Đủ thứ đều chẳng thật
Các pháp cũng như vậy
Tự tánh chẳng chỗ có.**

Ví như tướng sinh và diệt. Sinh cũng chẳng nhất định là sinh, diệt cũng chẳng nhất định là diệt. Sinh diệt chẳng có một thật tướng. Nếu là thật có, thì không thể diệt, nếu không thể diệt, thì không thể sinh. Phạm là có sinh có diệt, thì đều chẳng chân thật. Các pháp cũng như vậy, tự tánh chẳng chỗ có, tức cũng chẳng có một thể tướng.

**Niết Bàn không thể lấy
Nói thời có hai thứ
Các pháp cũng như vậy
Phân biệt có thù khác.**

Niết Bàn là không, lấy thời không thể được. Nói thời có hai thứ, một là có Hữu Dur Niết Bàn (của hàng nhị thừa), hai là Vô Dur Niết Bàn (của Bồ Tát). Đây bất quá là danh từ mà thôi, rốt ráo là liễu bất khả đắc. Các pháp cũng như vậy, nếu phân biệt nó thì có sự thù đặc khác biệt.

**Như nương sở đếm vật
Mà có sự năng đếm
Tánh đó không chỗ có
Biết rõ pháp như vậy.**

Giống như nương theo vật tính đếm. Có vật tính đếm thì mới có người hay đếm. Vật tính đếm và người hay đếm, tánh đó chẳng chỗ có, thấu rõ tất cả pháp như vậy, thì như vậy.

Ví như pháp toán số

**Thêm một đến vô lượng
Pháp đếm không thể tánh
Vì trí huệ khác biệt.**

Ví như phương pháp toán số, một khi bắt đầu thì có một, lại thêm một tức là hai, lại thêm một là ba, cho đến thêm vô lượng một, thì số vô lượng. Do đó :

‘‘Một làm vô lượng
Vô lượng làm một.’’

Trở về nguồn cội, vẫn là một. Pháp toán số vốn chẳng có thể tánh. Song, vì người dùng trí huệ tính đếm để phân biệt, cho nên mới có sự khác biệt.

**Ví như các thế gian
Kiếp thiêu có hết sạch
Hư không chẳng tổn hại
Phật trí cũng như vậy.**

Hữu tình chúng sinh và vô tình chúng sinh thế gian, đều có tánh mạng. Mỗi loài chúng sinh có thọ mạng dài, hoặc ngắn, đều chẳng giống nhau. Thế gian (quả địa cầu) lúc thành thì sinh trưởng, lúc trụ thì khoẻ mạnh, lúc hoại thì bệnh hoạn, lúc không thì chẳng còn nữa. Thế gian đến lúc kiếp lửa, ba nạn lớn thì nước biển tự động sẽ khô cạn, sơn hà đại địa thiêu thành tro. Song, hư không chẳng có tướng tổn hại, vì hư không vốn chẳng có một vật. Trí huệ của Phật cũng như vậy, như hư không, chẳng có tổn hại gì.

Như mười phương chúng sinh

**Đều lấy tướng hư không
Chư Phật cũng như vậy
Thế gian vọng phân biệt.**

Giống như mười phương hết thầy chúng sinh, đều muốn thủ lấy tướng hư không. Song, chẳng màng lấy hư không như thế nào ? Vẫn là tướng hư không, chẳng có tồn hoại. Chư Phật cũng như vậy, lấy chẳng hết, dụng chẳng cạn. Chúng sinh thế gian, vì có phân biệt hư vọng, mới sinh ra pháp và phi pháp đủ thứ sự phân biệt khác nhau.

**Bấy giờ, Bồ Tát Lực Lâm nương oai
lực của đức Phật, quán sát khắp mười
phương, mà nói kệ rằng.**

Lúc đó, vị đại Bồ Tát Lực Lâm, Ngài nương đại oai thần lực của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, quán sát khắp nhân duyên của tất cả chúng sinh trong mười phương, dùng kệ để nói rõ cảnh giới của Phật.

**Tất cả chúng sinh giới
Đều ở trong ba đời
Ba đời các chúng sinh
Đều ở trong năm uẩn.**

Chín pháp giới chúng sinh, đều ở trong ba đời. Chẳng màng là chúng sinh quá khứ, chúng sinh hiện tại, chúng sinh vị lai, hoàn toàn đều ở trong năm uẩn ràng buộc, chẳng được giải thoát.

**Các uẩn nghiệp là gốc
Các nghiệp tâm là gốc
Tâm pháp giống như huyền
Thế gian cũng như vậy.**

Tất cả uẩn dùng nghiệp làm gốc, tạo nghiệp thì sinh ra sắc thọ tướng hành thức năm uẩn. Tất cả nghiệp, dùng tâm làm gốc. Nghiệp là từ tâm chúng sinh mà sinh ra. Do đó : “Tất cả do tâm tạo.” Tâm pháp chẳng phải là chân thật, nó giống như huyền hóa. Tất cả hết thảy thế gian cũng là hư huyền, chẳng có thật thể. Tất nhiên biết là hư vọng không thật, sao lại chấp trước ?

**Thế gian chẳng tự làm
Cũng chẳng phải họ làm
Mà nó được hình thành
Cũng lại có hủy hoại.**

Thế gian này chẳng phải mình tự làm ra, cũng chẳng phải riêng người nào làm ra. Nó có lúc thành, cũng có lúc hoại. Vì thế gian cũng có mạng sống, cho nên có thành tất có hoại. Thành trụ hoại không bốn tướng, chấm dứt rồi bắt đầu, tuần hoàn không ngừng.

**Thế gian tuy có thành
Thế gian tức có hoại
Người thấu đạt thế gian
Cả hai không đáng nói.**

Tuy thế gian có thành, có hoại, nhưng nếu thấu rõ thông đạt hiện tượng của thế gian, cũng biết đó là hư vọng không thật. Kỳ thật, thế giới cũng chẳng có thành, cũng chẳng có hoại, cho nên không đáng nói có tướng thành hoại.

**Thế nào là thế gian
Thế nào phi thế gian
Thế gian phi thế gian
Chỉ là tên khác biệt.**

Thế nào mới là thế gian ? Thế nào mới là phi thế gian ? Nói là thế gian, hoặc phi thế gian, bất quá có tên gọi khác nhau mà thôi. Kỳ thật, bản thể là hư vọng, chẳng thật.

**Pháp ba đời năm uẩn
Nói tên là thế gian
Đó diệt phi thế gian
Chỉ tên giả như vậy.**

Pháp ba đời và năm uẩn, là phương tiện giả mượn cho nó tên gọi, mà gọi là thế gian, nó hay diệt, chẳng phải thế gian, là tên giả mà thôi.

**Thế nào nói các uẩn
Các uẩn có tánh gì ?
Tánh uẩn không thể diệt
Cho nên nói không sinh.**

Nói pháp năm uẩn như thế nào ? Năm uẩn lại có thể tánh gì ? Tánh của năm uẩn không thể diệt, tức nhiên chẳng có diệt, sao lại có sinh ? Có sinh thì có diệt, chẳng có diệt thì chẳng có sinh. Cho nên nói pháp thế gian và năm uẩn đều là hư vọng không thật, đừng chấp trước nó.

**Phân biệt các uẩn này
Tánh nó vốn không tịch
Vì không chẳng thể diệt
Đây là nghĩa không sinh.**

Phân biệt pháp năm uẩn, thể tánh của nó vốn là không tịch, chẳng có hình tướng. Vì là không, cho nên không thể diệt. Tức nhiên không thể diệt, thì sao lại có sinh ? Đây là đạo lý không sinh không diệt.

**Chúng sinh tức như vậy
Chư Phật cũng như thế
Phật và các Phật pháp
Tự tánh chẳng chỗ có.**

Chúng sinh tức nhiên là như vậy, đều là không, vậy bản thể của chư Phật cũng là không. Do đó :

“Nếu ai muốn biết cảnh giới Phật
Hãy tịnh ý mình như hư không.”

Phật và các Phật pháp cũng như hư không, tự tánh chẳng chỗ có.

Biết được các pháp này

**Như thật chẳng điên đảo
Người thấy biết tất cả
Thường thấy ở trước họ.**

Nếu mình bạch được chúng sinh, thế gian, năm uẩn, các pháp, đều là hư vọng không thật, thì còn chấp trước vào cái gì ? Nếu chấp trước thì bất quá chấp trước vào hư không mà thôi. Vậy hư không có gì để chấp trước ? Nếu mình bạch đạo lý này, thì chẳng bị tất cả mọi điên đảo. Người nào thấy biết như vậy, thì chư Phật thường hiện ở trước mặt họ.

Đây là dạy người đừng chấp trước tướng. Do đó :

“Chấp tướng đầu đầu si
Vô vi lại lạc không.”

Phàm là chấp tướng gì ? Chấp gì cũng đều sai; nếu nói gì cũng chẳng có, thì đó là lạc vào không vọng. Chẳng lạc về không, chẳng lạc về có, mới là trung đạo. Do đó :

“Chân không chẳng ngại diệu hữu
Diệu hữu chẳng ngại chân không.”

Vì chân không chẳng không, cho nên mới có diệu hữu. Diệu hữu chẳng hữu, mới là chân không.

Bấy giờ, Bồ Tát Hạnh Lâm, nương oai lực của đức Phật, quán sát khắp mười phương mà nói kệ rằng.

Lúc đó, vị đại Bồ Tát Hạnh Lâm, Ngài nương đại oai thần lực của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Quán sát khắp

nhân duyên của tất cả chúng sinh trong mười phương, dùng kệ để nói rõ cảnh giới của Phật.

**Ví như mười phương giới
Tất cả các đất đai
Tự tánh chẳng chỗ có
Chẳng đâu mà không có.**

Phật pháp giống như các đất đai của đại địa trong mười phương tất cả thế giới. Bản thể của nó chẳng chỗ có, song, chẳng có một nơi nào mà chẳng có đất. Hết thấy tất cả thế giới đều có đất đai.

**Thân Phật cũng như vậy
Khắp hết các thế giới
Đủ thứ các sắc tướng
Chẳng trụ chẳng nơi đến.**

Pháp thân của Phật, giống như đất đai, khắp hết thấy mọi nơi. Trong mười phương thế giới, thân Phật đều khắp hết. Phật hiện ra các sắc tướng, ba mươi hai tướng tám mươi vẻ đẹp. Chẳng có chủ thể, cũng chẳng có đến, cũng chẳng có đi. Như hư không, chẳng trụ chẳng nơi đến.

**Nhưng vì nhờ các nghiệp
Gọi tên là chúng sinh
Cũng chẳng là chúng sinh
Mà đắc được các nghiệp.**

Chúng sinh là do nghiệp báo mà thành tựu. Nghiệp chẳng phải riêng một thứ nghiệp, mà là có đủ thứ nghiệp. Có đủ thứ nghiệp, nên thọ đủ thứ báo. Vì phải thọ báo, cho nên làm chúng sinh. Nghiệp thì ở trong chúng sinh, chứ chẳng phải lìa khỏi chúng sinh, mà riêng ngoài có nghiệp. Sự thành tựu của nghiệp là năm uẩn, chẳng phải năm uẩn lại tạo nghiệp, mà là tạo nghiệp sinh ra năm uẩn.

**Tánh nghiệp vốn không tịch
Chỗ chúng sinh y chỉ
Khấp làm các sắc tướng
Cũng lại chẳng chỗ đến.**

Tánh nghiệp vốn là không tịch. Do đó :

“Rõ được nghiệp chướng vốn là không
Chẳng rõ thì phải trả nợ nghiệp cũ.”

Nếu như thấu rõ giác ngộ, thì nghiệp chướng vốn không tịch. Một niệm mê hoặc, thì bị nghiệp chướng che đậy, nên không thể không tịch. Do đó phải thọ quả báo, trả nợ tội nghiệp đời trước. Chúng sinh y chỉ tánh nghiệp, mới có tất cả sắc tướng. Chúng sinh cũng chẳng đến, chẳng đi, vì tánh nghiệp vốn không tịch, cho nên chẳng có chỗ đến.

**Các sắc tướng như vậy
Nghiệp lực khó nghĩ bàn
Thấu đạt gốc rễ nghiệp
Trong đó chẳng chỗ thấy.**

Đủ thứ sắc tướng như vậy, là do nghiệp lực tạo thành, cũng là khó nghĩ bàn. Minh bạch đạo lý gốc rễ của nghiệp, là không tịch, thì trong nghiệp chẳng tìm được gì để thấy.

**Thân Phật cũng như vậy
Bất khả đắc tư nghi
Đủ thứ các sắc tướng
Khắp hiện mười phương cõi.**

Pháp thân của Phật cũng như vậy, không thể suy tư, không thể luận bàn. Đủ thứ các sắc tướng của Phật, thị hiện nơi mười phương các cõi Phật. Nhưng, bản thể của Phật chẳng động, chẳng lìa khỏi Bồ Đề Đạo Tràng tòa kim cang dưới cội bồ đề.

**Thân cũng chẳng phải Phật
Phật cũng chẳng phải thân
Chỉ dùng pháp làm thân
Thông đạt tất cả pháp.**

Tuy Phật thị hiện đủ thứ sắc thân, nhưng chẳng chấp trước nơi sắc tướng. Sắc thân của Phật, chẳng phải là Phật thật. Phật chân thật thì chẳng đến chẳng đi, khắp hư không cùng pháp giới, vô tại mà vô bất tại. Lấy báo thân nhận là Phật, đó là sai lầm; không thể chấp trước về thân thể ? Buông xả chẳng đặng nó ? Phật dùng pháp thân làm thân, pháp thân là khắp tất cả mọi nơi. Tất cả pháp đều thuộc về

pháp thân của Phật. Nếu thông đạt được tất cả, thì tức cũng là thấy được thân Phật.

**Nếu thấy được thân Phật
Thanh tịnh như pháp tánh
Người đó nơi Phật pháp
Tất cả chẳng nghi hoặc.**

Nếu như có người thấy được chân thân của Phật. Chân thân của Phật là thanh tịnh, giống như pháp tánh. Do đó :

“Các pháp tướng vắng lặng
Không thể dùng lời giải.”

Hết thấy pháp tánh là vắng lặng, chẳng động. Người đó nếu minh bạch đạo lý này, thì tất cả chẳng chấp trước. Đối với tất cả Phật pháp, sẽ chẳng sinh tâm nghi hoặc. Tại sao ? Vì pháp vô định pháp, cho nên pháp cũng không thể chấp trước. Nếu chẳng chấp trước, thì còn có gì hoài nghi ? Còn có gì chẳng minh bạch ? Tất cả chẳng chấp thì tất cả sẽ thấu rõ.

**Nếu thấy tất cả pháp
Bản tánh như Niết Bàn
Đó là thấy Như Lai
Rất ráo chẳng chỗ trụ.**

Nếu thấy được bản thể của pháp, là tướng vắng lặng. Bản tánh của tất cả pháp là không sinh không diệt, không đơ không sạch, không tăng không giảm. Nếu minh bạch

đạo lý này, thì thấy được pháp thân của Phật, thấy pháp thân chẳng chỗ trụ, thì rốt ráo chẳng chỗ chấp trước.

**Nếu tu tập chánh niệm
Rõ suốt thấy chánh giác
Không tướng không phân biệt
Đó gọi Pháp Vương tử.**

Nếu tu tập chánh niệm chẳng có chấp trước, thì sẽ thông đạt tất cả các pháp thật tướng, mà đắc được quả vị Chánh Đẳng Chánh Giác. Quả vị đó, không tướng, không phân biệt. Danh tự đó gọi là Pháp Vương tử (con của đấng Pháp Vương), tức là sẽ kế thừa vị Pháp Vương (Phật). Phật là Pháp Vương, Bồ Tát là con của đấng Pháp Vương. Muốn làm Phật thì trước làm Bồ Tát, phát tâm bồ đề, hành đạo Bồ Tát.

**Bấy giờ, Bồ Tát Giác Lâm nương oai
lực của đức Phật, quán sát khắp mười
phương mà nói kệ rằng.**

Lúc đó, vị đại Bồ Tát Giác Lâm nương đại oai thần lực của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, quán sát khắp mười phương tất cả chúng sinh, dùng kệ để nói rõ cảnh giới của Phật.

**Ví như nhà họa sĩ
Phân bày các màu sắc
Hư vọng lấy tướng khác**

Đại chúng chẳng khác biệt.

Tâm của con người giống như họa sĩ. Lúc muốn họa thì trong tâm trước hết muốn họa trên giấy những gì ? Làm thế nào để phối hợp các màu sắc xanh vàng đỏ trắng đen ? “Phân bày các màu sắc,” đây là nương sự vật khởi tánh. Nương tờ giấy trắng và đủ các màu sắc, vẽ ra nương sự vật họa khởi tánh. “Hư vọng lấy tướng khác,” Đây là biến kế chấp tánh. Họa như thế nào ? Họa những gì ? Kỳ thật họa gì cũng đều hư vọng chẳng thật. “Đại chúng không khác biệt,” đây là viên thành thật tánh, căn bản chẳng có gì phân biệt.

Vị họa sĩ đó muốn vẽ sơn thủy ? Hoặc vẽ nhân vật ? Hoặc vẽ cây cỏ ? Hoặc vẽ cầm thú ? Chim cá ? Các tướng khác nhau. Song, tờ giấy trắng đó chẳng có gì phân biệt, mà là dùng màu sắc khác nhau, sự lấy tướng khác nhau, cho nên sự họa vẽ ra cũng khác nhau.

Đại chúng đó, ví như chân như, hình sắc của chúng sinh, điên điên đảo đảo, chẳng lìa khỏi thường trụ chân tâm. Tức cũng chẳng lìa khỏi tánh Như Lai tạng. Ở đây có chân không diệu hữu. Chúng sinh tức là tướng điên đảo, không nên làm mà làm, nên làm mà chẳng làm; không nên lấy mà lấy, nên lấy mà không lấy; không nên nói mà nói, nên nói mà không nói. Giống như trời mưa đá, hột nào cũng trong suốt, kẻ ngu si cho rằng là trân châu, thấy nó lóng lánh đẹp đẽ, bèn lượm rất nhiều hột, để vào trong rương, chẳng bao lâu thì đá tan thành nước. Đó là lỗi lầm không nên lấy mà lấy. Sau đó, kẻ ngu si đó gắp hạt châu thật, anh ta lại nghĩ: “Đây là hạt đá, sẽ tan thành nước, không thể lấy.” Đây là đạo lý đáng lấy mà không lấy.

Chúng sinh là điên đảo như thế, chẳng phân được thị phi, trắng đen. Khởi cảm, tạo nghiệp, thọ báo, luân chuyển không ngừng.

**Trong đại chủng không sắc
Trong sắc không đại chủng
Cũng chẳng lìa đại chủng
Mà có được màu sắc.**

Trong giấy vốn chẳng có màu sắc. Hoặ dùng nhiều màu sắc, hoặ dùng ít màu sắc, thì họa ra sẽ có màu sắc. Đây là đạo lý y chân khởi vọng. Trong chân như tự tánh, bỗng lai gì cũng chẳng có, là trắng không. Song, nương chân mà sinh ra vọng. Bỗng lai trong chân chẳng có vọng, Do đó : “Chân chẳng khởi vọng,” cho nên mới nói : “Trong sắc không đại chủng.” Vọng này không thể sinh chân. Càng họa thì màu sắc càng chẳng giống, che lấp từ giấy trắng nguyên thủy của nó. Giống như từ chân như sinh ra vô minh. Vô minh sinh ra phiền não, thì tham sân si đều hiện ra. Tuy nhiên nói : “Trong đại chủng không sắc, trong sắc không đại chủng.” Song, sắc này cũng chẳng lìa khỏi đại chủng này. Tức cũng là lìa khỏi chân cũng chẳng có vọng. Nếu lìa khỏi đại chủng, lìa khỏi chân như tự tánh, thì tất cả hết thảy phiền não vô minh đều chẳng còn. Đây là chân tâm của chúng ta hiện ra một thứ vọng tưởng. Song, trong vọng tưởng không thể hiện ra chân tâm. Vọng tưởng cũng chẳng lìa khỏi chân tâm. Đây giống như đạo lý phiền não tức bồ đề, sinh tử tức Niết Bàn. Đó là đạo lý nói rõ về chân như, cho nên mới nói “Cũng chẳng lìa đại chủng, mà có được màu sắc.” Chẳng phải lìa khỏi chân như tự tánh

mà có phiền não và vọng tưởng. Vọng tưởng là nương chân khởi vọng. Song, vọng chẳng hiện chân, vì có vọng rồi chân cũng chẳng hiện.

**Trong tâm không màu vẽ
Trong màu vẽ không tâm
Nhưng chẳng là nơi tâm
Mà có được màu vẽ.**

Trong tâm vốn chẳng có màu vẽ gì, rõ là bất khả đắc. Tuy nhiên trong tâm tìm chẳng ra màu vẽ, song, trong màu vẽ cũng tìm chẳng ra tâm. Tâm vẽ vẫn không là khỏi, nếu là khỏi tâm thì vẽ chẳng ra vẽ; là khỏi vẽ thì cũng chẳng có tâm họa vẽ. Cho nên không thể là khỏi tâm, riêng ngoài có màu vẽ. Họa màu vẽ là dùng tâm để họa vẽ, tuy nhiên dùng tâm họa vẽ; nhưng trong họa vẽ chẳng có tâm.

**Tâm đó luôn không trụ
Vô lượng khó nghĩ bàn
Thị hiện tất cả sắc
Thấy đều chẳng biết nhau.**

Tâm họa vẽ, thường chẳng chỗ trụ, họa vẽ vô lượng vô biên, nhưng nghĩ chẳng được rốt ráo họa vẽ bao nhiêu ? Trong đại chúng thị hiện tất cả màu sắc, mỗi trang họa vẽ với trang họa vẽ chẳng biết nhau, chẳng nhận thức nhau được.

Ví như nhà họa sĩ

**Không thể biết tâm mình
Vì chỉ do tâm vẽ
Các pháp cũng như vậy.**

Giống như nhà họa sĩ khéo vẽ họa, khi ông ta vẽ họa thì chỉ biết vẽ họa. Cứu kính họa vẽ gì ? Cũng chẳng biết rõ, bất quá tùy duyên ứng họa vẽ mà thôi. Do tâm nghĩ họa thì họa. Tất cả các pháp tánh cũng giống như tâm họa vẽ.

**Tâm như nhà họa sĩ
Hay vẽ các thế gian
Năm uẩn từ tâm sinh
Không pháp gì chẳng tạo.**

Tâm của con người, giống như nhà họa sĩ, hay họa ra tất cả cảnh giới của thế gian, sơn hà đại địa, sum la vạn tượng, đều họa vẽ ra được. Sắc thọ tưởng hành thức năm uẩn cũng từ tâm sinh ra, giống như họa vẽ. Trước hết sinh ra sắc pháp, sau đó đủ thứ pháp đều sinh ra, cho nên nói không pháp gì chẳng sinh. Do đó :

“Tâm sinh đủ thứ pháp sinh
Tâm diệt đủ thứ pháp diệt.”

Tâm sinh diệt này chẳng phải là chân tâm. Chân tâm thì chẳng sinh chẳng diệt. Đó là vọng tâm, do vọng tâm mà khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo. Vốn phiền não gì cũng đều chẳng có. Vì một niệm vọng, dùng vọng theo đuổi vọng, truy đuổi với nhau thì sẽ cách chân càng xa. Nếu trở lại, bỏ mê trở về giác, trở về nguồn cội, thì sẽ về đến nhà có hương vốn có.

**Như tâm Phật cũng thế
Như Phật chúng sinh vậy
Nên biết Phật với tâm
Thể tánh đều vô tận.**

Do đó :

“Phật nói tất cả pháp
Vì độ tất cả tâm.
Nếu không tất cả tâm
Đâu dùng tất cả pháp.”

Bài kệ này là nói về tâm của chúng sinh trùng trùng vô tận, Phật mới nói pháp trùng trùng vô tận. Giống như tâm và Phật, giống như tâm với chúng sinh cũng như vậy. Nên biết Phật và tâm sinh diệt của mình, thể tánh đều vô cùng vô tận.

**Nếu người biết tâm hành
Khắp tạo các thể gian
Người đó tức thấy Phật
Rõ Phật chân thật tánh.**

Nếu như có người biết tâm và tư tưởng là như vậy, khắp tạo ra tất cả cảnh giới thể gian. Nếu ở trong tục đế mà tìm được chân đế, ở trong vọng tìm được chân, thì trở về nguồn cội, người đó sẽ thấy được Phật, mà minh bạch thể tánh chân thật của Phật.

Tâm chẳng trụ nơi thân

**Thân chẳng trụ nơi tâm
mà làm được Phật sự
Tự tại chưa từng có.**

Do đó :

“Thường trụ chân tâm
Tánh tịnh thể sáng.”

Tức cũng là chân như, tức cũng là tánh Như Lai tạng. Tâm này chẳng ở trong thân, chẳng ở ngoài thân, cũng chẳng ở giữa, cho nên mới nói: “Tâm chẳng trụ nơi thân.” Thân thì có hình tướng, tâm thì chẳng có hình tướng, khắp mọi nơi. Tức cũng là đạo lý :

“Trong đại chúng không sắc
Trong sắc không đại chúng.”

Chẳng lìa đại chúng mà có được màu sắc. Cũng có thể nói:

“Trong tâm chẳng màu vẽ
Trong màu vẽ không tâm.”

Con người chẳng lìa nơi tâm, mà có được màu vẽ. Lại có thể nói :

“Băng chẳng trụ nơi nước
Nước chẳng trụ nơi băng.”

Băng chẳng phải nước, nước chẳng phải băng. Song, do nước mà biến thành băng, do băng mà biến thành nước. Cho nên nói:

“Trong chân tâm có vọng

Vọng không hiện chân.”

Trong chân tâm có vọng tâm, trong vọng tâm không thể hiện ra chân tâm. Cho nên mới nói: “Thân chẳng trụ nơi tâm.” Song, thân và tâm cùng nhau nương giữ, mà có thể làm đủ thứ Phật sự. Đây là pháp sự lý vô ngại, viên dung cùng khắp, cảnh giới tự tại chưa từng có.

**Nếu người muốn biết rõ
Tất cả Phật ba đời
Nên quán tánh pháp giới
Tất cả do tâm tạo.**

Nếu như có người muốn thấu rõ tất cả chư Phật mười phương ba đời, thì hãy quán sát tánh pháp giới. Pháp giới là chân như thật quán, chỉ tâm thức quán. Tất cả hết thảy cảnh giới đều do tâm tạo ra.

Hiện tại kể về câu chuyện vào đời Đường Tống Văn Minh nguyên niên (năm 684 tây lịch), có người xuất gia tên là Vương Minh Cán, là người Lạc Dương. Tuy xuất gia tu hành, nhưng chẳng có giới hạnh, lại chẳng tu việc thiện. Một ngày nọ, do bệnh mà qua đời, bị hai con quỷ vô thường dẫn đến trước cửa địa ngục. Ông ta gặp một vị hòa thượng (Bồ Tát Địa Tạng) dạy ông ta một bài kệ:

“Nếu ai muốn biết rõ
Tất cả Phật ba đời
Hãy quán sát như vậy
Tâm tạo các Như Lai.”

Khiến cho ông ta tụng niệm, cho nên thoát khỏi khổ địa ngục. Do đó, ông ta chuyên tâm tụng niệm, lúc đến

điện Diêm Vương, thì vua Diêm Vương thấy ông ta trên đầu phóng quang, bèn hỏi ông ta:

- “Ông lúc sinh tiền làm những công đức gì ?”

- Đáp: “Tôi chỉ niệm bài kệ bốn câu.”

- Vua Diêm Vương lại hỏi: “Bốn câu gì ? Niệm cho tôi nghe thử xem”.

Ông ta đọc lên bài kệ đó, thì nơi nào nghe được, phàm là người thọ khổ, đều được giải thoát. Vua Diêm Vương vì thấy ông ta có công đức này, bèn cho ông ta trở lại dương thế, tuyên nói bài kệ này. Dương Minh Cán chết rồi ba ngày sau lại sống dậy, nhớ rõ bài kệ này, bèn hỏi Pháp sư Tăng Định ở chùa Không Quán rằng, bài kệ này ở trong kinh nào ? Thì tìm thấy ở trong Kinh Hoa Nghiêm. Các bạn hãy nghĩ xem, chỉ niệm một bài kệ của kinh Hoa Nghiêm mà có công đức lớn như thế; nếu niệm tụng toàn bộ bài kệ trong kinh, thì đương nhiên có công đức không thể nghĩ bàn !

Bấy giờ, Bồ Tát Trí Lâm nương oai lực của đức Phật, quán sát khắp mười phương, mà nói kệ rằng.

Lúc đó, vị đại Bồ Tát Trí Lâm, nương đại oai thần lực của Đức Phật, quán sát khắp nhân duyên của tất cả chúng sinh trong mười phương, dùng kệ để nói rõ cảnh giới của Phật.

**Chỗ lấy không thể lấy
Chỗ thấy không thể thấy
Chỗ nghe không thể nghe**

Một tâm không nghĩ bàn.

Chúng sinh vì có sự chấp trước, chấp trước có lấy, thấy, nghe, nghĩ, bốn thứ chấp trước, cho nên không đắc được lợi ích của pháp. Nếu chỗ lấy không thể lấy, chỗ thấy không thể thấy, chỗ nghe không thể nghe, chỗ nghĩ không thể nghĩ. Vậy thì vẫn chấp trước gì ? Bốn câu kệ này là dạy bạn đừng chấp trước vào sự, cũng đừng chấp trước vào lý. Sự lý vô ngại, vì tất cả cảnh giới đều là hư vọng không thật, đừng chấp trước. Cho nên mới nói “Một tâm không nghĩ bàn.”

Hữu lượng và vô lượng Cả hai không thể lấy Nếu có người muốn lấy Rốt ráo không chỗ được.

Có số lượng hay không có số lượng, cả hai pháp này đều có sinh diệt, cho nên mới nói “Cả hai không thể lấy.” Nếu như có người chấp trước hữu lượng và vô lượng làm quy tắc, thì cuối cùng hữu lượng cũng chẳng có, vô lượng cũng chẳng có. Đều là một pháp chẳng lập, vạn pháp chẳng sanh. Nếu minh bạch đạo lý các pháp thật tướng, thì tất cả đều không thể lấy.

Không nên nói mà nói Đó là tự khi dối Việc mình chẳng thành tự Chẳng khiến chúng hoan hỷ.

Không nên nói mà nói, đây là nói dối. Không nên nói dối mà nói dối, đây là tự lừa gạt mình. Nên nói mà không nói, cũng là nói dối, cũng là lừa gạt mình.

Việc lớn của mình chưa rõ, thì không thể có sự thành tựu. Vì mình chẳng chứng quả, thiếu đức hạnh, thì không thể khiến cho chúng sinh sinh tâm hoan hỷ. Phật Bồ Tát vì có oai đức lớn, cho nên khiến cho chúng sinh thấy mà sinh tâm đại hoan hỷ.

Chúng ta người tu đạo thì nhất định phải nói lời chân thật. Thấy thì nói thấy, nghe thì nói nghe, không được nói dối. Nếu không nói lời chân thật, thì dù giảng kinh thuyết pháp cũng chẳng có ai đến nghe. Dù có người đến nghe, cũng chẳng sinh tâm hoan hỷ.

Do đó :

“Sinh tử của mình tự mình lo
Mình ăn cơm thì mình no.”

Việc của mình thì tự mình làm, không thể quên đi việc của mình (sinh tử) mà không làm, mà đi “Bỏ gốc tìm ngọn.” Nếu xả bỏ gốc rễ, đi truy tìm ngọn ngành thì chẳng có ích gì.

Phương pháp tu hành, là siêng tu giới định huệ, tiêu diệt tham sân si. Phải diệt trừ tâm ích kỷ, tâm đố kỵ, tâm ngã mạn. Ở trong đạo tràng, đừng tồn tại những tâm tà chẳng chánh thường đó. Phải đem việc có lợi ích, nhường cho mọi người; việc chẳng có lợi ích thì để lại cho mình. Đây tức là hành đạo Bồ Tát.

**Có người khen Như Lai
Vô biên diệu sắc thân**

Hết cả vô số kiếp Không thể thuật khen hết.

Có người muốn khen ngợi Phật, khen ngợi ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp diệu sắc thân của Phật. Song, Phật chẳng động tâm. Khen ngợi Ngài thì Ngài cũng như như chẳng động; phỉ báng Ngài thì Ngài cũng như như chẳng động. Tại sao ? Vì Phật chẳng chấp trước, Do đó: “Tám gió thổi chẳng lay.” Dù có hết trọn vô số kiếp thời gian để khen ngợi Phật, cũng không thể nào nói hết được cảnh giới tướng tốt trang nghiêm của Phật.

Ví như châu như ý Hay hiện tất cả sắc Không sắc mà hiện sắc Chư Phật cũng như vậy.

Tâm của chúng ta giống như châu như ý, hay toại tâm mãn nguyện, lại hay hiện ra tất cả cảnh giới. Tất cả cảnh giới chẳng lìa khỏi tâm mình. Trong tâm vốn chẳng có cảnh giới gì có thể hiện, song, trong sự chẳng có cảnh giới, mà hiện ra cảnh giới, đây là diệu không thể tả. Mười phương ba đời tất cả chư Phật, cũng đều như vậy.

Lại như tịnh hư không Chẳng sắc không thể thấy Tuy hiện tất cả sắc Chẳng thấy được hư không.

Chân tâm của chúng ta, lại ví như hư không thanh tịnh, chẳng có tất cả sắc tướng có thể thấy. Tuy nhiên hư không chẳng có màu sắc, song, trong chân không có diệu hữu, hay hiện ra tất cả sắc. Tất cả sơn hà đại địa nhà cửa phòng ốc, đều ở trong hư không hiện ra. Chẳng có ai thấy được bốn tướng của hư không là như thế nào ? Hư không chẳng có tướng mạo, chẳng có thể tánh. Tánh Như Lai tạng (chân tâm) cũng như vậy.

**Chư Phật cũng như vậy
Khấp hiện vô lượng sắc
Chẳng phải chỗ tâm hành
Tất cả không thấy được.**

Mười phương chư Phật cũng là không tướng hiện tướng, không sắc hiện sắc. Giống như hư không chẳng có màu sắc mà hiện ra màu sắc, đây là đạo lý chân không diệu hữu. Phật có thể trong mười phương thế giới thị hiện thành Phật, mỗi vị Phật đều đầy đủ tướng tốt trang nghiêm thân. Cảnh giới này chẳng phải tâm lượng của chúng sinh biết được. Tất cả chúng sinh không thể thấy được pháp thân của Phật.

**Tuy nghe tiếng Như Lai
Tiếng chẳng phải Như Lai
Cũng chẳng là nơi tiếng
Biết được Chánh Đẳng Giác.**

Tất cả chúng sinh, tuy đều nghe được âm thanh của Phật nói pháp, nhưng âm thanh đó chẳng phải là Phật. Song, âm thanh thuyết pháp chẳng lìa khỏi Phật, cũng không thể trụ âm thanh tức là Phật, cũng không thể lìa khỏi âm thanh của Phật nói pháp. Minh bạch được đạo lý này, thì biết được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

**Bồ đề chẳng đến đi
Lìa tất cả phân biệt
Sao lại ở trong đó
Tự nói hay thấy được ?**

Tâm giác đạo cũng chẳng đến, chẳng đi. Nó lìa khỏi tất cả tâm thức phân biệt. Sao lại có thể nói ở trong bồ đề đắc được bồ đề ? Hoặc thấy được Phật. Nếu người nào có sự suy nghĩ như thế, thì vĩnh viễn chẳng đắc được bồ đề.

**Chư Phật chẳng có pháp
Phật nơi nào có nói
Chỉ tùy theo tâm mình
Rằng nói pháp như vậy.**

Các Pháp từ xưa nay, thường tại tướng tịch diệt. Pháp vốn là không nói, không truyền, hãy nên quán như vậy. Song, vì chúng sinh chấp trước có tướng, cho nên Phật ở trong tình hình không pháp có thể nói, mới đến nói pháp.

Chư Phật tức nhiên không pháp có thể nói, vậy tại sao lại phải nói pháp ? Vì tùy thuận tâm ý của chúng sinh và tâm ý của mình mà nói pháp. Do đó : “Quán căn cơ thí

giáo,” vì người mà nói pháp, theo bệnh cho thuốc, mới nói pháp không thể nói.



KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT QUYỂN MƯỜI CHÍN

PHẨM THẬP HẠNH THỨ HAI MƯỜI MỘT

Hán dịch : Sa Môn Thật Xoa Nan Đà
Việt dịch : Thích Minh Định
Hoà Thường Tuyên Hoá giảng giải
tại Vạn Phật Thánh Thành Mỹ Quốc

Người tu đạo, phải y theo Phật trí để tu hành, đây là năng y. Thập hạnh là sở y, sở y chiếu mười hạnh môn để tu hành. Thập hạnh tức là thập độ. Bồ Tát phải tu hành thập độ (pháp môn Ba La Mật), khi công đức viên mãn, thì mới chứng nhập ba bậc Hiền (thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng), sau đó chứng nhập mười bậc Thánh (thập địa). Những gì là thập hạnh ?

1. Hạnh hoan hỷ (bồ thí).
2. Hạnh nhiều ích (trì giới).
3. Hạnh vô vi nghịch (nhẫn nhục).
4. Hạnh vô khuất nhiễu (tinh tấn).
5. Hạnh ly si loạn (thiền định).
6. Hạnh thiện hiện (bát nhã).
7. Hạnh vô trước (phương tiện).
8. Hạnh nan đắc (nguyện).
9. Hạnh thiện pháp (lực).
10. Hạnh chân thật (trí).

Mười phẩm hạnh này là dạy người tu đạo tu như thế nào, dụng công như thế nào? Phẩm này là phẩm thứ hai mươi một trong tám mươi phẩm của Kinh Hoa Nghiêm.

Bấy giờ, Bồ Tát Công Đức Lâm, nương thần lực của đức Phật, nhập vào tam muội Bồ Tát Tư Duy.

Sau khi nói xong Phẩm Kế Tán Trong Cung Dạ Ma ở trước rồi, lúc đó, chủ thuyết pháp hội thứ tư của Kinh Hoa Nghiêm, đại Bồ Tát Công Đức Lâm, Ngài nương đại oai thần lực gia trì của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, mà nhập vào tam muội Bồ Tát Tư Duy.

Công tức là lập công, tu hành phải lợi ích cho tất cả mọi người, đây gọi là lập công. Đức tức là âm chất, nghĩa là lợi ích cho người, mà không mong người biết, Do đó : "Âm chất đức hạnh". Nói tóm lại, làm những việc lành, không muốn người biết, làm những việc ác, mong muốn người biết. Tại sao ? Vì có cơ hội sửa đổi lỗi lầm. Trước hết phải lập công, công hạnh viên mãn, thì mới có đức hạnh. Vì công đức nhiều như rừng cây (thụ lâm), cho nên gọi là đại Bồ Tát Công Đức Lâm.

Đại Bồ Tát Công Đức Lâm rất khiêm nhường, chẳng có tâm lý cống cao ngã mạn. Cử chỉ hành động của Ngài, hết thấy công đức đều hướng về Phật, hoặc hướng về cho pháp giới chúng sinh. Trước khi nói pháp, thì trước hết nói nương oai lực của chư Phật, mới có thể nói pháp, đây là biểu thị chẳng có tâm kiêu ngạo. Ngài chẳng nói như vậy : "Các vị xem ! Tôi Bồ Tát Công Đức Lâm, hay tu hành, hay thuyết pháp, hay nhập định". Ngài tuyệt đối chẳng có tư

tướng như thế. Chúng ta người tu đạo, phải hướng về Bồ Tát Công Đức Lâm mà học tập, phải làm cho bằng Ngài, đừng có hành vi ngã mạn.

Tam muội Bồ Tát Tư Duy, tức là vào thiên định tốt nhất. Cảnh giới nói trong Kinh Hoa Nghiêm, đều là cảnh giới không thể nghĩ bàn, đều là mẹ của tất cả định. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở dưới cội bồ đề, chẳng rời khỏi tòa ngồi, ở trong định mà đi đến sáu nơi (Điện Phổ Quang Minh, Cung Trời Đao Lợi, Cung Trời Dạ Ma, Cung Trời Đâu Suất, Cung Trời Tha Hoá, Rừng Thệ Đa) diễn nói diệu pháp của Bộ Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật này.

Vào tam muội đó rồi, mỗi phương trong mười phương, ngoài các thế giới nhiều như số hạt bụi vạn cõi Phật, có chư Phật nhiều như số hạt bụi vạn cõi Phật, đều đồng danh hiệu là Công Đức Lâm, hiện ra ở trước, nói với Bồ Tát Công Đức Lâm rằng : Lành thay Phật tử ! Ông vào được tam muội Bồ Tát Tư Duy này.

Bồ Tát Công Đức Lâm, vào tam muội Bồ Tát Tư Duy rồi, mỗi phương trong mười phương, trải qua ngoài các cõi Phật, nhiều như số hạt bụi vạn cõi Phật, lại có chư Phật nhiều như số hạt bụi vạn cõi Phật. Danh hiệu của các Ngài đều là Phật Công Đức Lâm. Các Ngài đồng thời đều hiện ra ở trước đại Bồ Tát Công Đức Lâm, khác miệng

cùng lời nói : "Lành thay ! Lành thay ! Phật tử ! Ông từ lâu đã tu lục độ vạn hạnh, mới vào được định Bồ Tát Tư Duy".

Thiện nam tử ! Đây là mỗi phương trong mười phương, chư Phật đồng danh hiệu nhiều như số hạt bụi vạn cõi Phật, cùng gia bị cho ông, cũng là nguyện lực, oai thần lực thưở xưa của Tỳ Lô Giá Na Như Lai, và sức căn lành của các Bồ Tát, khiến cho ông vào được tam muội này, để diễn nói pháp.

Chư Phật nhiều như số hạt bụi vạn cõi Phật lại nói : "Thiện nam tử ! Đây là nhờ mỗi phương trong mười phương các Đức Phật Công Đức Lâm, nhiều như số hạt bụi vạn cõi Phật, các Ngài cùng đến gia bị cho ông, khiến cho ông vào được tam muội này. Cũng là nguyện lực và đại oai thần lực thưở xưa của Thanh Tịnh Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na Phật, cùng với sức căn lành của các Bồ Tát tu hành, khiến cho ông vào được tam muội Bồ Tát Tư Duy, để vì chúng sinh diễn nói diệu pháp thập hạnh.

Vì tăng trưởng Phật trí. Vì vào sâu pháp giới. Vì biết chúng sinh giới. Vì chỗ vào không trở ngại. Vì chỗ hành không chướng ngại. Vì được vô lượng phương tiện. Vì nhiếp lấy tất cả trí tánh. Vì giác

ngộ tất cả các pháp. Vì biết tất cả các căn. Vì hay thọ trì diễn nói tất cả các pháp. Đó là phát khởi mười thứ hạnh của các Bồ Tát.

Đại Bồ Tát Công Đức Lâm, diễn nói tất cả các pháp, nguyên nhân là: Vì khiến cho tất cả chúng sinh tăng trưởng Phật trí. Vì khiến cho tất cả chúng sinh vào sâu pháp giới, thấu rõ tánh pháp giới. Vì khiến cho tất cả chúng sinh minh bạch triệt để cảnh giới của tất cả chúng sinh. Vì khiến cho tất cả chúng sinh chổ vào cảnh giới không chướng ngại. Vì khiến cho tất cả chúng sinh tu hành chẳng có chướng ngại. Vì khiến cho tất cả chúng sinh đắc được vô lượng pháp môn phương tiện. Vì khiến cho tất cả chúng sinh nhiếp lấy tất cả trí tánh. Vì khiến cho tất cả chúng sinh hay giác ngộ tất cả các pháp thật tướng. Vì khiến cho tất cả chúng sinh biết căn tánh của tất cả chúng sinh. Vì khiến cho tất cả chúng sinh hay thọ trì diễn nói đạo lý tất cả các pháp thật tướng. Vì mười nguyên nhân này, cho nên diễn nói pháp môn thập hạnh của Bồ Tát.

Thiện nam tử ! Ông nên nương oai thần lực của Phật, mà diễn nói pháp này.

Bấy giờ, chư Phật liền ban cho Bồ Tát Công Đức Lâm trí không ngại. Trí không chấp trước. Trí không gián đoạn. Trí không thầy. Trí không ngu si. Trí không đổi. Trí không mất. Trí không hạn lượng.

Trí không thắng. Trí không giải đãi. Trí không đoạt lấy. Tại sao ? Vì sức của tam muội này, là pháp như vậy.

Vô số vô lượng Phật Công Đức Lâm lại gọi một tiếng : "Thiện nam tử ! Hiện tại ông phải nương đại oai thần lực gia bị của mười phương tất cả chư Phật và Tỳ Lô Giá Na Phật (pháp thân của Phật Thích Ca), mà diễn nói diệu pháp thập hạnh không thể nghĩ bàn".

Lúc đó, Phật Công Đức Lâm nhiều như số hạt bụi vạn cõi Phật, đều đến rờ đầu đại Bồ Tát Công Đức Lâm, để gia trì cho Ngài, ban cho Ngài trí huệ viên dung vô ngại. Lại ban cho Ngài trí huệ không chấp trước, Lại ban cho Ngài trí huệ không gián đoạn, Lại ban cho Ngài trí huệ không thầy mà tự thông, Lại ban cho Ngài trí huệ không ngu si, Lại ban cho Ngài trí huệ không biến đổi, Lại ban cho Ngài trí huệ không mất, Lại ban cho Ngài trí huệ không hạn lượng, Lại ban cho Ngài trí huệ không giải đãi, Lại ban cho Ngài trí huệ không đoạt lấy. Tại sao chư Phật phải ban cho đại Bồ Tát Công Đức Lâm mười thứ trí huệ này ? Vì đây là sức lực của tam muội Bồ Tát Tư Duy, cho nên chư Phật phải đến gia trì cho đại Bồ Tát Công Đức Lâm, ban cho Ngài những đại trí huệ này.

Bấy giờ, chư Phật đều dũi tay phải ra, rờ đầu Bồ Tát Công Đức Lâm, thì Bồ Tát Công Đức Lâm liền từ định mà dậy, bảo các Bồ Tát rằng : Phật tử ! Hạnh Bồ Tát không thể nghĩ bàn, đồng với pháp giới hư

không giới. Tại sao ? Vì đại Bồ Tát học theo chư Phật ba đời mà tu hành.

Lúc đó, chư Phật nhiều như số hạt bụi vạn cõi Phật (Phật Công Đức Lâm), mỗi vị Phật đều dũi tay phải ra, rờ đỉnh đầu Bồ Tát Công Đức Lâm, đây là nghi thức chư Phật gia trì cho Bồ Tát Công Đức Lâm, khiến cho Ngài đắc được trí huệ.

Bồ Tát Công Đức Lâm, nhờ chư Phật rờ đầu rồi, bèn từ tam muội Bồ Tát Tư Duy mà dậy, đối với tất cả Bồ Tát trong pháp hội Hoa Nghiêm nói rằng : "Các vị đệ tử của Phật ! Hạnh môn của Bồ Tát tu hành, thật là không thể nghĩ bàn, diệu không thể tả, đồng với mười pháp giới hư không giới. Tại sao ? Vì đại Bồ Tát phát tâm bồ đề, hành Bồ Tát đạo, phải học theo pháp môn tu hành của ba đời tất cả chư Phật".

Phật tử ! Những gì là hạnh của đại Bồ Tát ? Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười hạnh, mà ba đời chư Phật đều nói.

Bồ Tát Công Đức Lâm lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Gì là hạnh môn của đại Bồ Tát tu hành ? Các vị mọi người biết chăng ? Lại gọi một tiếng đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát phải tu hành mười hạnh môn này. Mười hạnh môn này, chư Phật đời quá khứ, chư Phật đời hiện tại, chư Phật đời vị lai, các Ngài đều tuyên nói. Đây là cơ hội ngàn năm khó gặp, cho nên hy vọng mọi người chú ý lắng nghe. Nếu bỏ lỡ cơ hội, chẳng dụng tâm để nghe, như gió thoảng qua tai, thì sau này hối tiếc không kịp nữa.

Những gì là mười ? Một là hạnh hoan hỷ. Hai là hạnh nhiều ích. Ba là hạnh vô vi nghịch. Bốn là hạnh vô khuất nhiễu. Năm là hạnh vô si loạn. Sáu là hạnh thiện hiện. Bảy là hạnh vô trước. Tám là hạnh nan đắc. Chín là hạnh thiện pháp. Mười là hạnh chân thật, đó là mười hạnh.

Những gì là mười hạnh môn ? Tức là :

1. Hạnh hoan hỷ : Pháp môn bố thí của Bồ Tát tu, chẳng những tự mình hoan hỷ, mà cũng khiến cho chúng sinh hoan hỷ.

2. Hạnh nhiều ích : Pháp môn trì giới của Bồ Tát tu, đều là lợi ích chúng sinh, khiến cho chúng sinh đắc được ấm no và đầy đủ.

3. Hạnh vô vi nghịch : Pháp môn nhẫn nhục của Bồ Tát tu, chẳng trái ngược với mình, cũng chẳng trái ngược với chúng sinh.

4. Hạnh vô khuất nhiễu : Pháp môn tinh tấn của Bồ Tát tu, cũng chẳng khiến cho mình khuất nhiễu, cũng chẳng khiến cho chúng sinh khuất nhiễu.

5. Hạnh vô si loạn : Pháp môn thiền định của Bồ Tát tu, thân tâm chẳng điên đảo, vì có định lực, nên hạnh chẳng loạn.

6. Hạnh thiện hiện : Pháp môn Bát Nhã của Bồ Tát tu, thấu rõ pháp thế gian là vô thường, khổ, không, vô ngã; và hiểu rõ pháp xuất thế là thường, lạc, ngã, tịnh.

7. Hạnh vô trước : Pháp môn phương tiện của Bồ Tát tu, có cảnh giới sự lý chẳng trì trệ, dùng phương tiện khéo léo để độ chúng sinh.

8. Hạnh nan đắc : Pháp môn nguyện của Bồ Tát tu, là đại nguyện đại hạnh, đại từ đại bi, độ khắp chúng sinh.

9. Hạnh thiện pháp : Pháp môn lực của Bồ Tát tu, có trí huệ lực, mới thực hành tất cả pháp lành, có lực ngu si thì muốn làm tất cả pháp ác.

10. Hạnh chân thật : Pháp môn trí của Bồ Tát tu, lời nói việc làm đều chẳng hư vọng, tất cả đều chân thật.

Đây là mười hạnh môn của Bồ Tát tu, cũng là mười pháp tiêu chuẩn của người tu đạo, mọi người thực hành, thì mọi người đều là Bồ Tát.

Phật tử ! Những gì là hạnh hoan hỷ của đại Bồ Tát ?

Đại Bồ Tát Công Đức Lâm, tự hỏi tự trả lời. Tự đề ra vấn đề, rồi tự mình trả lời. Cho nên lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Các vị có biết hạnh hoan hỷ của đại Bồ Tát tu chăng ? Hiện tại tôi nói cho các vị nghe, xin hãy chú ý lắng nghe.

Phật tử ! Bồ Tát này làm đại thí chủ, phàm là tất cả đồ vật, thấy đều đem bố thí.

Phàm là Bồ Tát tu hạnh hoan hỷ, phải làm một vị đại thí chủ, đem tất cả của cải tài vật của mình, bố thí hết cho những chúng sinh cần. Bất cứ là ngoại tài (đất nước vợ con), hoặc nội tài (đầu mắt tuỷ não), Ngài đều bố thí không sển tiếc, Do đó : "Tam luân thể không". Nghĩa là chẳng có

người bố thí, chẳng có người nhận, cũng chẳng có vật thí, tư tưởng như vậy mới là chân bố thí. Bố thí có bố thí tài (tu phước), bố thí pháp (tu huệ), bố thí vô úy ba thứ. Phạm là người tín ngưỡng Phật giáo, đều phải làm được việc bố thí, thì công đức đó không thể hạn lượng.

Tâm của Bồ Tát bình đẳng, chẳng có sên tiếc, chẳng mong quả báo, chẳng cầu tiếng tăm, chẳng tham lợi dưỡng. Chỉ vì cứu hộ tất cả chúng sinh, nhiếp thọ tất cả chúng sinh, lợi ích tất cả chúng sinh.

Vị Bồ Tát này tu hạnh hoan hỷ, tâm của Ngài bình đẳng, chẳng có phân biệt ta người. Do đó : "Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi". Dem hết thấy tài vật, chẳng phân biệt đó đây, chẳng phân biệt thân sơ, thấy đều bình đẳng bố thí cho người cầu xin. Bố thí rồi, tuyệt đối chẳng sinh tâm hối tiếc và tham sên, cũng chẳng có tư tưởng "xả một được vạn báo", cũng chẳng hy vọng có quả báo tốt, cũng chẳng mong cầu có tiếng tăm, càng chẳng tham xí đồ được người khen ngợi, hoặc cầu lợi dưỡng của người khác. Chẳng có tư tưởng không chánh đáng xả bỏ ít mong được nhiều. Hoàn toàn xả mình cứu người, khiến cho chúng sinh lìa khỏi biển khổ, đắc được an vui thường lạc ngã tịnh.

Tại sao Bồ Tát muốn bố thí ? Vì muốn cứu hộ tất cả chúng sinh, muốn nhiếp thọ tất cả chúng sinh, cho nên bố thí. Nhưng không tham, cũng chẳng mong cầu.

Bồ Tát vì học tập sự tu hành xưa kia của chư Phật. Nghĩ nhớ sự tu hành xưa kia của chư Phật. Ưa thích sự tu hành xưa kia của chư Phật. Thanh tịnh sự tu hành xưa kia của chư Phật. Tăng trưởng sự tu hành xưa kia của chư Phật. Trụ trì sự tu hành xưa kia của chư Phật. Hiện hiện sự tu hành xưa kia của chư Phật. Diễn nói sự tu hành xưa kia của chư Phật, khiến cho các chúng sinh lìa khổ được vui.

Bồ Tát bố thí, vì muốn học tập hạnh môn tu hành xưa kia của mười phương ba đời tất cả chư Phật. Vì hồi niệm nghĩ nhớ hạnh môn tu hành xưa kia của chư Phật. Vì ưa thích hạnh môn tu hành xưa kia của tất cả chư Phật. Vì thanh tịnh hạnh môn tu hành xưa kia của chư Phật. Vì tăng trưởng hạnh môn tu hành xưa kia của chư Phật. Vì trụ trì hạnh môn tu hành xưa kia của chư Phật. Vì hiện hiện hạnh môn tu hành xưa kia của chư Phật. Vì diễn nói hạnh môn tu hành xưa kia của chư Phật. Vì khiến cho tất cả chúng sinh đều được lìa khổ được vui, vì lợi ích tất cả chúng sinh, Bồ Tát mới tu pháp môn bố thí. Bồ Tát hy sinh lợi ích của mình, để vì chúng sinh mưu hạnh phúc, tinh thần đại từ đại bi như vậy thật là vĩ đại ! Do đó : "Kiến hiền tư tề", thấy bậc hiền phải nghĩ làm cho bằng họ. Chúng ta thọ giới Bồ Tát, thì nhất định hướng về Bồ Tát mà học tập, nghĩ làm cho bằng Bồ Tát, thì mới không hổ thẹn là đệ tử của Phật.

Phật tử ! Đại Bồ Tát tu hạnh này thì, khiến cho tất cả chúng sinh hoan hỷ ưa thích. Tùy theo các cõi nước trong mười phương, nơi nào bần cùng khốn khổ, thì do nguyện lực mà sinh về nơi đó, để làm nhà hào phú giàu có, của cải châu báu vô tận.

Đại Bồ Tát Công Đức Lâm lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát tu tập hạnh môn hoan hỷ, là vì khiến cho tất cả chúng sinh đều sinh tâm hoan hỷ, tâm ưa thích. Tùy theo cõi nước chư Phật trong mười phương, nơi nào bần cùng khốn khổ, thì Bồ Tát vì nhờ nguyện lực thuở xưa, mà cam tâm tình nguyện đến chỗ đó, làm nhà hào phú giàu có, đem của cải vô cùng vô tận, bố thí cho mọi người nghèo khổ, tuyệt đối chẳng có tư tưởng tham sân.

Giả sử ở trong niệm niệm, có vô lượng vô số chúng sinh, đến chỗ Bồ Tát bạch rằng : Thưa Ngài ! Chúng tôi nghèo khổ thiếu thốn, chẳng có tài vật để nuôi sống, đói khát khốn khổ, mạng sống chẳng an toàn, xin nguyện từ bi thương xót, bố thí thịt nơi thân Ngài cho tôi, để cho tôi được ăn, để duy trì mạng sống.

Giả sử ở trong niệm niệm, đều có vô lượng vô biên chúng sinh, đến chỗ Bồ Tát ở, bèn thưa với Bồ Tát rằng :

"Nhân giả đại từ bi ! Chúng tôi rất bần cùng khôn khổ, chẳng có vật chất nuôi dưỡng thân mạng, cho nên chúng tôi ốm yếu như cây củi. Chúng tôi sắp chết mất, mạng sống chẳng còn bao lâu ! Xin nguyện Nhân giả từ bi thương xót, lóc thịt trên thân Ngài bố thí cho chúng tôi được thức ăn, để duy trì mạng sống, không biết Nhân giả có bố thí được chăng ? Tâm trạng của Bồ Tát, tất cả vì người chẳng vì mình, xin Ngài hãy bố thí !"

Bấy giờ, Bồ Tát liền bố thí, khiến cho họ hoan hỉ, tâm được đầy đủ.

Lúc đó, Bồ Tát tu hành hạnh hoan hỉ, nghe được chúng sinh cầu xin như thế, lập tức lóc thịt trên thân của mình, bố thí cho chúng sinh, khiến cho họ đầy đủ sở cầu như nguyện, mà sinh tâm hoan hỉ.

Thuở xưa khi Đức Phật Thích Ca tu hành Bồ Tát đạo, thì đã từng xả thân cứu hộ đói, lóc thịt cho chim ưng. Đây tức là tu hạnh hoan hỉ, khiến cho chúng sinh sinh tâm hoan hỉ, ý được đầy đủ.

Như vậy, vô lượng trăm ngàn chúng sinh đều đến cầu xin thịt, Bồ Tát chưa từng sinh tâm thối chuyển khiếp sợ, chỉ càng tăng trưởng tâm từ bi. Do đó chúng sinh đều đến cầu xin. Bồ Tát thấy vậy, lại càng hoan hỉ. Bèn nghĩ như vậy : Tôi được lợi lành, những chúng sinh này là ruộng

phước của tôi, là bạn lành của tôi. Tôi không cầu, không thỉnh, mà họ đến dạy tôi vào trong Phật pháp. Nay tôi nên tu học như vậy, không trái với tâm của tất cả chúng sinh.

Chúng sinh nhiều vô lượng vô biên trăm ngàn như vậy, đều đến chỗ Bồ Tát cầu xin thịt của Bồ Tát. Bồ Tát tu hạnh hoan hỷ tuyệt đối chẳng tham sển, thấy đều lóc thịt bố thí, làm mãn nguyện chúng sinh. Bồ Tát chẳng những chẳng sinh tâm thối chuyển và tâm khiếp sợ, ngược lại tăng thêm tâm từ bi, vì nguyên nhân đó, cho nên chúng sinh đều đến cầu xin thịt nơi thân Bồ Tát. Bồ Tát thấy vậy, càng vui mừng, nghĩ như vậy : "Tôi đắc được lợi ích căn lành, những chúng sinh này đến làm ruộng phước cho tôi, tăng trưởng phước báo cho tôi. Họ là thầy lành của tôi, là bạn lành của tôi, là thiện tri thức của tôi. Cũng không cần tôi thỉnh mời họ, mà họ tự động đến chỗ tôi, dạy tôi tu hạnh hoan hỷ, khiến cho tôi vào sâu trong Phật pháp. Hiện tại tôi nên tu hành học tập như vậy, không trái với tâm yêu cầu của tất cả chúng sinh, nhất định khiến cho chúng sinh được đầy đủ".

Bồ Tát lại nghĩ như vậy : Nguyên hết thầy căn lành của tôi đã làm, đang làm, sẽ làm, khiến cho tôi thưở vị lai, nơi tất cả thế giới, trong tất cả chúng sinh, thọ thân rộng lớn. Dùng thịt thân đó làm no đủ tất cả

những chúng sinh đói khổ. Cho đến nếu có một chúng sinh nhỏ, chưa được no đủ, thì tôi nguyện không xả bỏ mạng sống. Thịt trên thân lóc ra, cũng chẳng cùng tận.

Vị Bồ Tát này lại tưởng niệm như vậy : Nguyện căn lành mà tôi đã làm trong quá khứ, căn lành mà tôi đang làm trong đời này, căn lành tôi sẽ làm thuở vị lai, nhờ những căn lành đó, khiến cho tôi trong tất cả thế giới thuở vị lai, ở trong tất cả chúng sinh, biến hoá ra thân rộng lớn, dùng thịt trên thân đó, bố thí cho tất cả chúng sinh đói khổ, khiến cho họ đều được no đủ. Cho đến nếu có một chúng sinh nhỏ (con kiến, hoặc côn trùng) chưa được no đủ, thì tôi nguyện lóc thịt tôi cho họ ăn, mà chẳng xả bỏ mạng sống. Thịt trên thân tôi lóc rồi lại sinh ra, vĩnh viễn chẳng cùng tận. Dem thịt vô cùng vô tận thân tôi, để duy trì vô cùng vô tận mạng sống của chúng sinh.

Dem căn lành này, nguyện đăc được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chúng đại Niết Bàn. Nguyện các chúng sinh ăn thịt thân tôi, cũng đăc được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Được trí bình đăng, đủ các Phật pháp, rộng làm Phật sự, cho đến vào Vô Dư Niết Bàn. Nếu một chúng sinh tâm chẳng đầy đủ, thì tôi quyết

không chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bồ Tát tu hạnh hoan hỷ, đem căn lành này, nguyện đắc được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chứng được Phật quả không sinh không diệt. Ngài lại phát nguyện cho tất cả chúng sinh, nếu ăn thịt của tôi, thì họ cũng chứng được quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đều đắc được trí huệ bình đẳng, đầy đủ pháp của chư Phật chứng được, rộng làm Phật sự, cho đến tương lai vào nơi Vô Du Niết Bàn. Niết Bàn có ba thứ :

1. Hữu Du Niết Bàn : Là cảnh giới chứng được của hàng nhị thừa.

2. Vô Du Niết Bàn : Là cảnh giới của Bồ Tát chứng được.

3. Cứu kính Niết Bàn : Là cảnh giới của chư Phật chứng được. Nếu như có một chúng sinh tâm chẳng đầy đủ, thì tôi nguyện quyết không chứng được Phật vị Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bồ Tát lợi ích chúng sinh như vậy, mà chẳng có tưởng nghĩ cái ta, tưởng nghĩ chúng sinh, tưởng nghĩ các cõi, tưởng nghĩ mạng sống, tưởng nghĩ đủ thứ, tưởng nghĩ Bồ Già La, tưởng nghĩ về người, tưởng nghĩ Ma Nạp Bà, tưởng nghĩ người làm, tưởng nghĩ kẻ thọ.

Bồ Tát vì giáo hoá chúng sinh, mà nhẫn thọ tất cả thống khổ. Tuy nhiên lóc thịt thân mình bố thí cho chúng sinh, nhưng chẳng có mùi thứ nghĩ tưởng :

1. Tưởng nghĩ cái ta : Bồ Tát chẳng nghĩ như vậy : Chúng sinh này là tôi giáo hoá, là tôi độ thoát. Ngài chẳng có tư tưởng chấp trước như thế.

2. Tưởng nghĩ chúng sinh : Bồ Tát chẳng những chẳng có tưởng về cái ta, mà cũng chẳng có tưởng nghĩ chúng sinh. Chẳng nói tôi độ được bao nhiêu chúng sinh, công đức lớn bao nhiêu. Ngài hành sở vô sự, nhận rằng là trách nhiệm và sự nghiệp của mình.

3. Tưởng nghĩ các cõi : Bồ Tát chẳng tưởng nghĩ về ta, người, các cõi, hay khởi sinh tử.

4. Tưởng nghĩ mạng sống : Bồ Tát cũng chẳng nghĩ như vậy : Tôi đối với chúng sinh đặc biệt từ bi, thậm chí tôi cứu mạng sống của chúng sinh.

5. Tưởng nghĩ đủ thứ : Bồ Tát cũng chẳng tưởng nghĩ tất cả hết thảy công đức.

6. Tưởng nghĩ Bồ Già La : Bồ Già La là tiếng Phạn, dịch là "Số thủ thú". Tức cũng là đếm lấy các cõi đi đến (sáu nẻo luân hồi), chẳng lúc nào nhàm mỏi. Bồ Tát cũng chẳng nghĩ như vậy : Tôi làm việc này, tương lai sẽ sinh về cõi đó, sẽ có ích lợi gì ? Bồ Tát chẳng tính toán như vậy. Ngài quán sát loài chúng sinh nào độ được, thì Ngài vào đó để độ.

7. Tưởng nghĩ về người : Người là loài linh trong vạn vật, hay làm tất cả đại bát nhã. Bồ Tát chẳng có tưởng nghĩ về người.

8. Nghĩ tưởng Ma Nạp Bà : Ma Nạp Bà là tiếng Phạn, dịch ra là "nho đồng", tức là thiếu niên có học vấn. Bồ Tát chẳng có tưởng nghĩ về nho đồng.

9. Tưởng nghĩ người làm : Bồ Tát chẳng tưởng nghĩ có tay chân hay làm được.

10. Tưởng nghĩ kẻ thọ : Bồ Tát chẳng có tưởng nghĩ tính toán đời sau có thọ tội phước quả báo, cũng chẳng có tưởng nghĩ ai thọ tội giáo hoá.

Chỉ quán pháp giới. Chúng sinh giới. Pháp không bờ mé. Pháp không. Pháp chẳng chỗ có. Pháp không tướng. Pháp không thể. Pháp không xứ sở. Pháp không nương tựa. Pháp không làm.

Bồ Tát chỉ quán sát tất cả pháp giới, tất cả chúng sinh giới. Chỗ làm đều chẳng có bờ mé, làm xong thì chẳng còn nữa, đây là pháp không. Viên mãn bồ đề, quy về không chỗ được, đây là pháp chẳng có. Cũng chẳng có một tướng, cũng chẳng có một thể, cũng chẳng có một xứ sở, cũng chẳng có nương tựa, cũng chẳng có ai làm công đức.

Khi quán như vậy, thì Bồ Tát chẳng thấy thân mình, chẳng thấy vật thí, chẳng thấy kẻ nhận, chẳng thấy ruộng phước, chẳng thấy nghiệp, chẳng thấy báo, chẳng thấy quả, chẳng thấy quả lớn, chẳng thấy quả nhỏ.

Khi Bồ Tát quán tưởng như vậy, thì Ngài chẳng thấy thân của mình, lóc thịt trên thân mình bố thí cho chúng sinh, cũng chẳng thấy có vật thí, cũng chẳng thấy có ai ăn thịt của mình, cũng quán tưởng chẳng làm ruộng phước, cũng chẳng thấy sự nghiệp, cũng chẳng thấy quả báo lành. Cũng chẳng thấy có quả báo tốt, cũng chẳng thấy có quả báo vui lớn, tức là được lợi ích lớn, cũng chẳng thấy được quả báo nhỏ, đắc được lợi ích nhỏ.

Bấy giờ, Bồ Tát quán sát quá khứ, vị lai, hiện tại, tất cả chúng sinh thọ thân bồng có liền hoại diệt. Bèn nghĩ như vậy : Lạ thay chúng sinh ngu si không trí huệ. Ở trong sinh tử thọ vô số thân, nguy hiểm không ngừng, chóng quy về hoại diệt. Hoặc đã hoại diệt, hoặc đang hoại diệt, hoặc sẽ hoại diệt, mà không thể dùng thân không kiên cố để cầu thân kiên cố.

Lúc đó, Bồ Tát quán tưởng quá khứ, vị lai, hiện tại, tất cả chúng sinh thọ thân, chẳng được thời gian bao lâu, thì phần đoạn sinh tử chẳng còn nữa. Bồ Tát lại nghĩ như vậy : Rất lạ thay những chúng sinh này, quá ngu si, chẳng có trí huệ. Ở trong sinh tử luân hồi, sinh ra rồi chết, chết rồi lại sinh, thọ vô số thân, nguy hiểm không ngừng, rất mau chóng sẽ tan hoại tiêu diệt. Hoặc đã hoại diệt, hoặc đang hoại diệt, hoặc sẽ hoại diệt. Những chúng sinh ngu si này,

chẳng biết dùng thân bốn đại chẳng kiên cố, để tu thân kim cang bất hoại.

Mục đích chúng ta tu đạo là mượn giả tu chân, mượn phàm để thành Thánh nhân, tức cũng là chuyển thức thành trí, chuyển tám thức thành bốn trí, tức là chứng quả Phật. Chuyển năm thức trước (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) thành thành sở tác trí, chuyển ý thức thành diệu quán sát trí, chuyển thức Mạt Na thành bình đẳng tánh trí, chuyển thức A lại da thành đại viên cảnh trí, tức cũng là tánh Như Lai tạng, tức cũng là đại quang minh tạng. Đại quang minh tạng này ai ai cũng đều đầy đủ, nhưng chẳng hiện ra. Tại sao ? Vì vô minh vọng tưởng chấp trước, cho nên chân tâm bị che lấp, thì vọng tâm hiện ra. Có vọng tâm rồi thì khởi hoặc tạo nghiệp thọ báo. Vọng tâm của chúng ta giống như bát nước đục, gì cũng chẳng hiện ra. Làm thế nào để cho lắng trong ? Dùng phèn trắng bỏ vào, lúc sau, bụi bặm sẽ lắng xuống đáy bát, nước sẽ trong suốt như tấm gương (đại quang minh tạng), đây tức là chân tâm. Gì là phèn trắng ? Tức là giới định huệ. Do đó :

"Siêng tu giới định huệ
Diệt trừ tham sân si".

Tu hành viên mãn, thì sẽ được giải thoát, Do đó :
"Những gì cần làm đã làm xong, chẳng còn thọ thân sau nữa".

Tôi sẽ học hết những điều chư Phật đã học, chứng nhất thiết trí, biết tất cả pháp. Vì các chúng sinh nói pháp ba đời bình đẳng, tùy thuận vắng lặng, chẳng hoại

pháp tánh. Khiến cho họ vĩnh viễn được an ổn khoái lạc.

Bồ Tát tu hạnh hoan hỉ nói : "Tôi sẽ học hết pháp mà mười phương chư Phật đã học, mới chứng được nhất thiết trí huệ, mới minh bạch tất cả Phật pháp, vì tất cả chúng sinh nói pháp môn ba đời bình đẳng, nghĩa là tùy thuận pháp vắng lặng, pháp chẳng hoại pháp tánh. Khiến cho tất cả chúng sinh vĩnh viễn đắc được an ổn và khoái lạc".

Phật tử ! Đó gọi là hạnh hoan hỉ thứ nhất của đại Bồ Tát.

Các vị đệ tử của Phật ! Đây tức là hạnh hoan hỉ thứ nhất của đại Bồ Tát tu hành.

Phật tử ! Những gì là hạnh nhiều ích của đại Bồ Tát ?

Bồ Tát Công Đức Lâm lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Gì là hạnh nhiều ích của đại Bồ Tát tu hành ? Bồ Tát Công Đức Lâm tự đề ra vấn đề này, rồi tự mình trả lời vấn đề này.

Hạnh nhiều ích tức là pháp môn trì giới. Giới có ba tụ tịnh giới :

1. Nhiếp luật nghi giới : Cữ chỉ hành động của người xuất gia, đều phải có quy tắc và pháp độ, Do đó : "Ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh". Tức cũng là đi đứng năm ngòai phải nghiêm kính oai nghi, tư hào không phạm.

2. Nhiếp thiện pháp giới : Thiện pháp tức là làm các điều lành, không làm các điều ác. Những việc làm của người xuất gia, đều hợp với giới luật, tức là nhiếp thiện pháp. Đối với chúng sinh phải tuyên nói thiện pháp (chánh tri chánh kiến), không được nói bậy bạ tất cả các pháp ác (tà tri tà kiến).

3. Nhiếp tất cả chúng sinh giới : Lại là nhiều ích hữu tình giới, tức là nhiếp thọ tất cả chúng sinh, lợi lạc tất cả chúng sinh.

Nhiếp luật nghi giới là thuộc về thân nghiệp thanh tịnh, nhiếp thiện pháp giới là thuộc về miệng nghiệp thanh tịnh, nhiếp tất cả chúng sinh giới là thuộc về ý nghiệp thanh tịnh. Ba nghiệp thanh tịnh, thì sinh giới định huệ ba học vô lậu. Có kiểm kim cương giới định huệ rồi, thì sẽ chặt đứt tham sân si ba độc.

Nhiếp luật nghi giới lại có thể nói là giới, nhiếp thiện pháp giới lại có thể nói là định, nhiếp tất cả chúng sinh giới lại có thể nói là huệ. Hay giữ tất cả tịnh giới, thì hay tiêu diệt được tham độc. Hay tu tất cả pháp lành, thì hay tiêu diệt được sân độc. Hay độ tất cả chúng sinh, thì hay tiêu diệt được si độc.

Bồ Tát này hộ trì tịnh giới. Nơi sắc thanh hương vị xúc, tâm chẳng chấp trước, cũng vì chúng sinh tuyên nói như vậy. Chẳng cầu oai đức thế lực, chẳng cầu chủng tộc, chẳng cầu giàu có, chẳng cầu

sắc tướng, chẳng cầu ngôi vua. Tất cả như vậy đều chẳng chấp trước.

Bồ Tát tu hành hạnh hoan hỷ, Ngài hộ trì ba tụ tịnh giới. Đối với cảnh giới sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần, xúc trần năm dục này, trong tâm chẳng nhiễm trước. Vị Bồ Tát này chẳng nhiễm năm dục, tự mình chẳng bị cảnh giới năm dục làm lay chuyển. Ngài lại đối với chúng sinh tuyên nói pháp này, khiến cho tất cả chúng sinh cũng chẳng nhiễm pháp năm dục, khiến cho họ chuyển được cảnh giới năm dục.

Vị Bồ Tát này tu hạnh nhiều ích, chẳng phải vì cầu có thể lực lớn, oai đức lớn. Cũng chẳng phải vì cầu sinh vào trong nhà quý tộc, cũng chẳng phải vì cầu quả báo giàu có, cũng chẳng phải vì cầu sắc tướng viên mãn, càng chẳng phải vì cầu làm ông vua. Những cảnh giới như vậy, tâm Bồ Tát chẳng chấp trước, càng chẳng bị những cảnh giới này làm lay chuyển.

Chỉ kiên trì tịnh giới, bèn nghĩ như vậy : Tôi giữ tịnh giới, thì phải bỏ lìa tất cả ràng buộc, tham cầu nhiệt nã, các nạn bức bách, huỷ báng loạn trước, mới đắc được chánh pháp bình đẳng, mà Phật khen ngợi.

Bồ Tát tu hạnh nhiều ích, Ngài kiên cố hộ trì tịnh giới, mà nghĩ như vậy : Tôi thọ trì giới báu quang minh thanh tịnh, thì phải xả bỏ lìa khỏi tất cả ràng buộc, chẳng

những phải bỏ lia ràng buộc, mà còn phải bỏ lia tham cầu nhiệt nảo, lại phải bỏ lia huỷ báng loạn trước. Hay tu hành như vậy, thì đắc được chư Phật khen ngợi, chứng được chánh pháp nhãn tạng, đắc được giải thoát.

Hạnh thứ nhất là hạnh hoan hỷ, Bồ Tát sinh vào trong nhà giàu có, bố thí đủ thứ. Hạnh thứ hai là hạnh nhiều ích, Bồ Tát tu hạnh này thì chẳng cầu giàu có, chẳng cầu sắc tướng, chẳng cầu ngôi vua. Lúc này, có người sinh hoài nghi : "Tại sao khi Bồ Tát tu hạnh hoan hỷ, thì muốn sinh vào trong gia đình giàu có ? Tại sao khi Bồ Tát tu hạnh nhiều ích, thì lại không muốn sinh vào trong gia đình giàu có ? Đây là đạo lý gì ?" Đạo lý này rất đơn giản, dễ khiến cho người minh bạch. Bồ Tát sinh vào trong gia đình giàu có, là vì bố thí tất cả, mà không tham sển, thậm chí tánh mạng của mình cũng chịu bố thí. Nếu chẳng sinh vào trong nhà giàu có, thì cũng lợi ích chúng sinh. Tuy nhiên không thể bố thí tài, chỉ bố thí pháp. Tự mình vẫn tu trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, năm Ba La Mật này. Tu đến lúc viên mãn thì sẽ thành tựu, có thể vì chúng sinh giảng Kinh thuyết pháp. Pháp thí này càng trọng yếu hơn bố thí tài, Do đó :

"Trong các sự bố thí
Bố thí pháp là hơn hết".

Phật tử ! Khi Bồ Tát giữ tịnh giới như vậy, giả sử trong một ngày, có vô số trăm ngàn ức Na do tha các đại ác ma, đến chỗ Bồ Tát, mỗi đại ác ma đem theo vô lượng vô số trăm ngàn ức Na do tha Thiên nữ,

đều khéo hành phương tiện nơi năm dục, đoan chánh xinh đẹp, khuynh đảo mê hoặc lòng người. Chăm mang đủ thứ đồ chơi trân quý, muốn đến mê hoặc dẫn dụ đạo tâm của Bồ Tát.

Đệ tử của Phật ! Khi Bồ Tát giữ tịnh giới, tức cũng là kiên cố không thay đổi, thọ trì giới báu quang minh thanh tịnh. Một ngày nọ, giả sử có vô lượng vô số trăm ngàn ức Na do tha đại ác ma, cùng nhau đến chỗ ở của Bồ Tát tu hạnh nhiều ích. Mỗi đại ác ma lại xuất lãnh vô lượng vô số trăm ngàn ức Na do tha Thiên nữ (ma nữ), chúng khéo ca múa, đối với sắc thanh hương vị xúc năm dục đều có sở trường, biểu diễn tinh xảo. Tướng mạo của các ma nữ đó rất đoan chánh xinh đẹp mỹ lệ, khiến cho người thấy ý loạn tình mê, thần hồn điên đảo. Mỗi vị ma nữ trong tay cầm đồ chơi trân quý khác nhau, năm quang mười sắc sáng lạn chói mắt, khiến cho người mắt loa. Mục đích chúng đến chỗ Bồ Tát, là dùng sắc đẹp để dẫn dụ, dùng đồ chơi trân quý mê hoặc, khiến cho Bồ Tát giữ tịnh giới chẳng có định lực thì tâm bị giao động, do đó mà mất đi đạo nghiệp.

Bấy giờ, Bồ Tát bèn nghĩ như vậy : Năm dục này là pháp chướng ngại đạo, cho đến chướng ngại vô thượng bồ đề. Cho nên không sinh một niệm dục tưởng, tâm thanh tịnh như Phật. Chỉ trừ phương tiện giáo

hoá chúng sinh, mà chẳng xả bỏ nơi tất cả tâm trí huệ.

Lúc đó, Bồ Tát phải quán tưởng sắc thanh hương vị xúc nếm dục này, hoặc quán tưởng tài sắc danh ăn ngủ nằm dục này, đều là pháp chướng ngại sự tu đạo. Nếu ai trụ vào nằm dục, thì sẽ chướng ngại giác đạo vô thượng bồ đề. Vì vậy cho nên Bồ Tát chẳng sinh một niệm dục vọng. Do đó, chẳng bị sắc đẹp của ma nữ làm giao động, trong tâm thanh tịnh, chẳng có tham dục, giống như Phật, như như chẳng động, rõ ràng sáng suốt.

Nếu như dùng pháp môn phương tiện để giáo hoá tất cả chúng sinh, đó thì khác. Tuy nhiên ở trong năm dục giáo hoá chúng sinh, nhưng chẳng xả bỏ nơi tâm tất cả trí huệ, tức cũng là chẳng điên đảo.

Phật tử ! Vì Bồ Tát chẳng dùng nhân duyên tham dục nào hại tất cả chúng sinh. Thà bỏ thân mạng, quyết không làm việc nào hại chúng sinh. Bồ Tát từ khi được thấy Phật đến nay, chưa từng sinh ra một niệm dục tưởng, hà huống là làm. Hoặc nếu là làm, thì không có việc đó.

Các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát tu hạnh nhiều ích, không dùng nhân duyên tham dục, mà khiến cho tất cả chúng sinh phiền não. Bồ Tát thà bỏ thân mạng, quyết không làm việc nào hại chúng sinh.

Bồ Tát từ khi được thấy Phật cho đến nay, tâm chưa từng sinh ra một niệm dục tưởng, hà huống là làm ? Càng không thể được. Giả sử đi làm việc năm dục, thì không có lẽ đó ? Ngài tuyệt đối chẳng làm.

**Bấy giờ, Bồ Tát bèn nghĩ như vậy :
Tất cả chúng sinh, ở trong đêm dài, tưởng
nghĩ năm dục, hướng về năm dục, tham
trước năm dục, tâm họ quyết định. Đam
nhiễm chìm đắm, lưu chuyển theo năm
dục, nên chẳng được tự tại.**

Lúc đó, Bồ Tát bèn nghĩ như vậy : Hết thấy tất cả chúng sinh, ở trong đêm tối mê mang, luôn luôn suy nghĩ về thú vui năm dục, chỗ hướng về cũng là năm dục, chỗ tham trước cũng là năm dục. Tâm họ quyết định, đam mê mà chìm đắm trong năm dục, trôi nổi theo cảnh giới năm dục, cho nên chẳng được tự tại.

**Nay tôi phải khiến cho những con ma
này, và các Thiên nữ, cùng tất cả chúng
sinh, trụ nơi giới vô thượng. Trụ vào tịnh
giới rồi, thì nơi nhất thiết trí, tâm chẳng
thối chuyển, sẽ đắc được Vô Thượng
Chánh Đẳng Chánh Giác, cho đến vào nơi
Vô Dư Niết Bàn.**

Bồ Tát Công Đức Lâm nói : "Hiện tại tôi phải nghĩ biện pháp, khiến cho những con ma này, và tất cả Thiên nữ, cùng tất cả chúng sinh, trụ nơi giới báu quang minh vô thượng. Trụ nơi giới thanh tịnh rồi, thì đối với nhất thiết trí huệ, vĩnh viễn chẳng thối chuyển, mới chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cho đến vào nơi Vô Du Niết Bàn".

Tại sao ? Vì đây là sự nghiệp tôi phải làm, phải tu học theo chư Phật như vậy. Tu học như vậy rồi, thì lìa khỏi các hạnh ác, chấp ngã vô tri. Dùng trí huệ vào nơi tất cả Phật pháp, vì chúng sinh diễn nói, khiến cho họ dứt trừ điên đảo.

Tại sao vậy ? Lại phải giáo hoá chúng sinh, lại phải độ thoát chúng sinh ? Vì Bồ Tát tu Bồ Tát đạo, thì phải làm sự nghiệp này, phải thường theo chư Phật học pháp môn chẳng có dục niệm.

Tu học như vậy rồi, thì sẽ lìa khỏi tất cả hạnh ác. Vì trước kia chẳng có trí huệ, cho nên không thể vào được trong tất cả Phật pháp. Hiện tại dùng trí huệ mà vào Phật pháp, vì chúng sinh diễn nói tất cả Phật pháp, khiến cho họ lìa khỏi điên đảo vọng tưởng.

Biết rõ chẳng lìa chúng sinh có điên đảo, chẳng lìa điên đảo có chúng sinh. Chẳng ở trong điên đảo có chúng sinh,

chẳng ở trong chúng sinh có điên đảo. Cũng chẳng phải điên đảo là chúng sinh, cũng chẳng phải chúng sinh là điên đảo. Điên đảo chẳng phải pháp ở trong, điên đảo chẳng phải pháp ở ngoài. Chúng sinh chẳng phải pháp ở trong, chúng sinh chẳng phải pháp ở ngoài.

Phải biết chẳng phải lìa khỏi chúng sinh có điên đảo, cũng chẳng phải lìa khỏi điên đảo có chúng sinh. Đây là chẳng tức chẳng lìa. Vì có chúng sinh, cho nên có điên đảo. Vì có điên đảo, cho nên có chúng sinh. Vốn là không, chẳng phải ở trong điên đảo có chúng sinh, cũng chẳng phải ở trong chúng sinh có điên đảo. Đều là nương mà khởi tánh, biến kế chấp tánh; sở chấp trước mà thị hiện chúng sinh, tức là nương mà khởi tánh, điên đảo tức là biến kế chấp tánh. Nhìn lại tựa như có, thật tế đều là không.

Cũng chẳng phải điên đảo tức là chúng sinh, cũng chẳng phải chúng sinh tức là điên đảo, đây đều là hư vọng. Điên đảo là một thứ cảnh giới, cũng chẳng thuộc về pháp ở trong, cũng chẳng thuộc về pháp ở ngoài. Vì điên đảo chẳng phải chân chánh có, cho nên bên ngoài cũng chẳng có. Nếu bên ngoài có, thì phải thường có điên đảo. Chúng sinh cũng chẳng phải pháp bên trong, chúng sinh cũng chẳng phải pháp bên ngoài.

Tất cả các pháp đều hư vọng không thật. Khởi mau diệt mau, chẳng có bền

vững, như mộng như bóng, như huyễn như hoá, lừa dối mê hoặc kẻ ngu. Người hiểu như vậy, liền giác ngộ tất cả các hạnh, thông đạt sinh tử, cùng với Niết Bàn, chứng Phật bồ đề.

Tại sao phải nói như vậy ? Vì tất cả các pháp, đều là hư vọng không thật, cho nên đừng chấp trước. Nó chẳng có thật thể, sinh mau diệt cũng mau. Nó chẳng bền vững bất biến, mà là giống như nằm mộng, giống như hình bóng, giống như hư huyễn, giống như biến hoá .v.v... Chúng sinh điên đảo như vậy, cuồng loạn mê hoặc. Chúng sinh ngu si, giống như đi hầu chấp mặt trăng, đi xuống giếng tìm mặt trăng. Nếu minh bạch tất cả các pháp, đều là hư vọng không thật, thì chẳng có sự chấp trước.

Giải thích đủ thứ đạo lý như vậy, thì sẽ giác ngộ thấu hiểu tất cả hạnh ác, sinh tử cũng minh bạch, Niết Bàn cũng minh bạch, liền chứng được Phật bồ đề.

Tự mình được độ, cũng khiến cho họ được độ. Mình giải thoát, cũng khiến cho họ giải thoát. Mình điều phục, cũng khiến cho họ được điều phục. Mình vắng lặng, cũng khiến cho họ vắng lặng. Mình an ổn, cũng khiến cho họ an ổn. Mình lìa trần cấu, cũng khiến cho họ lìa trần cấu. Mình thanh tịnh, cũng khiến cho họ thanh tịnh.

Mình được Niết Bàn, cũng khiến cho họ được Niết Bàn. Mình an vui, cũng khiến cho họ an vui.

Tư tưởng của Bồ Tát là tự mình được độ là khổ được vui, cũng khiến cho chúng sinh được độ. Mình được giải thoát (chẳng có chấp trước), cũng khiến cho chúng sinh được giải thoát. Mình được điều phục (chẳng có cống cao ngã mạn, đố kị chướng ngại), cũng khiến cho chúng sinh được điều phục. Mình được an vui vắng lặng, cũng khiến cho chúng sinh được an vui vắng lặng. Mình được an ổn, cũng khiến cho chúng sinh được an ổn. Mình được lìa khỏi tất cả nhiễm ô, tất cả phiền não, tất cả tham sân si, cũng khiến cho chúng sinh được lìa khỏi tất cả nhiễm ô, tất cả phiền não, tất cả tham sân si. Mình chứng được cảnh giới thanh tịnh, cũng khiến cho chúng sinh chứng được cảnh giới thanh tịnh. Mình được vào Vô Dư Niết Bàn, cũng khiến cho chúng sinh được vào Vô Dư Niết Bàn. Mình được chân chánh an vui, cũng khiến cho chúng sinh được chân chánh an vui. Mình được lìa khỏi tất cả vô minh, cũng khiến cho chúng sinh được lìa khỏi vô minh. Mình chẳng có tất cả vọng tưởng, cũng khiến cho chúng sinh chẳng có tất cả vọng tưởng. Cho nên nói Bồ Tát có tâm đại bi.

**Phật tử ! Bồ Tát này lại nghĩ như vậy :
Tôi phải tùy thuận tất cả các Như Lai. Lìa
khỏi tất cả hạnh thế gian. Đầy đủ tất cả các
Phật pháp. Trụ nơi vô thượng bình đẳng.**

Bình đẳng quán sát chúng sinh. Thấu rõ thông đạt cảnh giới. Lìa các lỗi lầm. Dứt trừ các sự phân biệt. Xả bỏ các sự chấp trước. Khéo léo thoát khỏi ba cõi.

Các vị đệ tử của Phật ! Vị Bồ Tát này lại nghĩ như vậy : "Tôi phải tùy thuận tất cả chư Phật, lìa khỏi tất cả những việc người thế gian làm. Đầy đủ tất cả pháp của chư Phật đắc được. Trụ nơi vô thượng bình đẳng. Bình đẳng quán sát tất cả chúng sinh. Minh bạch tất cả cảnh giới. Lìa khỏi tất cả lỗi lầm. Dứt trừ tất cả sự phân biệt. Xả bỏ tất cả sự chấp trước. Dùng pháp môn phương tiện khéo léo để thoát khỏi nhà lửa ba cõi". Do đó : "Ba cõi không yên, giống như nhà lửa".

Tâm luôn an trụ nơi vô thượng, không nói, không nương tựa, không động, vô lượng, vô biên, vô tận, vô sắc, trí huệ thâm sâu.

Vị Bồ Tát này lại nói : "Tâm của tôi luôn an trụ nơi vô thượng, chẳng có gì cao hơn. An trụ nơi không nói, chẳng nói năng nữa. An trụ nơi không nương tựa, chẳng có chỗ nương tựa. An trụ nơi không động, chẳng có lay động. An trụ nơi vô lượng, chẳng có số lượng. An trụ nơi vô biên, chẳng có bờ mé. An trụ nơi vô tận, chẳng có cùng tận. An trụ nơi vô sắc, chẳng có sắc tướng. Tâm của tôi luôn an trụ nơi trí huệ thâm sâu".

Phật tử ! Đó gọi là hạnh nhiều ích thứ hai của đại Bồ Tát.

Các vị đệ tử của Phật ! Đây tức là hạnh nhiều ích thứ hai của đại Bồ Tát tu hành.

Phật tử ! Những gì là hạnh vô vi nghịch của đại Bồ Tát ?

Đại Bồ Tát Công Đức Lâm lại gọi một tiếng đệ tử của Phật ! Gì là hạnh vô vi nghịch của đại Bồ Tát tu hành ? Hạnh vô vi nghịch tức là nhẫn nhục Ba La Mật. Bồ Tát chẳng trái nghịch với chúng sinh, phạm là việc có lợi ích đối với chúng sinh, dù có nhảy vào dầu sôi lửa bỏng, cũng không từ nan, tuyệt đối chẳng vì lợi ích chính mình làm tiền đề, chẳng có tư tưởng như vậy : "Có lợi thì tranh, không lợi thì nhường".

Bồ Tát này thường tu pháp nhẫn nhục, khiêm nhường cung kính. Chẳng hại mình, chẳng hại người, chẳng hại mình người, chẳng thủ lấy mình, chẳng thủ lấy người, chẳng thủ lấy mình người. Mình chẳng tham chấp, cũng chẳng dạy người tham chấp, mình người đều chẳng tham chấp. Cũng chẳng tham cầu danh văn lợi dưỡng.

Vị Bồ Tát này tu hạnh vô vi nghịch, Ngài thời khắc từ từ tu pháp môn nhẫn nhục. Sự nhẫn này vốn không thể nhẫn được, cũng không dễ gì nhẫn, nhưng cũng phải nhẫn. Do đó :

"Khó nhẫn nhẫn được,
Khó thọ thọ được".

Tất cả pháp nhẫn thường phải tu hành. Nhẫn có sinh nhẫn, pháp nhẫn, vô sinh pháp nhẫn, ba thứ. Nếu muốn tu nhẫn, thì trước hết phải đừng có tâm kiêu ngạo, phải khiêm nhường hạ mình. Trong Đạo Đức Kinh có nói :

"Thượng thiện nhược thủy
Thủy thiện lợi vạn vật, nhi bất tranh.
Xứ chúng nhân chi sở ác, cố chi ư đạo".

Nghĩa là : Người thiện trên hết, giống như nước. Tuy nước lợi ích vạn vật, nhưng chẳng tranh công. Tuyệt đối chẳng nói ‘Tôi có công lao thâm nhuận vạn vật, cho nên mới sinh tồn’. Chỗ thấp hẹp, vạn vật chẳng muốn ở, đều muốn ở chỗ cao. Chỉ có nước chảy xuống chỗ thấp. Do đó: "Người ở chỗ cao, nước chảy xuống chỗ thấp". Đây là biểu thị hạ thấp. Vì khiêm nhường cung kính, cho nên mới hợp với đạo.

Bồ Tát chẳng những khiêm nhường, mà còn cung kính. Bất cứ đối với ai cũng đều lễ phép, rất khách sáo, tuyệt đối chẳng có tác phong cống cao ngã mạn, cũng chẳng có hành vi xem ai cũng chẳng ra gì. Đối với tất cả chúng sinh đều sinh tâm cung kính, tâm thương xót, do đó :

"Bồ Tát chẳng thấy lỗi chúng sinh".

Tại sao ? Vì Bồ Tát có tâm từ bi.

Bồ Tát chẳng tổn hại mình, cũng chẳng tổn hại chúng sinh, càng chẳng tổn hại mình và tổn hại người. Vì Bồ Tát tu pháp môn nhẫn nhục Ba La Mật, tất cả đều nhẫn thọ, chẳng có tâm sân hận, cho nên chẳng hại đôi bên. Trong tâm Bồ Tát chẳng sinh dục niệm thủ lấy, miệng chẳng nói lời lẽ thủ lấy, mình chẳng sinh tâm niệm thủ lấy, cũng chẳng vì chúng sinh sinh tâm niệm thủ lấy. Tức chẳng vì mình, cũng chẳng vì người, cả đôi bên đều chẳng có tâm niệm thủ lấy. Bồ Tát tự mình chẳng tham trước, cũng chẳng dạy chúng sinh tham trước, mình và chúng sinh đều chẳng tham trước. Tuy nhiên Bồ Tát hoằng pháp lợi sinh, nhưng chẳng cầu danh văn lợi dưỡng. Thân miệng ý ba nghiệp của Bồ Tát đã thanh tịnh, chẳng tạo nghiệp sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu. Đây là bắt đầu tu hạnh vô vi nghịch.

Bồ Tát chỉ nghĩ như vậy : Tôi phải thường vì chúng sinh nói pháp, khiến cho họ lìa tất cả nghiệp ác. Dứt tham sân si, kiêu mạn che dấu, tham sển đố kỵ dối trá. Khiến cho họ luôn an trụ nơi nhẫn nhục nhu hoà.

Bồ Tát tu hạnh vô vi nghịch, chỉ tưởng niệm như vậy: Tôi phải luôn luôn vì chúng sinh nói pháp. Nói pháp gì ? Nói pháp khiến cho chúng sinh bỏ mê về giác, pháp cải tà theo chánh, pháp trở về nguồn cội, pháp lìa khổ được vui, pháp chấm dứt sinh tử. Vì khiến cho tất cả chúng sinh xa lìa tất cả nghiệp ác, nghĩa là không làm các điều ác, làm

các điều lành. Lại phải dứt tham sân si. Tức là siêng tu giới định huệ, tiêu diệt tham sân si. Lại phải dứt trừ kiêu ngạo ngã mạn, lại phải dứt trừ sạch che dấu nghiệp ác, và dứt trừ tham sển không xả bỏ, lại phải dứt trừ tâm đố kỵ, lại phải dứt tư tưởng xiểm nịnh, lại phải dứt trừ hành vi dối trá. Khiến cho tất cả chúng sinh an trụ nơi nhẫn nhục Ba La Mật, thân tâm biến thành nhu nhuyễn điều hoà, kham làm bậc pháp khí.

Phật tử ! Bồ Tát thành tựu pháp nhẫn nhục như vậy. Giả sử có trăm ngàn ức Na do tha A tăng kỳ chúng sinh đến chỗ Bồ Tát. Mỗi chúng sinh hoá làm trăm ngàn ức Na do tha A tăng kỳ cái miệng. Mỗi cái miệng nói ra trăm ngàn ức Na do tha A tăng kỳ những lời chẳng hoan hỷ, lời pháp chẳng thiện, lời chẳng vừa ý, lời chẳng ưa thích, lời chẳng phải của hiền nhân, lời chẳng phải của bậc Thánh có trí huệ, lời chẳng tương ưng với bậc Thánh, lời chẳng gần gũi với bậc Thánh, lời rất đáng chán ghét, lời chẳng muốn nghe. Dùng những lời lẽ này huỷ nhục Bồ Tát.

Các vị đệ tử của Phật ! Vị Bồ Tát đó tự tu thành tựu pháp môn nhẫn nhục như đã nói ở trên. Giả sử có trăm ngàn ức Na do tha A tăng kỳ chúng sinh, đến chỗ Bồ Tát.

Mỗi chúng sinh đều hoá làm trăm ngàn ức Na do tha A tăng kỳ cái miệng. Mỗi cái miệng lại phát ra trăm ngàn ức Na do tha A tăng kỳ lời lẽ. Những lời lẽ đó nói gì ?

1. Nói những lời chẳng hoan hỷ : Lời nói ra, khiến cho người nghe sinh tâm chẳng hoan hỷ.

2. Lời pháp chẳng lành : Hoan hỷ nói những lời vọng ngữ, thù dệt, chưởi mắng, hai lưỡi. Đây là những lời pháp chẳng lành.

3. Lời chẳng vừa ý : Lời nói ra, khiến cho người chẳng vui, thậm chí làm cho người nóng giận.

4. Lời chẳng ưa thích : Lời lẽ nói ra, chẳng phải là lời êm ái, khiến cho người ghét.

5. Lời chẳng phải của bậc hiền nhân : Lời nói ra, chẳng từ bi, chẳng hợp với lời của bậc chánh nhân quân tử.

6. Lời chẳng phải của bậc Thánh có trí huệ : Lời nói ra, đều là lời ngu si, chẳng có trí huệ, tức cũng là tà tri tà kiến, chẳng hợp với lời của bậc Thánh có trí huệ.

7. Lời chẳng tương ưng với bậc Thánh : Lời lẽ nói ra chẳng tương ưng với bậc Thánh có đức, mà là trái ngược.

8. Lời chẳng gần gũi với bậc Thánh : Lời lẽ nói ra, chẳng hợp gần gũi với bậc Thánh.

9. Lời chẳng muốn nghe : Lời lẽ nói ra chẳng muốn lọt vào tai. Những lời ô nhiễm này khiến cho người chán ghét. Dùng những lời lẽ này để huỷ báng Bồ Tát nhẫn nhục, nhưng Bồ Tát chẳng lay động. Tại sao ? Vì Bồ Tát tu pháp môn nhẫn nhục Ba La Mật.

Những chúng sinh này, mỗi người đều có trăm ngàn ức Na do tha A tăng kỳ tay.

Mỗi tay đều cầm trăm ngàn ức Na do tha A tăng kỳ đồ gậy, bức hại Bồ Tát.

Những chúng sinh đó, dùng trăm ngàn ức Na do tha A tăng kỳ cái miệng để huỷ báng nhục mạ Bồ Tát rồi. Mỗi chúng sinh lại có trăm ngàn ức Na do tha A tăng kỳ tay, mỗi tay lại cầm trăm ngàn ức Na do tha A tăng kỳ đồ đạc gậy gộc, để bức bách xâm hại Bồ Tát.

Như vậy trải qua A tăng kỳ kiếp, chưa từng ngừng nghỉ. Bồ Tát gặp những sự rất thống khổ độc hại đó, lông trên thân đều dựng đứng, mạng sống gần chết, bèn tự nghĩ rằng : Tôi do sự khổ này, nếu tâm động loạn thì mình chẳng điều phục được, mình chẳng thủ hộ được, mình chẳng thấu rõ, mình chẳng tu tập, mình chẳng chánh định, mình chẳng vắng lặng, mình chẳng ái tiếc, mình sinh chấp trước. Làm sao có thể khiến cho tâm họ được thanh tịnh ?

Nhiều miệng như vậy chưởi mắng Bồ Tát; nhiều tay như vậy đánh đập Bồ Tát. Trải qua thời gian A tăng kỳ kiếp, chưa từng gián đoạn, cũng chẳng ngừng nghỉ. Bồ Tát luôn luôn chịu đánh chịu chưởi, gặp sự thống khổ độc hại như vậy, lông trên thân đều dựng đứng, tánh mạng sắp nguy kịch. Song, vẫn nghĩ như vậy : Tôi vì sự thống khổ này, nếu nhẫn chẳng được cảnh giới này, trong tâm hoặc

nóng giận, hoặc động loạn. Vậy thì tôi chẳng điều phục được tâm mình, không giữ gìn được giới luật, chẳng thấu hiểu được các pháp thật tướng, không thể tu tập thiền định, đây là sự thử thách. Do đó : "Tất cả đều là thử thách", nếu không qua được sự thử thách, bị cảnh giới lay chuyển, có người mắng chửi chẳng được, có người đánh càn chịu không được, đây là chẳng có công phu chánh định. Nếu động tâm, thì cũng chẳng vắng lặng. Mình chẳng ái tiếc pháp thân huệ mạng, mình sinh ra chấp trước tướng ta, tâm của mình chẳng thanh tịnh, thì làm sao khiến cho tâm của họ được thanh tịnh ?

Bấy giờ, Bồ Tát lại nghĩ như vậy : Tôi từ vô thủy kiếp, trụ ở trong sinh tử, thọ các khổ não. Tư duy như vậy, thì tự mình khích lệ, khiến cho tâm thanh tịnh, mà được hoan hỉ. Khéo tự điều phục nhiếp thọ. Tự an trụ ở trong Phật pháp, cũng khiến cho chúng sinh đồng được pháp này.

Bồ Tát lúc đó, lại nghĩ như vậy : Tôi từ vô thủy kiếp đến nay, an trụ ở trong sáu nẻo luân hồi, thọ tất cả khổ não, tại sao nhất thời tôi không thể nhẫn được ? Có một bài kệ rằng :

"Người ở trong đường ác đã bao nhiêu kiếp,
Thọ khổ vô ích chưa thoát khỏi được
Nay làm chút việc lành được bồ đề
Lợi lớn không nên sinh tâm thôi chuyên".

Đây là khuyên người tu nhân nhục, đừng vì một chút khổ mà nhân thọ không được. Nhân qua được chút khổ này, thì sẽ đắc được lợi ích.

Bồ Tát lại tư duy như vậy, thì tự mình khuyến khích mình, tự mình cố lệ mình. Dùng đủ thứ quán huệ để khiến cho tâm thanh tịnh. Nếu tâm thanh tịnh, thì sẽ sinh tâm hoan hỉ. Tâm của chúng ta, tại sao chẳng hoan hỉ ? Vì chẳng thanh tịnh. Tại sao chẳng thanh tịnh ? Vì có tham sân si. Ba độc này hay sinh ra phiền não, cho nên chẳng hoan hỉ. Hiện tại dùng đủ thứ trí huệ để quán sát, để suy gẫm, khiến cho mình điều phục phiền não của mình, mà khôi phục lại bản lai thanh tịnh. Như thế sẽ đắc được hoan hỉ. Đắc được hoan hỉ rồi, thì vẫn phải khéo điều phục thu nhiếp. Điều phục thu nhiếp gì ? Tức là điều phục tánh tình cương cường, nhiếp trì cảnh giới hoan hỉ. Như vậy sẽ được an ổn trụ ở trong Phật pháp, cũng khiến cho tất cả chúng sinh đồng đắc được sự thâm nhuần của Phật pháp.

Bồ Tát lại càng tư duy, thân này không tịch, không có cái ta và của ta, không có chân thật, tánh không chẳng hai. Hoặc khổ hoặc vui, đều chẳng chỗ có, vì các pháp đều không. Tôi hiểu rồi, sẽ rộng vì mọi người tuyên nói, khiến cho các chúng sinh diệt trừ sự thấy này. Cho nên nay tôi tuy gặp thống khổ độc hại, phải nên nhân thọ.

Bồ Tát lại càng tư duy tiến thêm một bước : Bỏ thân bị trăm ngàn ức Na do tha A tăng kỳ chúng sinh, dùng miệng cắn chuỗi Ngài, dùng tay đánh Ngài, rất là thống khổ, khiến cho người khó nhẫn được. Nếu quán tưởng như vậy, thì sẽ biết thân thể này vốn là giả, chẳng chân thật. Tức nhiên biết là không tịch, lại hà tất phải chấp trước ! Lục Tổ Huệ Năng có nói :

"Xưa nay không một vật
Chỗ nào dính bụi bặm" ?

Trong thân thể tìm chẳng được một cái ta. Thân thể mỗi cái đều có tên của nó, đầu có tên đầu, thân có tên thân, tay có tên tay, chân có tên chân. Cho đến mắt tai mũi lưỡi, và ngũ tạng lục phủ, đều có tên gọi của nó. Nhưng tìm chẳng được cái ta tồn tại. Tức nhiên chẳng có cái ta, vậy có cái của ta chẳng ? Đây là của ta, kia là của ta. Song, khi chết đi thì gì là của bạn ? Nếu nói thân này là ta ! Vậy bạn phải làm chủ được. Đến lúc già, tóc đừng cho nó bạc, mắt đừng cho nó loà, tai đừng cho nó điếc, răng đừng cho nó rụng. Bạn có quyền lực như thế thì mới được. Bằng không thì đừng bàn đến. Giả sử đều là của bạn, thì nên dạy sống mãi không chết, trẻ mãi không già, mặt giống như trẻ con. Tại sao đến lúc đó thì da như da gà, tóc như lông hạt ? Do đó có thể chứng minh, thân này chẳng thuộc về bạn. Nếu là của bạn thì đừng cho nó sinh bệnh, đừng cho nó chết, như thế mới được.

Thân thể của chúng ta, chẳng phải ta, cũng chẳng phải của ta. Thân thể của chúng ta giống như căn phòng, chúng ta ở trong phòng, khi phòng hư hoại (chết đi) thì phải dọn nhà (đầu thai), đi tìm cái phòng khác để ở. Vì tìm

phòng, cho nên ở trong sáu nẻo luân hồi, chuyển lại chuyển đi, vĩnh viễn không ngừng.

Chúng ta hay nói, hay ăn, hay mặc đồ, hay ngủ nghỉ, đều vì có chân như tự tánh chi phối. Tự tánh tức là Phật tánh. Vì có Phật tánh, mới có tất cả sự cử động hành vi, để chi phối thân thể này. Đừng chấp trước đây là của ta, cho nên mới nói chẳng có chân thật.

Thân thể của chúng ta là do bốn đại giả hoà hợp, khi chết đi, thì chất cứng trả về cho đất, tánh ước trả về cho nước, hơi nóng trả về cho lửa, hơi thở trả về cho gió, mỗi thứ trở về bản vị của nó, đó tức là không ! Gì cũng chẳng có, cho nên mới nói tánh không chẳng hai.

Bất cứ là thọ khổ hay thọ vui, suy gẫm sâu xa thì gì cũng chẳng có, tất cả đều không. Tại sao phải nói như vậy ? Vì các pháp vốn là không tịch. Tôi phải chân chánh minh bạch hiểu rõ đạo lý này, để vì chúng sinh rộng nói pháp này, khiến cho họ đừng có thành kiến chấp trước thân thể. Không có chấp trước tức là giải thoát.

Tôi (Bồ Tát) vì nhân duyên này, cho nên hiện tại tuy nhiên bị chúng sinh dùng miệng cắn chưởi, dùng tay đánh đập tôi. Song, tôi phải tiếp thọ sự khổ này, nhân sự khổ này. Đây là tâm trạng của Bồ Tát, bị chúng sinh nhục mạ, ngược lại thương xót chúng sinh. Tinh thần như vậy thật là vĩ đại ! Chúng ta phải học theo Bồ Tát, tha thứ cho bất cứ ai, tuyệt đối không nóng giận.

Vì từ niệm chúng sinh. Vì lợi ích chúng sinh. Vì an lạc chúng sinh. Vì thương xót chúng sinh. Vì nhiếp thọ chúng

sinh. Vì chẳng xả bỏ chúng sinh. Vì tự mình được giác ngộ. Vì khiến cho họ giác ngộ. Vì tâm chẳng thôi chuyển. Vì hướng về Phật đạo.

Tôi (Bồ Tát tu hạnh vô vi nghịch) tại sao phải nhẫn thọ sự khổ này ? Vì muốn thành tựu đạo nghiệp của tôi, vì giáo hoá chúng sinh, cho nên mới nhẫn thọ sự khổ này.

Các vị hãy nhìn xem, Bồ Tát tự mình nhẫn thọ sự khổ này, vẫn an ủi mình, tất cả phải nhẫn nại, không sinh phiền não. Từ một số người nhìn lại thì hành vi của vị Bồ Tát này là ngu si nhất. Nhưng Bồ Tát tự nhìn lại là biện pháp thông minh nhất. Một số người nhẫn không được mà Ngài nhẫn được, một số người thọ không được mà Ngài thọ được, đây thật là siêu việt hơn người, cho nên gọi là Bồ Tát.

Bồ Tát từ bi, nơi nơi đều chịu thiệt thòi, chẳng chiếm tiện nghi. Ai muốn làm Bồ Tát ? Thì trước hết phải chịu thiệt thòi, có người mắng bạn thì cho rằng là họ thiện tri thức. Có người đánh bạn, thì nên xem họ là bạn tốt. Nếu có tư tưởng như vậy thì mới có tư cách làm Bồ Tát. Ai ai cũng đều quán như thế, thì người người chẳng xung đột lẫn nhau.

Bồ Tát có mười nguyên nhân này cho nên phải nhẫn thọ :

1. Vì từ niệm tất cả chúng sinh.
2. Vì lợi ích tất cả chúng sinh.
3. Vì an lạc tất cả chúng sinh.
4. Vì thương xót tất cả chúng sinh.

5. Vì nhiếp thọ tất cả chúng sinh.
6. Vì chẳng xả bỏ tất cả chúng sinh.
7. Vì tự mình được giác ngộ.
8. Vì khiến cho họ được giác ngộ.
9. Vì tâm chẳng thối chuyển.
10. Vì hướng về Phật đạo.

Đó gọi là hạnh vô vi nghịch của đại Bồ Tát.

Các vị đệ tử của Phật ! Đây tức là hạnh vô vi nghịch thứ ba của đại Bồ Tát tu hành.

Phật tử ! Những gì là hạnh vô khuất nhiều của đại Bồ Tát ?

Đại Bồ Tát Công Đức Lâm lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Gì là hạnh vô khuất nhiều của đại Bồ Tát tu hành ? Vô khuất nhiều tức là chẳng khuất phục chẳng đầu hàng. Tuyệt đối không nói pháp môn này quá khó, không dễ gì tu hành. Hoặc cảm thấy Phật pháp quá sâu, chẳng dễ gì minh bạch, tức là không dám tu hành. Bồ Tát thì dũng mãnh tinh tấn tu hành, tuyệt đối chẳng sinh tâm thối chuyển.

Bồ Tát này tu các hạnh tinh tấn, đó là: Đệ nhất tinh tấn. Đại tinh tấn. Thắng tinh tấn. Thù thắng tinh tấn. Tối thắng tinh tấn. Tối diệu tinh tấn. Thượng tinh tấn. Vô

thượng tinh tấn. Vô đẳng tinh tấn. Phổ biến tinh tấn.

Bồ Tát tu hạnh vô khuất nhiễu, Ngài tu tập mười thứ pháp môn tinh tấn. Đó là :

1. Đệ nhất tinh tấn : Tức là ngày tinh tấn, đêm tinh tấn, thời thời khắc khắc đều tinh tấn.

2. Đại tinh tấn : Tức là thân tinh tấn, tâm tinh tấn, tối đại tinh tấn.

3. Thắng tinh tấn : Tức là tinh tấn sự lý viên dung không thể thắng.

4. Thù thắng tinh tấn : Tức là tinh tấn đặc biệt thù thắng.

5. Tối thắng tinh tấn : Tức là thắng tinh tấn trong sự tối thắng tinh tấn.

6. Tối diệu tinh tấn : Tức là tinh tấn tối vi diệu không thể nghĩ bàn.

7. Thượng tinh tấn : Tức là tinh tấn tối thượng không gì sánh bằng.

8. Tối thượng tinh tấn : Tức là thượng tinh tấn trong sự tối thượng tinh tấn.

9. Vô đẳng tinh tấn : Tinh tấn vô thượng vô đẳng không gì sánh bằng.

10. Phổ biến tinh tấn : Tức là phổ biến tu pháp môn tinh tấn.

Tự tánh chẳng có ba độ. Tự tánh chẳng kiêu mạn. Tự tánh chẳng che dấu. Tự tánh chẳng tham sển đố kỵ. Tự tánh

chẳng dối trá. Tự tánh hồ thẹn, quyết không làm não hại chúng sinh mà thực hành tinh tấn.

Trong tự tánh chẳng có tham sân si ba độc. Trong tự tánh khiêm cung hoà mục, chẳng có kiêu ngạo ngã mạn, trong tự tánh không che dấu tội nghiệp lỗi phạm. Trong tự tánh chẳng tham sên mà bố thí, chẳng đố kỵ mà đồng tình. Trong tự tánh chẳng có tư tưởng dối trá, chẳng có hành vi lừa gạt. Trong tự tánh sinh tâm đại hồ thẹn, quyết không khiến cho tất cả chúng sinh buồn phiền mà sinh phiền não. Vì nhân duyên đó, cho nên Bồ Tát tu tập pháp môn tinh tấn.

Chỉ vì dứt trừ tất cả phiền não, mà thực hành tinh tấn. Chỉ vì nhổ trừ tất cả gốc rễ mê hoặc, mà thực hành tinh tấn. Chỉ vì trừ sạch tất cả tập khí, mà thực hành tinh tấn. Chỉ vì biết tất cả chúng sinh giới, mà thực hành tinh tấn. Chỉ vì biết tất cả chúng sinh chết đây sinh kia, mà thực hành tinh tấn. Chỉ vì biết tất cả phiền não của chúng sinh, mà thực hành tinh tấn. Chỉ vì biết tất cả tâm ưa thích của chúng sinh, mà thực hành tinh tấn. Chỉ vì biết cảnh giới của tất cả chúng sinh, mà thật hành tinh

tấn. Chỉ vì biết các căn thẳng liệt của tất cả chúng sinh, mà thực hành tinh tấn. Chỉ vì biết tâm hành của tất cả chúng sinh, mà thực hành tinh tấn.

Bồ Tát chỉ vì mười nguyên nhân này, cho nên tu hành pháp môn tinh tấn :

1. Vì muốn dứt trừ tất cả phiền não.
2. Vì muốn nhổ sạch tất cả gốc rễ mê hoặc.
3. Vì muốn tiêu trừ tất cả tập khí.
4. Vì muốn biết tất cả chúng sinh.
5. Vì muốn biết tất cả chúng sinh chết nơi đây sinh nơi kia.
6. Vì muốn biết tất cả chúng sinh tại sao có phiền não ?
7. Vì muốn biết trong tâm của tất cả chúng sinh hoan hỉ những gì ?
8. Vì muốn biết hết thấy cảnh giới của tất cả chúng sinh.
9. Vì muốn biết căn tánh của tất cả chúng sinh là thẳng hay liệt.
10. Vì muốn biết trong tâm của tất cả chúng sinh nghĩ làm những gì ?

Vì mười nguyên nhân này, cho nên dũng mãnh tinh tấn tu hành, mà không giải đãi.

Chỉ vì biết tất cả pháp giới, mà thực hành tinh tấn. Chỉ vì tánh căn bản của tất cả Phật pháp, mà thực hành tinh tấn. Chỉ

vì biết tánh bình đẳng của tất cả Phật pháp, mà thực hành tinh tấn. Chỉ vì biết tánh ba đời bình đẳng, mà thực hành tinh tấn. Chỉ vì được trí quang minh của tất cả Phật pháp, mà thực hành tinh tấn. Chỉ vì chứng được trí huệ của tất cả Phật pháp, mà thực hành tinh tấn. Chỉ vì biết một thật tướng của tất cả Phật pháp, mà thực hành tinh tấn. Chỉ vì biết tất cả Phật pháp không bờ mé, mà thực hành tinh tấn. Chỉ vì đắc được trí quyết định khéo léo rộng lớn của tất cả Phật pháp, mà thực hành tinh tấn. Chỉ vì đắc được trí phân biệt diễn nói câu nghĩa tất cả Phật pháp, mà thực hành tinh tấn.

Bồ Tát lại vì mười nguyên nhân này, cho nên tu hành pháp môn tinh tấn :

1. Vì muốn biết tất cả pháp giới.
2. Vì muốn biết tánh căn bản của tất cả Phật pháp.
3. Vì muốn biết tánh bình đẳng của tất cả Phật pháp.
4. Vì muốn biết tánh ba đời là bình đẳng.
5. Vì muốn biết trí huệ quang minh của tất cả Phật pháp.
6. Vì muốn chứng được trí huệ của tất cả Phật pháp.
7. Vì muốn biết một thật tướng của tất cả Phật pháp.

8. Vì muốn biết tất cả Phật pháp không có bờ mé.

9. Vì muốn biết trí quyết định khéo léo rộng lớn của tất cả Phật pháp.

10. Vì muốn đắc được trí huệ phân biệt diễn nói câu nghĩa tất cả Phật pháp.

Bồ Tát vì mười nguyên nhân này, cho nên dùng mãnh tinh tấn tu hành, mà không giải đãi.

Phật tử ! Đại Bồ Tát thành tựu hạnh tinh tấn như vậy rồi. Nếu như có người nói: Ngài có thể vì hết thấy chúng sinh trong vô số thế giới, vì mỗi chúng sinh mà ở địa ngục A tỳ, trải qua vô số kiếp, thay thế họ thọ các sự khổ. Khiến cho các chúng sinh đó, đều được thấy vô số chư Phật, xuất hiện ra đời. Vì nhờ thấy Phật, nên thọ đầy đủ các sự an vui, cho đến vào nơi Vô Dư Niết Bàn, rồi ngài mới thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ngài có làm được chăng ? Đáp rằng : Tôi làm được.

Các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát thành tựu hạnh tinh tấn như vậy rồi. Giả sử có người đến hỏi Bồ Tát : "Ngài có thể khiến cho hết thấy chúng sinh trong vô số vô lượng thế giới không thọ thống khổ, mà cam tâm tình nguyện vào địa ngục A tỳ, trải qua thời gian vô số lượng đại kiếp, thay thế họ thọ đủ thứ sự thống khổ chăng ? Ngài

có thể khiến cho hết thảy chúng sinh, đều gặp được vô số chư Phật xuất hiện ra đời, nhờ thấy Phật nghe pháp, mà thọ đầy đủ sự an vui, cho đến hết thảy chúng sinh vào nơi Vô Dư Niết Bàn. Tất cả chúng sinh đó đều thành Phật rồi, Ngài mới thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Ngài có thể nhẫn nại thời gian lâu dài để tu pháp môn tinh tấn chăng ?"

Vị Bồ Tát này đáp : "Tôi làm được ! Đợi hết thảy chúng sinh trong địa ngục, gặp Phật nghe pháp, tu đạo thành Phật rồi, tôi mới chứng quả vị Phật".

A tỳ dịch là "vô gián", tức nghĩa là chẳng có không gian. Một người ở trong địa ngục này cũng đầy. Vạn người ở trong địa ngục này cũng đầy. Tóm lại, một người cũng cảm thấy chật hẹp, vạn người cũng cảm thấy chật hẹp. Lại có lời nói, nghĩa là chẳng có gián đoạn. Từ khi bắt đầu vào trong địa ngục này, thọ khổ không có lúc nào gián đoạn, cho nên gọi là địa ngục vô gián.

Giả sử lại có người nói như vậy : Có vô lượng A tăng kỳ biển lớn, Ngài nên dùng đầu sợi lông chấm nước biển cho cạn sạch. Có vô lượng thế giới, mài hết làm thành bụi. Số giọt nước và bụi đó đều biết được số lượng. Vì chúng sinh mà trải qua số kiếp như số giọt nước và hạt bụi đó. Ở trong niệm niệm, thọ khổ không gián đoạn. Bồ Tát chẳng vì nghe những lời này, mà sinh một tâm niệm hồi hận. Chỉ càng tăng

thêm hoan hỷ vui mừng : Tôi rất may mắn, được lợi lành lớn, nhờ sức của tôi mà khiến cho những chúng sinh đó, vĩnh viễn thoát khỏi các sự khổ.

Lại có người đến hỏi Bồ Tát như vậy : "Có vô lượng A tăng kỳ biển lớn, Ngài dùng một đầu sợi lông chাম nước biển lớn, khiến cho biển lớn cạn sạch. Lại có vô lượng A tăng kỳ thế giới, đem nghiền nát hết thành bụi. Những biển lớn đó có bao nhiêu giọt nước ? Những hạt bụi đó có bao nhiêu hạt ? Ngài phải đếm rõ số mục chính xác có bao nhiêu. Vì giáo hoá chúng sinh, mà trải qua thời gian số kiếp nhiều như số giọt nước biển và số hạt bụi đó. Ở trong niệm niệm đều thọ khổ không gián đoạn, Ngài có thể nhận thọ chăng ?" Bồ Tát chẳng vì những lời nói đó mà sinh một tâm niệm hối hận, ngược lại càng tăng thêm hoan hỷ vui mừng. Rất là may mắn, đắc được lợi lành lớn. Nhờ sức lực của tôi mà khiến cho chúng sinh thọ khổ ở trong địa ngục, vĩnh viễn được được thoát khỏi tất cả các sự khổ, đắc được tất cả sự an vui.

Bồ Tát dùng những phương tiện thực hành đó, ở trong tất cả thế giới, khiến cho tất cả chúng sinh, cho đến được rốt ráo Vô Dư Niết Bàn.

Bồ Tát tu hạnh vô khuất nhiều, dùng phương tiện thực hành đó, ở trong tất cả thế giới, khiến cho tất cả chúng

sinh tương lai thấy đều đắc được rốt ráo Vô Dư Niết Bàn, nghĩa là thành Phật.

Đó là hạnh vô khuất nhiễm thứ tư của đại Bồ Tát.

Các vị đệ tử của Phật ! Đây tức là hạnh vô khuất nhiễm thứ tư của đại Bồ Tát tu hành.

Phật tử ! Những gì là hạnh lìa si loạn của đại Bồ Tát ?

Đại Bồ Tát Công Đức Lâm lại gọi một tiếng đệ tử của Phật ! Gì là hạnh lìa si loạn của đại Bồ Tát tu hành ? Si tức là ngu si, loạn tức là tán loạn. Vì ngu si, cho nên tán loạn. Chẳng si thì chẳng có vô minh, chẳng loạn thì có định lực. Chẳng có vô minh, thì chẳng làm việc ngu si. Chẳng tán loạn, thì thường ở trong định. Cho nên Bồ Tát phải tu hạnh môn lìa khỏi ngu si tán loạn, tức cũng là thiên định.

Bồ Tát này thành tựu chánh niệm, tâm chẳng tán loạn, kiên cố chẳng động, thanh tịnh tối thượng, rộng lớn vô lượng, chẳng có mê hoặc.

Vị Bồ Tát này, thời thời khắc khắc thành tựu chánh niệm (chánh định). Vì có chánh định, cho nên tâm chẳng tán loạn. Tức cũng là chẳng khởi vọng tưởng, cũng chẳng điên đảo. Định lực kiên cố chẳng giao động. Thường ở trong định, đắc được thanh tịnh vô thượng. Trong tâm

chẳng có kiến hoặc (hoặc thấy), tư hoặc (hoặc suy nghĩ), trần sa hoặc (hoặc các bụi). Kiến hoặc tức là thấy cảnh giới, thì bị cảnh giới mê hoặc. Mắt chuyển theo sắc trần, cho đến ý chuyển theo pháp trần, do đó : "Đôi cảnh khởi tham ái". Tư hoặc tức là suy nghĩ khởi mê hoặc, đối với lý luận chẳng phân rõ ràng, do đó : "Mê lý khởi phân biệt". Trần sa hoặc tức là trong tâm vọng tưởng, nhiều như các bụi, vì như vậy thì chẳng thanh tịnh. Hiện tại dứt sạch ba hoặc, cho nên đắc được thanh tịnh vô thượng. Nếu có cảnh giới rộng lớn vô biên tận hư không khắp pháp giới như vậy, cũng chẳng sinh mê hoặc.

Vì nhờ chánh niệm, nên khéo hiểu tất cả ngôn ngữ thế gian. Hay thọ trì các pháp lời nói xuất thế gian.

Bồ Tát vì có chánh niệm, cho nên khéo hiểu tất cả ngôn ngữ thế gian. Hay thọ trì tất cả pháp môn tu hành và lời nói xuất thế gian.

Đó là: Hay thọ trì lời nói sắc pháp chẳng phải sắc pháp. Hay thọ trì lời nói kiến lập sắc tự tánh, cho đến hay thọ trì lời nói kiến lập thọ tướng hành thức tự tánh, tâm chẳng si loạn.

Tất cả lời nói, tức là lời nói hay trì sắc pháp và chẳng phải sắc tâm pháp. Phạm là có chất ngại là sắc, chẳng có chất ngại là tâm. Tóm lại, có hình tướng là sắc, không hình

tướng là tâm. Song, hay trì kiến lập có hình tướng sắc pháp, cho đến hay trì kiến lập không hình tướng thọ tướng hành thức pháp, mà tâm chẳng ngu si và tán loạn.

Ở trong thế gian, chết đây sinh kia, tâm chẳng si loạn. Nhập thai xuất thai, tâm chẳng si loạn. Phát tâm Bồ đề, tâm chẳng si loạn. Phụng sự thiện tri thức, tâm chẳng si loạn. Siêng tu Phật pháp, tâm chẳng si loạn. Giác biết việc ma, tâm chẳng si loạn. Lìa các ma nghiệp, tâm chẳng si loạn. Nơi bất khả thuyết kiếp, tu hạnh Bồ Tát, tâm chẳng si loạn.

Bồ Tát ở trong thế gian, chết ở đây lại sinh về kia. Sinh sinh chết chết, chết chết sinh sinh, chẳng bị sinh tử lay chuyển. Tại sao ? Vì tâm chẳng ngu si và tán loạn, cho nên chẳng điên đảo. Bồ Tát nhập thai xuất thai, tâm chẳng si loạn.

Nhập thai có bốn thứ :

1. Chuyển Luân Thánh Vương nhập thai, hay dùng chánh tri nhập thai, nhưng chẳng biết làm thế nào để trụ thai, làm thế nào để xuất thai ?

2. Bạc Duyên Giác nhập thai, hay dùng chánh tri nhập thai, chánh tri trụ thai, nhưng chẳng biết làm thế nào để xuất thai ?

3. Bồ Tát nhập thai, hay dùng chánh tri nhập thai, chánh tri trụ thai, chánh tri xuất thai, hoàn toàn đều minh bạch.

4. Phàm phu nhập thai, bất tri nhập thai, bất tri trụ thai, bất tri xuất thai, hoàn toàn đều chẳng biết.

Khi Chuyển Pháp Luân trụ thai, thì cảm thấy giống như ở nhà cầu, rất dơ bẩn. Khi bậc Duyên Giác trụ thai, thì cảm thấy giống như ở trong nhà, rất thoải mái. Khi Bồ Tát trụ thai, thì cảm thấy giống như ở tại vườn hoa rừng cây, rất thanh tịnh. Khi phàm phu trụ thai, thì cảm thấy giống như ở trong đên tối, gì cũng chẳng biết.

Khi Bồ Tát phát tâm bồ đề, thì chẳng có nhân duyên chướng đạo, chẳng có tư tưởng si loạn. Khi phụng sự thiện tri thức thì tâm chẳng si loạn. Chân chánh thiện tri thức mắt sáng chẳng dễ gì thấy được. Nếu gặp thiện tri thức thì phải thật tâm lại gần gũi, lại cúng dường, lại thừa sự, đối với thiện tri thức phải tất cung tất kính, tâm chẳng si loạn. Siêng tu Phật pháp thì y giáo phụng hành. Phật pháp sâu như biển cả, phải dũng mãnh tinh tấn, siêng năng tu tập, thì mới có sự thành tựu. Tâm chẳng si loạn thì chẳng điên đảo, phải giác biết tất cả việc ma. Ma có bốn thứ :

1. Thiên ma.
2. Ngũ âm ma.
3. Phiền não ma.
4. Tử ma.

Nếu việc đầu tiên giác biết là cảnh giới ma, thì tâm chẳng có ngu si và tán loạn, chẳng bị cảnh giới làm lay chuyển. Chẳng những biết được tất cả việc ma, mà còn phải liả khỏi các ma nghiệp tạo ra, trong tâm chẳng si loạn.

Trong thời gian bất khả thuyết kiếp tu hành Bồ Tát hạnh, tâm chẳng si loạn.

Bồ Tát này thành tựu vô lượng chánh niệm như vậy. Ở trong vô lượng A tăng kỳ kiếp, từ chỗ chư Phật, Bồ Tát, thiện tri thức, lắng nghe chánh pháp. Đó là: Pháp thâm sâu. Pháp rộng lớn. Pháp trang nghiêm. Pháp đủ thứ sự trang nghiêm. Pháp diễn nói đủ thứ tên câu văn thân. Pháp Bồ Tát trang nghiêm. Pháp Phật thần lực quang minh vô thượng. Pháp chánh hy vọng quyết định giải thanh tịnh. Pháp chẳng chấp trước tất cả thế gian. Pháp phân biệt tất cả thế gian. Pháp rất rộng lớn. Pháp lìa si mê chiếu rõ tất cả chúng sinh. Pháp tất cả thế gian cộng pháp bất cộng pháp. Pháp Bồ Tát trí vô thượng. Pháp nhất thiết trí tự tại.

Bồ Tát tu hạnh lìa si loạn, Ngài hay thành tựu vô lượng chánh niệm. Ở trong vô lượng A tăng kỳ kiếp, từ chỗ chư Phật, Bồ Tát, hoặc thiện tri thức, lắng nghe mười lăm thứ chánh pháp, đó là :

1. Pháp thâm sâu : Tức là lý thể chứng được, đại phân nghĩa thâm sâu.

2. Pháp rộng lớn : Tức là pháp thể nghiệp dụng.
3. Pháp trang nghiêm : Tức là pháp đầy đủ đức tướng.
4. Pháp đủ thứ sự trang nghiêm : Tức là pháp một đủ tất cả.
5. Pháp diễn nói đủ thứ tên câu văn thân : Tức là đủ thứ danh từ, đủ thứ lời câu, đủ thứ Kinh văn. Bồ Tát đều diễn nói pháp này.
6. Pháp Bồ Tát trang nghiêm : Đây là hành pháp, vì nhờ nhân nghiêm quả.
7. Pháp Phật thân lực quang minh vô thượng : Đây là quả pháp, chứng được pháp vô thượng của Phật.
8. Pháp chánh hy vọng quyết định giải thanh tịnh : Tức là pháp dứt hai chướng, tức là sơ địa đại nguyện.
9. Pháp chẳng chấp trước tất cả thế gian : Tức là căn bản trí.
10. Pháp phân biệt tất cả thế gian : Tức là hậu đắc trí, hai thông này đến thất địa.
11. Pháp rất rộng lớn : Tức là chứng pháp nhẫn thâm sâu như pháp giới, tức là pháp bát địa.
12. Pháp lia si mê chiếu rõ tất cả chúng sinh : Tức là bậc pháp sư, rõ vật cơ, tức là pháp cửu địa.
13. Pháp tất cả thế gian cộng pháp bất cộng pháp : Cộng pháp tức là pháp chúng sinh, bất cộng pháp tức là pháp chư Phật, tức là pháp thập địa.
14. Pháp Bồ Tát trí vô thượng : Tức là trí đẳng giác.
15. Pháp nhất thiết trí tự tại : Tức là trí Như Lai.

Bồ Tát lắng nghe pháp như vậy rồi, trải qua A tăng kỳ kiếp, chẳng quên, chẳng

mất, tâm thường nghĩ nhớ, chẳng có gián đoạn.

Bồ Tát tu hạnh lìa si loạn, lắng nghe đại Bồ Tát Công Đức Lâm nói mười lăm pháp như vậy rồi, trải qua A tăng kỳ kiếp thời gian, cũng chẳng quên một pháp, hoặc mất đi một pháp. Thường nghĩ nhớ pháp này ở trong tâm, chẳng có khi nào gián đoạn.

Tại sao ? Vì khi đại Bồ Tát ở trong vô lượng kiếp tu các hạnh, thì quyết không nào loạn một chúng sinh, khiến cho họ mất chánh niệm. Chẳng phá hoại chánh pháp, chẳng dứt căn lành, tâm thường tăng trưởng trí huệ rộng lớn.

Là nguyên nhân gì ? Vì đại Bồ Tát trong vô lượng kiếp tu hạnh Bồ Tát, thì không bao giờ nào loạn một chúng sinh nào, khiến cho họ mất đi chánh niệm, cũng chẳng phá hoại chánh pháp, mà thường bảo hộ chánh pháp. Chẳng những chẳng dứt căn lành của mình, mà cũng chẳng khiến cho kẻ khác dứt căn lành. Trong tâm thường tăng trưởng trí huệ rộng lớn.

Có người muốn xuất gia, nếu khuyên họ đừng xuất gia, thì đây là khiến cho họ mất đi tâm bồ đề, dứt căn lành của họ, đây là sai nhân quả, tương lai phải đọa vào địa ngục vô gián, thọ tội nghiệp không kỳ hạn. Có người chẳng phát tâm bồ đề, thì nên tìm cách khuyên họ pháp tâm bồ

đề, đây là trực tiếp trợ giúp họ thành Phật đạo, tức cũng là gián tiếp trợ giúp mình thành Phật đạo.

Lại nữa, đại Bồ Tát này, đủ thứ âm thanh cũng không thể mê hoặc tán loạn Ngài được. Đó là: Âm thanh cao lớn. Âm thanh thô trực. Âm thanh cực kỳ khiến cho người sợ hãi. Âm thanh vừa ý. Âm thanh chẳng vừa ý. Âm thanh làm loạn căn tai. Âm thanh phá hoại sáu căn.

Lại nói tiếp, vị đại Bồ Tát này, bất cứ âm thanh gì, cũng không thể khiến cho tâm của Ngài tán loạn mê hoặc. Những âm thanh này gồm có bảy thứ :

1. Âm thanh cao lớn.
2. Âm thanh thô trực.
3. Âm thanh khiến cho người rất sợ hãi.
4. Âm thanh khiến cho người rất vừa ý.
5. Âm thanh khiến cho người chẳng vừa ý.
6. Âm thanh râm rì làm loạn căn tai.
7. Âm thanh ngăn trở pháp hoại căn tai.

Bảy thứ âm thanh này, một số người nghe thì tâm ý sẽ phiền não tán loạn. Song, Bồ Tát nghe thì tâm chẳng tán loạn. Tại sao ? Vì Bồ Tát tu pháp môn lục độ, đặc được thọ dụng chánh định, chẳng bị cảnh giới lay chuyển.

Bồ Tát này, nghe vô lượng vô số âm thanh hay dở như vậy. Giả sử đầy khắp A

tăng kỳ thế giới, chưa từng có một tâm niệm tán loạn. Đó là: Chánh niệm chẳng loạn. Cảnh giới chẳng loạn. Tam muội chẳng loạn. Vào pháp thâm sâu chẳng loạn. Thực hành hạnh bồ đề chẳng loạn. Phát tâm bồ đề chẳng loạn. Nghĩ nhớ chư Phật chẳng loạn. Quán pháp chân thật chẳng loạn. Giáo hoá trí huệ chúng sinh chẳng loạn. Thanh tịnh trí huệ chúng sinh chẳng loạn. Quyết định thấu rõ nghĩa thâm sâu chẳng loạn.

Vị Bồ Tát này tu hạnh lìa si loạn, Ngài nghe vô lượng vô số âm thanh hay, hoặc âm thanh dở, như đã nói ở trước. Giả sử, đây đây A tăng kỳ thế giới, nhưng Ngài chưa từng ở trong một niệm có sự tán loạn. Thường có chánh niệm nên tâm chẳng loạn. Gặp được cảnh giới mà tâm chẳng loạn. Khi vào tam muội mà tâm chẳng loạn. Vào pháp thâm sâu mà tâm chẳng loạn. Khi hành Bồ Tát hạnh mà tâm chẳng loạn. Khi phát tâm bồ đề mà tâm chẳng loạn. Khi nghĩ nhớ chư Phật mà tâm chẳng loạn. Quán sát pháp chân thật mà tâm chẳng loạn. Giáo hoá trí huệ chúng sinh mà tâm chẳng loạn. Thanh tịnh trí huệ chúng sinh mà tâm chẳng loạn. Quyết định hiểu rõ nghĩa lý thâm sâu tâm chẳng tán loạn.

Vì chẳng làm nghiệp ác, nên chẳng có nghiệp chướng. Vì chẳng khởi phiền não, nên chẳng có phiền não chướng. Vì chẳng khinh mạn pháp, nên chẳng có pháp chướng. Vì chẳng phỉ báng chánh pháp, nên chẳng có báo chướng.

Vì chẳng làm nghiệp ác, cho nên chẳng có nghiệp ác chướng ngại. Vì chẳng khởi phiền não, cho nên chẳng có phiền não chướng ngại. Vì chẳng khinh mạn tất cả pháp, cho nên chẳng có chướng ngại tất cả pháp. Vì chẳng phỉ báng tất cả chánh pháp, cho nên chẳng có tất cả quả báo chướng ngại.

Phật tử ! Các âm thanh như đã nói ở trên, mỗi âm thanh đầy khắp A tăng kỳ thế giới. Nơi vô lượng vô số kiếp, chưa từng gián đoạn. Đều có thể huỷ hoại tán loạn thân tâm tất cả các căn, mà không thể nào huỷ hoại tâm của Bồ Tát này.

Các vị đệ tử của Phật ! Như các âm thanh đã nói ở trên, mỗi âm thanh đầy khắp A tăng kỳ thế giới, ở trong vô lượng vô số kiếp, chưa từng có lúc nào gián đoạn. Âm thanh đó, có thể huỷ hoại thân tâm của tất cả chúng sinh, làm tán loạn tất cả các căn, nhưng không thể nào huỷ hoại tán loạn tâm của vị Bồ Tát này.

Bồ Tát vào trong tam muội, trụ nơi Thánh pháp, suy gẫm quán sát, tất cả âm thanh. Khéo biết tướng sinh trụ diệt của âm thanh. Khéo biết tánh sinh trụ diệt của âm thanh.

Vị Bồ Tát này tu hạnh lìa si loạn, vào trong chánh định chánh thọ, trụ ở trong thiền định Thánh pháp. Dùng sự suy gẫm để quán sát tất cả âm thanh. Khéo biết tất cả âm thanh đều là không, chẳng có tướng sinh, chẳng có tướng trụ, chẳng có tướng diệt. Do đó :

"Nhân duyên các pháp sinh
Ta nói tức là không".

Lại khéo biết tất cả âm thanh, sinh như thế nào ? Trụ như thế nào ? Diệt như thế nào ? Điều là vô thường, hư vọng không thật, cho nên chẳng có thể tánh.

Nghe như vậy rồi, chẳng sinh tâm tham, chẳng khởi tâm sân, chẳng mất chánh niệm. Khéo thủ lấy tướng mà chẳng nhiễm trước.

Vị Bồ Tát này nghe Bồ Tát Công Đức Lâm nói những tướng sinh trụ diệt và tánh sinh trụ diệt của âm thanh rồi, đối với tất cả âm thanh chẳng sinh tâm tham, tức cũng là chẳng lưu ý đến thanh trần, chẳng khởi tâm sân, chẳng mất chánh niệm. Bồ Tát minh bạch tất cả tướng âm thanh, đều là hư vọng không thật, cho nên chẳng nhiễm

trước thanh trần, chẳng nhiệm trước tức là chẳng tham luyến. Tức nhiên chẳng nhiệm trước, thì biết tất cả âm thanh chẳng có thật thể, như huyền như hoá.

Biết tất cả âm thanh đều chẳng chỗ có. Thật không thể được, chẳng có kẻ làm, cũng chẳng có bản thể, đồng với pháp giới, chẳng có khác biệt.

Tại sao Bồ Tát chẳng chấp trước tất cả thanh trần ? Chẳng bị thanh trần lay chuyển ? Vì Bồ Tát biết tất cả âm thanh, đều chẳng chỗ có, chẳng có một thật thể của âm thanh, tìm nguồn gốc của âm thanh thật không thể được. Vì là không, cũng chẳng có người làm ra âm thanh này, âm thanh cũng chẳng có bản thể. Tuy nhiên là không, nhưng tận hư không khắp pháp giới. Vì đồng với pháp giới, cho nên chẳng có phân biệt.

Bồ Tát thành tựu hạnh thân lời ý vắng lặng như vậy, đến nhất thiết trí, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển. Khéo vào tất cả các môn thiên định. Biết các tam muội đồng một thể tánh. Thấu rõ tất cả pháp chẳng có bờ mé. Đắc được tất cả pháp chân thật trí huệ. Đắc được tam muội lìa âm thanh thâm sâu. Đắc được A tạng kỳ các môn tam

muội. Tăng trưởng tâm bi rộng lớn vô lượng.

Vị Bồ Tát này, Ngài thành tựu hạnh thân lời ý thanh tịnh vắng lặng như vậy, mới đắc được bậc nhất thiết trí. Vĩnh viễn tinh tấn hướng về trước, chẳng thối lùi về sau. Cho nên khéo vào hết thảy các môn thiền định, biết rõ tất cả tam muội đều đồng một thể tánh. Do đó :

"Một tam muội tức tất cả tam muội
Tất cả tam muội tức một tam muội".

Lại minh bạch tất cả các pháp chẳng có bờ mé. Vì chiếu rõ các pháp thật tướng, cho nên đắc được trí huệ tất cả pháp chân thật. Lại đắc được định lực tức âm thanh lia âm thanh thâm sâu, lại đắc được vô lượng vô số pháp môn định lực. Tăng trưởng tâm bi rộng lớn vô lượng vô số.

Bấy giờ, Bồ Tát ở trong một niệm, đắc được vô số trăm ngàn tam muội. Nghe âm thanh như vậy, tâm chẳng mê hoặc tán loạn. Khiến cho những tam muội đó, dần dần càng tăng thêm rộng lớn.

Lúc đó, vị Bồ Tát này đã đắc được định lực thâm sâu, pháp môn rộng lớn. Cho nên ở trong một niệm, chứng được vô số trăm ngàn cảnh giới tam muội. Nghe được những âm thanh ở trên, tâm chẳng bị thanh trần lay động. Khiến cho tam muội đắc được dần dần càng tăng thêm rộng lớn.

Bèn nghĩ như vậy : Tôi sẽ khiến cho tất cả chúng sinh, an trụ trong chánh niệm thanh tịnh vô thượng. Nơi nhất thiết trí, đắc được chẳng thối chuyển. Rốt ráo thành tựu Vô Dư Niết Bàn.

Vị Bồ Tát này, cũng nghĩ như vậy : Tôi sẽ giáo hoá tất cả chúng sinh, dùng pháp môn phương tiện khéo léo, để khiến cho tất cả chúng sinh an trụ ở trong chánh niệm vô thượng bồ đề thanh tịnh, đắc được nhất thiết trí huệ của Phật, đắc được quả vị vĩnh viễn chẳng thối chuyển, tương lai rốt ráo thành tựu Vô Dư Niết Bàn.

Đó là hạnh lìa si loạn thứ năm của đại Bồ Tát.

Bồ Tát Công Đức Lâm nói : Đây là hạnh lìa si loạn thứ năm của đại Bồ Tát tu hành.

Phật tử ! Những gì là hạnh thiện hiện của đại Bồ Tát ?

Đại Bồ Tát Công Đức Lâm lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Gì là hạnh thiện hiện của đại Bồ Tát tu hành ? Tức cũng là pháp môn Bát Nhã trong lục độ. Bát Nhã dịch là trí huệ. Trong Luận Du Già có nói về ba thứ trí huệ :

1. Hay biết chân thật, tùy giác thông đạt huệ.
2. Hay như thuyết nơi ngũ minh và trong tam tụ, quyết định thiện xảo huệ.

3. Hay làm tất cả hữu tình nghĩa lợi huệ.

Ở trong Nhiếp Luận cũng có ba thứ huệ :

1. Vô phân biệt gia hạnh huệ.
2. Vô phân biệt căn bốn huệ.
3. Vô phân biệt hậu đắc huệ.

Lỗi khác lại nói có:

1. Văn tự Bát Nhã.
2. Quán chiếu Bát Nhã.
3. Thật tướng Bát Nhã.

Bồ Tát này thân nghiệp thanh tịnh, lời nghiệp thanh tịnh, ý nghiệp thanh tịnh. Trụ chẳng chỗ được, thị hiện không chỗ được thân lời ý nghiệp. Biết được ba nghiệp đều chẳng chỗ có, vì không hư vọng, nên chẳng có ràng buộc. Phạm là những gì thị hiện ra đều không có tánh, không có nương tựa.

Vị Bồ Tát này tu hạnh thiện hiện, thân nghiệp cũng thanh tịnh, chẳng có hành vi sát sinh, trộm cắp, tà dâm, ba điều ác. Lời nghiệp cũng thanh tịnh, chẳng có nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, chưởi mắng, bốn điều ác. Ý nghiệp cũng thanh tịnh, chẳng có tư tưởng tham, sân, si, ba điều ác.

Các vị ! Phải hồi quang phản chiếu nghĩ xem, thân nghiệp của mình có thanh tịnh chẳng ? Có sát sinh chẳng ? Nếu như có con muỗi đến chích bạn, bạn có dùng tay đập

nó chết không ? Hoặc có con kiến đến ăn mật đường của bạn, bạn có giết nó chết chẳng ? Hoặc những con sâu bọ khác, bạn có làm nó chết chẳng ? Phải biết rằng người thọ giới, phải giữ gìn giới luật, không được giết hại. Nếu đập chết một con muỗi, hoặc đập chết con kiến, đó là phạm tội sát sinh, đòi sau quả báo không thể lường được. Phạm là Phật tử thọ năm giới, không những chẳng sát sinh, mà ngược lại phải phóng sinh. Tóm lại, phải bảo vệ sinh mạng của tất cả chúng sinh. Hãy xem chúng kiếp trước, hoặc nhiều đời là lục thân quyến thuộc, quán tưởng như vậy, thì sẽ sinh tâm đồng tình thương mến bảo vệ. Cũng chẳng phạm giới sát sinh, càng không phạm giới dâm. Nếu không cẩn thận mà đã phạm thì mau ra trước bàn Phật kiền thành sám hối, bằng không thì sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

Lại phản tỉnh lời nghiệp của mình có thanh tịnh chẳng ? Có nói dối chẳng ? Có nói thêu dệt, nói hai lưỡi, chưởi mắng chẳng ? Nếu có thì phải sửa đổi, nếu không có thì miễn. Tóm lại, không được tạo nghiệp miệng. Nếu phạm nghiệp miệng, thì sẽ đọa vào địa ngục cắt lưỡi, đây chẳng phải là uy hiếp, bắt quá con mắt phạm phu của chúng ta nhìn chẳng thấy mà thôi. Nếu khai mở ngũ nhãn, thì những cảnh giới này sẽ quán sát thấy rất rõ ràng, sẽ biết tuyệt đối chẳng phải là lời uy hiếp.

Đôi với ý nghiệp có thanh tịnh chẳng ? Cũng phải suy gẫm tỉ mỉ. Trong tâm có tâm tham chẳng ? Có tâm sân, tâm si chẳng ? Vì có tâm ba độc này, thì khiến cho con người thọ sinh tử trong luân hồi, chẳng được giải thoát. Cho nên phải học tập hạnh thiện hiện của Bồ Tát, chẳng sinh tâm tham, tâm sân, tâm si. Chúng ta phải kiểm thảo

thân, lời, ý, ba nghiệp của mình, có thanh tịnh triệt để chẳng? Nếu thanh tịnh thì tu đạo mới có sự thành tựu.

Sở trụ không chỗ được, tức cũng là chẳng có tham sân si. Cũng có thể thị hiện không chỗ được thân lời ý ba nghiệp. Biết được ba nghiệp thanh tịnh đều không chỗ có. Vì chẳng có hư vọng, cho nên chẳng có sự ràng buộc ba nghiệp. Phạm là sự thị hiện đều là hành sở vô sự, cũng chẳng có tánh, cũng chẳng có nương tựa.

Trụ tâm như thật, biết tự tánh vô lượng tâm, biết tự tánh tất cả pháp, không đắc không tướng, thâm sâu khó vào. Trụ nơi chánh vị chân như pháp tánh, phương tiện sinh ra mà không có nghiệp báo. Chẳng sinh chẳng diệt. Trụ Niết Bàn giới, trụ tánh vắng lặng, trụ nơi tánh chân thật không tánh. Đường lời lẽ dứt bặt, vượt khỏi các thế gian, không có chỗ nương tựa.

Trụ nơi tâm chân như thật tướng, biết tự tánh của vô lượng tâm, biết tự tánh của tất cả pháp, chẳng có chỗ được, chẳng có một tướng, minh bạch pháp này thâm sâu khó vào được.

Trụ nơi pháp tánh chánh vị chân như thật tướng, sinh ra tất cả pháp môn phương tiện, cũng chẳng có nghiệp, cũng chẳng có báo. Vì như huyễn như hoá, không chỗ có, cho nên không sinh không diệt.

Trụ nơi Niết Bàn giới, trụ nơi tánh vắng lặng, trụ nơi thật tướng lý thể, đó là tánh của vô tánh. Tại chỗ này, chẳng có lời lẽ để nói. Đường lời cũng đã đứt bậc, chỗ tâm tướng hành cũng chẳng còn nữa. Đã vượt khỏi thế gian, chẳng có chỗ nương tựa.

Nhập vào pháp lìa khỏi sự phân biệt chẳng ràng buộc. Nhập vào pháp tối thắng trí chân thật. Nhập vào pháp chẳng phải chỗ các thế gian biết rõ được pháp xuất thế gian. Đây là Bồ Tát phương tiện khéo léo thị hiện sinh tướng.

Nhập vào bản thể của pháp, lìa khỏi phân biệt, chẳng có pháp ràng buộc. Lại nhập vào pháp tối thù thắng chân thật. Lại nhập vào pháp chẳng phải chỗ các thế gian tất cả chúng sinh minh bạch được pháp xuất thế gian. Đạo lý này là Bồ Tát phương tiện khéo léo thị hiện sinh tướng.

Phật tử ! Bồ Tát này bèn nghĩ như vậy: Tất cả chúng sinh, không tánh làm tánh. Tất cả các pháp, vô vi làm tánh. Tất cả cõi nước, không tướng làm tướng. Tất cả ba đời, chỉ có lời nói. Tất cả lời nói, ở trong các pháp, không có chỗ nương. Tất cả các pháp, ở trong lời nói, cũng không chỗ nương.

Bồ Tát Công Đức Lâm lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Vị Bồ Tát này bèn nghĩ như vậy : Tất cả chúng sinh là do bốn đại giả hoà hợp mà thành, chẳng có tự tánh làm tự tánh của nó. Tất cả các pháp vốn là vắng lặng, là vô vi mà vô bất vi, cho nên vô vi làm tánh. Tất cả cõi nước vốn là không tướng, vì nghiệp lực của chúng sinh mà hiện tướng. Tất cả ba đời chỉ có giả danh, chỉ có lời nói. Tất cả lời nói, ở trong tất cả các pháp, chẳng có một chỗ nương tựa chân thật. Hết thấy tất cả các pháp, ở trong tất cả lời nói, cũng chẳng có một vật chân thật có thể tìm được.

Bồ Tát hiểu tất cả pháp như vậy, thấy đều thâm sâu. Tất cả thế gian thấy đều vắng lặng. Tất cả Phật pháp không chỗ tăng giảm. Phật pháp chẳng khác pháp thế gian. Pháp thế gian chẳng khác Phật pháp. Phật pháp, thế gian pháp chẳng có tạp loạn, cũng chẳng có khác biệt. Biết rõ pháp giới thể tánh bình đẳng, vào khắp ba đời.

Bồ Tát thấy tất cả các pháp là không, là giả, tất cả chẳng chấp trước. Như vậy mới thấu rõ đạo lý của tất cả các pháp, đều là pháp vi diệu thâm sâu vô thượng. Lại thấu rõ tất cả thế gian đều là vắng lặng, lại minh bạch tất cả Phật pháp chẳng có tăng, chẳng có giảm. Phật pháp tức là pháp thế gian, pháp thế gian cũng là Phật pháp. Cho nên Lục Tổ Huệ Năng có nói :

"Phật pháp tại thế gian

Chẳng lia thể gian giác
Lìa thể cầu bồ đề
Ví như tìm sừng thỏ".

Tức cũng là đạo lý này. Cho nên Phật pháp và thể gian pháp cũng chẳng hai. Khi minh bạch tức là Phật pháp. Khi chẳng minh bạch, tức là pháp thể gian. Nếu minh bạch thì pháp tại thể gian cũng là pháp xuất thể gian, chứ chẳng phải lìa khỏi pháp thể gian riêng ngoài có Phật pháp. Phật pháp và thể gian pháp, tuy nhiên chẳng tức chẳng lìa, nhưng có điều có vắn, cùng nhau chẳng chướng ngại, cùng nhau chẳng tạp loạn, cũng chẳng có gì phân biệt. Bồ Tát thấu hiểu biết rõ thể tánh của Pháp giới là bình đẳng, khắp vào đời quá khứ, khắp vào đời vị lai, khắp vào đời hiện tại.

**Vĩnh viễn chẳng xả lìa tâm đại bồ đề.
Luôn luôn chẳng thôi chuyển tâm giáo hoá
chúng sinh. Dần dần càng tăng trưởng tâm
đại bi. Làm chỗ nương tựa cho tất cả
chúng sinh.**

Bồ Tát vĩnh viễn chẳng xả lìa tâm đại bồ đề, mà bảo vệ tâm đại bồ đề. Luôn luôn tồn tại tâm giáo hoá chúng sinh. Tức cũng là giảng Kinh thuyết pháp giáo hoá chúng sinh. Càng ngày càng tăng trưởng tâm đại bi, có tăng không giảm. Bồ Tát làm chỗ nương tựa cho tất cả chúng sinh.

**Bấy giờ, Bồ Tát lại nghĩ như vậy : Tôi
chẳng thành thực chúng sinh, thì ai sẽ**

thành thực ? Tôi chẳng điều phục chúng sinh, thì ai sẽ điều phục ? Tôi chẳng giáo hoá chúng sinh, thì ai sẽ giáo hoá ? Tôi chẳng giác ngộ chúng sinh, thì ai sẽ giác ngộ ? Tôi chẳng thanh tịnh chúng sinh, thì ai sẽ thanh tịnh ? Những điều này tôi nói, là tôi phải làm.

Vì Bồ Tát này tu hạnh thiện hiện, lúc đó Ngài lại nghĩ như vậy : Tôi chẳng khiến cho chúng sinh thành thực, thì ai có thể khiến cho chúng sinh thành thực? Thành thực chúng sinh là trách nhiệm của tôi, tôi phải làm việc thành thực chúng sinh. Tôi chẳng điều phục chúng sinh, thì ai sẽ điều phục ? Trách nhiệm của tôi là điều phục chúng sinh càng cường, khiến cho chúng sinh càng cường, xả bỏ càng cường, cải tà quy chánh. Tôi chẳng giáo hoá chúng sinh, thì ai sẽ giáo hoá ? Bổn phận của tôi là phải giáo hoá chúng sinh. Tôi chẳng giác ngộ chúng sinh, thì ai sẽ giác ngộ ? Tất cả chúng sinh đều ở trong biển khổ đen tối, tôi phải khiến cho chúng sinh sớm giác ngộ, phá vô minh hiển pháp tánh, lia các sự khổ đắc đượ các điều vui. Tôi chẳng thanh tịnh chúng sinh, thì ai sẽ thanh tịnh ? Tôi phải dùng pháp môn phương tiện khéo léo, khiến cho chúng sinh ở trong đời ác năm trược, khôi phục lại nguồn gốc thanh tịnh, diệu chân như tánh, đắc đượ thanh tịnh. Những điều này là trách nhiệm của tôi, tôi phải làm.

Lại nghĩ như vậy : Nếu tôi tự hiểu pháp thâm sâu này, thì chỉ mình tôi nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đắc được giải thoát, mà các chúng sinh mù tối không mắt, vào con đường hiểm nạn, bị các phiền não ràng buộc. Như người bệnh nặng, luôn thọ khổ đau, ở trong ngục tham ái, không được thoát ra. Không thoát khỏi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cõi vua Diêm La. Không diệt được khổ, không bỏ được nghiệp ác. Luôn ở trong chỗ đen tối, chẳng thấy chân thật. Luân hồi sinh tử, không thoát ra được. Trụ ở trong tám nạn, bị ô nhiễm cấu dơ, đủ thứ phiền não, che lấp chướng ngại tâm, tà kiến, mê hoặc, chẳng đi trên con đường chân chánh.

Bồ Tát lại nghĩ như vậy : Giả sử chính tôi minh bạch pháp vi diệu thâm sâu này, thì chỉ có mình tôi một mình chúng được quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đắc được giải thoát. Song, chúng sinh đều chẳng đắc được, mà tất cả chúng sinh, giống như người mù ở trong đen tối, đi vào trong con đường nguy hiểm. Do đó ::

"Người mù cưỡi ngựa đui
Nửa đêm rớt vực thẳm".

Đây là cảnh giới nhiều nguy hiểm. Chúng sinh vì tất cả vô minh phiền não ràng buộc, nên chẳng được tự tại. Giống như người bệnh nặng, thường thọ các thống khổ. Ở trong ngục tham ái, không thoát khỏi được lưới dục. Cũng không thoát khỏi địa ngục, nga quý, súc sinh, ba đường ác, mà phải bị vua Diêm La cai quản, không thể tiêu diệt được các khổ đau. Không muốn xả bỏ nghiệp ác đã tạo. Thường ở trong vô minh đen tối, chẳng thấy đạo lý chân thật. Ở trong sáu nẻo luân hồi lưu chuyển sinh tử, chẳng có lúc nào thoát ra được. Trụ ở trong tám nạn, đó là :

1. Địa ngục.
2. Nga quý.
3. Súc sinh.
4. Bắc Câu Lưu Châu (châu này rất sung sướng, nhưng chẳng thấy Phật, chẳng nghe pháp, chẳng gặp Tăng).
5. Trời Trường Thọ (tùng trời thứ ba mươi thuộc sắc giới).
6. Đuôi điếc câm.
7. Thế trí biện thông.
8. Trước Phật sau Phật.

Trong tám nạn này, rất khó nghe được Phật pháp, cho nên gọi là tám nạn. Vì tất cả pháp nhiệm ô chẳng thanh tịnh vậy khốn, có đủ thứ phiền não, che lấp chướng ngại chân tâm, bị tà tri tà kiến mê hoặc, nên chẳng đi trên con đường chân chánh.

Bồ Tát quán các chúng sinh như vậy, bèn tự nghĩ rằng : Nếu chúng sinh này

chưa thành thực, chưa điều phục, bỏ mà thủ chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì không nên. Trước hết tôi phải giáo hoá chúng sinh. Nơi bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp, thực hành Bồ Tát hạnh. Ai chưa thành thực, thì trước hết khiến cho thành thực, ai chưa điều phục, thì trước hết khiến cho được điều phục.

Vị Bồ Tát này dùng pháp vừa nói ở trên, để quán tưởng đủ thứ, để quán sát nhân duyên của tất cả chúng sinh. Lại suy gẫm như vậy : Giả sử ! Chúng sinh này chưa thành thực, chưa điều phục, mà tôi xả bỏ họ, tự mình chứng quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đây là việc không nên làm. Trước hết tôi phải giáo hoá chúng sinh, trải qua số kiếp bất khả thuyết bất khả thuyết, để tu hành hạnh môn Bồ Tát tu. Chúng sinh chưa thành thực, thì trước hết khiến cho họ thành Phật đạo, chúng sinh chưa điều phục, thì trước hết khiến cho họ được điều phục phiền não.

Bồ Tát này, trụ nơi hạnh này, thì chư Thiên, ma vương, Phạm Vương, Sa Môn, Bà La Môn, tất cả thế gian, Càn Thát Bà, A Tu La .v.v... Nếu như họ thấy được, cùng ở tạm với nhau, cung kính tôn trọng, thừa sự cúng dường, và tạm thời nghe danh hiệu, một khi lọt vào trong tâm người đó,

thì những việc làm đó, đều chẳng luống uổng, nhất định sẽ thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bồ Tát tu hạnh thiện hiện, khi trụ nơi hạnh môn này, thì tất cả chư Thiên, ma vương, Phạm Vương, Sa Môn, Bà La Môn .v.v... cùng với tất cả thế gian, Càn Thát Bà, A Tu La .v.v... Nếu như họ thấy được vị Bồ Tát này, hoặc tạm thời ở chung với vị Bồ Tát này, hoặc hay cung kính, tôn trọng, thừa sự, cúng dường, và tạm thời tai nghe danh hiệu của vị Bồ Tát này, trải qua trong tâm niệm, thì những việc làm như vậy, đều chẳng trôi qua lãng phí, chẳng luống uổng, nhất định sẽ chứng được quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đó là hạnh thiện hiện thứ sáu của đại Bồ Tát.

Bồ Tát Công Đức Lâm nói : Đây tức là hạnh thiện hiện thứ sáu của đại Bồ Tát tu hành.

Phật tử ! Những gì là hạnh vô trước của đại Bồ Tát ?

Bồ Tát Công Đức Lâm lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật! Gì là hạnh môn vô trước của đại Bồ Tát tu hành?

Phật tử ! Bồ Tát này dùng tâm vô trước, ở trong niệm niệm, vào được A tăng

**kỳ thế giới, nghiêm tịnh A tăng kỳ thế giới.
Nơi các thế giới, tâm chẳng chấp trước.**

Các vị đệ tử của Phật ! Vị Bồ Tát này tu hạnh vô trước, bất cứ Ngài làm việc gì, đều chẳng có chấp trước. Đối với chúng sinh, thế giới, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, đều chẳng chấp trước. Ngài làm gì cũng chẳng trụ nơi tâm, hành sở vô sự. Ở trong niệm niệm, độ thoát chúng sinh, chẳng chấp vào tướng cứu độ chúng sinh. Dùng tâm chẳng chấp trước, ở trong niệm niệm, vào được trong các thế giới nhiều như số A tăng kỳ (vô lượng số), trang nghiêm thanh tịnh các thế giới nhiều như số A tăng kỳ. Vị Bồ Tát này, tuy nghiêm tịnh mười phương vô lượng thế giới, nhưng tâm của Ngài chẳng có chấp trước vào tướng thế giới.

Qua đến chỗ các Như Lai nhiều như số A tăng kỳ, để cung kính lễ bái, thừa sự cúng dường. Dùng A tăng kỳ hoa, A tăng kỳ hương, A tăng kỳ tràng hoa, A tăng kỳ hương thoa, hương bột, y phục, châu báu, tràng phan lọng đẹp, các thứ đồ trang nghiêm, mỗi thứ số nhiều A tăng kỳ, dùng để cúng dường.

Bồ Tát qua đến vô lượng số đạo tràng chư Phật, để cung kính chư Phật, lễ bái chư Phật, thừa sự chư Phật, cúng dường chư Phật. Dùng vô lượng số hoa, vô lượng số hương, vô lượng số tràng hoa, vô lượng số hương thoa,

cùng với hương bột, y phục, châu báu, tràng phan, lọng đẹp, tất cả đồ trang nghiêm, mỗi thứ đều dùng vô lượng số để cúng dường chư Phật.

Cúng dường như vậy, vì pháp rốt ráo chẳng chỗ làm. Vì trụ nơi pháp không nghĩ bàn.

Bồ Tát dùng vô lượng số vật chất để cúng dường chư Phật, vì pháp rốt ráo chẳng chỗ làm. Vì biết rõ trụ nơi pháp không nghĩ bàn.

Ở trong niệm niệm, thấy vô số các đức Phật. Ở chỗ chư Phật, tâm chẳng chấp trước. Nơi các cõi Phật, cũng chẳng chấp trước. Nơi tướng tốt của Phật, cũng chẳng chấp trước. Thấy quang minh của Phật, nghe Phật nói pháp, cũng chẳng chấp trước. Nơi mười phương thế giới và hết thấy pháp hội của chư Phật Bồ Tát, cũng chẳng chấp trước. Nghe Phật pháp rồi, tâm sinh hoan hỷ, chí lực rộng lớn, hay nhiếp thọ, hay thực hành các hạnh Bồ Tát, mà nơi Phật pháp tâm cũng chẳng chấp trước.

Bồ Tát ở trong niệm niệm, đều thấy được vô số chư Phật, ở tại đạo tràng của chư Phật, tâm chẳng chấp trước. Ở

trong cõi nước của mỗi vị Phật, hoặc trang nghiêm thanh tịnh, hoặc chẳng trang nghiêm, chẳng thanh tịnh, tâm cũng chẳng chấp trước. Đối với tướng tốt trang nghiêm (32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp) của Phật, tâm cũng chẳng chấp trước. Thấy được Phật phóng đủ thứ quang minh, nghe được Phật nói đủ thứ diệu pháp, tâm cũng chẳng chấp trước. Ở trong mười phương thế giới và hết thấy pháp hội thanh tịnh của chư Phật Bồ Tát, tâm cũng chẳng chấp trước. Nghe Phật nói pháp rồi, tâm sinh hoan hỷ. Chí đặc biệt tăng mạnh, sức lực đặc biệt rộng lớn. Hay nhiếp thọ tất cả chúng sinh, hay hành trì tất cả diệu pháp, hay thực hành hạnh Bồ Tát, mà đối với Phật pháp tâm cũng chẳng chấp trước.

Bồ Tát này, nơi bất khả thuyết kiếp, thấy bất khả thuyết đức Phật xuất hiện ra đời. Ở mỗi chỗ đức Phật, thừa sự cúng dường, thấy đều hết bất khả thuyết kiếp, mà tâm chẳng nhàm đủ. Thấy Phật nghe pháp, và thấy Bồ Tát chúng hội trang nghiêm, đều chẳng chấp trước. Thấy thế giới chẳng thanh tịnh, cũng chẳng chán ghét.

Vị Bồ Tát này trong quá khứ bất khả thuyết kiếp, thấy được bất khả thuyết Đức Phật xuất hiện ra đời. Ngài ở tại đạo tràng của mỗi vị Phật, thừa sự chư Phật, cúng dường chư Phật. Đều trải qua bất khả thuyết kiếp thời gian, tâm cũng chẳng sinh tư tưởng nhàm đủ. Thấy được chư

Phật và nghe được pháp của Phật nói, cùng với các Bồ Tát chúng hội trang nghiêm, đối với những cảnh giới này, tâm cũng chẳng chấp trước tướng. Thấy thế giới đời ác năm trước chẳng thanh tịnh, cũng chẳng sinh tâm chán ghét.

Tại sao ? Vì Bồ Tát này y theo các Phật pháp mà quán sát. Ở trong các Phật pháp, không dơ, không sạch, không tối, không sáng, không khác, không một, không thật, không vọng, không an ổn, không hiểm nạn, không chánh đạo, không tà đạo.

Tại sao Bồ Tát phải như vậy ? Vì vị Bồ Tát này, Ngài y chiếu theo pháp của chư Phật nói mà tu hành, mà quán sát tất cả pháp. Ở trong các Phật pháp, cũng chẳng có dơ bản, cũng chẳng có sạch sẽ, cũng chẳng có đen tối, cũng chẳng có ánh sáng, cũng chẳng có hai dạng, cũng chẳng có một dạng, cũng chẳng có chân thật, cũng chẳng có hư vọng. Chúng được chân thật lý thể, lia tướng tuyệt duyên. Cũng chẳng có chỗ an ổn, cũng chẳng có chỗ hiểm nạn. Cũng chẳng có chánh đạo, cũng chẳng có tà đạo. Vốn là thanh tịnh, vốn là vắng lặng.

Bồ Tát vào sâu pháp giới như vậy, giáo hoá chúng sinh, mà nơi chúng sinh, chẳng sinh chấp trước. Thọ trì các pháp, mà nơi các pháp, chẳng sinh chấp trước.

Phát tâm bồ đề, trụ nơi Phật trụ, mà nơi Phật trụ, chẳng sinh chấp trước. Tuy có lời nói, mà nơi lời nói, tâm chẳng chấp trước. Vào cõi chúng sinh, mà nơi cõi chúng sinh, tâm chẳng chấp trước. Biết rõ tam muội, hay vào hay trụ, mà nơi tam muội, tâm chẳng chấp trước. Qua đến vô lượng cõi nước chư Phật, hoặc vào, hoặc thấy, hoặc trụ trong đó, mà nơi cõi Phật, tâm chẳng chấp trước. Khi bỏ đi cũng chẳng lưu luyến.

Bồ Tát thấu rõ pháp giới của tất cả các pháp thâm sâu như vậy, bản thể như hư không. Bồ Tát thường giáo hoá tất cả chúng sinh, tuy nhiên giáo hoá chúng sinh, nhưng lìa khỏi tướng độ chúng sinh, chẳng sinh tâm chấp trước. Bồ Tát thọ trì pháp của Phật nói, đối với các pháp, cũng chẳng sinh tâm chấp trước. Bồ Tát phát tâm đại bồ đề, trụ nơi cảnh giới của Phật trụ, mà đối với cảnh giới của Phật trụ, cũng chẳng sinh tâm chấp trước. Tuy nhiên Bồ Tát có lời nói, nhưng đối với lời nói chẳng sinh tâm chấp trước. Bồ Tát vào trong sáu nẻo luân hồi, đối với cõi chúng sinh, cũng chẳng sinh tâm chấp trước. Bồ Tát biết rõ tất cả định, hay vào tất cả định, lại hay xuất tất cả định, cũng chẳng sinh tâm chấp trước. Bồ Tát qua đến vô lượng cõi nước chư Phật, hoặc vào vô lượng cõi nước chư Phật, hoặc thấy vô lượng cõi nước chư Phật, hoặc ở trong vô lượng

cõi nước chư Phật. Đối với cõi nước chư Phật, cũng chẳng sinh tâm chấp trước. Khi lìa khỏi các cõi nước chư Phật, cũng chẳng quay đầu lại nhìn, cũng chẳng lưu luyến không xả bỏ.

Đại Bồ Tát vì nhờ không chấp trước như vậy, cho nên ở trong Phật pháp, tâm chẳng chướng ngại, thấu rõ Phật bồ đề, chứng được pháp tỳ ni, trụ nơi chánh giáo của Phật. Tu hạnh Bồ Tát, trụ tâm Bồ Tát. Suy gẫm pháp giải thoát của Bồ Tát, nơi trụ xứ của Bồ Tát, tâm chẳng nhiễm trước. Nơi pháp Bồ Tát thực hành, cũng chẳng chấp trước. Thanh tịnh Bồ Tát đạo, được thọ Bồ Tát ký.

Đại Bồ Tát, vì Ngài chẳng có chấp trước như vậy, cho nên đối với Phật pháp đều thấu rõ, tâm chẳng chướng ngại. Lại hiểu biết Phật bồ đề, chứng được cảnh giới pháp tỳ ni. Tức cũng là chứng được cảnh giới vắng lặng, cảnh giới điều phục, cảnh giới đối trị. Bồ thí đối trị tham sân, từ bi đối trị sân hận, nhân duyên đối trị ngu si. Trụ ở trong chánh giáo của Phật, tu hành hạnh môn của Bồ Tát tu. Thường ghi nhớ tâm trạng của Bồ Tát. Tức cũng là tự giác giác tha, tự độ độ tha, tự lợi lợi tha. Thường suy gẫm làm thế nào để đắc được phương pháp giải thoát của Bồ Tát. Đối với nơi trụ xứ của Bồ Tát, tâm chẳng nhiễm trước tham luyến. Đối với pháp môn của Bồ Tát tu hành, tâm

cũng chẳng chấp trước. Tóm lại, Bồ Tát đã đạt được cảnh giới người không, pháp không. Thanh tịnh đạo của Bồ Tát tu hành, đắc được mười phương chư Phật đến thọ ký cho Bồ Tát.

Được thọ ký rồi, bèn nghĩ như vậy: Phàm phu ngu si, không biết, không thấy, không tin, không hiểu, không thông minh lanh lợi, ngoan cố tham trước. Nên lưu chuyển trong sinh tử, chẳng cầu được thấy Phật, chẳng theo bậc chỉ dẫn sáng suốt, chẳng tin đấng Điều Ngự, mê lầm thất lạc, đi vào đường hiểm.

Sau khi Bồ Tát được thọ Bồ Tát ký rồi, bèn nghĩ như vậy : Phàm phu đều là ngu si, chẳng có trí huệ. Vì bị vô minh che lấp, cho nên chẳng có tri thức chân chánh, chẳng có kiến giải chân chánh, chẳng có niềm tin chân chánh, chẳng có hiểu biết chân chánh. Cũng chẳng thông minh lanh lợi, ngoan cố tham trước, cho nên ở trong sinh tử luân hồi, lưu chuyển không ngừng. Phàm phu vì ngu si, cho nên chẳng hiểu phương pháp cầu thấy Phật, chẳng tùy theo thiện tri thức chỉ đạo, lại chẳng tín ngưỡng đấng Điều Ngự (Phật). Vì mê hoặc con đường chân chánh, cho nên lâm vào đường hiểm. Tóm lại, ở trong sinh tử luân hồi, không dễ gì thoát khỏi ba cõi.

Chẳng cung kính vua Thập Lực, chẳng biết ân đức Bồ Tát, lưu luyến chỗ ở. Nghe các pháp không, tâm rất sợ hãi. Xa lìa chánh pháp, trụ nơi tà pháp. Bỏ đường bằng phẳng, vào đường hiểm nạn. Trái với ý Phật, theo ý ma. Ở trong các cõi, kiên cố chấp trước chẳng xả bỏ.

Phàm phu vì ngu si, cho nên chẳng cung kính Vua Thập Lực (Phật), cũng chẳng biết ơn đức của Bồ Tát. Bồ Tát ở trong đời đời kiếp kiếp, vì chúng sinh mà thọ khổ thọ nạn. Nhưng chúng sinh chỉ biết lưu luyến chỗ ở điên đảo của mình. Nghe được tất cả các pháp vốn là không, thì trong tâm sinh đại sợ hãi. Tại sao ? Vì xa lìa chánh pháp, trụ trong tà pháp. Bỏ đường bằng phẳng mà đi vào đường hiểm chật hẹp chẳng bằng phẳng, tức cũng là ba đường ác. Chúng sinh trái với ý của Phật, Phật để lại Tam Tạng mười hai bộ Kinh điển, dạy chúng ta tu hành như thế nào, để có thể chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nhưng chúng sinh ngu si, chẳng tu hành mà còn tùy theo ý ma chạy loạn điên đảo. Ở trong tam giới hai mươi lăm cõi, chấp cứng chẳng chịu xả bỏ, Do đó : "Nhìn chẳng thấu, bỏ chẳng được", cho nên chẳng được tự tại.

Bồ Tát quán sát các chúng sinh như vậy, thì càng tăng trưởng tâm đại bi, sinh ra các căn lành, mà chẳng chấp trước.

Bồ Tát quán sát tư tưởng và hành vi của tất cả chúng sinh như vậy, càng quán sát chúng sinh, thì càng cảm thấy thương xót chúng sinh, cho nên phát tâm muốn giáo hoá chúng sinh, Do đó mà sinh tâm đại bi, càng ngày càng tăng trưởng. Do vậy mà sinh ra tất cả căn lành, chẳng có sự chấp trước tướng tâm đại bi.

Bấy giờ, Bồ Tát lại nghĩ như vậy : Tôi sẽ vì tất cả chúng sinh, nơi mười phương thế giới, tại mỗi cõi nước, trải qua bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp, giáo hoá thành thực. Như vì một chúng sinh, vì tất cả chúng sinh cũng đều như vậy. Quyết không vì đây mà sinh tâm nhàm mỏi mà bỏ đi.

Bồ Tát tu hạnh vô trước, bấy giờ Ngài lại nghĩ như vậy: Tôi sẽ chuyên vì một chúng sinh, ở trong mười phương thế giới tất cả cõi nước, trải qua bất khả thuyết kiếp để giáo hoá chúng sinh này, khiến cho căn lành của họ thành thực. Giáo hoá một chúng sinh là như vậy, giáo hoá tất cả chúng sinh cũng đều như vậy. Tuy trải qua bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp thời gian, nhưng Bồ Tát chẳng sinh tâm nhàm mỏi, chẳng xả bỏ một chúng sinh mà đi, mà dùng pháp môn phương tiện khéo léo, để độ chúng sinh khó điều khó phục, khiến cho họ lìa khổ được vui.

Lại dùng đầu sợi lông lường khắp pháp giới. Nơi một đầu sợi lông, trải qua

hết bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp, để giáo hoá điều phục tất cả chúng sinh. Như nơi một đầu sợi lông, nơi mỗi đầu sợi lông, cũng đều như vậy.

Lại dùng nơi một đầu sợi lông, để độ lượng khắp pháp giới. Nơi mỗi đầu sợi lông, trải qua bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp, để giáo hoá tất cả chúng sinh, để điều phục tất cả chúng sinh. Chẳng những nơi một đầu sợi lông là như vậy, mà nơi mỗi mỗi đầu sợi lông cũng đều như vậy.

Cho đến chẳng ở nơi thời gian khảy móng tay, mà chấp trước cái ta, khởi cái ta, tưởng nghĩ về cái ta.

Cho đến chẳng ở nơi thời gian khảy móng tay, mà chấp trước ta đang giáo hoá chúng sinh, cũng chẳng khởi nghĩ tưởng về cái ta. Chùa này là tôi làm, tháp nọ là tôi xây. Giống như vua Lương Võ Đế hỏi Tổ Đạt Ma :

- "Tôi độ rất nhiều Tăng chúng, tạo rất nhiều Chùa, biên chép rất nhiều Kinh điển, như vậy có bao nhiêu công đức"?

- Tổ Đạt Ma nói : "Chẳng có công đức gì hết".

Tại sao phải nói như vậy ? Vì có tâm làm công đức là công đức giả, vô tâm làm công đức là công đức thật. Vua Lương Võ Đế chấp trước vào công đức của mình làm, cho nên chẳng có công đức. Tổ Đạt Ma chẳng cho Vua Lương Võ Đế đội mũ cao, cho nên ông ta chẳng vui. Hai người chẳng khế cơ, do đó : Tổ Đạt Ma rời khỏi Kim Lăng (Nam

Kinh), qua sông Trường Giang mà đi về hướng bắc, đến Hà Nam Tung Sơn Thiều Lâm Tự diện bích mà tham thiền.

Nơi mỗi đầu sợi lông, hết kiếp vị lai, tu hạnh Bồ Tát. Chẳng chấp trước thân. Chẳng chấp trước pháp. Chẳng chấp trước tâm niệm. Chẳng chấp trước nguyện. Chẳng chấp trước tam muội. Chẳng chấp trước quán sát. Chẳng chấp trước định vắng lặng. Chẳng chấp trước cảnh giới. Chẳng chấp trước giáo hoá điều phục chúng sinh. Cũng chẳng chấp trước vào nơi pháp giới.

Ở tại nơi mỗi đầu sợi lông, đều là hết thuở kiếp vị lai tu Bồ Tát đạo. Cũng chẳng chấp trước nơi thân (pháp chấp về cái ta). Cũng chẳng chấp trước về pháp chấp (pháp pháp chấp). Cũng chẳng chấp trước vào tâm niệm. Cũng chẳng chấp trước vào nguyện lực. Cũng chẳng chấp trước vào định lực của tam muội. Cũng chẳng chấp trước vào trí huệ quán sát. Cũng chẳng chấp trước vào thiền định vắng lặng. Cũng chẳng chấp trước vào tất cả cảnh giới. Cũng chẳng chấp trước vào sự giáo hoá chúng sinh. Cũng chẳng chấp trước vào pháp giới giáo hoá chúng sinh.

Tại sao ? Vì Bồ Tát nghĩ như vậy : Tôi nên quán sát pháp giới như huyễn, chư Phật như hình bóng, Bồ Tát hạnh như

mộng. Phật nói pháp như tiếng vang, tất cả thế gian như biến hoá, vì nghiệp báo chi phối. Thân khác biệt như huyễn, vì hành vi nghiệp lực sinh khởi. Tất cả chúng sinh như tâm, vì đủ thứ tạp nhiễm. Tất cả pháp như thật tế, vì không thể biến đổi.

Tại sao Bồ Tát chẳng chấp trước nơi tất cả? Vì Bồ Tát vô vi mà vô bất vi, hành sở vô sự, cho nên chẳng chấp nơi tất cả tướng. Tức cũng là quét tất cả pháp, lìa tất cả tướng, cho nên mới suy gẫm như vậy : Tôi nên quán sát tất cả pháp giới, như huyễn, như hoá, chẳng chân thật, mà là hư vọng. Chư Phật giống như hình bóng, không thể chấp trước. Tu Bồ Tát hạnh, làm những việc lành, lợi ích chúng sinh, giống như mộng, bắt tất cho là thật. Pháp của Phật nói giống như tiếng vang, cho nên tất cả thế gian đều là biến hoá, tại sao ? Vì do nghiệp báo chi phối. Có thân thể khác biệt, cũng là hư vọng biến hoá, vì do hành vi và nghiệp lực sinh khởi. Tất cả chúng sinh như tâm, vì tâm có đủ thứ tạp nhiễm. Tất cả Phật pháp mới là lý thể chân thật bất động, tức cũng là diệu lý thật tướng, vĩnh viễn không thể biến đổi.

Lại nghĩ như vậy : Tôi nên ở trong mười phương các cõi nước, tận hư không khắp pháp giới, thực hành Bồ Tát hạnh. Niệm niệm thấu rõ thông đạt tất cả Phật

pháp, chánh niệm hiện tiền, chẳng có sự thủ trước.

Bồ Tát lại nghĩ như vậy : Tôi nên ở trong mười phương các cõi nước, tu hành Bồ Tát hạnh, lợi ích tất cả chúng sinh. Ở trong niệm niệm đều thấu rõ thông đạt tất cả Phật pháp, thường có chánh niệm hiện tiền, mà chẳng có tà niệm hiện tiền, cũng chẳng có tất cả sự thủ trước.

Bồ Tát quán thân chẳng có cái ta như vậy, thấy Phật không ngại. Vì giáo hoá chúng sinh, mà diễn nói các pháp, khiến cho họ nơi Phật pháp, phát sinh vô lượng hoan hỷ tin thanh tịnh, cứu hộ tất cả, tâm chẳng nhàm mỏi.

Bồ Tát quán sát thân thể của mình như vậy, chẳng có cái ta tồn tại, quán tâm cũng chẳng có cái ta tồn tại. Thấy Phật cũng sinh tư tưởng viên dung vô ngại. Vì giáo hoá tất cả chúng sinh, mà diễn nói tất cả các pháp. Khiến cho tất cả chúng sinh đối với Phật pháp, phát sinh vô lượng vô biên hoan hỷ và tâm tin thanh tịnh, đừng sinh tâm nhiễm ô. Muốn cứu hộ tất cả chúng sinh, thoát khỏi ba cõi, nhưng trong tâm chẳng sinh mỗi một và nhàm chán.

Vì không nhàm mỏi, cho nên nơi tất cả thế giới, nếu nơi nào có chúng sinh chưa thành tựu, chưa điều phục, thì thấy đều đi

đến nơi đó, dùng phương tiện hoá độ. Trong những chúng sinh đó, đủ thứ âm thanh, đủ thứ các nghiệp, đủ thứ thủ trước, đủ thứ thí bày, đủ thứ hoà hợp, đủ thứ lưu chuyển, đủ thứ việc làm, đủ thứ cảnh giới, đủ thứ sinh, đủ thứ chết, dùng thệ nguyện lớn, an trụ trong đó, mà giáo hoá họ.

Bồ Tát vì chẳng có khi nào nhàm mỏi, cho nên ở trong tất cả thế giới, như có nơi nào chúng sinh chưa thành tựu Phật quả, chưa được điều phục thân tâm, thì Bồ Tát đều đi đến nơi đó, dùng pháp môn phương tiện khéo léo, để giáo hoá họ. Trong những chúng sinh đó, có đủ thứ âm thanh, có đủ thứ các nghiệp tạo ra, có đủ thứ thủ trước, có đủ thứ thí bày, có đủ thứ thiện ác hoà hợp, có đủ thứ lưu chuyển nơi sinh tử, có đủ thứ việc làm, có đủ thứ cảnh giới, có đủ thứ pháp sinh, có đủ thứ pháp chết. Bồ Tát dùng thệ nguyện lớn của mình, an trụ ở trong cõi nước đó, để giáo hoá điều phục những chúng sinh đó.

Chẳng khiến cho tâm của họ lay động thối chuyển, cũng chẳng khiến cho sinh một tâm niệm nhiễm trước. Tại sao ? Vì đắc được không chỗ chấp trước, không chỗ nương tựa. Tự lợi lợi tha, thanh tịnh đầy đủ.

Bồ Tát chẳng khiến cho tâm của chúng sinh đối với Tam Bảo, có sự lay động, có sự thối chuyển. Đối với chúng sinh dù ở trong một tâm niệm, cũng chẳng sinh tư tưởng nhiễm trước. Tại sao ? Vì Bồ Tát đắc được trí huệ không chỗ chấp trước và sức lực không chỗ nương tựa, cho nên không sinh một tâm niệm nhiễm trước. Bồ Tát tự mình đắc được lợi ích, cũng khiến cho chúng sinh đắc được lợi ích. Do đó: "Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi", khiến cho chúng sinh đắc được thanh tịnh và đầy đủ, đây tức là tư tưởng và tông chỉ của Bồ Tát.

Đó là hạnh vô trước thứ bảy của đại Bồ Tát.

Bồ Tát Công Đức Lâm nói : Đây tức là hạnh môn vô trước thứ bảy của đại Bồ Tát tu hành.

Phật tử ! Những gì là hạnh nan đắc của đại Bồ Tát ?

Bồ Tát Công Đức Lâm lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Gì là hạnh nan đắc của đại Bồ Tát tu hành ? Tức là nguyện. Nguyện tức là bồ đề nguyện, trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh.

Bồ Tát này thành tựu: Cẩn lành khó được. Cẩn lành khó điều phục. Cẩn lành tối thắng. Cẩn lành không thể hoại. Cẩn lành không ai hơn. Cẩn lành không nghĩ bàn. Cẩn lành vô tận. Cẩn lành sức tự tại.

Căn lành oai đức lớn. Căn lành đồng một tánh với tất cả chư Phật.

Vị Bồ Tát này tu hạnh nan đắc, Ngài thành tựu được căn lành khó đắc được. Nói chung, căn lành mà một số người không thể tu được, mà Ngài tu hành thành công được. Tất cả chúng sinh, đều có vô minh phiền não. Vô minh phiền não chẳng dễ gì điều phục, nhưng vị Bồ Tát Ngài điều phục được, mà tăng trưởng căn lành, cho nên đắc được căn lành tối thù thắng. Vị Bồ Tát này lại đắc được căn lành kim cương không thể hoại. Lại đắc được căn lành không người nào thắng qua được. Lại đắc được căn lành không thể nghĩ bàn. Lại đắc được căn lành vô cùng vô tận. Lại đắc được căn lành nhiệm vụ tự tại. Lại đắc được căn lành đầy đủ đại oai đức. Lại đắc được căn lành đồng một tánh với tất cả chư Phật. Tóm lại, vị Bồ Tát này đắc được hết thảy tất cả căn lành.

Bồ Tát này, khi tu các hạnh, thì ở trong Phật pháp, đắc được kiến giải tối thắng. Nơi Phật bồ đề, đắc được thấu hiểu rộng lớn. Nơi Bồ Tát nguyện, chưa từng ngừng nghỉ. Suốt tất cả kiếp, tâm chẳng mỗi mảy. Nơi tất cả khổ, chẳng sinh nhàm lìa. Tất cả các ma, không thể lay động. Được tất cả chư Phật hộ niệm, đầy đủ hạnh của tất cả Bồ Tát tu khổ hạnh. Tu hạnh Bồ

Tát, thì tinh cần chẳng giải đãi. Nơi nguyện đại thừa, luôn chẳng thối chuyển.

Vì Bồ Tát này khi tu hành tất cả hạnh môn, thì ở trong tất cả Phật pháp, đắc được kiến giải tối thù thắng. Ở trong Phật bồ đề, đắc được thấu hiểu rộng lớn. Nơi nguyện của Bồ Tát phát ra, chưa từng ngừng nghỉ. Trải qua bất khả thuyết kiếp, đối với hạnh Bồ Tát tu, chẳng sinh mỗi mảy. Đối với tất cả khổ, cũng chẳng sinh tâm nhằm mỗi muốn lìa khỏi. Tại sao ? Vì Bồ Tát có tâm trạng từ bi, muốn thay thế chúng sinh thọ tất cả sự khổ, cho nên thừa nguyện trở lại thế giới Ta Bà, ở trong sáu nẻo luân hồi rộng độ chúng sinh, khiến cho chúng sinh lìa khổ được vui. Bồ Tát có định lực, đối với sự uy hiếp và dẫn dụ của tất cả thiên ma, chẳng lay động. Tóm lại, dù có vàng bạc ở trước mắt, tâm cũng chẳng giao động, sắc đẹp ở trước mắt, cũng chẳng động tâm. Vì được tất cả chư Phật hộ niệm, cho nên đầy đủ viên mãn tất cả sự khổ hạnh của Bồ Tát tu. Tu hạnh Bồ Tát thì dũng mãnh tinh tấn, chẳng giải đãi. Đối với sự tu hành nguyện lực đại thừa, thì luôn luôn chẳng thối chuyển.

Bồ Tát này, an trụ ở hạnh nan đặc này rồi, thì ở trong niệm niệm, chuyển được A tăng kỳ sinh tử, mà chẳng xả bỏ đại nguyện Bồ Tát. Nếu có chúng sinh, thừa sự cúng dường, cho đến thấy nghe, thì đều được chẳng thối chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Vị Bồ Tát này, an ổn trụ ở hạnh nan đắc này rồi, thì ở trong niệm niệm, chuyển được vô lượng số lần sinh tử. Nhưng chẳng xả bỏ được đại nguyện của Bồ Tát đã phát ra. Giả sử có chúng sinh đến thừa sự cúng dường vị Bồ Tát này, cho đến thấy được vị Bồ Tát này, hoặc nghe được danh hiệu của vị Bồ Tát này, thì đều chẳng thối chuyển nơi quả vị Phật Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bồ Tát này, tuy thấu rõ chúng sinh chẳng thật có, mà chẳng xả bỏ tất cả chúng sinh giới. Ví như thuyền sư, chẳng trụ ở bờ này, chẳng trụ ở bờ bên kia, chẳng trụ ở giữa dòng, mà hay độ chúng sinh từ bờ này, đến bờ bên kia, vì qua lại không dừng nghỉ.

Bồ Tát giáo hoá tất cả chúng sinh, mà chẳng có một chúng sinh được giáo hoá. Tại sao ? Vì tất cả chúng sinh đều là pháp hữu vi. Trong Kinh Kim Cang có nói :

"Phàm hết thấy tướng,
Đều là hư vọng.
Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng,
Tức thấy Như Lai".

Chúng sinh đều có tướng, mà có tướng đều là hư vọng. Tức nhiên chúng sinh là hư vọng, tại sao Bồ Tát vẫn phải độ chúng sinh ? Tuy là chẳng có, nhưng vẫn phải nhờ "chẳng có" để lập công, để hành Bồ Tát đạo.

Tuy nhiên Bồ Tát biết rõ chúng sinh chẳng chân thật, chẳng có, nhưng vẫn chẳng xả bỏ tất cả chúng sinh giới. Ví như thuyền trưởng trên thuyền, ông ta chẳng đậu ở bờ này, cũng chẳng dừng ở bờ bên kia, càng không đỗ ở giữa dòng. Mục đích của ông ta là đưa chúng sinh từ bờ sinh tử bên này, đi qua giữa dòng phiền não, và đến bờ Niết Bàn bên kia. Chiếc thuyền này từ bờ này đến bờ kia, từ bờ kia đến bờ này, qua lại vĩnh viễn không dừng nghỉ.

Đại Bồ Tát cũng lại như vậy. Chẳng trụ sinh tử, chẳng trụ Niết Bàn, cũng chẳng trụ giữa dòng sinh tử, mà hay độ chúng sinh từ bờ này, thẳng đến bờ bên kia. Nơi an ổn không sợ hãi, không sầu lo phiền não, cũng chẳng chấp trước nơi số lượng chúng sinh. Chẳng xả bỏ một chúng sinh, mà chấp trước nhiều chúng sinh, chẳng xả bỏ nhiều chúng sinh, mà chấp trước một chúng sinh. Chẳng tăng chúng sinh giới, chẳng giảm chúng sinh giới. Chẳng sinh chúng sinh giới, chẳng diệt chúng sinh giới. Chẳng tận chúng sinh giới, chẳng tăng trưởng chúng sinh giới. Chẳng phân biệt chúng sinh giới, chẳng hai chúng sinh giới.

Đại Bồ Tát cũng lại như vậy. Cũng chẳng trụ nơi bờ sinh tử bên này, cũng chẳng trụ nơi bờ Niết Bàn bên kia.

Cũng chẳng trụ ở giữa dòng phiền não. Bồ Tát dùng phương pháp đưa chúng sinh từ bờ bên này, đạt đến bờ Niết Bàn bên kia. Nơi bờ bên kia, rất là an ổn, chẳng có mọi nguy hiểm, chẳng có mọi lo âu, chẳng có mọi phiền não. Bồ Tát chẳng chấp trước số lượng độ chúng sinh. Bồ Tát chẳng xả bỏ một chúng sinh, mà chấp trước nhiều chúng sinh; cũng chẳng xả bỏ nhiều chúng sinh mà chấp trước một chúng sinh. Ngài chẳng có tư tưởng như vậy. Bồ Tát đối với chúng sinh giới, cũng chẳng có tâm tăng nhiều, cũng chẳng có tâm giảm bớt, cũng chẳng có tâm niệm sinh, cũng chẳng có tâm niệm diệt, cũng không thể dạy chúng sinh cùng tận, cũng không thể dạy chúng sinh tăng trưởng, chẳng có sự chấp trước này. Đối với chúng sinh giới, vốn chẳng có tâm phân biệt. Không thể nói chúng sinh giới có hai, hoặc có ba, thậm chí vô số, chúng sinh giới là tướng hoà hợp, chỉ là một.

Tại sao ? Vì Bồ Tát vào sâu chúng sinh giới như pháp giới. Chúng sinh giới, pháp giới, chẳng hai. Trong pháp không hai, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng có, chẳng không, chẳng lấy, chẳng nương, chẳng chấp, chẳng hai.

Bồ Tát đối với chúng sinh giới, chẳng phân biệt là một, là hai. Tại sao ? Vì Bồ Tát cũng ở trong chúng sinh giới, chẳng phân khai với chúng sinh. Chúng sinh giới và pháp giới chẳng có phân biệt. Chúng sinh giới tức là pháp giới, pháp giới tức là chúng sinh giới, chẳng có hai dạng. Ở

trong pháp chẳng hai, cũng chẳng có tăng, cũng chẳng có giảm, cũng chẳng có sinh, cũng chẳng có diệt, cũng chẳng có cái có, cũng chẳng có cái không, cũng chẳng có gì có thể lấy, cũng chẳng có gì có thể nương tựa, cũng chẳng có sự chấp trước, cũng chẳng có hai. Chẳng những chẳng có hai, mà một cũng chẳng có, tức là không cũng chẳng có.

Tại sao ? Vì Bồ Tát thấu rõ tất cả pháp, pháp giới, chẳng hai.

Tại sao ? Vì Bồ Tát thấy tất cả pháp đều là không. Vì Bồ Tát thấu rõ hết thấy tất cả pháp. Pháp tức là pháp giới, pháp giới tức là pháp, chẳng có hai. Pháp và pháp giới tuy là hai danh từ, nhưng cho đến một cũng chẳng lập.

Bồ Tát dùng phương tiện khéo léo như vậy, để vào pháp giới thâm sâu. Trụ nơi vô tướng, dùng tướng thanh tịnh để trang nghiêm thân mình. Biết rõ pháp chẳng có tánh, mà phân biệt được tướng của tất cả các pháp. Chẳng thủ lấy chúng sinh, mà biết rõ được số chúng sinh. Chẳng chấp trước thế giới, mà hiện thân cõi Phật. Chẳng phân biệt pháp, mà khéo vào Phật pháp. Thông đạt nghĩa lý thâm sâu, mà rộng diễn nói ngôn giáo. Thấu rõ tất cả pháp lia dục chân tế, mà chẳng dứt Bồ Tát

đạo, chẳng thôi hạnh bồ đề, thường siêng tu tập hạnh vô tận. Tự tại vào nơi pháp giới thanh tịnh.

Tức nhiên Bồ Tát biết tất cả đều là không, tại sao vẫn phải giáo hoá chúng sinh ? Vì Bồ Tát dùng phương tiện lớn nhất, tốt nhất, để vào tất cả pháp giới thâm sâu, chẳng chấp trước tất cả tướng. Nhưng thường hiện tướng thanh tịnh, để trang nghiêm thân mình. Thấu rõ tất cả pháp chẳng có thể tánh, đều là không tịch. Tuy nhiên chẳng có thể tánh, nhưng có những pháp tướng. Bồ Tát nhận thức, minh bạch, thấu rõ được lý thể của tất cả các pháp thật tướng. Tuy nhiên Bồ Tát chẳng thủ lấy chúng sinh, nhưng trong một niệm, đều biết rõ số lượng chúng sinh có bao nhiêu ? Chẳng chấp trước tất cả thế giới, mà hay hiện thân ở trong vô lượng cõi Phật. Vì chẳng chấp trước, cho nên hiện được. Nếu chấp trước trụ nơi thế giới, thì không thể hiện được. Nếu chúng ta buông xả hết tất cả, thì sẽ minh bạch tất cả. Nếu chẳng xả bỏ được tất cả, thì chẳng minh bạch được tất cả. Bất cứ làm việc gì, cũng đều là đạo lý này.

Chẳng phân biệt tất cả pháp, thì sẽ vào sâu Tạng Kinh, trí huệ như biển. Vào sâu Tạng Pháp, thì sẽ thông đạt được đạo lý của tất cả pháp. Mà có thể nơi một ngôn giáo, rộng diễn vô lượng giáo. Vô lượng giáo lại quy nạp về, vẫn không lìa một ngôn giáo. Do đó :

"Một gốc tán làm vạn thù
Vạn thù lại về một gốc".

Tức cũng là: "Một tức là nhiều, nhiều tức là một", đạo lý một nhiều vô ngại. Lại có thể nói : "Sự tức là lý, lý tức là sự", đạo lý sự lý vô ngại. Nơi rốt ráo của tất cả pháp là gì ? Nói đơn giản tức là lia dục. Lia dục tức là thật tướng, tức là chân tế, tức là Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Thấu rõ đạo lý lia khỏi dục niệm, mới là chân, mới là thật tại. Lia khỏi được dục niệm, mà chẳng dứt đạo của Bồ Tát tu, chẳng thôi lui hạnh của Bồ Tát tu. Thường thường siêng năng tu tập hạnh môn vô tận, mà nhậm vận tự tại, vào pháp giới thanh tịnh, rộng diễn pháp yếu, rộng diễn ngôn giáo, mà chẳng chấp trước, để giáo hoá tất cả chúng sinh.

Ví như dùi cây lấy lửa, lửa cháy vô lượng mà lửa chẳng tắt. Bồ Tát giáo hoá chúng sinh cũng như vậy, chẳng có cùng tận, mà tại thế gian, thường trụ chẳng diệt. Chẳng rốt ráo, chẳng phải không rốt ráo. Chẳng lấy, chẳng phải không lấy. Chẳng nung, chẳng phải không nung. Chẳng phải thế pháp, chẳng phải Phật pháp. Chẳng phải phàm phu, chẳng phải đặc quả.

Hiện tại đưa ra một ví dụ, giống như dùi cây lấy lửa, dùi chẳng ngừng, thì mới sinh ra lửa. Lửa vô lượng, càng cháy thì càng nhiều, mà lửa chẳng tắt. Bồ Tát cũng như vậy, việc giáo hoá chúng sinh, chẳng có khi nào cùng tận, thường trụ tại thế gian, để giáo hoá chúng sinh, mà chẳng

vào Niết Bàn. Nói Bồ Tát đã thành Phật chưa ? Hoặc Bồ Tát chẳng có thành Phật ? Cũng chẳng phải. Nói Ngài chẳng thủ lấy chăng ? Cũng chẳng phải. Nói Ngài thủ lấy chăng ? Cũng chẳng phải. Nói Ngài chẳng có nương tựa ? Chẳng phải. Nói Ngài có nương tựa ? Cũng chẳng phải. Sự tu hành của Ngài, cũng chẳng phải thế gian pháp, cũng chẳng chấp nơi Phật pháp. Ngài cũng chẳng phải phạm phu, cũng chẳng phải Thánh nhân chứng quả. Tại sao phải nói như vậy ? Đây là phá chấp trước. Đạo lý nói về Kinh Hoa Nghiêm, là cảnh giới viên dung vô ngại.

Bồ Tát thành tựu tâm khó được như vậy, khi tu hạnh Bồ Tát, thì chẳng nói pháp nhị thừa, chẳng nói Phật pháp, chẳng nói thế gian, chẳng nói pháp thế gian, chẳng nói chúng sinh, chẳng nói không chúng sinh, chẳng nói dơ, chẳng nói sạch.

Bồ Tát thành tựu tâm khó được như vậy. Khi tu hành hạnh Bồ Tát, thì chẳng nói Phật pháp của hàng nhị thừa tu. Pháp của bậc Thanh Văn tu, là pháp bốn Diệu Đế, pháp của bậc Duyên Giác tu, là mười hai Nhân Duyên. Cũng chẳng nói pháp làm thế nào để thành Phật. Chẳng nói thế gian, cũng chẳng nói tất cả pháp của thế gian. Chẳng nói có chúng sinh, cũng chẳng nói chẳng có chúng sinh. Cũng chẳng nói gì là bụi dơ, cũng chẳng nói gì là thanh tịnh. Bồ Tát ở trong nhiệm ô tìm sự thanh tịnh. Do đó : "Chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng dơ, chẳng sạch, chẳng tăng, chẳng giảm". Bồ Tát nói diệu pháp của đại thừa.

Tại sao ? Vì Bồ Tát biết tất cả pháp chẳng ô nhiễm, chẳng thủ lấy, chẳng lưu chuyển, chẳng thối lùi. Khi Bồ Tát tu hành trong pháp tịch diệt vi diệu tối thắng thâm sâu, cũng chẳng sinh ý niệm như vậy : Hiện tôi đang tu hạnh này, đã tu hạnh này, sẽ tu hạnh này. Chẳng chấp trước uẩn, giới, xứ, nội thế gian, ngoại thế gian, nội ngoại thế gian. Khởi các nguyện lớn, các Ba La Mật, và tất cả pháp, đều chẳng chấp trước.

Khi Bồ Tát tu hành hạnh nan đặc, thì chẳng chấp về dơ, cũng chẳng chấp về sạch. Đây là nguyên nhân gì ? Vì Bồ Tát biết tất cả pháp là không tịch, cho nên chẳng có pháp nhiễm ô, cũng chẳng có pháp thủ lấy, cũng chẳng bị tất cả cảnh giới lay chuyển, mà thối tâm bồ đề. Khi Bồ Tát ở trong pháp tịch diệt như vậy, ở trong pháp vi diệu thâm sâu vô thượng, ở trong pháp tối thù thắng, tu hành Bồ Tát đạo, thì cũng chẳng sinh vọng niệm như vậy : Hiện tại tôi đang tu Bồ Tát đạo, tôi đã tu Bồ Tát đạo, tôi sẽ tu Bồ Tát đạo. Bồ Tát chẳng có tâm kiêu ngạo tự mãn như vậy, càng chẳng có tâm chấp trước như vậy. Tại sao ? Vì Bồ Tát chẳng chấp trước nơi năm uẩn, cũng chẳng chấp trước nơi mười tám giới (sáu căn, sáu trần, sáu thức), cũng chẳng chấp trước vào mười hai xứ (sáu căn, sáu trần). Chẳng có chấp trước pháp, đối với pháp thế gian và pháp xuất thế gian, cùng với pháp thế xuất thế gian, đều chẳng chấp trước, khởi nguyện lớn, đều là pháp đến bờ kia, và hết thấy

tất cả pháp đều chẳng chấp trước. Tại sao ? Vì Bồ Tát ngộ được tất cả pháp đều chân đế của không.

Tại sao ? Vì trong pháp giới, chẳng có pháp tên hướng về Thanh Văn thừa, hướng về độc giác thừa. Chẳng có pháp tên hướng về Bồ Tát thừa, hướng về Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chẳng có pháp tên hướng về cõi phàm phu, chẳng có pháp tên hướng về ô nhiễm, hướng về thanh tịnh, hướng về sinh tử, hướng về Niết Bàn.

Tại sao Bồ Tát chẳng chấp trước ? Vì ở trong pháp giới, chẳng có một thứ pháp nào tên gọi hướng về Thanh Văn thừa. A la hán đã lìa khỏi dục niệm, dứt bậc dục niệm, một niệm cũng chẳng sinh. Nhưng Ngài chẳng nói : "Tôi là A la hán lìa dục". Tại sao ? Vì nếu Ngài có lỗi nghĩ như vậy, thì đó là chấp trước. Lại bày "cái ta" ra, thì đó chẳng phải là A la hán lìa dục. Trong Kinh Kim Cang có nói : "Đức Thế Tôn ! Con chẳng nghĩ như vậy, con là A la hán lìa dục". Lại nói : "Đức Thế Tôn ! Nếu con nghĩ như vậy : Con đắc đạo A la hán, thì Đức Thế Tôn chẳng nói Tu Bồ Đề là người ưa thích hạnh A lan nhã". Tôn giả Tu Bồ Đề nếu nghĩ như thế, thì Phật sẽ chẳng nói Ngài là A la hán lìa dục, vì "tướng ta" vẫn chưa không, vẫn còn "cái ta" tồn tại. Như vậy làm sao gọi là lìa dục ? Lìa dục tức là chẳng còn "cái ta", cho đến ý niệm về mình cũng chẳng còn, cho nên

ở trước nói, Bồ Tát chẳng sinh ý niệm như vậy : Hiện tại tôi đang tu hạnh Bồ Tát, tôi đã tu hạnh Bồ Tát, tương lai tôi vẫn phải tu hạnh Bồ Tát. Đây đều là thấy cái ta, tướng ta, chấp ta, vẫn chưa không.

Trong pháp giới chẳng có một thứ chấp trước tên của pháp, cho nên nói chẳng có pháp hướng về Độc Giác. Khi Phật chưa xuất hiện ra đời, người tu đạo tự ngộ pháp mười hai nhân duyên, gọi là Độc Giác. Chẳng những chẳng có pháp nhị thừa, mà dù pháp Bồ Tát thừa cũng chẳng có. Nếu nói Bồ Tát thừa, thì tôi hướng về Bồ Tát thừa tu hành, đó lại là chấp trước, tên pháp là bất khả đắc, là hư vọng. Cũng chẳng có một thứ pháp tên gọi là hướng về Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng chẳng có một thứ pháp tên hướng về cõi phàm phu, cũng chẳng có một thứ pháp tên hướng về nhiễm ô, cũng chẳng có một thứ pháp tên hướng về thanh tịnh, cũng chẳng có pháp tên hướng về sinh tử, cũng chẳng có pháp tên hướng về Niết Bàn.

Tại sao ? Vì các pháp không hai, chẳng không hai. Ví như hư không, ở trong mười phương, hoặc quá khứ vị lai hiện tại, cầu không thể được, tuy nhiên đâu chẳng phải là hư không.

Đây là nguyên nhân gì ? Vì các pháp đều là pháp môn không hai. Cũng chẳng có tên gọi không hai. Giống như hư không, ở trong mười phương đều có hư không, bất luận là quá khứ, vị lai, hiện tại, muốn nắm lấy hư không, đều không thể được. Tuy nắm lấy hư không chẳng được,

nhưng hư không vẫn tồn tại. Vì là hư không, cho nên vô sở đắc. Pháp cũng như vậy, cầu không thể được.

Bồ Tát quán tất cả pháp như vậy, đều không thể được. Nhưng chẳng phải không có tất cả pháp. Như thật không khác. Sự tác dụng chẳng mất. Khấp chỉ bày cho chúng sinh tu hành các hạnh của Bồ Tát. Chẳng xả bỏ nguyện lớn. Điều phục chúng sinh. Chuyển bánh xe pháp. Chẳng hoại nhân quả. Cũng chẳng trái với diệu pháp bình đẳng.

Bồ Tát đối với tất cả các pháp, đều quán sát nghiên cứu như vậy, do đó :

"Tức tất cả pháp, lia tất cả tướng;
Lìa tất cả tướng, tức tất cả pháp".

Đều không thể được. Tuy nhiên tất cả pháp không thể được, nhưng chẳng phải là chẳng có tất cả pháp. Đạo lý này và hư không đều giống nhau. Pháp là nhìn mà chẳng thấy, lắng mà chẳng nghe, ngửi mà chẳng có mùi vị, xúc mà chẳng có cảm giác, đó là không tịch. Pháp là chân như thật tướng, nó là chẳng biến đổi, không mất đi tác dụng của pháp. Khấp chỉ bày cho chúng sinh tu hành tất cả các hạnh của Bồ Tát tu. Chẳng xả bỏ nguyện lớn đã phát, để điều phục tất cả chúng sinh. Chuyển bánh xe pháp, chẳng phá hoại nhân quả, cũng chẳng trái với diệu pháp bình đẳng.

Bồ Tát khắp đồng với các Như Lai ba đời, chẳng dứt giống Phật, chẳng hoại thật tướng, vào sâu nơi pháp, biện tài vô tận. Nghe pháp chẳng chấp trước, đến được tận đáy của pháp. Khéo hay diễn nói, tâm chẳng sợ hãi. Chẳng xả Phật trụ, chẳng trái với pháp thế gian, khắp hiện nơi thế gian, mà chẳng chấp trước thế gian.

Bồ Tát khắp đồng với chư Phật ba đời, vĩnh viễn chẳng dứt tuyệt hạt giống Phật. Cũng chẳng trái với lý thể thật tướng, vào sâu trong các tạng pháp, đắc được biện tài vô ngại vô cùng vô tận. Nghe tất cả pháp mà chẳng chấp trước nơi tất cả pháp. Đến được chỗ sâu nhất của pháp. Khéo hay diễn nói diệu lý các pháp thật tướng. Tâm chẳng sợ hãi, chẳng xả bỏ Phật trụ, chẳng trái với pháp thế gian. Khắp thị hiện nơi thế gian, mà chẳng chấp trước nơi thế gian.

Bồ Tát thành tựu tâm trí huệ khó được như vậy, tu tập các hạnh. Cứu chúng sinh thoát khỏi nơi ba đường ác. Giáo hoá điều phục, an trí trong đạo của chư Phật ba đời, khiến cho họ chẳng lay động.

Bồ Tát thành tựu tâm trí huệ chẳng dễ gì đắc được như vậy. Tu hành học tập tất cả hạnh môn. Thường ở trong ba đường ác, cứu chúng sinh thoát ra, giáo hoá điều phục,

an trí họ ở trong đạo tràng của chư Phật ba đời, khiến cho tâm bồ đề chẳng lay động, tức cũng là chẳng thối thất tâm bồ đề.

Lại nghĩ như vậy: Chúng sinh thế gian, chẳng biết báo ân, lại thù oán nhau, tà kiến chấp trước, mê hoặc điên đảo, ngu si chẳng có trí huệ. Chẳng có tâm tin, theo đuổi bợn ác, khởi các huệ ác, tham ái vô minh, đủ thứ phiền não, đầy đủ đầy đủ. Đó là nơi tôi tu Bồ Tát hạnh.

Bồ Tát lại nghĩ như vậy : Chúng sinh thế gian, chẳng biết báo ân cha mẹ, chẳng biết báo ân sư trưởng, chẳng biết báo ân quốc gia nguyên thủ. Chẳng những chẳng biết việc báo ân, mà ngược lại thù oán với nhau, tại sao ? Vì chúng sinh có tà kiến, có chấp trước, cho nên mê hoặc điên đảo. Vì chúng sinh ngu si, chẳng có trí huệ, cho nên đối với sự lý chẳng nhận thức rõ ràng, phân biệt chẳng minh bạch, cũng chẳng có tâm tin, chạy đuổi theo ác tri thức. Sinh khởi trí huệ ác (thế trí biện thông), sinh ra tư tưởng tham ái và vô minh, cho nên có đủ thứ phiền não, đầy đủ đầy đủ. Vì đầy đủ pháp ác, cho nên Bồ Tát nghĩ : Tôi phải tu hạnh Bồ Tát tại nơi này.

Nếu như chúng sinh biết báo ân, thông minh có trí huệ hiểu biết, và thiện tri thức,

đầy đầy thế gian, thì tôi chẳng ở trong đó, tu Bồ Tát hạnh.

Giả sử chúng sinh biết báo ân, thông minh có trí huệ, có kiến giải chân chánh, và bậc thiện tri thức đầy đầy thế gian này, thì tôi chẳng ở tại thế gian này tu hành hạnh Bồ Tát. Tại sao ? Vì chúng sinh có trí huệ, sẽ chẳng làm việc điên đảo, không cần Bồ Tát đến giáo hoá. Bồ Tát chuyên đến những nơi có chúng sinh tà tri tà kiến, để tu hạnh Bồ Tát, giáo hoá họ thoát khỏi biển khổ. Do đó : :

"Biển khổ không bờ, hồi đầu là bến".

Chúng ta chúng sinh ngu si, chẳng biết quay đầu, vì thú vui năm dục, mà đi ngược lại với đạo, làm những việc điên đảo bỏ giác hợp trần, lìa khỏi nhà càng ngày càng xa.

Tại sao ? Vì tôi đối với chúng sinh chẳng có mong cầu, hy vọng gì cả. Cho đến chẳng cầu một sợi tơ, một sợi lông, và một tiếng khen tốt. Suốt kiếp thuở vị lai, tu hạnh Bồ Tát, chưa từng sinh một ý niệm vì mình, chỉ muốn độ thoát tất cả chúng sinh, khiến cho họ thanh tịnh, vĩnh viễn được thoát khỏi.

Tại tại sao phải như vậy ? Vì Bồ Tát đối với tất cả chúng sinh chẳng làm chủ nhân, chẳng chỉ huy chúng sinh. Đối đãi với chúng sinh, đều xem như nhau, một lượt bình đẳng, chẳng có phân biệt thân sơ, chẳng có tư tưởng gần

xa, cũng chẳng có tư tưởng thiện ác tốt xấu. Bồ Tát giáo hoá chúng sinh chẳng có mong cầu, chẳng có xí đồ, chẳng có hy vọng. Cho đến chẳng cầu một cây kim, một sợi tơ, cũng chẳng cầu được sự lợi ích lớn bằng sợi lông. Cũng chẳng cầu một tiếng khen tốt, một câu ca tụng. Nguyên vọng của Bồ Tát là suốt thưở kiếp vị lai, tu hành hạnh Bồ Tát. Bồ Tát chưa từng sinh một tâm niệm lợi ích cho chính mình. Tâm của Bồ Tát là muốn độ thoát tất cả chúng sinh, khiến cho họ trở về nguồn cội, bỏ mê về giác, khôi phục lại sự thanh tịnh vốn có, nguồn gốc diệu giác, chân như tự tánh, vĩnh viễn lìa khỏi biển khổ ba cõi.

Lúc này, có người khởi vọng tưởng : Bồ Tát giáo hoá chúng sinh, một luật bình đẳng, chẳng phân biệt đó đây, tại sao phải giáo hoá chúng sinh ác ? Bỏ chúng sinh thiện ? Đây là đạo lý gì ? Tư tưởng Bồ Tát trọng ác khinh thiện này, đây chẳng phải là không bình đẳng chăng ?

Bồ Tát đối với chúng sinh chẳng có quan niệm chủ tể, cũng chẳng có thân sơ, xa gần, thiện ác, thị phi, ghét thương, tốt xấu. Giống như lòng từ của mẹ hiền (Bồ Tát), đối với đứa con có bệnh (chúng sinh ác) thì phải chiếu cứ tử tế, khiến cho đứa con đó sớm bình phục khoẻ mạnh. Đối với đứa con chẳng có bệnh tật (chúng sinh thiện), tạm thời chẳng cứ tới (chẳng giáo hoá). Đây là sự biểu hiện lòng thương vĩ đại của người mẹ. Tư tưởng bình đẳng của Bồ Tát là trước hết giáo hoá chúng sinh ác, khiến cho họ bỏ ác theo thiện. Nếu trước chẳng giáo hoá chúng sinh ác, thì làm cho ma vương tạo cơ hội, bị ma nghiệp nhiếp thọ. Ma nghiệp tức là ác tâm bố thí, sân tâm trì giới, người thường giải đãi, khinh mạn loạn ý. Hoặc là người đã đắc được giải thoát, hoặc người đã đắc được sự an ổn, bạn thường đến

gần gũi, thường đến cúng dường, đây cũng là ma nghiệp. Người chẳng đắc được giải thoát, người chẳng đắc được sự an ổn, bạn chẳng chịu giáo hoá, chẳng chịu độ thoát, đây cũng là ma nghiệp. Tóm lại, phạm là bỏ ác theo thiện, tức là ma nghiệp.

Tại sao ? Vì ở trong chúng sinh làm bậc đạo sư sáng suốt, pháp phải như vậy, chẳng lấy chẳng cầu. Chỉ vì chúng sinh tu Bồ Tát đạo, khiến cho họ đến được bờ bên kia an ổn, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Tại tại sao ? Vì Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, ở trong chúng sinh mười phương thế giới, làm bậc đạo sư minh bạch sáng suốt. Chuyên giáo hoá chúng sinh khó điều khó phục, để chúng sinh dễ độ lại cho người khác giáo hoá. Pháp cũng là như vậy, chẳng thủ lấy tất cả tướng, cũng chẳng cầu tất cả lợi. Chuyên tâm giáo hoá chúng sinh, khiến cho họ lìa khổ được vui, bỏ tà theo chánh, mà tu hạnh môn của Bồ Tát tu. Khiến cho hết thảy chúng sinh đều được an lạc, toại tâm mãn nguyện, an ổn đến được bờ Niết Bàn bên kia, thành tựu quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đó là hạnh nan đắc thứ tám của đại Bồ Tát.

Bồ Tát Công Đức Lâm lại nói : Đây tức là pháp môn hạnh nan đắc của đại Bồ Tát tu hành.

Phật tử ! Những gì là hạnh thiện pháp của đại Bồ Tát ?

Bồ Tát Công Đức Lâm lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Gì là hạnh thiện pháp của đại Bồ Tát tu hành ? Tức cũng là lực. Lực có hai thứ :

- Một là lực tư trạch : Hay phục tất cả chánh hạnh đấng sở đối trị chướng, khiến cho chẳng khởi tác dụng.

- Hai là tu tập lực : Hay khiến cho tất cả thiện hạnh kiên cố quyết định.

Người tu hành, nếu biết tu, thì tu thiện trong thiện. Không biết tu, thì tu ác trong thiện. Biết tu thì ở trong ác cũng có thiện. Chẳng biết tu, thì ở trong thiện cũng có ác. Cho nên có thiện trong thiện, ác trong thiện; thiện trong ác, ác trong ác – có bốn thứ phân biệt này. Người tu hành, trước hết phải hiểu rõ pháp thiện. Làm việc thiện trông nhân thiện, đây là thiện trong thiện. Làm việc thiện trông nhân ác, đây là ác trong thiện. Làm việc ác trông nhân thiện, đây là thiện trong ác. Làm việc ác trông nhân ác, đây là ác trong ác. Thiện pháp tức là thiện trong thiện, ác pháp tức là ác trong ác.

Bồ Tát này vì tất cả thế gian, trời, người, ma, Phạm, Sa Môn, Bà La Môn, Càn Thát Bà .v.v... làm ao pháp mát mẻ. Nhiếp trì chánh pháp, chẳng dứt giống Phật.

Vì Bồ Tát này, vì tất cả chúng sinh thế gian, người trên trời, người nhân gian, ma vương, Phạm Vương, Sa Môn, Bà La Môn, Càn Thát Bà .v.v... làm ao pháp thanh tịnh của họ, khiến cho thân tâm của họ mát mẻ. Luôn luôn nhiếp trì tất cả chánh pháp, diệt trừ tất cả tà pháp, chẳng dứt tuyệt hạt giống Phật.

Vì được quang minh thanh tịnh Đà la ni, nói pháp thọ ký, nên biện tài vô tận. Vì được đầy đủ nghĩa Đà la ni, nên nghĩa biện vô tận. Vì được giác ngộ thật pháp Đà la ni, nên pháp biện vô tận. Vì được huấn thích ngôn từ Đà la ni, nên từ biện vô tận. Vì được vô biên văn câu vô tận nghĩa vô ngại môn Đà la ni, nên vô ngại biện vô tận. Vì được Phật quán đánh Đà la ni, nên hoan hỉ biện vô tận. Vì được chẳng do tha ngộ Đà la ni, nên quang minh biện vô tận. Vì được đồng biện Đà la ni môn, nên đồng biện vô tận. Vì được đủ thứ nghĩa thân, câu thân, văn thân, trong huấn thích Đà la ni môn, nên huấn thích biện vô tận. Vì được vô biên toàn Đà la ni môn, nên vô biên biện vô tận.

Vì Bồ Tát chẳng dứt tuyệt giống Phật, cho nên đắc được mười thứ pháp môn Đà la ni. Đà la ni dịch là tổng trì, tức là tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa. Lại có thể nói là tổng thân miệng ý ba nghiệp thanh tịnh, trì giới định huệ ba học viên minh.

1. Vì Bồ Tát đắc được quang minh thanh tịnh tổng trì, cho nên hay nói pháp thọ ký cho tất cả chúng sinh, có biện tài vô tận, khéo ứng đối tiến lùi.

2. Vì đắc được đầy đủ viên mãn nghĩa tổng trì, cho nên đối với nghĩa lý biện tài chẳng cùng tận.

3. Vì đắc được giác ngộ pháp chân thật (diệu lý thật tướng) tổng trì, cho nên đối với pháp biện tài chẳng có cùng tận.

4. Vì đắc được huân thích kinh điển ngôn từ tổng trì, cho nên đối với từ biện tài chẳng cùng tận.

5. Vì đắc được vô biên văn câu, vô tận nghĩa lý, vô ngại pháp môn tổng trì, cho nên nhạo thuyết vô ngại biện tài chẳng cùng tận. Bốn thứ tổng trì này tức là: Nghĩa, pháp, từ, nhạo thuyết, bốn vô ngại biện.

Trên đỉnh Tuyết Sơn có ao A nậu đạt, dịch là vô nhiệt nảo. Ao có bốn cái miệng, biểu thị cho bốn vô ngại biện. Miệng thứ nhất là miệng voi : Từ miệng voi màu bạc, chảy ra cát bạc, trở thành sông Đông Hằng Già. Đây là biểu thị nghĩa vô ngại biện, nói tất cả nghĩa lý. Miệng thứ hai là miệng sư tử : Từ miệng sư tử màu kim cang, chảy ra cát kim cang, trở thành sông Tư Đà. Đây là biểu thị pháp vô ngại biện, nói câu văn kim cang. Miệng thứ ba là miệng trâu : Từ miệng trâu màu vàng, chảy ra cát vàng, trở thành sông Tín Độ. Đây là biểu thị từ vô ngại biện, nói duyên khởi tùy thuận thế giới. Miệng thứ tư là miệng ngựa : Từ

miệng ngựa màu lưu ly, chảy ra cát lưu ly, trở thành sông Phước Sô. Đây là biểu thị nhạo thuyết vô ngại biện, nói tất cả các pháp thật tướng.

6. Vì đặc được Phật quán đánh tổng trì pháp quán kỳ danh, cho nên đối với hoan hỷ biện tài chẳng cùng tận.

7. Vì đặc được tự tu tự ngộ môn tổng trì, cho nên quang minh biện tài chẳng cùng tận.

8. Vì đặc được đồng biện tổng trì, cho nên đồng loại âm biện tài chẳng cùng tận.

9. Vì đặc được đủ thứ nghĩa lý của Kinh, đạo lý từng câu từng câu, thể của Kinh văn. Huấn thích tổng trì, cho nên huấn thích biện tài chẳng cùng tận.

10. Vì đặc được vô biên toàn Đà la ni, cho nên vô biên biện tài chẳng cùng tận.

Bồ Tát này tâm đại bi kiên cố, khắp nhiếp thọ chúng sinh. Nơi ba ngàn đại Thiên thế giới, biến hoá thân sắc vàng để làm Phật sự. Tùy theo căn tánh ưa thích của chúng sinh, mà dùng lưới rộng dài, ở trong một tiếng, hiện ra vô lượng tiếng, thuyết pháp đúng thời, đều khiến cho họ hoan hỷ.

Bồ Tát tu hạnh thiện pháp, tâm đại bi của Ngài rất kiên cố, bất cứ chúng sinh nào đối đãi với Ngài không tốt như thế nào, Ngài cũng chẳng sinh phiền não, vẫn dùng tâm đại bi để cứu khổ chúng sinh. Tâm đại bi này chuyên được những cảnh giới ác liệt, mà chẳng bị cảnh giới ác liệt

lay chuyển. Bồ Tát khắp nhiếp thọ tất cả chúng sinh, thường ở trong ba ngàn đại thiên thế giới, biến hoá ra thân sắc vàng. Làm đại Phật sự tức cũng là giảng Kinh thuyết pháp. Bồ Tát tùy thuận căn tánh và sự ưa thích của chúng sinh, vì họ nói pháp. Ở trong Kinh A Di Đà có nói : "Các vị Phật ở tại nước của mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nói lời thành thật". Ở trong một tiếng, mà hiện ra vô lượng tiếng biến hoá. Đúng thời để vì chúng sinh nói pháp, do đó : "Quán căn cơ chúng sinh, vì người nói pháp, theo bệnh cho thuốc", khiến cho tất cả chúng sinh thấy đều đại hoan hỉ.

Giả sử có bất khả thuyết đủ thứ nghiệp báo vô lượng chúng sinh, cùng hội lại một chỗ. Hội rộng lớn đó, đầy khắp bất khả thuyết thế giới, Bồ Tát ngồi ở trong chúng hội đó. Trong chúng sinh đó, mỗi người đều có bất khả thuyết A tăng kỳ cái miệng, mỗi cái miệng nói ra trăm ngàn ức Na do tha tiếng. Đồng thời cùng phát ra tiếng, đều nói lời lẽ khác nhau, hỏi những điều khác nhau. Bồ Tát ở trong một niệm, thấy đều lãnh thọ được, đều trả lời cho họ, khiến cho họ dứt trừ nghi hoặc. Như trong một chúng hội, trong bất khả thuyết chúng hội, cũng đều như vậy.

Giả sử có bất khả thuyết nghiệp báo, lại có vô số vô lượng chúng sinh, cùng nhau tụ hội ở trong một đạo tràng. Đạo tràng đó rất rộng lớn, đầy khắp bất khả thuyết thế giới. Trong mỗi thế giới đều có một đạo tràng. Bồ Tát ngồi ở pháp toà trong những đạo tràng chúng hội đó. Hết thấy chúng sinh trong đạo tràng chúng hội, mỗi chúng sinh đều có bất khả thuyết A tăng kỳ cái miệng, trong mỗi cái miệng lại phát ra trăm ngàn ức Na do tha tiếng biến hoá, đồng thời cùng phát ra. Trong mỗi cái miệng nói ra đủ thứ lời lẽ khác nhau, mỗi cái miệng đưa ra vấn đề cũng khác nhau. Nhưng Bồ Tát tu hạnh thiện pháp, ở trong một niệm, hoàn toàn minh bạch rõ ràng tiếng của nhiều cái miệng phát ra, chiếu theo hết thấy vấn đề mà, theo như pháp thứ tự trả lời, khiến cho sự nghi hoặc của tất cả chúng sinh đều dứt trừ. Ở trong một chúng hội là như vậy, ở trong hết thấy chúng hội cũng đều như vậy.

Lại nữa, giả sử nơi một đầu sợi lông, sinh ra bất khả thuyết bất khả thuyết đạo tràng chúng hội. Tất cả nơi đầu sợi lông cũng đều như vậy. Hết thuở kiếp vị lai, kiếp đó có thể hết, chúng hội không cùng tận. Các chúng hội đó, ở trong niệm niệm, đều dùng lời lẽ khác nhau, hỏi vấn đề khác nhau. Bồ Tát ở trong một niệm, đều lãnh thọ được, không khiếp sợ, không hoài nghi, không sai lầm.

Lại đưa ra một ví dụ nữa. Giả sử ở nơi đầu một sợi lông, ở trong mỗi niệm, đều sinh ra bất khả thuyết bất khả thuyết chúng hội đạo tràng. Nơi tất cả đầu sợi lông cũng đều tình hình như vậy. Hết thuở kiếp vị lai thời gian. Tuy nhiên kiếp số có thể cùng tận, nhưng đạo tràng chúng hội không cùng tận. Các đạo tràng chúng hội này, ở trong niệm niệm, dùng các thứ lời lẽ khác nhau, để hỏi những vấn đề khác nhau. Bồ Tát ở trong niệm niệm hoàn toàn lãnh thọ được hết, trả lời khác nhau. Cũng chẳng kinh sợ đại chúng, cũng chẳng sợ sệt văn nghĩa. Những vấn đề chúng sinh hỏi, cũng chẳng còn hoài nghi nữa. Vấn đề trả lời cũng chẳng sai lầm.

Bèn nghĩ như vậy : Nếu như tất cả chúng sinh, dùng lời nghiệp như vậy đều đến hỏi tôi, thì tôi vì họ nói pháp không gián đoạn không cùng tận. Đều khiến cho họ hoan hỉ, trụ nơi thiện đạo. Lại khiến cho họ khéo hiểu tất cả lời lẽ, có thể vì chúng sinh nói đủ thứ pháp, mà nơi lời lẽ chẳng có phân biệt. Giả sử có bất khả thuyết bất khả thuyết đủ thứ lời lẽ đến vấn nạn, thì trong một niệm đều lãnh thọ được, dùng một tiếng đều trả lời được. Khắp khiến cho họ khai ngộ, chẳng có dư thừa.

Bồ Tát lại nghĩ như vậy: Giả sử hét thảy tất cả chúng sinh, dùng đủ thứ lời lẽ khác nhau, đồng thời cùng nhau đến hỏi tôi. Tôi sẽ vì họ diễn nói diệu pháp không gián đoạn không cùng tận. Khiến cho họ đều đắc được toại nguyện, mà sinh tâm hoan hỷ, trụ ở trong thiện pháp thiện đạo. Lại khiến cho họ khéo thấu hiểu tất cả lời lẽ và từ nghĩa, có thể vì tất cả chúng sinh nói đủ thứ pháp. Dùng một thứ lời lẽ để nói pháp, mà khiến cho chúng sinh đều hiểu rõ, chẳng có phân biệt. Do đó :

"Phật dùng một tiếng diễn nói pháp
Chúng sinh theo loài đều hiểu rõ".

Giả sử có bất khả thuyết bất khả thuyết lời lẽ, đồng thời hướng về tôi vấn nạn, thì ở trong một niệm, tôi đều minh bạch hết những vấn đề họ hỏi. Tôi dùng một thứ tiếng, đều trả lời hết mọi vấn đề họ hỏi. Khắp khiến cho những chúng sinh vấn nạn đều hết hoài nghi, mà được khai ngộ. Người có vấn đề lớn thì khai ngộ lớn, vấn đề nhỏ thì khai ngộ nhỏ. Do đó : "Nghi lớn ngộ lớn, nghi nhỏ ngộ nhỏ, không nghi không ngộ". Trả lời hết những vấn đề của chúng sinh, chẳng còn dư thừa vấn đề nào mà không trả lời.

**Vì đắc được bậc nhất thiết trí quán
đảnh. Vì đắc được tạng vô ngại. Vì đắc
được tất cả pháp viên mãn quang minh. Vì
đầy đủ trí huệ nhất thiết trí.**

Vì Bồ Tát đắc được mười phương chư Phật đến vì Ngài quán đảnh. Lại đắc được tạng trí huệ viên dung vô

ngại. Lại đắc được tất cả pháp viên mãn quang minh. Lại đắc được đầy đủ viên mãn trí huệ nhất thiết trí. Vì vậy, cho nên Bồ Tát hay khiến cho tất cả chúng sinh khai ngộ.

Phật tử ! Đại Bồ Tát này an trụ hạnh thiện pháp rồi, tự được thanh tịnh, cũng hay dùng phương tiện không chấp trước, để khắp lợi ích tất cả chúng sinh. Chẳng thấy có chúng sinh được thoát khỏi ba cõi. Như trong ba ngàn đại thiên thế giới này, như vậy cho đến bất khả thuyết ba ngàn đại Thiên thế giới, biến hoá ra thân sắc vàng, đầy đủ tiếng vi diệu. Nơi tất cả pháp chẳng có chướng ngại, mà làm Phật sự.

Các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát này, Ngài an trụ nơi hạnh thiện pháp rồi. Ngài tự được thanh tịnh, cũng hay dùng phương tiện không chấp trước, mà khắp lợi ích tất cả chúng sinh. Chẳng thấy có chúng sinh được độ thoát khỏi ba cõi, tại sao ? Vì Bồ Tát chẳng chấp tướng, do đó :

"Suốt ngày độ sinh, mà chẳng chỗ độ.

Suốt ngày nói pháp, mà chẳng chỗ nói".

Dùng vô sở độ, vô sở thuyết, không tướng, không chấp như vậy, để giáo hoá chúng sinh.

Bồ Tát ở trong ba ngàn đại thiên thế giới, biến hoá thân sắc vàng, rộng làm Phật sự, để tùy thuận căn tánh của tất cả chúng sinh, vì họ diễn nói diệu pháp. Giống như vậy,

cho đến bất khả thuyết ba ngàn đại thiên thế giới, Bồ Tát biến hoá ra thân sắc vàng, dùng pháp âm vi diệu đầy đủ, để diễn nói tất cả diệu pháp không thể nghĩ bàn, mà chẳng chướng ngại, để làm Phật sự mà Phật hay làm.

Phật tử ! Đại Bồ Tát này, thành tựu mười thứ thân. Đó là: Thân vào vô biên pháp giới, chẳng vào trong các cõi, vì diệt tất cả thế gian. Thân vào vô biên pháp giới, vào trong các cõi, vì sinh tất cả thế gian. Thân chẳng sinh, vì trụ pháp bình đẳng không sinh. Thân chẳng diệt, vì tất cả đều diệt lời nói bất khả đắc. Thân chẳng thật, vì được như thật. Thân chẳng vọng, vì tùy cơ ứng hiện. Thân chẳng dời, vì lìa chết đây sinh kia. Thân chẳng hoại, vì tánh pháp giới chẳng hoại. Thân một tướng, vì đường lời lẽ ba đời đều bậc. Thân vô tướng, vì hay khéo quán sát pháp tướng.

Các vị đệ tử của Phật ! Vị đại Bồ Tát này, Ngài thành tựu được mười thứ thân này :

1. Oai thể thân : Thân vào được vô biên pháp giới, mà chẳng vào trong các cõi, vì hay diệt tất cả thế gian.

2. Ý sinh thân : Thân vào được trong vô biên pháp giới, trong tất cả cõi, vì hay sinh tất cả thế gian, tức cũng là ở trong thế gian giáo hoá chúng sinh.

3. Bất sinh thân : Tức là Bồ đề thân, vì trụ pháp bình đẳng không sinh, tức cũng là vô sinh pháp nhẫn.

4. Bất diệt thân : Tức là phước đức thân, vì tất cả đều diệt, lời nói cũng không thể đắc được.

5. Bất thật thân : Tức là trí thân, vì đắc được lý thể chân như thật tướng.

6. Bất vọng thân : Tức là hoá thân, chẳng hiện vọng, vì tuy cơ ứng hoá hiện tất cả mọi nơi.

7. Bất Thiên thân : Tức là lực trì thân, cho nên thứ thân này chẳng còn sinh tử, chẳng phải nói tại đây chết rồi, lại đi đến chỗ khác sinh.

8. Bất hoại thân : Tức là pháp thân, vĩnh cửu chẳng hoại như kim cương, đồng thể với pháp giới.

9. Nhất tướng thân : Tức là tướng hảo trang nghiêm thân, tạng tướng mười hoa sen, đồng với một tướng, vì đường lời lẽ ba đời đều bậc.

10. Vô tướng thân : Tức là nguyện thân, vì hay khéo quán sát tất cả pháp tướng.

Bồ Tát thành tựu mười thứ thân như vậy, là nhà của tất cả chúng sinh, vì nuôi lớn tất cả căn lành. Là cứu tất cả chúng sinh, vì khiến cho họ được an ổn. Là chỗ trở về của tất cả chúng sinh, vì làm chỗ nương tựa cho họ. Là đạo sư của tất cả chúng sinh, vì khiến cho họ được vô thượng thoát khỏi ba cõi. Là thầy của tất cả chúng sinh, vì khiến cho họ vào trong

pháp chân thật. Là đèn sáng của tất cả chúng sinh, vì khiến cho họ thấy rõ nghiệp báo. Là quang minh của tất cả chúng sinh, vì khiến cho chiếu rõ diệu pháp thâm sâu. Là đuốc soi của tất cả ba đời, vì khiến cho họ tỏ ngộ thật pháp. Là chiếu sáng tất cả thế gian, khiến cho họ vào trong quanh minh địa. Là ánh sáng của tất cả các cõi, vì thị hiện tự tại của Như Lai.

Bồ Tát thành tựu mười thứ thân này rồi, hay làm nhà của tất cả chúng sinh, vì trợ giúp chúng sinh nuôi lớn tất cả căn lành. Lại làm cứu tinh của tất cả chúng sinh, khiến cho chúng sinh đều đắc được đại an ổn. Lại làm chỗ trở về của tất cả chúng sinh, vì làm chỗ nương tựa của chúng sinh. Lại làm đạo sư của tất cả chúng sinh, vì khiến cho chúng sinh đắc được diệu pháp vô thượng thoát khỏi ba cõi. Lại làm thầy của tất cả chúng sinh, vì khiến cho chúng sinh vào trong tạng pháp chân thật. Lại làm đèn sáng của tất cả chúng sinh, vì khiến cho chúng sinh thấy nghiệp báo của mình đã tạo. Do đó :

"Muốn biết nhân đời trước
Đời này mình đang thọ.
Muốn biết quả đời sau
Đời này mình đang làm".

Do đó có thể biết, trồng nhân lành được quả lành, trồng nhân ác được quả ác. Nghiệp báo là do mình tạo thành. Trong bài khuyên đời Nhân Quả Ba Đời có nói :

"Đời này giàu sang là nhân gì ?
Đời trước đem tiền làm Phật vàng.
Đời này nghèo hèn là nhân gì ?
Đời trước chẳng chịu giúp kẻ nghèo".

Đây tức là luật nhân quả. Do đó :

"Trồng dưa được dưa
Trồng đậu được đậu".

Ai ai cũng đều biết đạo lý này, nhưng chẳng thực hành. Tại sao ? Vì tham sân si tác quái, trở thành đá cột chân. Lại làm quang minh của tất cả chúng sinh, vì phá tan tất cả sự đen tối, khiến cho chúng sinh chiếu thấy diệu pháp thâm sâu. Lại làm đuốc soi tất cả ba đời, vì khiến cho chúng sinh hiểu ngộ diệu pháp thật tướng. Lại làm chiếu sáng tất cả thế gian, vì khiến cho chúng sinh đều vào trong quang minh địa. Lại làm trắng sáng trong tất cả các cõi, vì thị hiện thân lực tự tại của Phật.

Phật tử ! Đó gọi là hạnh pháp thiện thứ chín của đại Bồ Tát. Bồ Tát an trụ ở hạnh này, vì tất cả chúng sinh làm ao pháp mát mẻ, tận cùng được nguồn gốc của tất cả Phật pháp.

Các vị đệ tử của Phật ! Đây gọi là pháp môn hạnh thiện pháp thứ chín của đại Bồ Tát tu hành. Bồ Tát an trụ ở

trong hạnh này, hay làm ao pháp mát mẻ cho tất cả chúng sinh, khiến cho chúng sinh chẳng còn nhiệt phiền não, hay cùng tận nơi nguồn gốc rốt ráo của tất cả Phật pháp.

Phật tử ! Những gì là hạnh chân thật của đại Bồ Tát ?

Bồ Tát Công Đức Lâm lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Gì là hạnh chân thật của đại Bồ Tát tu hành ? Tức là trí độ. Trí có vô tướng trí, nhất thiết chủng trí, biến hoá trí, đều thành thực hữu tình. Làm được thì nói được, nói được thì làm được, tức là chân thật.

Bồ Tát này thành tựu lời chân thật bậc nhất, như nói ra là làm được, làm được thì nói được.

Vị Bồ Tát này thành tựu lời lẽ chân thật bậc nhất, tức cũng là nói lời chân thật, chẳng nói dối. Chiếu theo lời nói đi làm, tức cũng là nói được là làm được, tuyệt đối chẳng phải nói được mà làm không được. Bồ Tát thì làm được mới nói được. Do đó :

"Lời nói đi đôi với việc làm
Việc làm đi đôi với lời nói
Lời nói việc làm phải tương ưng".

Tóm lại, Ngài nói được là Ngài làm được. Điều mà Ngài làm là điều mà Ngài nói. Ông Vương Dương Minh chủ trương học thuyết "Tri hành hợp nhất", tức là đạo lý biết được thì làm được, làm được thì biết được.

Bồ Tát này học theo lời chân thật của chư Phật ba đời. Vào chủng tánh của chư Phật ba đời. Đồng với căn lành của chư Phật ba đời. Đắc được không hai lời của chư Phật ba đời. Theo Như Lai học thành tựu trí huệ.

Bồ Tát tu hành chân thật, Ngài học tập lời nói chân thật của chư Phật ba đời. Ngài vào được trong chủng tánh của chư Phật ba đời. Ngài đồng căn lành với chư Phật ba đời. Ngài đắc được không hai lời của chư Phật ba đời. Thường theo Phật học thì có trí huệ, thành tựu lời chân thật, tức cũng là nói được là làm được, làm được thì nói được.

Bồ Tát này thành tựu trí huệ biết chúng sinh thị xứ phi xứ. Trí huệ quá khứ vị lai hiện tại nghiệp báo. Trí huệ các căn lợi độn. Trí huệ đủ thứ giới. Trí huệ đủ thứ kiến giải. Trí huệ tất cả chí xứ đạo. Trí huệ các thiên giải thoát tam muội cấu tịnh khởi thời phi thời. Trí huệ tất cả thế giới tức trụ tùy niệm. Trí huệ thiên nhãn. Trí huệ lậu tận. Mà chẳng xả bỏ tất cả hạnh Bồ Tát. Tại sao ? Vì muốn giáo hoá tất cả chúng sinh, khiến cho họ đều thanh tịnh.

Vị Bồ Tát này, vì thường theo Phật học, cho nên đắc được mười thứ trí huệ :

1. Trí huệ biết được thị xứ (chỗ trồng nhân lành), phi xứ (chỗ trồng nhân ác) của tất cả chúng sinh. Lại có thể nói thành tựu Phật quả là thị xứ, đọa lạc địa ngục là phi xứ. Bồ Tát biết rõ tất cả chúng sinh làm những gì, đắc được quả báo như thế nào ?

2. Trí huệ biết nghiệp báo của tất cả chúng sinh trong ba đời. Tức cũng là đời quá khứ tạo nhân gì, đời hiện tại phải thọ quả báo gì, đời vị lai lại được quả báo gì ?

3. Trí huệ biết căn tánh của tất cả chúng sinh. Tại sao họ rất thông minh ? Tại sao họ rất ngu si ? Người thông minh vì siêng tu Bát nhã, vào sâu tạng kinh. Người ngu si, vì có vô minh, phiền não, đố kỵ, chướng ngại, ích kỷ, lợi mình, chẳng chịu học tập Phật pháp. Bồ Tát có trí huệ này phân biệt được.

4. Trí huệ biết chúng sinh trong đủ thứ cõi, đều có cảnh giới khác nhau.

5. Trí huệ biết chúng sinh có đủ thứ tri giải.

6. Trí huệ biết chúng sinh tu pháp gì, thì chúng được quả vị đó.

7. Trí huệ biết ở trong thiên định, có vọng tưởng tức là cấu bần, không có vọng tưởng tức là tịnh. Khi vọng tưởng khởi, khi một niệm không sinh, Bồ Tát đều biết rõ.

8. Trí huệ biết túc trụ tùy niệm của tất cả thế giới.

9. Trí huệ thiên nhãn vô ngại.

10. Trí huệ dứt sạch tập khí.

Bồ Tát biết đủ thứ tất cả nhân duyên và quả báo. Ngài vẫn chiếu theo nguyện của mình đã phát, để hành Bồ

Tát đạo. Tại sao ? Vì Bồ Tát chẳng phải vì mình đắc được thanh tịnh, mà là vì muốn giáo hoá hết thảy tất cả chúng sinh, đều đắc được rốt ráo thanh tịnh.

Bồ Tát này lại sinh tâm tăng thượng như vậy : Nếu tôi chẳng khiến cho tất cả chúng sinh, trụ nơi đạo vô thượng giải thoát, mà tôi trước thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì trái với nguyện xưa của tôi, không thể được.

Vì Bồ Tát này, Ngài lại sinh tâm tăng thượng như vậy : Giả sử tôi chẳng khiến cho tất cả chúng sinh, đều trụ nơi đạo quả vô thượng giải thoát, mà tôi trước thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì trái với lời nguyện thưở xưa của tôi, đây là việc không thể được.

Vì vậy cho nên, trước hết tôi phải khiến cho tất cả chúng sinh, đắc được vô thượng bồ đề, Vô Dư Niết Bàn, sau đó tôi mới thành Phật.

Vì nguyên nhân đó, cho nên trước hết tôi phải khiến cho tất cả chúng sinh, đều đắc được đạo quả vô thượng bồ đề, đều vào Vô Dư Niết Bàn. Sau đó tôi mới thành Phật. Nếu có một chúng sinh chưa vào Vô Dư Niết Bàn, thì tôi cũng chẳng thành Phật. Các vị xem ! Tư tưởng của Bồ Tát thật là vĩ đại ! Tất cả đều vì chúng sinh mà chẳng vì mình,

làm mô phạm cho chúng ta. Các bạn nên học tập theo tinh thần từ bi của Bồ Tát.

Tại sao ? Vì chẳng phải chúng sinh thỉnh mời tôi phát tâm, mà tôi tự vì chúng sinh làm bạn chẳng mời thỉnh. Trước hết muốn khiến cho tất cả chúng sinh đầy đủ căn lành, thành nhất thiết trí. Vì vậy cho nên tôi là tối thắng, vì chẳng chấp trước tất cả thế gian. Tôi là tối thượng, vì trụ bậc vô thượng điều ngự. Tôi lià sự che lấp, vì hiểu chúng sinh không bờ mé. Tôi đã làm xong, vì nguyện xưa thành tựu. Tôi khéo biến hoá, vì Bồ Tát công đức trang nghiêm. Tôi khéo nương chỗ khéo nương tựa, vì được chư Phật ba đời nhiếp thọ.

Tại tại sao ? Vì khi hành Bồ Tát đạo, thì chẳng có chúng sinh nào thỉnh mời tôi phát tâm bồ đề, mà là tôi cam tâm tình nguyện phát tâm độ chúng sinh, hành Bồ Tát đạo. Tôi tự nguyện làm bạn của chúng sinh không thỉnh mời. Tôi muốn khiến cho tất cả chúng sinh đều đầy đủ tất cả căn lành, thành tựu nhất thiết trí. Vì nguyên nhân này, cho nên tôi là tối thù thắng, vì tôi chẳng chấp trước tất cả danh lợi của thế gian. Tôi là tối thượng hành Bồ Tát đạo, vì tôi thường trụ bậc vô thượng điều ngự chúng sinh. Tôi lià khỏi phiền não che lấp, vì tôi minh bạch chúng sinh chẳng có bờ

mé. Tôi đã làm xong việc phải làm, vì nguyện xưa của tôi đã phát, là thành tựu hạnh Bồ Tát. Tôi khéo giáo hoá, vì công đức của Bồ Tát trang nghiêm. Tôi là nơi khéo nương tựa, giống như làm cha mẹ của chúng sinh, vì tôi được chư Phật ba đời thường nhiếp thọ.

Đại Bồ Tát này, vì chẳng bỏ nguyện xưa, nên được vào trí huệ trang nghiêm vô thượng, lợi ích chúng sinh, đều khiến cho họ được đầy đủ. Theo thệ nguyện xưa, thấy đều được rất ráo. Ở trong tất cả pháp, trí huệ tự tại, khiến cho tất cả chúng sinh đều đắc được thanh tịnh.

Vị đại Bồ Tát này, vì Ngài chẳng xả bỏ nguyện thọ xưa của mình đã phát, mà được vào trí huệ trang nghiêm vô thượng, mới có thể lợi ích chúng sinh, mới có thể khiến cho chúng sinh toại tâm mãn nguyện. Bồ Tát theo thệ nguyện xưa, khiến cho tất cả chúng sinh đều đắc được rất ráo Niết Bàn. Ở trong tất cả pháp, trí huệ chiếu rõ các pháp, nhậm vận tự tại, khiến cho tất cả chúng sinh thấy đều đắc được thanh tịnh.

Niệm niệm du khắp mười phương thế giới. Niệm niệm đến khắp bất khả thuyết bất khả thuyết cõi nước chư Phật. Niệm niệm đều thấy bất khả thuyết bất khả thuyết chư Phật, và cõi nước chư Phật

trang nghiêm thanh tịnh. Thị hiện thần lực tự tại của Như Lai, khắp pháp giới hư không giới.

Bồ Tát ở trong mỗi niệm du khắp mười phương thế giới, để giáo hoá tất cả chúng sinh. Lại ở trong mỗi niệm thấy khắp bất khả thuyết bất khả thuyết chư Phật, và cõi nước chư Phật trang nghiêm thanh tịnh. Vị Bồ Tát này thị hiện được thần lực tự tại của Phật, đầy đầy khắp pháp giới hư không giới.

Bồ Tát này, hiện ra vô lượng thân, vào khắp thế gian mà chẳng chỗ nương. Ở trong thân đó, hiện ra tất cả cõi nước, tất cả chúng sinh, tất cả các pháp, tất cả chư Phật.

Vị Bồ Tát này, Ngài hiện ra vô lượng vô biên thân, vào khắp trong tất cả thế gian, mà chẳng chỗ nương. Thân của Ngài vô tại vô bất tại, vô nhập vô bất nhập. Nơi đầu mỗi chân lông trên thân của Bồ Tát, hiện ra được mười phương chư Phật cõi nước. Lại hiện ra tất cả chúng sinh, lại diễn nói tất cả các pháp, lại có tất cả chư Phật đang giáo hoá chúng sinh.

Bồ Tát này, biết đủ thứ suy nghĩ, đủ thứ dục vọng, đủ thứ kiến giải, đủ thứ nghiệp báo, đủ thứ căn lành, của chúng

sinh. Tuỳ theo căn cơ của chúng sinh mà hiện thân, để điều phục họ.

Vị Bồ Tát này, Ngài biết được hết thấy chúng sinh đang nghĩ gì ? Hoan hỉ mong muốn những gì ? Lại biết đủ thứ kiến giải của chúng sinh như thế nào ? Lại biết nghiệp báo của chúng sinh khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo, như thế nào ? Lại biết căn lành của chúng sinh tăng trưởng ra sao ? Thành thực ra sao ? Giải thoát ra sao ? Tuỳ theo nhân duyên của chúng sinh mà hiện thân, để điều phục họ, khiến cho họ lìa khổ được vui.

Quán sát tất cả Bồ Tát như huyễn. Tất cả các pháp như hoá. Phật xuất hiện ra đời như hình bóng. Tất cả thế gian như mộng. Đắc được nghĩa thân văn thân vô tận tạng, chánh niệm tự tại, quyết định biết rõ tất cả các pháp. Trí huệ tối thắng, vào tất cả tam muội chân thật tướng, trụ bậc một tánh không hai.

Quán sát tất cả Bồ Tát như huyễn hoá. Tất cả các pháp như biến hoá. Phật hiện ra thế gian như hình bóng. Tất cả thế gian như nằm mộng. Đắc được thân của tất cả nghĩa lý, đắc được thân của tất cả Kinh văn, pháp tạng vô tận. Bồ Tát chánh niệm tự tại, quyết định biết rõ tất cả các pháp thật tướng, trí huệ tối thù thắng. Vào được tất cả tam muội chân như thật tướng, trụ nơi bậc một tánh không hai.

Vì các chúng sinh đều chấp trước nơi hai, nên đại Bồ Tát an trụ nơi đại bi, tu hành pháp tịch diệt như vậy.

Vì tất cả chúng sinh đều chấp trước nơi thân, tục, hai đế. Bồ Tát biết chúng sinh chấp trước đủ thứ pháp, cho nên đại Bồ Tát an trụ nơi tâm đại bi, tu hành pháp tịch diệt này. Tức cũng là quét tất cả pháp, lia tất cả tướng.

Đắc được thập lực của Phật, vào lưới pháp giới Nhân đà la. Thành tựu giải thoát vô ngại của Như Lai, hùng mãnh trong loài người, đại sư tử hồng. Đắc được không sợ hãi. Chuyển được bánh xe pháp thanh tịnh vô ngại. Đắc được trí huệ giải thoát. Biết rõ tất cả cảnh giới thế gian, đoạn tuyệt dòng sinh tử luân hồi, vào biển lớn trí huệ. Vì tất cả chúng sinh, mà hộ trì chánh pháp của chư Phật ba đời, đến được tột đáy nguồn biển thật tướng của tất cả Phật pháp.

Bồ Tát đắc được mười lực trí huệ của Phật, vào được lưới pháp giới Nhân đà la, thành tựu giải thoát không chướng ngại của Phật. Là tối hùng mãnh trong thế gian, như đại sư tử hồng. Đắc được nói pháp không sợ hãi, chuyển được bánh xe diệu pháp vô ngại thanh tịnh viên dung vô ngại. Đắc được trí huệ giải thoát, thấu rõ biết được

đủ thứ cảnh giới của tất cả thế gian, dứt hẳn dòng sinh tử luân hồi. Vào được trong biển lớn trí huệ. Vì giáo hoá tất cả chúng sinh, mà hộ trì chánh pháp nhãn tạng của chư Phật ba đời diển nói. Đến được nơi rốt ráo biển thật tướng của tất cả các pháp, tức cũng là đáy nguồn của thật tướng.

Bồ Tát trụ hạnh chân thật này rồi, tất cả thế gian, trời, người, ma, Phạm, Sa Môn, Bà La Môn, Càn Thát Bà, A tu la .v.v... ai gần gũi Bồ Tát này, thì đều khiến cho họ khai ngộ, hoan hỷ thanh tịnh.

Bồ Tát tu hạnh chân thật, Ngài trụ nơi hạnh chân thật này rồi, hết thấy tất cả thế gian, người trên trời, người nhân gian, ma vương, Đại Phạm Vương, Sa Môn, Bà La Môn, Càn Thát Bà, A tu la .v.v... Những chúng sinh này, nếu gần gũi vị Bồ Tát này, thì sẽ khiến cho họ được khai ngộ, đắc được đại trí huệ. Chỉ là trong lúc thời gian đó có khác nhau về sớm muộn. Người căn lành chín mùi thì trong thời gian ngắn có thể sẽ khai ngộ. Người căn lành chưa chín mùi, thì thời gian dài mới có thể khai ngộ. Tóm lại, đều khiến cho họ khai ngộ, lại hoan hỷ lại thanh tịnh.

Có người nói : "Tôi đến Chùa Kim Sơn tu hành, đã có thời gian bảy tám năm, nhưng vẫn chưa khai ngộ". Bạn phải biết thời gian năm mươi năm ở nhân gian, bất quá là một ngày đêm trên cõi trời Tứ Thiên Vương mà thôi. Bạn mới tu hành bốn tiếng đồng hồ, phải tiếp tục dùng mãnh tinh tấn, một lòng tham thiền, một lòng lạy Phật, thì mới có tin tức. Người tu hành phải có công phu nhẫn thọ, bất cứ

gặp hoàn cảnh nào, đều phải nhẫn thọ ! Nhẫn thọ ! Tâm không lay động, như thế mới được hoan hỷ, mới được thanh tịnh. Nếu chẳng có tạp niệm, thì sẽ được tự tại.

Đó gọi là hạnh chân thật thứ mười của đại Bồ Tát.

Bồ Tát Công Đức Lâm nói : Đây gọi là pháp môn hạnh chân thật thứ mười của đại Bồ Tát tu hành.

Bấy giờ, do thần lực của đức Phật, mỗi phương trong mười phương, có các thế giới nhiều như số hạt bụi cõi Phật, sáu thứ chân động. Đó là: Động, biến động, đẳng biến động. Khởi, biến khởi, đẳng biến khởi. Dững, biến dững, đẳng biến dững. Chấn, biến chấn, đẳng biến chấn. Hống, biến hống, đẳng biến hống. Kích, biến kích, đẳng biến kích.

Khi nói xong thập hạnh, thì do đại oai thần lực của mười phương chư Phật, trong mười phương thế giới, mỗi phương có các thế giới nhiều như số hạt bụi cõi Phật, đồng thời phát sinh sáu thứ chân động. Tức là: Động, dững, khởi (thuộc về hình tướng), chấn, hống, kích (thuộc về âm thanh). Trong mỗi thứ lại có ba hiện tượng, biến thành mười tám thứ chân động.

Động : Thì động tại một phương. Biến động : Động khắp một thế giới. Đẳng biến động : Mười phương thế giới đồng thời biến động. Cho đến kích, cũng đều như vậy.

Bấy giờ, trời mưa xuống hoa trời đẹp, hương trời, hương bột trời, man trời, y trời, châu báu trời, đồ trang nghiêm trời, tấu âm nhạc trời, phóng ánh sáng trời, diễn xướng âm thanh chư Thiên vi diệu.

Lúc đó, trên trời mưa xuống hoa trời đẹp, hương trời, hương bột trời, man trời, y trời, báu trời, đồ trang nghiêm trời .v.v... Đẽ trang nghiêm thanh tịnh. Đồng thời lại diễn tấu âm nhạc trời, lại phóng ánh sáng trời, lại diễn xướng âm thanh vi diệu của chư Thiên không thể nghĩ bàn.

Như tại thế giới này, cung trời Dạ Ma nói pháp Thập Hạnh, thị hiện thần biến. Mười phương thế giới cũng đều như thế.

Khi tại thế giới Ta Bà cung trời Dạ Ma nói pháp Thập Hạnh, thị hiện đủ thứ thần biến ở trên. Đồng thời tại cung trời Dạ Ma trong mười phương thế giới, cũng đều hiện ra cảnh giới này. Đây là biểu thị pháp Thập Hạnh, là pháp lớn cơ bản của Bồ Tát, khiến cho người tu hạnh Bồ Tát dẫn khởi chú ý, chuyên tâm nhất ý để tu pháp này.

Lại nhờ thần lực của đức Phật, mỗi phương trong mười phương, qua ngoài các

thế giới nhiều như số hạt bụi mười vạn cõi Phật. Có các Bồ Tát nhiều như số hạt bụi mười vạn cõi Phật, đều tụ lại đi đến cõi này, đầy khắp trong mười phương. Nói với Bồ Tát Công Đức Lâm rằng : Phật tử ! Lành thay ! Lành thay ! Hay khéo diễn nói pháp của các Bồ Tát. Chúng tôi tất cả đều đồng danh hiệu Công Đức Lâm, ở các thế giới, đều tên là Công Đức Tràng. Các Như Lai ở cõi đó, đều đồng danh hiệu là Phổ Công Đức. Chúng tôi ở chỗ chư Phật cũng nói pháp này. Chúng hội quyền thuộc, lời lẽ nghĩa lý, cũng đều như vậy, chẳng có tăng giảm.

Lại do đại oai thần lực của mười phương chư Phật, mỗi phương trong mười phương qua ngoài các thế giới nhiều như số hạt bụi mười vạn cõi Phật. Lại có các Bồ Tát nhiều như số hạt bụi mười vạn cõi Phật. Các Ngài cùng nhau đến thế giới Ta Bà, đầy đầy trong mười phương. Các Ngài đồng thời nói với Bồ Tát Công Đức Lâm rằng : "Lành thay ! Lành thay ! Đệ tử của Phật ! Ngài hay khéo diễn nói phương pháp tu hành của các Bồ Tát, hoàn toàn đều nói ra hết, chẳng giữ lại một pháp nào, thấy đều nói ra cho tất cả chúng sinh, khiến cho họ y pháp tu hành, công đức của Ngài thật vô lượng vô biên. Danh hiệu của chúng tôi đều

giống nhau, đều gọi là Bồ Tát Công Đức Lâm, thế giới của chúng tôi ở, đều đồng tên, gọi là thế giới Công Đức Tràng. Trong tất cả thế giới Công Đức Tràng đều có một vị Phật, danh hiệu đều gọi là Phật Phổ Công Đức. Phật đạo tràng của chúng tôi cũng nói pháp môn Thập Hạnh. Đại chúng và quyền thuộc trong hải hội, lời lẽ nghĩa lý nói pháp Thập Hạnh, đều giống như Ngài nói, đều nói Phẩm Thập Hạnh của Kinh Hoa Nghiêm. Lời lẽ và nghĩa lý chẳng có tăng thêm, cũng chẳng có giảm bớt.

Phật tử ! Chúng tôi đều nương thần lực của Phật, đến vào hội này, vì Ngài làm chứng. Mười phương thế giới, cũng đều như thế.

Bồ Tát nhiều như số hạt bụi mười vạn cõi Phật, khác miệng cùng lời nói : "Đệ tử của Phật ! Chúng tôi đều nương đại oai thần lực của chư Phật, đều đến thế giới Ta Bà cung trời Dạ Ma pháp hội Điện Bảo Trang Nghiêm, mà làm chứng cho Ngài. Chứng minh mười phương hết thảy thế giới, cũng đều giống như tại pháp hội Điện Bảo Trang Nghiêm diễn nói pháp môn Thập Hạnh".

Bấy giờ, Bồ Tát Công Đức Lâm nương thần lực của đức Phật, quán sát khắp mười phương, tất cả chúng hội, tận cùng pháp giới. Vì muốn khiến cho giống tánh Phật không dứt. Vì muốn khiến cho giống tánh

Bồ Tát thanh tịnh. Vì muốn khiến cho giống tánh nguyện không thoái chuyển. Vì muốn khiến cho giống tánh hạnh thường liên tục. Vì muốn khiến cho giống tánh ba đời đều bình đẳng. Vì muốn nhiếp thọ tất cả giống tánh Phật ba đời. Vì muốn khai diễn sở trồng các căn lành. Vì muốn quán sát tất cả các căn. Vì muốn hiểu phiền não tập khí tâm hành sở tác. Vì muốn chiếu rõ tất cả Phật bồ đề, mà nói kệ rằng.

Lúc đó, Bồ Tát Công Đức Lâm, Ngài nương đại oai thần lực của Phật, quán sát khắp tất cả hết thảy chúng hội trong mười phương thế giới, tận hư không biến pháp giới, vì muốn khiến cho giống tánh Phật không dứt, tức cũng là tục Phật huệ mạng. Vì muốn khiến cho hết thảy giống tánh Bồ Tát trong mười phương đều được thanh tịnh. Vì muốn khiến cho hết thảy chúng sinh giống tánh nguyện đã phát ra đều không thoái chuyển, đều chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì muốn khiến cho giống tánh tu hành liên tục không gián đoạn, thường thường dững mãnh tinh tấn để tu hành, tức cũng là chẳng thoái chuyển tâm đại thừa. Vì muốn khiến cho tất cả giống tánh của chư Phật ba đời đều hoàn toàn bình đẳng. Vì muốn nhiếp thọ tất cả giống tánh Phật trong mười phương ba đời chẳng dứt, tức cũng là khiến cho tất cả chúng sinh đều có thể thành Phật. Vì muốn khai diễn căn lành của tất cả chúng sinh gieo trồng, khiến cho tăng trưởng thành tựu, được giải thoát. Vì muốn

quán sát các căn của tất cả chúng sinh thẳng hay liệ, dùng đủ thứ pháp môn phương tiện khéo léo để giáo hoá họ. Vì muốn thấu hiểu tất cả phiền não, tất cả tập khí, tất cả tâm hành, tất cả sở tác. Vì muốn chiếu rõ tất cả chư Phật bồ đề đạo. Vì mười nguyên nhân này, cho nên Bồ Tát Công Đức Lâm lại dùng 101 bài kệ, thuật lại đạo lý pháp môn Thập Hạnh đã nói ở trước, khiến cho chúng sinh tăng thêm ấn tượng, dễ dàng y pháp tu hành.

**Một lòng kính lễ đấng Thập Lực
Lìa cấu thanh tịnh thấy vô ngại
Cảnh giới sâu xa không gì bằng
Bậc trụ trung đạo như hư không.**

Bồ Tát tu Thập Hạnh, chuyên tâm nhất ý, kính lễ mười phương chư Phật. Chư Phật là bậc lìa khỏi trần cấu, là bậc trí huệ thanh tịnh, là bậc thấy vô ngại. Cảnh giới của chư Phật sâu xa nhất, vi diệu nhất, không có gì sánh bằng. Bậc tu hành trụ trung đạo như hư không.

Bài kệ này là bài đầu quy kính, chín mươi sáu bài kệ tiếp, tụng lại văn ở trước, sau cùng có bốn bài kệ là kết thúc hoan hỉ sâu rộng.

**Quá khứ đấng Tối Thắng trong người
Công đức vô lượng chẳng chấp trước
Dũng mãnh bậc nhất không ai bằng
Bậc lìa trần kia hành đạo này.**

Trong quá khứ là tối thù thắng trong loài người, công đức tu hành vô lượng vô biên, nhưng chẳng chấp trước. Dũng mãnh tinh tấn bậc nhất, chẳng có ai tinh tấn hơn Ngài. Đây là vị Bồ Tát lìa khỏi tất cả trần cấu nhiễm ô, Ngài tu hành hạnh môn này.

**Hiện tại mười phương các cõi nước
Khéo hay khai diễn nghĩa đệ nhất
Lìa các lỗi ác tối thanh tịnh
Bậc không nương tựa hành đạo này.**

Hiện tại trong tất cả cõi nước chư Phật mười phương, khéo hay diễn nói nghĩa tối thắng bậc nhất. Lìa khỏi tất cả lỗi ác, đắc được trí huệ tối thanh tịnh. Đây là vị Bồ Tát tu không nương tựa, Ngài tu hành hạnh môn này.

**Vị lai hết thấy nhân sự tử
Du hành khắp hết nơi pháp giới
Đã phát tâm đại bi chư Phật
Bậc lợi ích kia hành đạo này.**

Vị lai hết thấy đấng sư tử trong loài người, du hành khắp hết nơi pháp giới, đã phát tâm đại bi giống như chư Phật, đây là vị Bồ Tát nhiều ích kia, Ngài tu hành hạnh môn này.

**Ba đời hết thấy đấng Vô Tử
Tự nhiên trừ diệt ngu si tối
Nơi tất cả pháp đều bình đẳng**

Bậc đại lực kia hành đạo này.

Ba đời hết thấy tất cả chư Phật, tự nhiên diệt trừ vô minh. Vô minh tức là không biết, không biết tức là ngu si, ngu si tức là đen tối. Tại sao phải trừ diệt ngu si tối ? Vì muốn chứng được quang minh nhất thiết trí huệ. Ví dụ, một căn phòng tối, dũi tay ra chẳng thấy năm ngón tay, nếu tìm được chỗ bấm nút điện, dùng tay bậc đèn lên, thì sẽ sáng lên, hoàn toàn sáng sủa. Tất cả mọi vật mới nhìn thấy rõ ràng. Ba đời chư Phật đã trừ diệt được ngu si đen tối, cho nên chứng được tất cả pháp bình đẳng, tức cũng là chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây là vị Bồ Tát kia có thập trí lực, Ngài tu hành pháp môn này.

Khắp thấy vô lượng vô biên giới Tất cả các cõi và các thú Thấy rồi nơi tâm chẳng phân biệt Bậc không động kia hành đạo này.

Khắp thấy được vô lượng vô biên các thế giới cõi nước chư Phật, lại khắp thấy được tất cả các cõi (tam giới hai mươi lăm cõi) và tất cả các thú (lục đạo). Tuy nhiên thấy được các cõi các thú, nhưng tâm chẳng có phân biệt. Đây là Bồ Tát như như chẳng động, rõ ràng sáng suốt, Ngài tu hành hạnh môn này.

Pháp giới hết thấy đều thấu rõ Nơi nghĩa đệ nhất tối thanh tịnh Vĩnh phá sân mạn và ngu si

Bậc công đức kia hành đạo này.

Pháp giới có mười thứ :

1. Pháp giới của Phật.
2. Pháp giới của Bồ Tát.
3. Pháp giới của Duyên Giác.
4. Pháp giới của Thanh Văn.
5. Pháp giới của trời.
6. Pháp giới loài người.
7. Pháp giới A tu la.
8. Pháp giới súc sinh.
9. Pháp giới ngựa quỷ.
10. Pháp giới địa ngục.

Do đó :

"Một pháp giới đầy đủ tất cả pháp giới
Tất cả pháp giới chẳng lìa một pháp giới".

Tức cũng là mười pháp giới không lìa một tâm niệm. Trong pháp giới có đủ thứ giới khác nhau, có đủ thứ kiến giải khác nhau, có đủ thứ căn tánh khác nhau, đủ thứ nghiệp báo khác nhau. Tóm lại, có đủ thứ sự khác nhau. Muốn minh bạch hết tất cả sự vật và đạo lý trong pháp giới, thật không phải dễ dàng. Chúng ta phạm phu tục tử chẳng làm được. Song, Phật và Bồ Tát đều thấu rõ, đối với nơi đệ nhất nghĩa (pháp môn không hai) chứng được trí huệ tối thanh tịnh, mà phá tan tất cả phiền não, chẳng có tâm sân hận, chẳng có hành vi ngã mạn. Đây là vị có đại công đức, Ngài tu hành hạnh môn này.

Nơi các chúng sinh khéo phân biệt

**Đều vào pháp giới tánh chân thật
Tự nhiên giác ngộ chẳng do người
Bậc đồng hư không hành đạo này.**

Bồ Tát khéo biết đủ thứ căn, đủ thứ dục vọng, đủ thứ giới, đủ thứ kiến giải, của tất cả chúng sinh, nhưng chẳng sinh tâm phân biệt. Nhiếp tất cả chúng sinh vào trong pháp giới lý thể chân thật, khiến cho họ tự nhiên giác ngộ. Do đó : "Không thầy tự thông", chẳng cần có người dạy đạo. Đây là vị Bồ Tát hạnh đồng với hư không, Ngài tu hành hạnh môn này.

**Tận không hết thủy các cõi nước
Đều đến nói pháp rộng khai dụ
Pháp nói thanh tịnh không thể hoại
Bậc thắng mâu ni hành đạo này.**

Bồ Tát có thể đi đến tận hư không khắp pháp giới, các cõi nước chư Phật, diễn nói diệu pháp, dùng đạo lý rộng lớn để ví dụ, nói chân lý của nó, khiến cho chúng sinh nghe được liền khai ngộ. Diệu pháp nói ra đều là pháp thanh tịnh, chẳng nhiễm ô. Thiên ma ngoại đạo không thể phá hoại được. Đó là vị Bồ Tát tu hạnh môn thù thắng tịch nhiên, Ngài tu hành hạnh môn này.

**Đầy đủ vững chắc không thối chuyển
Thành tựu pháp tôn trọng tối thắng
Nguyện lực vô tận đến bờ kia
Bậc khéo tu kia hành đạo này.**

Bồ Tát tu tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào cũng đều đầy đủ viên mãn, vững chắc như kim cương, tuyệt đối không thoái lui về nhị thừa. Vì chẳng thoái chuyển, cho nên thành tựu pháp tối tôn trọng tối thù thắng. Nguyên lực của Bồ Tát phát ra vô cùng vô tận, đến được bờ bên kia. Đây là Bồ Tát khéo tu hành, Ngài tu hành hạnh môn này.

**Vô lượng vô biên tất cả cõi
Cảnh giới rộng lớn diệu thâm sâu
Đều thấy biết được không thừa sót
Bậc luận sư tử hành đạo này.**

Vô lượng vô biên mười phương cõi nước chư Phật, có cảnh giới rộng lớn thâm sâu vi diệu. Nhưng Bồ Tát đối với những cảnh giới không thể nghĩ bàn này, hoàn toàn biết được, cũng đều thấy được, chẳng có thừa sót. Ở trong một niệm, chiếu rõ vô lượng vô biên mười phương thế giới, đây tức là biện tài vô ngại. Bồ Tát hiện sư tử hồng, Ngài tu hành hạnh môn này.

**Tất cả câu nghĩa đều thấu rõ
Hết thấy dị luận đều thôi phục
Nơi pháp quyết định không chỗ nghi
Bậc đại mâu ni hành đạo này.**

Bồ Tát đối với câu thân, nghĩa thân, văn thân, của tất cả Kinh điển, thấy đều thấu rõ, tức cũng là biết được làm được. Do đó : "Nói được làm được, làm được nói được". Đây là chân chánh: "Vào sâu Tạng Kinh, trí huệ như biển".

Đối với hết thầy đệ luận, hoàn toàn thôi phục hết. Đệ luận tức là tư tưởng của bàng môn tả đạo, họ lấy trái làm phải, lấy phải làm trái. Trắng làm đen, đen làm trắng. Luận sư cường từ đoạt lý như vậy, điên đảo ngay thẳng thị phi. Tà tri tà kiến, khiến cho chúng sinh đi lầm vào đường tà. Bồ Tát dùng chánh luận chánh tri chánh kiến, thôi phục đệ đoan tà thuyết của ngoại đạo. Đối với chánh pháp, quyết định thấu rõ, chẳng có hoài nghi. Đó là Bồ Tát đại tịch mặc, Ngài tu hành hạnh môn này.

Mười một bài kệ ở trên là tụng bản hạnh ở trước. Bốn bài kệ học chư Phật ba đời mà tu hành. Bảy bài kệ hành lễ không thể nghĩ bàn.

**Xa lìa thế gian các lỗi hoạ
Khấp ban chúng sinh vui an ổn
Hay làm đại đạo sư vô đẳng
Bậc thắng đức kia hành đạo này.**

Tất cả lỗi hoạ của thế gian, tức là thân miệng ý ba nghiệp, tạo mười nghiệp ác, Do đó : "Làm các điều ác, chẳng làm việc lành". Bồ Tát tu hạnh hoan hỷ xa lìa được lỗi hoạ của thế gian, mà khấp ban cho chúng sinh vui an ổn. Làm bậc đại đạo sư thế gian không ai bằng được. Đó là Bồ Tát tu công đức thù thắng, Ngài tu hành hạnh môn này.

**Luôn dùng vô úy thí chúng sinh
Khấp khiến tất cả đều vui mừng
Tâm Ngài thanh tịnh lìa nhiễm trược
Bậc vô đẳng kia hành đạo này.**

Luôn luôn dùng bố thí vô úy, để bố thí cho tất cả chúng sinh, khắp khiến cho họ đều vui mừng. Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, tâm Ngài rất thanh tịnh, mà lìa khỏi được tất cả tu tướng nhiễm ô hỗn trược. Đó là Bồ Tát tu hạnh Bồ Tát không ai sánh bằng, Ngài tu hành hạnh môn này.

**Ý nghiệp thanh tịnh rất điều thiện
Lìa các hí luận miệng không lỗi
Oai quang viên mãn chúng khâm kính
Bậc tối thắng kia hành đạo này.**

Pháp quan trọng nhất của người tu đạo, là ý nghiệp thanh tịnh, tức cũng là chẳng có hành vi tham sân si ba độc. Rất điều phục tu tướng cương cứng, đối với tất cả chúng sinh đều hữu hảo thân thiện. Lìa khỏi được tất cả sự hí luận, thì chẳng tạo khẩu nghiệp. Vì chẳng có lỗi lầm, cho nên oai quang viên mãn, được tất cả chúng sinh khâm phục cung kính. Đó là Bồ Tát hành Bồ Tát đạo tối thù thắng, Ngài tu hành hạnh môn này.

**Vào nghĩa chân thật đến bờ kia
Trụ nơi công đức tâm vắng lặng
Chư Phật hộ niệm luôn chẳng quên
Bậc tiêu diệt cõi hành đạo này.**

Vào nghĩa lý chân thật thật tướng vô tướng, đã đạt đến bờ kia Niết Bàn rốt ráo. Trụ nơi công đức vô tướng, trong tâm thường vắng lặng an vui, chẳng có mọi phiền não. Người tu hành đó được chư Phật hộ niệm, thường

chẳng quên. Đó là Bồ Tát tiêu diệt tam giới hai mươi lăm cõi, Ngài tu hành hạnh môn này.

**Xa lìa cái ta không nào hại
Luôn dùng tiếng lớn tuyên chánh pháp
Mười phương cõi nước thấy đều nghe
Bậc tuyệt ví dụ hành đạo này.**

Xa lìa tướng ta, chấp ta và tướng pháp, chấp pháp, thì chẳng có tất cả phiền não. Tại sao chúng ta có phiền não ? Vì có cái ta. Trong Đạo Đức Kinh có nói :

"Sở dĩ tôi có đại hoạn, vì tôi có thân.

Nếu tôi không có thân, thì tôi có hoạn gì ?"

Nếu lìa khỏi được cái ta, thì chẳng có nào hại. Thường dùng tiếng rộng lớn để tuyên dương chánh pháp nhân tạng. Tiếng đó, vang đến mười phương các cõi nước, khắp hết tất cả, chẳng có chỗ nào mà không truyền đến. Đó là Bồ Tát tu chẳng dùng ví dụ mà thuyết minh chân lý, Ngài tu hành hạnh môn này.

**Thí Ba La Mật đã thành tựu
Trăm phước tướng tốt đều trang nghiêm
Chúng sinh thấy được đều vui mừng
Bậc tối thắng huệ hành đạo này.**

Bồ thí có ba thứ :

1. Bồ thí tài : Cứu được thân mạng của người.
2. Pháp thí : Cứu được huệ mạng của người.

Do đó : "Pháp thí là hơn hết". Trong các sự bố thí, thì bố thí pháp là công đức thù thắng nhất. Vì giảng Kinh thuyết pháp, khiến cho người khai ngộ, vĩnh viễn lìa khỏi các khổ, đắc được an vui chân chánh.

3. Bố thí vô úy : Có người trong lúc sợ hãi, dùng lời lẽ khéo léo để an ủi, khiến cho họ chẳng sợ hãi. Tu pháp môn bố thí, hay đạt đến bờ bên kia. Bố thí công đức viên mãn, thì sẽ thành tựu ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Cho nên chúng sinh thấy được vị Bồ Tát này, tâm sinh đại hoan hỷ, mà cung kính cúng dường. Đó là Bồ Tát trí huệ tối thù thắng, Ngài tu hành hạnh môn này.

Sáu bài kệ ở trên là khen ngợi hạnh thứ nhất (hạnh hoan hỷ) con đường của Bồ Tát tu hành.

**Trí địa thâm sâu khó vào được
Hay dùng diệu huệ khéo an trụ
Tâm Ngài rớt ráo chẳng lay động
Bậc hạnh kiên cố hành đạo này.**

Trí huệ của Phật rất là thâm sâu, chẳng dễ gì vào được. Song, vị Bồ Tát này tu hạnh nhiều ích, Ngài dùng diệu trí huệ không thể nghĩ bàn, khéo an trụ nơi trí địa. Vì có diệu huệ, cho nên tâm của Ngài rớt ráo, không bị cảnh giới lay động. Đó là vị Bồ Tát tu kiên cố bất động, Ngài tu hành hạnh môn này.

**Pháp giới hết thủy đều vào được
Tuỳ nơi chỗ vào đều rớt ráo
Thần thông tự tại bao quát hết**

Bậc pháp quang minh hành đạo này.

Hết thảy lý của tất cả pháp giới đều vào được. Tuy theo chỗ vào đều rất ráo. Vì có sức thần thông tựu tại, cho nên chẳng có gì mà không bao quát hết trong đó. Đó là Bồ Tát đắc được nhất thiết trí huệ quang minh, Ngài tu hành pháp môn này.

Các đấng đại mâu ni vô đẳng Siêng tu tam muội chẳng hai tướng Tâm thường trong định ưa vắng lặng Bậc thấy khắp kia hành đạo này.

Hết thảy tất cả đấng Đại Tịch Mặc không ai sánh bằng, thường thường siêng tu tập định lực, chẳng có hai tướng, tức cũng là thật tướng. Tâm thường an trụ ở trong định, hoan hỉ vắng lặng, chẳng có gì mà không biết, chẳng có gì mà không thấy. Đó là Bồ Tát thấy biết khắp, Ngài tu hành hạnh môn này.

Các cõi nước vi tế rộng lớn Nhiếp vào lẫn nhau đều khác biệt Nhu cảnh giới đó đều biết rõ Bậc trí sơn vương hành đạo này.

Ở trong mỗi hạt bụi, đều hiện ra các cõi nước Phật rộng lớn. Mỗi thế giới và mỗi thế giới nhiếp vào với nhau. Giữa đó đây đều có cùng quan hệ tồn tại với nhau. Giống như mặt trời, mặt trăng, và trái đất, cho đến các hành tinh khác, đều có sức hút với nhau. Song, đều có hình tướng

khác nhau, chẳng giống. Do đó đều có sự khác biệt. Mỗi thế giới vi tế và mỗi thế giới rộng lớn, hết thấy cảnh giới, Bồ Tát tu thập hạnh, đều hoàn toàn thấu hiểu và biết rõ. Đó là Bồ Tát trí huệ như núi chúa Tu Di, Ngài tu hành hạnh môn này.

**Ý thường sáng sạch lia cầu đờ
Ở trong ba cõi chẳng chấp trước
Hộ trì các giới đến bờ kia
Bậc tịnh tâm kia hành đạo này.**

Trì giới thanh tịnh, thì ý niệm thường quang minh khiết tịnh, mà lia khỏi tất cả nhiễm cấu. Vì nguyên nhân vô cấu, cho nên đối với tất cả cảnh giới trong ba cõi đều chẳng chấp trước. Tức cũng là nhìn xuyên thủng, buông xả đặng. Hộ trì được tất cả các giới, thì sẽ đến được bờ bên kia. Đây là Bồ Tát nghiêm trì giới luật, tâm cảnh thanh tịnh, Ngài tu hành hạnh môn này.

Năm bài kệ ở trên là khen ngợi hạnh thứ hai (hạnh nhiều ích) con đường của Bồ Tát tu hành.

**Trí huệ vô biên không thể nói
Khấp cùng pháp giới hư không giới
Khéo hay tu học trụ trong đó
Bậc kim cương huệ hành đạo này.**

Trí huệ của Bồ Tát vô biên không bờ mé, đến được trình độ không thể nói, chẳng biết có bao nhiêu ? Khấp cùng sung mãn pháp giới và hư không giới. Khéo trụ ở trong trí huệ, mà hay tu học trí huệ. Trí huệ của Bồ Tát vốn

là vô biên, lại siêng tu học trí huệ, lại càng vô biên. Đó là Bồ Tát tu kim cương trí huệ, Ngài tu hành pháp môn này.

**Ba đời tất cả cảnh giới Phật
Trí huệ khéo vào đều cùng khắp
Chưa từng tạm khởi tâm nhàm mỏi
Bậc tối thắng kia hành đạo này.**

Mười phương ba đời tất cả cảnh giới của chư Phật, dùng trí huệ để vào cảnh giới của chư Phật, hoàn toàn khắp cùng chẳng sót, chưa từng tạm thời sinh một tâm niệm nhàm mỏi và phiền chán. Đó là Bồ Tát tu pháp tối thù thắng, Ngài tu hành hạnh môn này.

**Khéo phân biệt được pháp thập lực
Biết rõ tất cả chí xứ đạo
Thân nghiệp vô ngại được tự tại
Bậc công đức thân hành đạo này.**

Bồ Tát tu hạnh vô vi nghịch, khéo phân biệt được pháp thập lực, thấu rõ biết tất cả chí xứ đạo. Tức cũng là biết hạnh môn năm giới mười điều lành, lại biết pháp môn bốn đế lục độ đủ thứ đạo lý. Thân miệng ý ba nghiệp thanh tịnh, thì đắc được lực vô ngại tự tại. Đó là Bồ Tát tu tất cả công đức thân, Ngài tu hành hạnh môn này.

**Mười phương vô lượng vô biên giới
Hết thấy tất cả các chúng sinh
Tôi đều cứu hộ mà không bỏ**

Bậc vô úy kia hành đạo này.

Ở trong mười phương vô lượng vô biên thế giới, hết thầy tất cả chúng sinh, tức cũng là vô lượng vô biên. Tôi sẽ cứu độ ái hộ hết thầy tất cả chúng sinh, tuyệt đối chẳng bỏ một chúng sinh nào mà không cứu hộ. Đó là Bồ Tát tu vô sở úy, Ngài tu hành hạnh môn này.

Bôn bài kệ ở trên là khen ngợi hạnh thứ ba (hạnh vô vi nghịch) pháp môn tu hành của Bồ Tát.

Nơi pháp chư Phật siêng tu tập Tâm thường tinh tấn chẳng giải đãi Tịnh trị tất cả các thế gian Bậc đại long vương hành đạo này.

Bồ Tát tu hạnh vô khuất nhiều, Ngài đối với pháp của tất cả chư Phật nói, thường siêng tu tập, thời thời khắc khắc đều tinh tấn, tâm chẳng giải đãi, cũng chẳng mỏi mệt. Thanh tịnh tu trị tất cả các thế gian. Đó là Bồ Tát tu hạnh đại long vương, Ngài tu hành pháp môn này.

Biết rõ căn chúng sinh khác nhau Vô lượng dục giải đều khác biệt Đủ thứ các cõi đều thông đạt Đây bậc vào khắp hành đạo này.

Bồ Tát thấu hiểu biết rõ căn tánh của tất cả chúng sinh đều chẳng giống nhau. Dục niệm và kiến giải của chúng sinh vô lượng vô biên, đều khác nhau. Chúng sinh có đủ thứ cõi, Bồ Tát đều minh bạch thông đạt, chẳng có gì

chương ngại. Đó là Bồ Tát tu hạnh Bồ Tát vào khắp, Ngài tu hành pháp môn này.

**Mười phương thế giới vô lượng cõi
Đều đến thọ sinh vô số lượng
Chưa từng sinh một niệm sinh nhằm mỗi
Bậc hoan hỉ kia hành đạo này.**

Ở trong mười phương thế giới, có vô lượng vô biên cõi nước. Bồ Tát theo nguyện của mình đã phát, mà đến vô lượng vô biên cõi nước để thọ sinh. Trải qua vô số lần sinh tử, chưa từng sinh một tâm niệm nhằm mỗi, phiền chán. Nguyện lực của Bồ Tát là phổ độ chúng sinh. Đến nơi chẳng có Phật pháp để giáo hoá chúng sinh, chẳng phải tại một nơi, mà là đi hết khắp mọi nơi. Quán sát nơi nào chúng sinh độ được, thì đến nơi đó độ chúng sinh. Lại có thể nói, quán sát đường nào (sáu nẻo) chúng sinh độ được, thì liền đi đến cõi đó để thọ sinh. Dùng bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, bốn pháp nhiếp để giáo hoá. Như vậy mới có hiệu quả. Đó là Bồ Tát tu hoan hỉ tinh tấn, Ngài tu hành pháp môn này.

**Khắp phóng vô lượng lưới quang minh
Chiếu sáng tất cả các thế gian
Chỗ quang chiếu đến vào pháp tánh
Đây bậc thiện huệ hành đạo này.**

Bồ Tát khắp phóng ra vô lượng vô biên lưới trí huệ quang minh. Chiếu sáng hết tất cả thế gian đen tối. Quang minh đó chiếu soi chúng sinh, khiến họ vào trong pháp

tánh, phát tâm bồ đề vô thượng. Tức cũng là đại nguyện lực, trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh. Đó là Bồ Tát tu hạnh thiện trí huệ, Ngài tu hành pháp môn này.

**Chấn động mười phương các cõi nước
Vô lượng ức số Na do tha
Chẳng khiến chúng sinh có kinh sợ
Đây bậc lợi đời hành đạo này.**

Bồ Tát dùng sức thần thông để chấn động mười phương các cõi nước. Trong mỗi cõi nước, đều có hiện tượng mười tám thứ chấn động. Có vô lượng ức Na do tha cõi nước, tuy nhiên đều chấn động, nhưng chẳng khiến cho tất cả chúng sinh có tâm kinh sợ. Đó là Bồ Tát tu lợi ích chúng sinh thế gian, Ngài tu hành pháp môn này.

Năm bài kệ ở trên là khen ngợi hạnh thứ tư (hạnh vô khuất nhiễm) pháp môn của Bồ Tát tu hành.

**Khéo hiểu tất cả pháp lời lẽ
Vấn nạn đối đáp đều rất ráo
Thông triết biện huệ thấy đều biết
Đây bậc vô úy hành đạo này.**

Bồ Tát tu hạnh lìa si loạn, Ngài khéo hiểu biết tất cả pháp lời lẽ. Lại có biện tài vô ngại, lại có vô lượng trí huệ. Như có ai đến vấn nạn, hoặc cố ý đến vấn nạn, thì Bồ Tát có bốn vô úy: Tổng trì vô úy, tri căn vô úy, quyết nghị vô úy, đáp nạn vô úy, cho nên đối đáp được tất cả mọi vấn đề, đều đến nơi rất ráo. Khiến cho người vấn nạn, đều đắc được sự giải đáp vừa ý. Bồ Tát thấu được sự thông minh và

triết lý của thế gian xuất thế gian. Vì Bồ Tát có biện tài có trí huệ, cho nên biết tất cả học thức của thế gian xuất thế gian. Có thể nói chẳng có gì mà không biết, chẳng có gì mà không thấu. Đó là Bồ Tát tu vô úy, Ngài tu hành pháp môn này.

**Khéo hiểu các cõi nước giữa úp
Phân biệt suy gẫm được rốt ráo
Đều khiến trụ nơi vô tận địa
Đây bậc thắng huệ hành đạo này.**

Mỗi thế giới đều có hình tướng khác nhau, có thế giới úp, có thế giới giữa. Bồ Tát khéo hiểu biết thể tánh của các cõi nước. Phân biệt để suy gẫm thể tánh của các thế giới giữa úp. Làm thế nào thành thế giới úp ? Làm thế nào thành thế giới giữa ? Đều đắc được đáp áp rốt ráo. Hay khiến cho tất cả thế giới, đều trụ nơi vô tận địa, tức cũng là trụ ở trong vô tận kiếp. Đây là Bồ Tát tu trí huệ tối thắng, Ngài tu hành pháp môn này.

Hai bài kệ ở trên là khen ngợi hạnh thứ năm (hạnh lìa si loạn) con đường của Bồ Tát tu hành.

**Công đức vô lượng Na do tha
Vì cầu Phật đạo đều tu tập
Tất cả công đức đến bờ kia
Bậc vô tận hạnh hành đạo này.**

Bồ Tát tu hạnh thiện hiện, hết thấy công đức vô lượng Na do tha. Công đức là cơ sở thành đạo quả. Giống như xây một nhà lầu cao, thì nhất định phải xây cơ sở cho

vững chắc. Bằng không thì nhà lâu cao làm xong chẳng bao lâu sẽ sụp đổ. Bồ Tát vì cầu Phật đạo, mà tu tập tất cả công đức. Đối với tất cả công đức, đều được viên mãn, tức cũng là đến bờ kia. Tập quán của Ấn Độ là bất cứ làm việc gì xong, thì nói là đến bờ kia (Ba La Mật). Đây là Bồ Tát tu vô tận hạnh, Ngài tu hành pháp môn này.

**Vượt qua đại luận sư thế gian
Biện tài đệ nhất sư tử hống
Khấp khiến quần sinh đến bờ kia
Đây bậc tịnh tâm hành đạo này.**

Luận sư (chỉ ngoại đạo mà nói) có năng lực thế trí biện thông, nhưng chẳng có trí huệ biện luận xuất thế gian. Trí huệ của Bồ Tát vượt khỏi ngoài phạm vi thế trí biện thông. Biện tài vô ngại của Ngài, hay hàng phục được dị luận của tất cả ngoại đạo, xưng là đệ nhất. Giống như sư tử hống một tiếng, thì trăm thú đều sợ hãi, cong đuôi bỏ chạy. Bồ Tát có từ bi, khắp dùng pháp môn phương tiện khéo léo để giáo hoá tất cả chúng sinh, khiến cho họ đều minh bạch con đường tu hành là khổ được vui, khắp khiến cho họ đều đến bờ kia. Đây là Bồ Tát tu tâm mình thanh tịnh như hư không, Ngài tu hành pháp môn này.

Hai bài kệ ở trên là khen ngợi hạnh thứ sáu (hạnh thiện hiện) con đường tu hành của Bồ Tát.

**Chư Phật quán đánh pháp bậc nhất
Đã được pháp này quán đánh rồi
Tâm luôn an trụ chánh pháp môn**

Bậc tâm rộng lớn hành đạo này.

Bồ Tát tu hạnh vô trước, khi muốn thành Phật, thì được mười phương chư Phật đến cử hành thọ nghi thức quán đảnh, cho nên quán đảnh là pháp bậc nhất. Đã đắc được pháp cam lồ quán đảnh rồi, xưng là Pháp Vương tử (con của đấng Pháp Vương, chân đệ tử của Phật). Tâm luôn luôn chẳng động, cũng chẳng thối chuyển. An trụ ở trong chánh pháp nhẫn tạng. Đây là Bồ Tát tu tâm bồ đề rộng lớn, Ngài tu hành pháp môn này.

Tất cả chúng sinh vô lượng biệt Thấu đạt tâm họ biết khắp hết Quyết định hộ trì tạng Phật pháp Bậc như Tu Di hành đạo này.

Hết thấy chúng sinh, phân làm vô lượng giống loài. Có một lối nói phân làm mười hai loài :

1. Thai sinh.
2. Noãn sinh.
3. Thấp sinh.
4. Hoá sinh.
5. Hữu sắc.
6. Vô sắc.
7. Hữu tướng.
8. Vô tướng.
9. Phi hữu sắc.
10. Phi vô sắc.
11. Phi hữu tướng.
12. Phi vô tướng.

Trong mỗi loài lại phân ra vô lượng giống loài. Tuy nhiên chúng sinh có vô lượng, nhưng trong một niệm Bồ Tát hoàn toàn thấu rõ thông đạt tất cả tâm chúng sinh, biết khắp hết thấy. Bồ Tát quyết định hộ trì chánh pháp nhân tạng của Phật. Đó là Bồ Tát tu hạnh kiến cố như núi Tu Di, Ngài tu hành pháp môn này.

**Hay ở trong mỗi mỗi lời nói
Khắp vì thị hiện vô lượng tiếng
Khiến chúng sinh đố theo loài hiểu
Bậc thấy vô ngại hành đạo này.**

Bồ Tát hay ở trong mỗi mỗi lời nói, khắp vì chúng sinh thị hiện vô lượng tiếng. Khiến cho tất cả chúng sinh tùy theo loài mà được hiểu rõ. Tóm lại, người trời nghe là tiếng trên trời, người ở nhân gian nghe là tiếng ở nhân gian, súc sinh nghe là tiếng của súc sinh. Do đó :

"Bồ Tát một tiếng diễn nói pháp
Chúng sinh theo loài đều hiểu rõ".

Đó là Bồ Tát tu thấy vô ngại, Ngài tu hành pháp môn này.

**Tất cả văn tự pháp lời nói
Trí đều khéo vào chẳng phân biệt
Trụ ở trong cảnh giới chân thật
Đây bậc thấy tánh hành đạo này.**

Tất cả pháp văn tự, tất cả pháp lời nói. Trí huệ của Bồ Tát khéo vào trong đó, chẳng khởi sự phân biệt. Trụ ở

trong cảnh giới chân thật, chẳng lay chẳng động, chẳng ra chẳng vào. Đó là Bồ Tát thấy được tự tánh, Ngài tu hành pháp môn này.

Bốn bài kệ ở trên là khen ngợi hạnh thứ bảy (hạnh vô trước) con đường tu hành của Bồ Tát.

**An trụ biển pháp lớn thâm sâu
Khéo hay ẩn định tất cả pháp
Rõ pháp vô tướng môn chân thật
Đầy bậc thấy thật hành đạo này.**

Bồ Tát tu hạnh nan đắc, an trụ ở trong biển pháp lớn thâm sâu vi diệu, khéo ẩn định tất cả pháp, thấu hiểu tất cả pháp, vào sâu tất cả pháp, minh bạch tất cả pháp là vô tướng, là vắng lặng, là pháp môn chân thật. Đó là Bồ Tát tu thấy chân thật, Ngài tu hành pháp môn này.

**Mỗi mỗi cõi Phật đều qua đến
Hết cả vô lượng vô biên kiếp
Quán sát suy gẫm chẳng tạm ngừng
Bậc không giải đãi hành đạo này.**

Mười phương hết thấy tất cả cõi nước chư Phật, Bồ Tát đều đi đến đó giáo hoá chúng sinh. Trải qua vô lượng vô biên kiếp, quán sát suy gẫm căn tánh của tất cả chúng sinh. Thời thời khắc khắc nghĩ ngợi, dùng pháp môn gì để giáo hoá chúng sinh ? Ngài chẳng có lúc nào tạm thời ngừng nghĩ. Đó là Bồ Tát chẳng giải đãi, Ngài tu hành pháp môn này.

**Vô lượng vô số các Như Lai
Đủ thứ danh hiệu đều khác nhau
Nơi một đầu lông đều thấy rõ
Đây bậc tịnh phước hành đạo này.**

Vô lượng vô số chư Phật, đều do tinh tấn không giải đãi mà thành tựu. Nếu chẳng có tư tưởng ích kỷ và tư lợi, tất cả vì chúng sinh, thì những người này có sự hy vọng thành Phật. Bằng không, chẳng được vào môn nào. Tuy nhiên tu hành, cũng là lãng phí công phu. Các vị hãy nghĩ xem, có vị Phật nào do ích kỷ tư lợi mà thành tựu chẳng ? E rằng, suốt thuở vị lai cũng tìm chẳng được. Danh hiệu của chư Phật có đủ thứ khác nhau. Bồ Tát có thể ở trên đầu sợi lông thấy được rõ ràng vô lượng vô biên chư Phật, thấy đều ngồi trên toà sen, chuyển đại pháp luân. Đây là Bồ Tát tu thanh tịnh phước điền, Ngài tu hành pháp môn này.

Chúng ta người tu đạo, phải lập công, lập ngôn, lập đức, đây là pháp môn tối quan trọng. Nhưng không cần đến nơi xa để tìm, ở tại Chùa Kim Sơn sẽ tìm được. Là cái gì ? Nói đơn giản, thứ nhất đừng có lười biếng. Thứ hai đừng có ích kỷ. Vì Chùa Kim Sơn mà làm công, tức là lập công. Hộ trì tam bảo, tức là lập đức. Giảng Kinh thuyết pháp, tức là lập ngôn. Ba thứ này làm được viên mãn, thì công đức sẽ vô lượng.

Người tu đạo, đừng có tư tưởng "hoạch thiện kỳ thân" (pháp tiểu thừa), phải có hành vi "kiêm thiện Thiên hạ" (pháp đại thừa). Kiêm thiện Thiên hạ, tức là vì lợi ích chúng mình mà làm Phật sự. Tóm lại, đừng vì mình mà làm việc, phải vì đại chúng mà làm việc. Do đó : "Tự lợi

lợi tha, tự giác giác tha, tự độ độ tha". Đây là tinh thần đại công vô tư, ai ai làm được, thì ai ai cũng có thể tự tại. Độc thiện kỳ thân, tức là vì mình chẳng vì người. Vì mình làm việc, mà chẳng chịu vị đại chúng mà làm việc. Do đó : "Tự lợi chẳng lợi tha, tự giác chẳng giác tha, tự độ chẳng độ tha". Đây là tà kiến ích kỷ.

Chúng ta người tu đạo, phải giữ bốn phận. Hãy buông xả tâm ích kỷ, hãy đề khởi tâm đạo đức, tất cả đều nghĩ về đại chúng. Phạm là có việc lợi ích cho đại chúng, thì tận lực mà làm, đừng có so sánh lợi hại được mất. Có một phần sức lực, thì tận một phần sức lực, có mười phần sức lực, thì tận mười phần sức lực. Lấy việc công làm việc tư, ai ai cũng làm được như thế, thì gia đình đều hoà khí, xã hội được an ninh, quốc gia được giàu mạnh, thế giới được hoà bình. Do đó có thể thấy, ích kỷ là đứng đầu của vạn điều ác. Nhất định phải tiêu diệt nó, đừng để nó làm sóng làm gió, làm cho thiên hạ đại loạn.

Nơi một đầu sợi lông thấy chư Phật Số đó vô lượng không thể nói Tất cả pháp giới cũng như vậy Các Phật tử kia hành đạo này.

Ở nơi một đầu sợi lông, thấy được mười phương chư Phật. Chư Phật nhiều vô lượng vô biên không thể nói. Có vô lượng vô số đầu sợi lông, có vô lượng vô số thế giới, có vô lượng vô số chư Phật. Tại tất cả thế giới cũng đều tình hình như vậy. Đó là tất cả đệ tử chân chánh của Phật, tu hành pháp môn này.

**Vô lượng vô biên vô số kiếp
Ở trong một niệm đều thấy rõ
Biết kiếp dài ngắn tướng chẳng định
Bạc hạnh giải thoát hành đạo này.**

Bồ Tát tu sáu độ vạn hạnh, đắc được thần thông diệu dụng, biết được vô lượng số kiếp ba đời, có thể di động thời gian ba đời. Tức cũng là đem đời quá khứ, chuyển làm đời hiện tại, đem đời vị lai, dời về đời quá khứ, cùng nhau chuyển dời, mà chẳng chướng ngại. Cho nên trong một niệm, thấy rõ ràng được vô số kiếp ba đời. Biết có kiếp dài, có kiếp ngắn, chẳng có thời gian và hình tướng nhất định. Đây là Bồ Tát tu hạnh giải thoát, Ngài tu hành pháp môn này.

**Hay khiến kẻ thấy không luống qua
Đều trông nhân duyên nơi Phật pháp
Mà nơi chỗ làm tâm chẳng chấp
Bạc hạnh tối thắng hành đạo này.**

Bồ Tát dùng sức thần thông trí huệ, khiến cho tất cả chúng sinh thấy được Ngài rồi, đều có sự cảm ứng, chẳng có luống qua. Phạm là thấy được thân Bồ Tát, hoặc nghe được danh hiệu Bồ Tát, đều đắc được trí huệ. Đối với Phật pháp gieo trồng xuống nhân duyên lành, mà phát tâm Bồ đề. Những gì Bồ Tát làm, là vì tu tất cả công đức, là vì giáo hoá tất cả chúng sinh, thực hành những hạnh môn, tâm chẳng chấp trước. Nhận rằng đây là bổn phận phải làm, cho

nên hành sở vô sự. Đây là Bồ Tát tu hạnh tối thắng, Ngài tu hành pháp môn này.

**Na do tha kiếp thường gặp Phật
Quyết không sinh một niệm mỗi nhàm
Tâm hoan hỉ đó càng tăng thêm
Bậc thấy chẳng không hành đạo này.**

Bồ Tát ở trong Na do tha kiếp, luôn thấy được mười phương chư Phật, mà thừa sự cúng dường. Không bao giờ sinh ra một tâm niệm mệt mỗi nhàm chán. Bồ Tát cúng dường mười phương chư Phật, chẳng những chẳng nhàm mỗi, mà ngược lại càng ngày càng tăng thêm hoan hỉ. Đây là Bồ Tát thấy Phật chẳng không, Ngài tu hành pháp môn này.

**Hết thuở vô lượng vô biên kiếp
Quán sát tất cả chúng sinh giới
Chưa từng thấy có một chúng sinh
Bậc hạnh kiên cố hành đạo này.**

Bồ Tát hết thuở vô lượng vô biên kiếp, để quán sát hết thấy chúng sinh. Tuy nhiên quán sát, nhưng thấu hiểu chúng sinh là không, chẳng sinh mọi sự chấp trước. Không bao giờ nói tôi độ được bao nhiêu chúng sinh ? Cho nên mới nói, chưa từng thấy có một chúng sinh. Vì Bồ Tát thông đạt lý thể thật tướng của tất cả các pháp, cho nên chẳng chấp trước. Đây là Bồ Tát tu hạnh kiên cố, Ngài tu hành pháp môn này.

Tám bài kệ ở trên là khen ngợi hạnh thứ tám (hạnh nan đắc) pháp môn tu hành của Bồ Tát.

**Tu tập vô biên phước trí tạng
Khấp làm ao công đức mát mẻ
Lợi ích tất cả các quần sinh
Bậc đệ nhất nhân hành đạo này.**

Bồ Tát tu hạnh thiện pháp, phải tu tập vô biên phước và trí. Phước huệ song tu, thì công đức mới viên mãn. Nếu tu phước chẳng tu huệ, do đó :

"Voi lớn đeo anh lạc".

Nếu tu huệ chẳng tu phước, do đó :

"La Hán ôm bát không".

Đây là tu pháp không quân bình, cho nên mới có quả báo như thế. Vừa tu phước, vừa tu huệ, thì phước huệ viên mãn, sẽ thành đấng Lương Túc, cho nên tu tập tạng phước trí.

Bồ Tát phát nguyện làm ao công đức mát mẻ cho tất cả chúng sinh, khiến cho thân tâm của chúng sinh đắc được sự mát mẻ, chẳng có bệnh nhiệt não. Khiến cho chúng sinh đắc được lợi ích pháp hỉ sung mãn. Đây là Bồ Tát tu hạnh của bậc đệ nhất nhân, Ngài tu hành pháp môn này.

**Pháp giới hết thảy các phẩm loại
Khấp cùng hư không vô số lượng
Biết đó đều nương lời nói trụ
Bậc sư tử hồng hành đạo này.**

Ở trong pháp giới, hết thảy tất cả phẩm loại (tất cả chúng sinh), có rất nhiều phẩm loại tận hư không khắp pháp giới. Bồ Tát biết rõ các phẩm loại là nương tựa lời nói mà trụ. Nếu chẳng có lời nói, thì tất cả chúng sinh cũng chẳng tồn tại. Đây là Bồ Tát đại sư tử hống, Ngài tu hành pháp môn này.

**Hay ở trong mỗi mỗi tam muội
Vào khắp vô số các tam muội
Đều đến nơi pháp môn áo diệu
Đây bậc luận nguyệt hành đạo này.**

Bồ Tát hay ở trong mỗi mỗi tam muội, vào khắp vô số các tam muội. Tức cũng là ở trong một tam muội vào khắp tất cả tam muội, nhưng tất cả tam muội vẫn chẳng lìa khỏi một tam muội. Hoàn toàn đến được cảnh giới rốt ráo vi diệu không thể nghĩ bàn của Phật pháp. Đây là Bồ Tát trường thời gian tu hành, Ngài tu hành pháp môn này.

**Sức nhẫn siêng tu đến bờ kia
Nhẫn được pháp tịch diệt tối thắng
Tâm đó bình đẳng chẳng lay động
Bậc vô biên trí hành đạo này.**

Người tu hành, thứ nhất là phải tu sức nhẫn nhục. Tu sức nhẫn đến nhà, thì sẽ có định lực. Có định lực, thì chẳng bị cảnh giới lay chuyển. Tại sao có lửa vô minh ? Vì không nhẫn được. Tại sao không thể hoà đồng với mọi người ? Vì không nhẫn được. Tại sao nhìn chẳng xuyên qua, buông xả

chẳng đặng ? Vì không nhẫn được. Nếu tất cả đều nhẫn được, thì tất cả mọi sự khốn khổ, gian nan đều phá sạch, chẳng có mọi sự phiền não. Hay siêng năng tu sức nhẫn, thì sẽ đến được bờ kia. Công phu tu sức nhẫn, mới có thể đắc được pháp tịch diệt tối thù thắng, tức cũng là vô sinh pháp nhẫn. Do đó : "Chẳng thấy có chút pháp sinh, chẳng thấy có chút pháp diệt, nhẫn tại nơi tâm". Lúc đó, tâm được bình đẳng mà chẳng lay động. Đây là Bồ Tát có vô biên trí huệ, Ngài tu hành pháp môn này.

**Nơi một thế giới một chỗ ngồi
Thân đó chẳng động luôn vắng lặng
Mà khắp tất cả đều hiện thân
Bậc vô biên thân hành đạo này.**

Ở trong một thế giới, ngồi ở dưới mỗi cây bồ đề, thân và tâm của Ngài chẳng lay động, luôn luôn nhập vào cảnh giới vắng lặng. Mà ở trong tất cả thế giới, ở dưới tất cả cội bồ đề, khắp thị hiện thân, ngồi trên tòa kim cương, diễn nói diệu pháp. Đây là Bồ Tát tu hạnh vô biên thân, Ngài tu hành pháp môn này.

**Vô lượng vô biên các cõi nước
Đều khiến cùng vào trong hạt bụi
Bao dung được hết không chướng ngại
Bậc vô biên tư hành đạo này.**

Bồ Tát dùng sức thần thông, có thể đem vô lượng vô biên cõi nước chư Phật, hoàn toàn nhiếp vào ở trong một

hạt bụi. Thế giới tuy lớn, hạt bụi tuy nhỏ, nhưng vô lượng thế giới khắp bao dung ở trong một hạt bụi, mà giữa thế giới với thế giới, cùng nhau chẳng có chướng ngại. Đây là cảnh giới thân thông diệu dụng hiện ra. Đó là Bồ Tát tu hạnh vô biên tự, Ngài tu hành pháp môn này.

Sáu bài kệ ở trên là khen ngợi hạnh thứ chín (hạnh thiện pháp) con đường tu hành của Bồ Tát.

**Thông đạt thị xứ và phi xứ
Nơi các xứ lực khắp vào được
Thành tựu Như Lai tối thượng lực
Bậc lực đệ nhất hành đạo này.**

Bồ Tát tu hạnh chân thật, biết thập lực của Phật. Thấu rõ thông đạt thị xứ và phi xứ. Thành Phật đạo là thị xứ, đoạ địa ngục là phi xứ. Bồ Tát đối với thập lực trí huệ của Phật, chẳng những thấu rõ, mà còn khắp vào được. Thành tựu lực tối thượng của Phật. Đây là Bồ Tát tu lực bậc nhất, Ngài tu hành pháp môn này.

**Đời quá khứ vị lai hiện tại
Vô lượng vô biên các nghiệp báo
Luôn dùng trí huệ đều biết rõ
Đây bậc đạt hiểu hành đạo này.**

Nghiệp lực và quả báo của chúng sinh, tuy nhiên trong ba đời có vô lượng vô biên. Nhưng Bồ Tát dùng trí huệ để quán sát, thì hoàn toàn đều biết rõ. Đây là Bồ Tát thông đạt hiểu rõ, Ngài tu hành pháp môn này.

**Thấu đạt thể gian thời phi thời
Như các chúng sinh đáng điều phục
Đều thuận căn cơ không lỡ mất
Bậc khéo hiểu biết hành đạo này.**

Bồ Tát có đại trí huệ, thấu đạt được căn lành của tất cả chúng sinh, đã thành thực hay chưa thành thực ? Người đáng được thành thực, thì khiến cho họ thành thực, người đáng được giải thoát, thì khiến cho họ được giải thoát. Biết phải thời, chẳng phải thời, mà đúng thời để điều phục tất cả chúng sinh, giáo hoá tất cả chúng sinh, chẳng để mất đi thời cơ. Đây là Bồ Tát khéo hiểu biết thời phi thời, Ngài tu hành pháp môn này.

**Khéo giữ thân lời và ý nghiệp
Luôn khiến nương pháp mà tu hành
Lìa các chấp trước hàng các ma
Đây bậc trí tâm hành đạo này.**

Bồ Tát khéo giữ gìn thân miệng ý ba nghiệp thanh tịnh, khiến cho mười điều ác không phát sinh, mười điều thiện thường tại. Khiến cho tất cả chúng sinh y pháp tu hành, y giáo phụng hành, lìa khỏi tất cả sự chấp trước, hàng phục tất cả các ma. Người tu đạo, nếu chẳng có tâm ích kỷ tư lợi, thì sẽ hàng phục được thiên ma, điều phục ngoại đạo. Đây là Bồ Tát có đại trí huệ tâm, Ngài tu hành pháp môn này.

Ở trong các pháp được khéo léo

**Vào được nơi chân như bình đẳng
Biện tài diễn nói chẳng cùng tận
Bậc tu hạnh Phật hành đạo này.**

Bồ Tát ở trong các pháp, đắc được trí huệ phương tiện khéo léo. Vào được nơi chân như thật tướng bình đẳng, đắc được biện tài vô ngại, hay diễn nói Phật pháp, chẳng có khi nào cùng tận. Đây là Bồ Tát tu hành hạnh Phật, Ngài tu hành pháp môn này.

**Môn Đà la ni đã viên mãn
Khéo hay an trụ vô ngại tạng
Nơi các pháp giới đều thông đạt
Đây bậc vào sâu hành môn này.**

Bồ Tát đối với tất cả pháp môn tông trì, đều đã đắc được viên mãn. Khéo hay an trụ ở trong tạng pháp vô ngại, đối với mười phương hết thảy pháp giới, đều thông đạt vô ngại. Đây là Bồ Tát vào sâu tánh pháp giới, Ngài tu hành pháp môn này.

**Ba đời hết thảy tất cả Phật
Tâm đều bình đẳng đồng trí huệ
Một tánh một tướng chẳng đặc thù
Bậc trí vô ngại hành đạo này.**

Mười phương hết thảy tất cả chư Phật, tâm đều bình đẳng, trí huệ tương đồng với vị Bồ Tát này. Tức là một

tánh và một tướng, chẳng có hai dạng. Đây là Bồ Tát tu vô ngại chủng trí, Ngài tu hành pháp môn này.

**Đã vạch tắt cả màn ngu si
Vào sâu biển trí huệ rộng lớn
Khắp thí chúng sinh mắt thanh tịnh
Đây bậc mắt huệ hành đạo này.**

Vì đã diệt trừ màn ngu si, cho nên vào sâu được biển trí huệ rộng lớn, khắp ban cho chúng sinh con mắt trí huệ thanh tịnh. Đây là Bồ Tát có con mắt trí huệ, Ngài tu hành pháp môn này.

**Đã đủ tắt cả các đạo sư
Bình đẳng thần thông chẳng hai hạnh
Đắc được sức tự tại Như Lai
Đây bậc khéo tu hành đạo này.**

Bồ Tát đã đầy đủ tắt cả đại đạo sư trí huệ, đắc được bình đẳng thần thông, pháp môn không hai, đắc được sức thần thông tự tại của Phật. Đây là Bồ Tát khéo tu hành hạnh bồ đề, Ngài tu hành pháp môn này.

**Du khắp tắt cả các thế gian
Khắp mưa vô biên mưa diệu pháp
Đều khiến nơi nghĩa được quyết rõ
Đây bậc pháp vân hành đạo này.**

Bồ Tát vì giáo hoá mười phương tất cả chúng sinh, cho nên du hành khắp tất cả thế gian, khắp mưa vô lượng vô biên mưa diệu pháp. Khiến cho tất cả chúng sinh đối với nghĩa lý nơi các pháp, đều đắc được quyết định thấu rõ. Đây là Bồ Tát tu hạnh pháp vân, Ngài tu hành pháp môn này.

**Nơi trí huệ Phật và giải thoát
Sinh tịnh tin sâu vĩnh không lùi
Nhờ tin mà sinh căn trí huệ
Đây bậc khéo học hành đạo này.**

Bồ Tát đối với pháp môn trí huệ và giải thoát của Phật, sinh ra niềm tin thanh tịnh thâm sâu, chẳng có tư hào hoài nghi, vĩnh viễn chẳng sinh tâm thoái chuyển. Vì nhờ tin, cho nên sinh ra căn trí huệ. Đây là Bồ Tát khéo học Phật pháp, Ngài tu hành pháp môn này.

**Hay trong một niệm đều biết rõ
Tất cả chúng sinh không sót thừa
Rõ tâm chúng sinh đốn tự tại
Bậc đạt vô tánh hành đạo này.**

Bồ Tát có thể nơi một tâm niệm, biết rõ đủ thứ loài, đủ thứ kiến giải, đủ thứ căn, đủ thứ tánh của tất cả chúng sinh, mà không sót thừa. Lại biết rõ tâm và tự tại của tất cả chúng sinh, cũng chẳng lìa Phật tánh. Đây là Bồ Tát thông đạt vô tánh ác, Ngài tu hành pháp môn này.

Pháp giới tất cả các cõi nước

**Đều hay hoá đến vô lượng số
Thân đó đẹp nhất không gì sánh
Bậc hạnh không sánh hành đạo này.**

Thế giới Ta Bà và mười phương số hạt bụi thế giới, hợp làm pháp giới. Pháp giới này đầy khắp mười phương thế giới. Ở trong pháp giới có vô lượng vô biên cõi nước chư Phật. Tuy nhiên có nhiều cõi nước như vậy, nhưng Bồ Tát hay hoá ra vô lượng thân, để đến các cõi Phật giáo hoá chúng sinh. Thân của Bồ Tát đó, đầy đủ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, chẳng có Bồ Tát nào có thể sánh với Bồ Tát này, cho nên nói thân đó đẹp nhất không gì sánh. Đây là Bồ Tát tu hạnh không sánh, Ngài tu hành pháp môn này.

**Cõi Phật vô biên không số lượng
Vô lượng chư Phật ở trong đó
Bồ Tát đều hiện trước nơi đó
Gần gũi cúng dường sinh tôn trọng.**

Cõi nước chư Phật nhiều chẳng có số lượng, có vô lượng vô biên chư Phật ở trong đó giáo hoá chúng sinh. Bồ Tát tu hạnh chân thật, Ngài hay đến mỗi cõi đó để gần gũi chư Phật, thừa sự chư Phật, cúng dường chư Phật, sinh tâm tôn trọng cung kính.

**Bồ Tát hay dùng chỉ một thân
Vào nơi tam muội mà tịch định
Khiến thấy thân đó vô lượng số**

Mỗi mỗi đều từ tam muội dậy.

Bồ Tát hay dùng chỉ một báo thân, không có hai thân. Vào trong tam muội, tịch nhiên chẳng động. Nhưng lại có rất nhiều thân từ tam muội dậy, khiến cho tất cả chúng sinh thấy được vô lượng thân. Mỗi thân đều từ trong định hoá hiện ra, do đó : "Trăm ngàn ức hoá thân".

Chỗ trụ Bồ Tát sâu diệu nhất Chỗ hành chỗ làm vượt hí luận Tâm Ngài thanh tịnh thường an vui Hay khiến chúng sinh đều hoan hỉ.

Bồ Tát là chẳng chỗ trụ, chẳng chỗ nào mà không trụ. Chẳng có một nơi nào là chỗ trụ của Bồ Tát, cũng chẳng có một nơi nào chẳng phải là chỗ trụ của Bồ Tát. Cảnh giới này sâu diệu nhất. Pháp của Bồ Tát thực hành và việc làm, đều sâu diệu nhất, chân thật nhất, tuyệt đối chẳng làm việc hư nguy, cũng chẳng nói lời hí luận. Tâm của Bồ Tát thanh tịnh, chẳng có vọng tưởng, càng chẳng có tạp niệm, cũng chẳng có tất cả chấp trước và phiền não, cho nên luôn luôn được an lạc. Chẳng những mình an lạc, mà cũng khiến cho chúng sinh thường hoan hỉ, Do đó : "Thầy đều hoan hỉ". Bồ Tát hoan hỉ, cho nên chúng sinh thấy Ngài cũng sinh hoan hỉ. Giống như mặt gương sáng sạch, chẳng dính bụi bặm. Tắm gương ở trước mặt bạn, nếu bạn hoan hỉ, thì người trong gương cũng hoan hỉ. Nếu bạn buồn rầu, thì người trong gương cũng buồn rầu. Đây là đạo lý rất nông cạn, ai ai cũng biết. Lại đưa ra ví dụ khác để nói rõ, bạn cung kính người ta, thì người ta cũng cung kính bạn.

Bạn đối với người ta không tốt, thì người ta cũng đối với bạn không tốt. Bạn bố thí cho người, thì người cũng bố thí cho bạn. Đây là pháp đối đãi, giống như đạo lý trong gương. Chúng ta từ bi đối đãi chúng sinh, thì chúng sinh cũng từ bi đối đãi chúng ta, đây là pháp tương tợ.

**Các căn phương tiện đều khác nhau
Hay dùng trí huệ đều thấy rõ
Mà biết các căn chẳng chỗ nương
Bậc điều khó điều hành đạo này.**

Các căn của tất cả chúng sinh đều khác nhau. Phương pháp giáo hoá cũng khác nhau. Người có trí huệ thì quán sát căn cơ, vì người nói pháp. Hiểu biết căn tánh của tất cả chúng sinh, là chẳng chỗ nương tựa, nghiệp tánh cũng là không. Vị Bồ Tát này điều phục được chúng sinh cương cứng khó điều, Ngài tu hành pháp môn này.

**Hay dùng phương tiện khéo phân biệt
Nơi tất cả pháp được tự tại
Mười phương thế giới đều khác nhau
Đều ở trong đó làm Phật sự.**

Bồ Tát hay dùng đủ thứ pháp môn phương tiện khéo léo, để phân biệt giáo hoá tất cả chúng sinh. Muốn dùng phương pháp gì giáo hoá chúng sinh, thì phương pháp đó sẽ hiện tiền, đều đắc được tự tại. Ở trong mười phương thế giới, hết thấy chúng sinh, căn tánh của họ đều khác nhau. Bồ Tát đều ở trong mười phương thế giới chúng sinh, làm Phật sự lớn.

**Các căn vi diệu hạnh cũng thế
Hay vì chúng sinh rộng nói pháp
Ai hay nghe được đều vui mừng
Bậc đồng hư không hành đạo này.**

Sáu căn của chúng sinh đều rất vi diệu. Chúng ta tu đạo, tức là giữ gìn sáu căn, đừng bị cảnh giới sáu trần lay chuyển, mà chuyển được cảnh giới, đây tức là có định lực. Công phu tu hành cũng như thế. Bồ Tát hay vì tất cả chúng sinh rộng nói diệu pháp không thể nghĩ bàn. Bất cứ chúng sinh nào nghe được diệu pháp này rồi, đều sinh tâm vui mừng. Đây là Bồ Tát đồng với hư không chẳng chấp trước, Ngài tu hành pháp môn này.

**Mắt trí thanh tịnh chẳng ai bằng
Nơi tất cả pháp đều thấy rõ
Như vậy trí huệ khéo phân biệt
Bậc không ai bằng hành đạo này.**

Bồ Tát đầy đủ mắt trí huệ thanh tịnh, chẳng có ai bằng Ngài được. Đối với tất cả các pháp, Ngài hoàn toàn thấu hiểu mà thấy rõ. Như vậy Bồ Tát dùng trí huệ khéo léo để phân biệt, giáo hoá tất cả chúng sinh, khiến cho họ bỏ mê về với giác ngộ, lìa khổ được vui. Đây là Bồ Tát không ai sánh bằng, Ngài tu hành pháp môn này.

Người tu đạo, trước hết phải tu pháp môn không có dục niệm. Người không có dục niệm thì tư tưởng thanh tịnh, hành vi cũng thanh tịnh, gì cũng chẳng tham cầu. Tức không tham danh, cũng không tham lợi, tất cả đều không

tham, đó là thanh tịnh. Cảnh giới này, không ai có thể sánh bằng. Bồ Tát này đối với tám vạn bốn ngàn pháp môn mà đức Phật nói ra, pháp pháp đều rõ, môn môn đều thông. Nếu người có dục niệm, thì gì cũng chẳng thanh tịnh, suốt ngày bị năm dục chi phối, khắp nơi khởi hoặc, tạo nghiệp, chết rồi vẫn phải đọa vào ba đường ác.

**Hết thủy phước rộng lớn vô tận
Tất cả tu hành sẽ rất ráo
Khiến các chúng sinh đều thanh tịnh
Đây bậc không sánh hành đạo này.**

Tu phước rộng lớn. Tu như thế nào ? Phải cúng dường Tam Bảo, cung kính Tam Bảo, hộ trì Tam Bảo. Tu sáu độ vạn hạnh, mới đắc được phước rất ráo. Sau đó làm tăng ruộng phước thanh tịnh, làm ruộng phước cho chúng sinh. Chúng sinh cúng dường Tam Bảo, là gieo trồng nhân phước cho chính mình. Đây là Bồ Tát không thể sánh, Ngài tu hành pháp môn này.

Ở Ấn Độ có hai thứ ngoại đạo : Một là tu giữ giới bò, một là tu giữ giới chó. Họ rất chân thật tu hành. Tại sao ? Vì ngoại đạo đều có chút thần thông thiên nhãn, nhưng chẳng triệt để. Họ nhìn thấy bò, chó, chết rồi, có thể được sinh về cõi trời. Nhưng chẳng biết tại sao bò, chó, được sinh về trời ? Ở trong nhân quả đó, họ chẳng biết gì. Do đó, như kẻ đui mù tu hành, học cách sống của bò, chó, cho rằng là lối tắc sinh về trời.

Một ngày nọ, hành giả tu giữ giới bò và giữ giới chó, đến chỗ Đức Phật, thỉnh giáo Đức Phật, hậu quả giữ giới bò, giới chó như thế nào ?

- Đức Phật nói : "Các ông giữ giới bò, giới chó, nếu tu đến lúc viên mãn, thì đời sau sẽ làm bò, làm chó". Hai thứ ngoại đạo này nghe rồi, khóc lóc rơi lệ nói : "Xin đức Phật từ bi, vì chúng tôi nói nhân duyên ấy".

- Đức Phật nói : "Bò thở xưa chẳng hiểu thuận với cha mẹ, cho nên đời này làm bò, nhưng nó lúc thở xưa, đã từng tu phước tu huệ, có công đức rộng lớn. Đời này tội nghiệp bất hiếu cha mẹ tiêu hết, cho nên chết rồi được sinh về trời, chó cũng như vậy". Hai thứ ngoại đạo này, nhờ Phật khai thị, hốt nhiên đại ngộ, bèn quy y với Đức Phật, tu hành chánh pháp, về sau chúng được quả vị A la hán.

**Khấp khuyên tu thành trợ đạo pháp
Đều khiến được trụ bậc phương tiện
Độ thoát chúng sinh vô lượng số
Chưa từng tạm khởi tưởng chúng sinh.**

Bồ Tát khấp khuyên giải tất cả chúng sinh tu hành pháp thành đạo, chẳng tu pháp vô ích, khiến cho tất cả chúng sinh đều trụ nơi bậc phương tiện. Chúng sinh được giải thoát, tuy nhiên nhiều vô số vô lượng, nhưng trong tâm chẳng chấp trước, chưa từng tạm thời sinh ra tư tưởng tự mãn độ chúng sinh.

**Tất cả cơ duyên đều quán sát
Trước hộ ý họ khiến không tranh
Khấp bày chúng sinh nơi an ổn
Đây bậc phương tiện hành đạo này.**

Bồ Tát luôn luôn dùng mãnh tinh tấn, thường tu sáu độ vạn hạnh. Tuy nhiên giáo hoá chúng sinh, nhưng chỉ cần có tất cả cơ duyên, khắp quán sát hết, trước hết dùng pháp phương tiện, để điều phục tư tưởng cương cứng của chúng sinh, khiến cho họ chẳng khởi tranh luận. Ngài khắp chỉ bày cho chúng sinh đạt đến nơi an ổn, tức cũng là nơi thanh tịnh vắng lặng. Làm thế nào đến được ? Trước hết phá vô minh, sau hiển pháp tánh. Tức là trừ khử đi tất cả dục niệm, đoạn tuyệt tất cả sự chấp trước. Đây là Bồ Tát tu pháp môn phương tiện khéo léo, để giáo hoá chúng sinh, Ngài tu hành pháp môn này.

**Thành tựu trí tối thượng bậc nhất
Đầy đủ vô lượng vô biên trí
Nơi các bốn chúng chẳng sợ hãi
Bậc trí phương tiện hành đạo này.**

Bồ Tát thành tựu trí huệ tối vô thượng bậc nhất, mới đầy đủ vô lượng vô biên nhất thiết chủng trí. Ở trong bốn chúng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, chẳng sợ oai đức của đại chúng. Bồ Tát đã thành tựu bốn điều không sợ hãi. Đây là Bồ Tát phương tiện trí huệ, Ngài tu hành pháp môn này.

**Tất cả thế giới và các pháp
Thảy đều khắp vào được tụt tại
Cũng vào trong tất cả chúng hội
Độ thoát quần sinh vô số lượng.**

Tất cả thế giới và tất cả các pháp, Bồ Tát đều hoàn toàn nhập vào được, mà được tự tại. Cũng vào trong tất cả biển chúng hội, chúng sinh độ thoát vô số vô lượng.

**Trong mười phương tất cả cõi nước
Đánh trống pháp lớn ngộ quần sinh
Làm chủ thí pháp vô thượng nhất
Đây bậc bất diệt hành đạo này.**

Bồ Tát ở trong mười phương tất cả cõi nước, đánh trống pháp lớn, diễn nói diệu pháp, khiến cho kẻ điếc nghe được pháp âm, khiến cho kẻ câm nói được, khiến cho kẻ mù nhìn thấy được. Âm thanh trống pháp lớn này, chấn tỉnh chúng sinh ngủ, khiến cho họ đều giác ngộ. Bồ Tát đem pháp bố thí cho người, do đó :

"Trong các sự bố thí,
Bố thí pháp là hơn hết".

Vì người nói pháp, có công đức lớn nhất. Làm chủ thí pháp (giảng kinh thuyết pháp) là vô thượng nhất, chẳng có ai sánh bằng. Đây là Bồ Tát công đức bất diệt, Ngài tu hành pháp môn này.

**Một thân kiết già ngồi ngay thẳng
Đầy khắp mười phương vô lượng cõi
Mà khiến thân đó chẳng chật hẹp
Đây bậc pháp thân hành đạo này.**

Tuy nhiên Bồ Tát ngồi kiết già ngay thẳng, nhưng ở trong mười phương đều đầy khắp thân Bồ Tát ngồi ngay

thẳng, thân đó chẳng cảm thấy chật hẹp. Đây là pháp thân Bồ Tát, Ngài tu hành pháp môn này.

**Hay ở trong một nghĩa một văn
Diễn nói vô lượng vô biên pháp
Mà bờ mé đó không thể được
Bậc vô biên trí hành đạo này.**

Bồ Tát khéo hiểu tất cả nghĩa, ở trong một nghĩa một câu văn, có thể diễn nói vô lượng vô biên pháp môn vi diệu. Tìm bờ mé của nó không thể được. Nói chung, ở trong vô lượng vô biên, vẫn có vô lượng vô biên, trùng trùng vô tận, vô tận trùng trùng. Đây là Bồ Tát vô biên trí huệ, Ngài tu hành pháp môn này.

**Nơi Phật giải thoát khéo tu học
Được trí huệ Phật không chướng ngại
Thành tựu vô úy làm thế hùng
Đây bậc phương tiện hành đạo này.**

Bồ Tát đối với pháp môn giải thoát của Phật, khéo tu học. Cho nên đắc được trí huệ của chư Phật, chẳng có chướng ngại. Thành tựu đại oai đức không sợ hãi, làm đại anh hùng của thế gian. Đây là Bồ Tát phương tiện khéo léo, Ngài tu hành pháp môn này.

**Biết rõ mười phương biển thế giới
Cũng biết tất cả biển cõi Phật
Biển trí biển pháp đều biết rõ**

Chúng sinh thấy được đều vui mừng.

Bồ Tát thấu hiểu biết rõ mười phương biển thế giới, là thành, trụ, hoại, không, như thế nào ? Cũng biết rõ tất cả biển cõi Phật, thành, trụ, hoại, không, như thế nào ? Cũng biết rõ biển trí huệ thành, trụ, hoại, không, như thế nào ? Cũng biết rõ biển pháp vào sâu như thế nào ? Hết thấy chúng sinh, thấy được vị Bồ Tát này, đều đại hoan hỉ, mà sinh tâm vui mừng.

Hoặc hiện nhập thai và sơ sinh Hoặc hiện đạo tràng thành Chánh Giác Như vậy đều khiến thế gian thấy Đây bậc vô biên hành đạo này.

Thần thông diệu dụng của Bồ Tát biến hoá vô cùng. Ngài hiện ra đủ thứ cảnh giới, để vì chúng sinh nói pháp. Kỳ thật, chúng sinh cũng đang nói pháp. Người thiện nói pháp thiện, người ác nói pháp ác. Vạn vật trong thế gian đều đang nói pháp. Nếu đối với tất cả cảnh giới đều minh bạch, thì cũng giác ngộ tất cả các pháp. Nếu chẳng minh bạch, thì mê muội nơi tất cả các pháp. Bồ Tát hoặc thị hiện tướng nhập thai mẹ. Bồ Tát trụ thai, thanh tịnh giống như ở trong vườn hoa rừng cây. Hàng nhị thừa trụ thai, thoả mái giống như ở trong nhà cửa phòng ốc. Phạm phu trụ thai, đen tối giống như ở trong phòng tối. Bồ Tát thừa nguyện trở lại, nhập thai, trụ thai, xuất thai, lại làm người, giáo hoá chúng sinh. Hoặc thị hiện ngồi dưới cội bồ đề thành Chánh Giác. Cảnh giới này, khiến cho thế gian chúng sinh đều

thấy được. Đây là Bồ Tát thần thông biến hoá vô cùng, Ngài tu hành pháp môn này.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, tu đạo tại núi Tuyết. Tĩnh tọa sáu năm, mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè, thân gầy như cây củi, tu khổ hạnh mà người khác không tu được. Trong sáu năm vẫn chưa khai ngộ. Tuy chưa khai ngộ, nhưng đã gần bờ khai ngộ, từng bước từng bước hướng đến con đường khai ngộ, có đủ thứ sự thành tựu. Về sau, đi đến dưới cội bồ đề nước Ma Kiệt Đề, bèn phát nguyện rằng :

"Nếu tôi không thành đạo
Quyết không rời khỏi chỗ này".

Do đó, ngồi suốt bốn mươi chín ngày, vào năm ba mươi tuổi, ngày mồng tám tháng mười hai, mắt thấy sao mai mọc mà ngộ đạo, thành tựu quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Phật bèn thốt ra ba lần lành thay :

"Tất cả chúng sinh,
Đều có đủ trí huệ đức tướng của Như Lai
Nhưng vì vọng tưởng chấp trước
Nên không thể khai ngộ".

Tại sao chúng ta, chúng sinh, có trí huệ đức tướng của Như Lai ? Vì chúng ta vốn đầy đủ Phật tánh, đều có thể thành Phật. Chúng ta chúng sinh đều là phân linh của Phật, mà hoá hiện ra. Tại sao Phật phải hoá hiện ra ? Vì muốn có việc làm. Nếu chẳng có chúng sinh để độ, thì chẳng phải là Phật thất nghiệp chăng ? Vì quan hệ như vậy, cho nên Phật muốn hoá độ chúng sinh. Song, chúng sinh độ chẳng hết. Độ hết chúng sinh này, thì chúng sinh nọ lại hoá hiện ra. Độ xong chúng sinh nọ, thì chúng sinh khác lại

hiện ra. Hoá hoá không ngừng, độ độ vô cùng. Độ chúng sinh, hoá chúng sinh, vĩnh viễn đều có chúng sinh.

Bốn tánh của chúng ta chúng sinh, đầy đủ Phật tánh. Tại sao đầy đủ Phật tánh ? Vì từ Phật hoá hiện ra, cho nên mới nói : "Tất cả chúng sinh, đều có trí huệ đức tướng của Như Lai". Song, tại sao hiện tại chúng ta chẳng có trí huệ và đức tướng của Như Lai ? Vì có vọng tưởng và chấp trước, lại vì có vô minh và tham dục, cho nên trí huệ và đức tướng của Như Lai chẳng hiện ra, nhưng cũng chẳng mất đi, vẫn tồn tại ở trong tự tánh. Khi nào tham sân si thanh tịnh, thì lúc đó đại quang minh tạng sẽ hiện tiền, tức cũng là thành Phật.

**Trong vô lượng ức số cõi nước
Đều thị hiện thân vào Niết Bàn
Thật không xả nguyện quy tịch diệt
Đầy bậc hùng luận hành đạo này.**

Bồ Tát ở trong vô lượng bất khả thuyết cõi nước, thị hiện nhập thai, trụ thai, sinh ra, xuất gia, hàng ma, chứng đạo, chuyên bán xe pháp, vào Niết Bàn, cảnh giới tám tướng thành đạo. Bồ Tát chẳng quên nguyện đã phát ra thuở xưa, là giáo hoá chúng sinh, độ thoát chúng sinh. Chúng sinh độ chưa hết, thì Ngài không thể tự mình trước vào cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Đây là Bồ Tát đại anh hùng đại nghị luận, Ngài tu hành pháp môn này.

**Kiên cố vi mật một diệu thân
Bình đẳng với Phật không khác biệt**

Tuỳ các chúng sinh đều thấy khác Bậc nhất thật thân hành đạo này.

Thân của Bồ Tát là thân kim cang kiên cố chẳng hoại, là vi mật một diệu sắc thân. Thân này bình đẳng với Phật, chẳng có gì khác biệt. Phật là vô tướng, Bồ Tát cũng là vô tướng. Tức nhiên vô tướng, vậy tại sao lại hiện ra có tướng ? Vì do nghiệp hoặc của chúng sinh mà thị hiện, do nhân duyên của chúng sinh mà thị hiện. Phật vốn là vắng lặng, không hình không tướng. Như chúng sinh có duyên với Phật, thì Phật hiện ra thân trang nghiêm tướng tốt, tức cũng là ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp. Tuỳ theo nhân duyên của chúng sinh, mà thấy Phật đều khác nhau. Đây là Bồ Tát nhất thật thân, Ngài tu hành pháp môn này.

Pháp giới bình đẳng không khác biệt Đầy đủ vô lượng vô biên nghĩa Ưa quán một tướng tâm chẳng động Bậc trí ba đời hành đạo này.

Pháp giới là bình đẳng, chẳng có phân biệt. Đây đủ vô lượng vô biên nghĩa lý. Bồ Tát ưa thích quán sát lý thể của một tướng (thật tướng), mà tâm chẳng lay động, thường trụ ở trong thật tướng. Đây là Bồ Tát tu trí huệ chư Phật ba đời, Ngài tu hành pháp môn này.

Nơi các chúng sinh và Phật pháp Kiến lập gia trì đều rất ráo Hết thấy lực trì đồng với Phật

Bậc tối thượng trì hành đạo này.

Bồ Tát đối với tất cả chúng sinh và tất cả Phật pháp, hay kiến lập Phật pháp, gia trì chúng sinh, đều đến được nơi rốt ráo. Hết thấy lực trì và Phật lực đều đồng nhau. Đây là Bồ Tát tu tối thượng thọ trì Phật pháp, Ngài tu hành pháp môn này.

Thần túc vô ngại giống như Phật Thiên nhãn vô ngại thanh tịnh nhất Căn tai vô ngại khéo lắng nghe Bậc vô ngại ý hành đạo này.

Bồ Tát có thể đi ở trong hư không, toại tâm như ý. Bất cứ đi đến đâu, cũng chẳng bị thời gian và không gian hạn chế. Tại sao được như vậy ? Vì Bồ Tát có thần túc thông, cho nên chẳng chướng ngại, Ngài với Phật cũng giống tình hình như vậy, đến đi vô ngại. Thiên nhãn thông của Bồ Tát cũng vô ngại, nhìn thấy được tất cả cảnh giới ở trên trời, rất rõ ràng, thanh tịnh nhất. Thiên nhĩ thông của Bồ Tát cũng vô ngại, khéo lắng nghe được tất cả âm thanh trên trời. Bồ Tát chẳng những tai nghe được âm thanh, mà năm căn kia cũng nghe được âm thanh, đây là hiện tượng dụng với nhau của sáu căn. Đây là Bồ Tát vô ngại ý, Ngài tu hành pháp môn này.

Hết thấy thần thông đều đầy đủ Tuỳ theo trí huệ đều thành tựu Khéo biết tất cả chẳng ai bằng

Đây bậc hiền trí hành đạo này.

Hết thầy thân thông của Bồ Tát, đều tu thành công mà đầy đủ. Tuỳ theo trí huệ để tu thân thông, hoàn toàn có sự thành tựu. Khéo biết tất cả tâm chúng sinh, chẳng có ai bằng được Ngài. Đây là Bồ Tát hiền mà có trí huệ, Ngài tu hành pháp môn này.

Tâm Ngài chánh định chẳng giao động Trí huệ rộng lớn không bờ mé Hết thầy cảnh giới đều thông đạt Bậc thấy tất cả hành đạo này.

Tâm của Bồ Tát thường ở trong định, bất cứ gặp cảnh giới gì đến, tâm của Ngài cũng chẳng giao động. Do đó : "Nhu như chẳng động, rõ ràng sáng suốt". Trí huệ của Bồ Tát rộng lớn chẳng có bờ mé. Đối với hết thầy cảnh giới đều thông đạt thấu rõ, chẳng có chướng ngại. Đây là Bồ Tát thấy được tất cả, Ngài tu hành pháp môn này.

Đã được các công đức bờ kia Hay theo thứ lớp độ chúng sinh Tâm đó tất kính không nhàm đủ Bậc thường tinh tấn hành đạo này.

Bồ Tát đã đạt đến tất cả công đức bờ kia, hay tuỳ theo thứ lớp để độ chúng sinh. Tâm Bồ Tát độ chúng sinh, bất luận đến lúc nào cũng chẳng cảm thấy nhàm mỏi. Tóm lại, chúng sinh độ chưa hết, Ngài quyết không nghỉ ngơi. Giống như đại nguyện của Bồ Tát Địa Tạng đã phát :

"Chúng sinh độ hết, mới chúng bồ đề.

Địa ngục chưa trống, thề không thành Phật".

Đây là Bồ Tát thường tinh tấn, Ngài tu hành pháp môn này.

**Ba đời hết thấy các Phật pháp
Nơi đây tất cả đều thấy biết
Từ nơi chủng tánh Phật sinh ra
Đây các Phật tử hành đạo này.**

Ba đời hết thấy tất cả pháp của chư Phật, Bồ Tát có thể ở trong một niệm, thấy được tất cả các Phật pháp. Làm sao thấy được ? Vì từ trong chủng tánh của Phật sinh ra. Đây là Bồ Tát chân đệ tử của chư Phật, Ngài tu hành pháp môn này.

**Tuỳ thuận lời lẽ đã thành tựu
Đàm luận sai trái khéo thôi phục
Thường hay hướng về Phật bồ đề
Bậc vô biên huệ hành đạo này.**

Bồ Tát tuỳ thuận tâm chúng sinh, mà chẳng trái với ý chúng sinh. Bồ Tát dùng bốn pháp nhiếp để giáo hoá chúng sinh, do đó :

"Muốn khiến vào Phật trí
Trước dùng câu dục móc".

Cho nên Bồ Tát thường dùng ái ngữ, khiến cho tâm chúng sinh hoan hỷ, sau đó mới vì họ nói pháp, như vậy sẽ

thu được hiệu quả việc ít công nhiều. Bồ Tát minh bạch diệu dụng của pháp môn phương tiện khéo léo, hay khiến cho chúng sinh bỏ mê về với giác ngộ, cải tà quy chánh, trở về nguồn cội. Tuỳ thuận lời lẽ đã thành tựu, đàm luận sai trái đều thối phục được? Phàm là nói những lời lẽ không thuận lý, tức là trái với chân lý, tức cũng là trái với ngôn luận. Bồ Tát khéo thối phục biện luận của ngoại đạo, khiến cho chúng sinh chánh tri chánh kiến, hướng về bồ đề đại đạo của Phật. Đây là Bồ Tát tu vô biên trí huệ, Ngài tu hành pháp môn này.

**Một quang chiếu xúc không bờ hạn
Mười phương cõi nước đều đầy đặn
Khắp khiến thế gian được quang minh
Đây bậc phá tối hành đạo này.**

Một quang minh của Bồ Tát, có thể chiếu xúc không bờ mé, không có hạn lượng, mà đầy khắp mười phương các cõi nước chư Phật. Khắp khiến cho chúng sinh thế gian, đều đắc được đại quang minh, phá tan ngu si đen tối, sinh ra trí huệ Bát Nhã. Đây là Bồ Tát phá được đen tối, Ngài tu hành pháp môn này.

**Tuỳ họ đáng thấy đáng cúng dường
Vì hiện thân Như Lai thanh tịnh
Giáo hoá chúng sinh trăm ngàn ức
Trang nghiêm cõi Phật cũng như vậy.**

Bồ Tát tuỳ thuận họ đáng thấy, mà đáng cúng dường chư Phật. Vì cầu tương lai hiện thân thanh tịnh của Phật, vì

tương lai giáo hoá trăm ngàn ức chúng sinh. Vì tương lai trang nghiêm cõi nước chư Phật, cũng như giáo hoá nhiều chúng sinh, cũng có trăm ngàn ức cõi Phật.

Bốn mươi ba bài kệ ở trên, là khen ngợi hạnh thứ mười (hạnh chân thật) pháp môn tu hành của Bồ Tát.

**Vì khiến chúng sinh xuất thế gian
Tất cả diệu hạnh đều tu tập
Hạnh này rộng lớn không bờ mé
Thế nào mà có người biết được!**

Bồ Tát hay khiến cho tất cả chúng sinh xuất thế gian, đều thành Phật. Bồ Tát tu tập sáu độ vạn hạnh, tất cả diệu hạnh. Bồ Tát tu diệu hạnh này rộng lớn chẳng có bờ mé. Ai có thể thấu được Bồ Tát tu hành hạnh môn có bờ mé ?

**Giả sử phân thân bất khả thuyết
Đồng với pháp giới và hư không
Đều cùng khen ngợi công đức kia
Trăm ngàn vạn kiếp không hết được.**

Giả sử Bồ Tát phân thân nhiều không thể nói, đồng với pháp giới và hư không giới. Có chư Phật nhiều bất khả thuyết, có chúng sinh nhiều bất khả thuyết, đều đến cùng nhau khen ngợi công đức của Bồ Tát. Trải qua trăm ngàn vạn kiếp thời gian lâu dài, cũng khen ngợi không hết được. Do đó có thể biết, công đức của Bồ Tát nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết.

Công đức Bồ Tát không bờ mé

**Tất cả tu hành đều đầy đủ
Giả sử vô lượng vô biên Phật
Nơi vô lượng kiếp nói chẳng hết.**

Bồ Tát tu hành Thập Hạnh, hết thấy công đức của Ngài là vô lượng vô biên. Tu hành sáu độ vạn hạnh đều đầy đủ viên mãn. Giả sử có vô lượng vô biên chư Phật, ở trong vô lượng vô biên kiếp, cũng nói không hết được công đức của Bồ Tát.

**Hà hống thế gian trời và người
Tất cả Thanh Văn và Duyên Giác
Ở trong vô lượng vô biên kiếp
Khen ngợi tán thán được rất ráo !**

Công đức của Bồ Tát, chư Phật cũng nói không hết, hà hống là người trên trời và người ở nhân gian, càng chẳng có biện pháp nói hết được. Dù tất cả bậc Thanh Văn và tất cả bậc Duyên Giác, ở trong vô lượng đại kiếp, khen ngợi tán thán công đức của Bồ Tát, cũng không thể nói rất ráo được, cũng khen ngợi không hết được.

Bốn bài kệ ở trên là kệ kết thúc hoan hỉ sâu rộng.



Hồi hướng công đức

Trong các sự bố thí, thì bố thí pháp là cao thượng nhất. Vì ấn tông Kinh diễn bố thí cho mọi người đọc, khiến cho họ hiểu rõ những lời đức Phật dạy, phát tâm tu học, thực hành hạnh Bồ Tát, tự lợi lợi tha, tự độ độ tha, tích tụ căn lành công đức, hồi hướng về quả Vô thượng bồ đề, cuối cùng sẽ chứng ngộ quả vị Phật. Nhờ giáo lý Pháp bảo mà chúng ta tin, hiểu, thực hành, và chứng ngộ.

Xin hồi hướng công đức pháp thí cao thượng này, đến các bậc Thầy Tổ, và toàn thể tất cả Phật tử đã phát tâm hùn phước ấn tông, hữu danh hoặc vô danh, và thân bằng quyến thuộc của tất cả quý vị còn sống hoặc đã quá vãng, cùng pháp giới chúng sinh, thầy đều được lợi lạc, căn lành tăng trưởng, tâm bồ đề kiên cố, luôn luôn an trụ ở trong chánh pháp, tu hành chánh pháp, rốt ráo được thoát khỏi sinh tử luân hồi, đến được bờ giác ngộ bên kia.





NAM MÔ HỘ PHÁP VI ĐÀ TÔN THIÊN BỒ TÁT

KỆ HÔI HƯƠNG CÔNG ĐỨC

Nguyện đem công đức này
Trang Nghiêm cõi Phật tịnh
Trên đền bốn ân nặng
Dưới cứu ba đường khổ
Nếu có ai thấy nghe
Liên phát tâm bồ đề
Khi bỏ báo thân này
Sinh về cõi Cực Lạc.

Những Kinh sách do Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải, cùng một dịch giả đã in ra:

- Nhân sinh yếu nghĩa.
- Chú đại bi giảng giải.
- Chú lãng nghiêm giảng giải tập 1.
- Chú lãng nghiêm giảng giải tập 2.
- Chú lãng nghiêm giảng giải tập 3.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 1.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 2.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 3.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 4.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 5 (trọn bộ).
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 1.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 2.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 3.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 4.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 5.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 6.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 7.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 8.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 9.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 10.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 11.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 12.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 13.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 14.

Quý vị nào muốn thỉnh, xin liên lạc về Chùa Kim Quang.

- Sắp tới đây sẽ tiếp tục lần lượt in ra những tập kế tiếp Kinh Hoa Nghiêm giảng giải.



Tất cả pháp không sinh
Cũng lại không có diệt
Nếu hiểu được như vậy
Người đó thấy Như Lai.